Nº 117 Mai 1927

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

BÀN GÓP VỀ CHÍNH-TRỊ PHÁP-VIỆT (1)

Mới rồi tôi đọc báo *Nam-Phong*, thấy có lược-thuật một bài của ông FONTAINE bàn về chính-trị Đông-Pháp mà bày tỏ ra một cái chương-trình chính-trị mới.

Ông thuật-giả P. Q. nói ta đã biết người Pháp định xử-trí với chúng ta như thế, về phần ta phải nên đối-phó lại ra làm sao?

Cứ như trong báo nói, thì ông FONTAINE là một nhà tư-bản, không có trách-nhiệm gì về việc chính-trị, thế mà xem kỹ các lời nghị-luận của ông, nói về chính-sách của người Pháp từ khi mới sang chiếm-lĩnh đất này đến giờ; nói về tình-thế hiện nay thay đổi thế nào; nói về cách nên sửa đổi lại cái phương-châm chính-trị thế nào cho hợp với thời-cơ, thực là một người am-hiểu tình-thế mà bày tỏ một cách bổ-cứu rất là thích-đáng với trình-độ quốc-dân ở trong xứ này.

Tôi là một người cục-ngoại, quanh năm chỉ chăm về việc làm ăn, được lúc nào rỗi, lại đem sách nho cũ mà ngâm-nga một vài câu cho tiêu-khiển thì giờ, còn có ý nghĩ gì đến việc chính-trị thế nào! Nay nhân nằm buồn đọc báo, đến câu phải đặt lại khoa-cử, phải khôi-phục lại cổ-học của nước Nam, ngồi nhỏm dậy mừng thầm rằng có khi nhà nho hủ lại có ngày trúng-dụng! Rồi đem quyển báo đọc đi đọc lại, nghĩ xa nghĩ gần, nghĩ mình là dân nước Việt, mà thuộc quyền bảo hộ nước Pháp, thế thì việc chỉnh-đốn chính-trị Pháp-Việt rất có quan-hệ mật-thiết với mình, nên cũng bắt-chước ông FONTAINE, nhân các lời nghị-luận của ông mà bày tỏ ý-kiến riêng của mình, cũng đánh bạo gửi đăng báo để chất-chính với các bậc đồng-chí.

* * *

Nói qua về chính-trị cũ nước Nam.— Nước Nam ta lập-quốc đã hơn bốn nghìn năm nay, có chính-trị, có văn-hóa, cũng không phải là một nước còn ở thời-kỳ dã-man. Chính-trị thời theo quân-chủ chuyên-chế, ở trên có vua, thống-trị cả toàn-quốc, ở dưới có các quan, giúp vua mà cai-trị dân, còn dân thời chỉ nhất-vị phục-tòng cái mệnh-lệnh của vua, không hề có tư-tưởng gì về đường chính-trị. Cứ xem trong lịch-sử, khi nào trên có vua hiền, dưới có các quan tốt thì việc chính-trị trong nước rất là có trật-tự, có thể-thống, việc trong một nước cũng như trong một nhà, nếu trên có cha hiền, dưới có con hiếu, mà kẻ tử-đệ đều phục-tòng, thì trong nhà ấy tất được thái-bình, vô-sự.

Nếu cái thời-đại bế-quan tỏa-cảng mà vẫn giữ được vững bền mãi, hay là

(1) Bản-chí tiếp được mấy bài bàn về bài « Chính-trị Pháp-Việt » của ông FONTAINE đã lược-thuật trong số 114. Kỳ trước đã đăng một bài của ông « Việt-dân », kỳ này lại đăng một bài nữa của ông « Nhà nho » để rộng đường nghị-luận. Ý-kiến trong các bài này là ý-kiến riêng của tác-giả, bản-chí không giữ trách-nhiệm. N.-P.

t

nếu cái thời-đại giao-thông đã đến, mà nước ta biết tùy-thời thông-biến ngay, thì nước Việt-Nam đứng vào một cái địa-vị ở trong Á-Đông cũng có thể vững-vàng được.

Nói về chính-trị từ khi có nước Đại-Pháp bảo-hộ. — Cũng vì tiền-nhân ta thiếu chút nhân-thời biến-thông, nên mới gây nên cuộc bảo-hộ, mà nước bảo-hộ ta là nước Đại-Pháp, lại là một nước xướng-minh chủ-nghĩa tự-do bình-đẳng trước các nước phương Tây.

Cứ theo như hòa-ước ngày *6 Juin 1884* thì nước Pháp bảo-hộ nước Nam, chỉ trông nom cho việc trị-an trong nước, và việc ngoại-giao đối với các nước ngoài. Còn các việc nội-chính thì vẫn để như cũ, chỉ trừ ra binh-chính tài-chính thì nước Pháp đứng vào địa-vị kiểm-soát hộ cho mà thôi.

Giá phỏng nước Pháp cứ theo hòa-ước này mà thi-hành, trật-tự trong nước cứ để như cũ, mà đem những văn-hóa Âu-tây bồi-bổ thêm vào, như là mở-mang việc học-chính, việc y-tế, việc công-chính và việc kinh-tế, v. v., dân-trí đã khai-thông, sự sinh-hoạt cũng được vững-chãi, mà cái nền-nếp cũ vẫn không biến-cải đi chút nào, chắc rằng nước Nam ta từ vua đến quan, từ quan đến dân, sẽ vui-vẻ mà phục-tòng nước Pháp, không khi nào đến nỗi xảy ra những sự bạo-động nữa.

Việc thay đổi chính-trị một nước, ví cũng như chữa một người bệnh-nhân, tuy người bệnh-nhân yếu đuối đến đâu mặc lòng, nhưng cũng có phủ-tạng, cũng có cơ-thể, muốn cho người bệnh được khỏe, thì chỉ nên bồi-bổ khí-huyết cho sung-túc để hồi-phục lấy sức mạnh là đủ, chứ nếu muốn thay cả phủ-tạng cơ-thể, thì không những là vô-ích mà đến nỗi làm hại cả tính-mệnh người ta nữa.

Thử xem từ khi nước Pháp bảo-hộ đến nay, cái chính-sách thi-hành có theo đúng như hòa-ước không ? mà dân nước Nam đối với nhà-nước Bảo-hộ có cái cảm-tình gì không ?

Nước Pháp là một nước dân-chủ mà ba chủ-nghĩa tự-do, bình-đẳng, đồng-bào, tràn khắp cả trong nước. Các quí-quan sang bên này, thấy chính-thể quân-chủ chuyên-chế, nào là quan-quyền quá trọng, nào là trật-tự thái-nghiêm, khác hẳn chính-thể bên quí-quốc, cho rằng không hợp lẽ công-bằng, muốn đem cái chính-thể cộng-hòa, để thay vào chính-thể chuyên-chế, nên những chế-độ cũ, không cứ cái hay cái dở, cũng đem hoán-cải dần đi, tưởng cũng mong cho nước Nam tiến-hóa dần mà thành ra một nước dân-chủ mới.

Trong khoảng hơn 40 năm nay, các quan Thủ-hiến sang cai-trị xứ này, ông nào cũng tuyên-bá một cái chính-sách mới, nào là mở-mang đường tiến-hóa, nào là khai-phóng cho quốc-dân, nghe ra ai cũng lấy làm vui lòng hởi dạ, nhưng xem ra cái kỳ-hạn các ông ở xứ này không được bao lâu, các ẩn-tình trong quốc-dân cũng chưa chắc đã nghiên-cứu cho rõ hết, mà lại vội trở về quí-quốc ngay, nên những lời hứa của các ông đã tỏ ra với quốc-dân mình, chưa hề đã thi-hành cho tới cái mục-đích được.

Không những thế, các quan thừa-hành ở dưới quyền quan Thủ-hiến, cách cai-trị trong một tỉnh một hạt, thường mỗi ông cứ làm theo ý riêng của mình. Cùng là dân trong một nước một xứ, mà thụ-trị lại không giống nhau, trách nào dân-tình không có ý oán-vọng.

Nói về tình-thế trong xã-hội biến đổi. — Dân An-Nam khi trước phục-tòng ở dưới quân-quyền, đến sau phục-tòng ở dưới quyền chính-phủ bảo-hộ, kể cũng không phải là một dân hiếu-động. Từ

khi nước Nhật-bản duy-tân mà chống lại được nước Nga, lại từ khi nước Tàu biến quân-chủ mà lập ra dân-quốc, những cái ảnh-hưởng ấy truyền sang đến bên này, thành ra người An-Nam cũng nhiễm cái tư-tưởng tự-do độc-lập. Xem trong gần 20 năm nay, lúc thì xảy ra việc đầu-độc, lúc thì xảy ra việc ném « bom », tựa hồ người Nam vẫn có ý cừu-thị với người Pháp. Đến ngày nay thì cái tư-tưởng ấy lại càng lan rộng thêm ra.

Thử xét trong xã-hội ngày nay, các bậc người tư-tưởng khác nhau thế nào?

Một là đám thượng-lưu trung-lưu có làm việc ăn lương với nhà nước. Đám này có nhiều người có học-vấn, có kiến-thức, giá-phỏng sinh ra đời trước, mà được vua chúa tin-dùng thì cũng có thể đem cái tài-học ra mà kiến-công lập-nghiệp được. Nay làm việc với nhà-nước Bảo-hộ, thì chỉ tự nghĩ là làm nghề để kiếm ăn cho qua lần mà thôi, dẫu có tài có học cũng không thi-thố được việc gì mà cũng không còn có chức-trách gì mật-thiết đến mình cả. Vì rằng tuy gọi là làm quan, gọi là làm việc, nhưng không có chức-trách gì, không có quyền-hạn gì, chỉ mong cho ông quí-quan làm đầu cho mình sai khiến cho được việc, có lòng yêu, thế là hết bản-phận rồi. Tôi thường trộm nghe thấy các bậc đại-viên nói chuyện với nhau, vẫn lấy cái sự không có trách-nhiệm quyền-hạn gì làm tự-sỉ. Bởi thế dù người tốt cũng lấy làm chán mà không tưởng đến làm sự gì hay nữa. Còn những bậc tầm-thường, thì lại sẵn lòng hoạn-đắc hoạn-thất, tìm đủ mọi cách hèn-mạt để ô-mị người trên, để bác-tước kẻ dưới, đến nỗi bị công-chúng thóa-mạ cũng chẳng lấy làm động-tâm. Bọn này cũng đều là cha có trí khôn, có tài-cán, nếu những bậc cầm quyền trên mà xét-nét cho kỹ-càng, thưởng-phạt cho công-minh, thì cũng có thể trở nên người hay được. Nhưng nào có thế đâu, đã cùng đứng vào các địa-vị không có quyền-hạn trách-nhiệm gì, thì ai cũng như ai cả, không có phân-biệt kẻ hay người dở gì nữa, mà kể đến cái quyền-lợi cá-nhân, thì bọn làm dở có lẽ lại được phần hơn những bọn làm hay.

Bởi thế quốc-dân đối với người làm quan làm việc với nhà-nước, hình như có một cái ác-cảm, mà chính người làm quan làm việc đối với nhà-nước, cũng không chắc đã có ân-nghĩa cố-kết gì.

Hai là đám thượng-lưu trung-lưu mà không làm việc ăn lương với nhà-nước.

Đám này cũng có nhiều người có học-vấn có kiến-thức, nhưng cái học-vấn kiến-thức, phần nhiều bởi ở cựu-học mà ra. Họ thấy cái trật-tự quân-chủ nay đã biến-cải, mà cái tư-tưởng quốc-dân ở các nước láng-giềng nghe đã quen tai, nên trong lòng sinh ra chán đời, mà chỉ ước-ao về đường phát hoại. Cái trình-độ quốc-dân tuy biết rằng hãy còn kém, cái thời-cơ tuy biết rằng chưa đến, nhưng đã rắp một cái tư-tưởng không hi-vọng, thì dẫu không được nói mà vẫn muốn nói, không nên làm mà vẫn muốn làm. Tựu-trung lại có một vài người vì sự bất-đắc-chí riêng của mình mà xướng-suất ra những ý-tưởng mới, ở trong nước thì kiếm chuyện mà công-kích lẫn nhau, cũng có khi lẩn ra nước ngoài mà tìm cách phiến-động; những lối cử-động hão-huyền như thế, kẻ thức-giả đều biết rằng không sao có kết-quả gì được; thế mà xem trong quốc-dân thì lấy làm-hâm-mộ, kẻ cho là chí-sĩ, kẻ tụng là thiên-dân. Xem cái khuynh-hướng của quốc-dân như thế, đủ biết cái cảm-tình đối với chính-phủ là thế nào vậy.

Nói về tư-tưởng của bọn thiếu-niên ngày nay.

Bọn này nhờ được nhà-nước mở-mang sự giáo-dục mà học-hành đã có hiểu biết, trí-thức đã có mở-mang. Lẽ ra đáng lấy làm cảm ơn mà yên vào một bề phục-tòng với nhà- nước là phải. Thế mà xem ra nhiều người hăng-hái quá, nóng-nẩy quá, chỉ mong nhẩy một bước mà đến ngay được một cái trình-độ tối-cao.

Đối với chính-phủ thì cho rằng chỉ thực-hành cái chủ-nghĩa xâm-lược mà không thực-hành sự khai-hóa cho ta, đối với bậc lão-thành trong nước thì cho là tư-tưởng hủ-bại mà không biết biến-thông, đối với đám quan-trường thì cho là căn-tính nô-lệ mà làm cái mọt ở trong xã-hội. Thành ra trên trời dưới đất chỉ có một bọn thiếu-niên là hiểu biết việc đời, sẵn lòng yêu nước mà thôi, ngoài ra là không cho ai biết gì cả.

Họ đã hiểu lầm như thế, nên họ cử-động cũng lầm, nào là rủ nhau biểu-tình, nào là đua nhau bãi-khóa, làm cho chính-phủ phải để ý trông coi, mà sự mở-mang đường giáo-dục cho ta, có lẽ cũng lấy làm chán. Than ôi! người phải có học mới hay, cũng như phải có ăn mới sống, nay nhân một vài điều hờn giận nhỏ-mọn mà bỏ học, khác nào nhân ăn vội phải nghẹn mà bỏ cả ăn, có lẽ rồi hại cả đến tính-mệnh nữa.

Nói về đám hạ-lưu xã-hội.

Đám này thuộc về phần nhiều ở trong xã-hội, nhưng trình-độ còn thuộc về ấu-trĩ, trí-thức cũng chưa khai-thông, khi trước ở dưới quyền quân-chủ, thì phục-tòng về quân-chủ, ngày nay ở dưới quyền bảo-hộ, thì phục-tòng về Chính-phủ bảo-hộ. Đám này chỉ lo sự cày quốc kiếm ăn, chứ chưa hề có tư-tưởng quốc-dân một chút nào cả. Nhưng cũng có một điều đáng lấy làm lạ, cứ so-sánh những cách sinh-hoạt, thì ngày nay trong dân được dễ chịu hơn ngày xưa nhiều, mà sở-dĩ được thế, cũng vì nhờ có nhà nước Bảo-hộ đem những văn-minh ở Âu-tây mà khoáng-trương ra cho xứ này, việc ấy ai cũng mắt được trông tai được nghe thấy cả. Lẽ ra thì đáng ghi ơn tụng đức lắm mới phải, nhưng mà cứ xét cho kỹ, thì cái lòng dân phục-tòng Chính-phủ Bảo-hộ, chỉ là sợ uy mà phục ngoài mặt đó mà thôi, chứ vị-tất đã tâm-duyệt thành-phục như khi còn thuộc quyền quân-chủ ngày trước.

*
* *

Cứ xét như thế, thì cái tình-thế ngày nay đã thay đổi đi khác trước. Nếu nước Đại-Pháp muốn cửu-an trường-trị ở xứ này, thì cái phương-châm chính-trị tất phải thay đổi cho thích-hợp với thời-thế.

Ta cũng nên tự nghĩ xem nhà-nước Bảo-hộ nên đối-phó với ta thế nào là thích-hợp?

Giả phỏng nhà-nước trả cho ta, để độc-lập tự-chủ, thì ta có thể đứng vững được chưa?

Đã là một nước độc-lập tự-chủ, để chống-chọi với các nước ngoài, thì tất phải có người có của, có học có hành, có lục-quân hải-quân, có phi-cơ thiết-giáp. Nước ta là một nước nghèo, tài-sản đã ít, mà đường kinh-tế vẫn còn hẹp-hòi, nhân-tài chưa có để đủ dùng mọi việc được. Vạn-nhất nhà-nước Đại-Pháp bỏ xứ này mà về, thì không bao lâu tất lại có một nước cường-quốc khác đến mà xâm-chiếm lấy xứ này. Chứ cứ như cái trình-độ quốc-dân ta hiện thời bây giờ, chưa có thể hi-vọng gì đến độc-lập tự-chủ được.

Giả phỏng nhà-nước kiêm-tính ta mà đổi chính-thể bảo-hộ làm chính-thể thuộc-địa, thì ta có thể đồng-hóa được chăng?

Nước ta là nước quân-chủ, mà nước Pháp là nước cộng-hòa, kể chế-độ lập-quốc đã không giống nhau, thế mà dân An-Nam với dân Đại-Pháp, tính-tình phong-tục, lại khác hẳn nhau, tưởng không khi nào có thể dung-hợp với nhau như một được.

Thế thì cái phương-châm chính-trị ngày nay, trừ ra một cách làm cho hai bên hợp-tác với nhau, tưởng không có cách gì thích-hợp hơn nữa.

Cứ như cái chính-kiến của ông FONTAINE đã bày tỏ ra, thì việc chính-trị ngày nay, tất phải tựa vào cái nền cũ trong xã-hội Việt-Nam mà chỉnh-đốn lại. Cái chính-kiến của ông FONTAINE, thực là am-hiểu tình-thế, mà bàn-bạc rất là xác-đáng vậy. Ta thử đem những lời ông FONTAINE đã nói mà suy xét xem nên thế nào.

Nói về quan-trường ông FONTAINE cho là cái xác không có hồn, nay muốn lợi-dụng quan-trường thì phải tìm cách làm cho quan-trường được tăng giá-trị, như là đặt lại khoa-cử, khôi-phục lại cổ-học, đặt lại chức quan cũ, v. v..

Tôi là người cục-ngoại, đọc đến câu quan-trường là cái xác không có hồn, lấy làm ngạc-nhiên, trông thấy các ngài đương-lộ bây giờ, nào là áo thụng xanh, nào là thẻ ngà trắng, nào là đối với quí-quan biết đường giao thiệp, nào là đối với quốc-dân, rạng vẻ cân-đai, thế mà cho là xác không có hồn, có lẽ các ngài cũng phải cãi lại. Nhưng xét ra thì trông bề ngoài tuy rằng có danh-vọng, có oai-nghiêm, mà kỳ-thực thì quyền-vị không có, trách-nhiệm không có, hỏi việc đê đã có ông Lục-lộ, hỏi việc học đã có ông đốc tây, hỏi việc hình đã có ông quan tòa, hỏi việc thuế đã có ông kho bạc, phàm các việc chính-trị đã có các quí-quan trông coi cả, thế thì ngoài cái nghĩa-vụ thừa-hành mệnh-lệnh, các quan lại không còn có việc gì khác nữa. Thực như lời ông FONTAINE nói, người hay thì không thiết làm gì, mà người dở thì lại thừa-cơ mà làm bậy. Như thế thì cho là cái xác vô-hồn, có lẽ cũng không oan.

Nay muốn làm cho cái xác ấy có hồn để quan-trường được tăng giá-trị, mà muốn đặt lại khoa-cử, phục lại cổ-học và đặt lại chức quan cũ, các việc ấy có lẽ không thi-hành được. Việc bỏ khoa-cử, đổi cổ-học, chính là hợp cái sở-nguyện của quốc-dân. Nay học-giới đã cải-lương rồi, không lẽ lại trở theo lối cổ được nữa.

Nếu nhà nước muốn dùng người học giỏi, thì chọn trong đám tân-học mà tùy tài thụ-dụng, có lẽ lại thích-hợp hơn.

Còn việc đặt lại chức quan cũ, tưởng cũng không phải là việc cần phải làm ngay. Cái giá-trị quan-trường không phải tại quan-chức quan-hàm, mà tại có quyền-vị có trách-nhiệm. Xem ra quan-trường ngày nay, thật là hỗn-tạp mà không còn có trật-tự gì nữa. Dư-luận đã không có, mà thưởng-phạt lại không phân-minh, thành ra chỉ có cá-nhân mà không có đoàn-thể. Nhà-nước muốn lợi-dụng quan-trường, thì trước hết phải chỉnh-đốn cho có trật-tự, để trong quan-trường có liên-lạc có thống-hệ, rồi giao-ủy quyền-vị cho, phó-thác trách-nhiệm cho, quan-trường đã có trật-tự, thì thưởng-phạt tất cũng công-minh, mà người dở cũng có thể thành ra người hay được.

Nói về Hương-thôn, ông FONTAINE cho là một cơ-quan chính-trị nhỏ mà rất có thế-lực, mà cái cơ-quan ấy, vì quí-quan chưa đã can-thiệp đến, nên cái chế-độ vẫn còn y-nguyên, nay nên làm cho cơ-quan có hoạt-động.

Ông FONTAINE suy xét nguyên-ủy chính-trị nước ta, kể cũng đã thấu-đáo, nhưng ông nói chế-độ xã-thôn ngày nay, vẫn còn y-nguyên như cũ, điều ấy có lẽ cũng khí sai.

Cách tổ-chức xã-thôn ta rất là có trật-tự, có thể-thống, người trong làng mà được có vị-thứ ở trong đình-sở, thì cũng lấy làm vinh-hiển, cũng như được một chức-vị ở trong nước, hương-đảng thực là một tiểu-triều-đình vậy. Khi xưa nhà-nước An-Nam vẫn lợi-dụng cái chế-độ các thôn-xã để dễ thi-hành chính-trị.

Tuy rằng kể phong-tục riêng thì mỗi nơi có khác nhau một đôi chút, nhưng đại-khái thì xã-thôn nào cũng chuyên-trọng có hai hạng người : một là hạng kỳ-mục ; hai là hạng lão-nhiêu, mà nhất là hạng kỳ-mục thì quyền-hành xếp đặt các công việc trong làng, đều ở bọn ấy cả. Còn bọn đàn em thì chỉ theo hiệu-lệnh của đàn anh mà thôi. Làng nào được bọn đàn anh có công-tâm để sửa-sang việc chính-trị trong làng, thì trên dưới rất có trật-tự, mà cả làng đều được yên vui.

Nhưng pháp-luật dẫu hay đến đâu mà thi-hành đã lâu, tất cũng có tệ. Trong một vài làng thường có kẻ hào-cường quen thói vũ-đoán hương-khúc, mà ức-chế kẻ hạ-dân. Các quí-quan khi mới đến cai-trị xứ này, trông thấy một vài nơi có cái tệ-tục ấy, tưởng rằng các xã-thôn An-Nam đều như thế cả, nên thường thi-hành cái chính-sách bênh-vực kẻ cùng-dân mà ức-chế kẻ hào-cường, ý cũng muốn cho kẻ cùng-dân đều được hưởng cái hạnh-phúc. Ngờ đâu muốn nắn cong mà lại quá chiều thẳng. Kẻ cùng-đinh được các quí-quan bênh-vực cho, lấy làm đắc-sách, thường hay phân bè việc đảng, để trị lại bọn đàn anh. Cứ xét đại-khái các xã-thôn ngày nay, thì cái trật-tự cái thể-thống ngày xưa, mười phần có lẽ đã biến đi mất đến bảy tám.

Xem trong xứ Bắc-kỳ ta, từ khi thi-hành nghị-định cải-lương, cứ theo như nghị-định thì thực là một cái thể-chế rất hay về việc hương-chính, nhưng chỉ vì trong xã-thôn đã có phân-đảng, bọn đàn em đã được cử ra làm tộc-biểu hoặc giáp-biểu trong hương-hội, thì bọn đàn anh phần nhiều chỉ đứng vào cái địa-vị bàng-quan. Bởi thế các công-việc cải-lương trong làng, không thể hợp-ý với nhau mà thi-hành được. Tựu-trung cũng được một phần ít các xã-thôn cải-lương đã có thành-hiệu, nhưng xét kỹ ra thì những làng ấy chỉ nhờ được một vài người kỳ-hào phần thì còn giữ được trật-tự cũ, phần thì nhân được trong làng có công-sản nhiều, theo ý chính-phủ mà mở-mang được các việc công ích trong làng, vị-tất đã phải vì tổ-chức hương-hội mới mà đã có cái kết-quả ấy.

Mới đây nghe nói quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã xét biết cái tình-tệ ấy, cho các xã-thôn đặt hội-đồng Kỳ-mục để trông nom các công việc hương-hội. Đó cũng là một cách cứu-tệ mà hợp với tình-thế xã-hội ngày nay vậy.

Nói về quân-chủ ông FONTAINE nói nay nên suy-tôn quân-quyền và phải hợp-nhất ba xứ Bắc-kỳ, Trung-kỳ, và Nam-kỳ để khôi-phục lại Việt-Nam đế-quốc cũ ; khiến cho nước Nam thành ra một nước xứng-đáng, bấy giờ phải cho nước Nam tự-trị, việc nội-chính thì lo liệu lấy, việc ngoại-giao thì hiệp với Đại-Pháp để đối-phó với liệt-cường trong cõi Á-Đông này.

Về việc suy-tôn quân-quyền, ông FONTAINE không nói rõ nên suy-tôn thế nào? Ta sẽ bàn xét ra sau này. Còn việc hợp cả tam-kỳ để lập lại làm Việt-Nam đế-quốc, việc đó tưởng cũng không thể thi-hành được. Vì xứ Nam-kỳ đã hơn 50 năm nay, thuộc quyền Đại-Pháp quản-trị, dân-sự thu-trị, theo chính-thể thuộc-địa, cùng một pháp-luật với người Đại-Pháp, tưởng cũng đã quen, nay không thể trở lại theo về chính-thể Bảo-hộ được,

Nói tóm lại thì cái tình-thế nước Nam ngày nay, phần thì về cái tư-tưởng khai-thông ở bên trong, phần thì về cái phong-trào kích-thích ở bên ngoài, mà đổi khác trước nhiều. Xét kỹ ra thì phần nhiều các bậc người trong xã-hội, cái cảm-tình đối với Chính-phủ bảo-hộ, hình như càng ngày lại càng lạnh-nhạt dần.

Xem trong thế-giới từ xưa đến nay các nước lớn đi chinh-phục các nước nhỏ, nếu không có ân-tín cố-kết, thì sự trị-an tất không được lâu dài

Tuy rằng cứ nói trình-độ ta ngày nay, kể sức thì yếu, kể của thì nghèo, kể kỹ-xảo thì chưa có, kể trí-thức thì còn non, có lẽ cũng chưa đủ tư-cách để đứng một mình được ; nhưng cũng là một nước cổ-quốc, đã có văn-hóa, thì cái hi-vọng tự-do độc-lập, tưởng cũng là một tình tự-nhiên.

Nay nếu Nhà-nước Đại-Pháp muốn duy-trì sự trị-an ở xứ này, thì cần nhất đối với quốc-dân ta có cảm-tình, mà muốn cho có cảm-tình, thì cần chất để cho quốc-dân ta được có trách-nhiệm về việc chính-trị trong nước.

Việc chính-trị ngày nay, tưởng nên chỉnh-đốn lại như sau này :

1o *Định quyền-hạn đấng quân-chủ.* —Hiện nay nhà vua không còn có chính-quyền gì nữa. Nếu muốn suy-tôn quân-quyền thì phải định rõ quyền-hạn.

Cứ xem các nước ở trong hoàn-cầu, thì chính-thể lập-quốc có ba thứ : một là chuyên-chế, hai là lập-hiến, ba là cộng-hòa. Chính-thể chuyên-chế, không hợp với trình-độ quốc-dân ta ngày nay nữa, mà chính-thể cộng-hòa thì ta cũng chưa thể hi-vọng được, vậy thì chính-thể lập-hiến, có lẽ thích-hợp với ta. Tưởng nên bắt-chước chế-độ của các nước lập-hiến mà đặt ra nghị-viện, lập ra tòa Nội-các mà có đấng-quân-thượng ở trên để tổng-lãm chính-quyền.

Vậy thì trừ ra xứ Nam-kỳ đã là thuộc-địa theo về chính-thể cộng-hòa rồi, còn Bắc-kỳ Trung-kỳ, nhà-nước Bảo-hộ đã chia việc chính-trị ra làm hai, nay nên mỗi xứ đặt ra Nghị-viện và tòa Nội-các, phàm các công việc nội-chính, đều do Nghị-viện bàn định, Nội-các thương-lượng để tâu với vua định-đoạt rồi chuẩn cho thi-hành. Nhà-nước bảo-hộ, chỉ trông những việc binh-chính tài-chính và việc ngoại-giao để đối-phó với các cường-quốc mà thôi, còn những việc nội-chính, chỉ nên đứng vào cái địa-vị giúp đỡ cho thi-hành, chứ không cần gì phải can-thiệp đến nữa.

Hiện nay ở Trung-kỳ, và Bắc-kỳ nhà nước đã lập ra Nghị-viện rồi, nay lại nói đến việc ấy, hình như nói thừa, nhưng không phải, tôi nói lập ra Nghị-viện là Nghị-viện có quyền-hạn như các nước lập-hiến, chứ không phải nói nghị-viện chỉ có hình-thức như ở nước ta bây giờ.

2o *Chỉnh-đốn lại quan-trường.*— Ở trên kia đã kể qua cái tệ-tục quan-trường phát-sinh ra cũng bởi không có trách-nhiệm quyền-hạn. Nay nếu nhà nước đã ủy các công việc nội-chính cho quốc-dân ta được tự làm lấy, thế thì quan-lại đã có trách-nhiệm rồi, có quyền-hạn rồi, không có lẽ suy-ủy được nữa. Nhưng về cách thăng-bổ các quan-lại, tưởng cũng cần phải chỉnh-đốn lại ngay.

Nước ta là một nước chuyên-trọng nghề làm quan. Nhà nào mới sinh con ra đều có hi-vọng sau sẽ được làm quan cả. Cái tục ấy tuy cũng làm ngăn-trở việc tiến-hóa về các phương-diện khác, nhưng xã-hội đã chuyên-trọng về việc ấy, thì người làm quan tất phải có tài-đức, có vị-vọng cho người ta

thiếp-phục, nhiên-hậu đối với quốc-dân mới có cảm-tình.

Khi xưa việc tuyển-bổ quan-lại thuộc về quyền Triều-đình, chưng đã lâu nay thì nhà-nước Bảo-hộ trông nom lấy cả các công việc ấy. Kể ra thì việc thuyên-chuyển, việc thăng-giáng đều có dụ-chỉ, có nghị-định rất là phân-minh. Tiếc vì người Pháp và người Nam tính-tình lễ-tục đều khác nhau nhiều, các quí-quan dẫu có thông-minh đến đâu, dẫu có lịch-duyệt ở xứ này lâu đến đâu, cũng không thể xét biết cho rõ hết cái hay cái dở của người Nam được. Bởi thế việc tuyển-bổ và thăng-giáng quan-lại, cũng nhiều khi trái với dư-luận của quốc-dân ta, mà dân đối với quan, có cái ác-cảm, cũng bởi tại lẽ ấy.

Nếu nhà-nước Bảo-hộ đã suy-tôn quyền vua, mà các xứ đã đều có đặt tòa Nội-các để giúp việc, Nhà-nước chỉ nên cẩn chọn kỹ các quan-chức sung vào tòa Nội-các mà thôi, còn các việc tuyển-bổ quan-lại, thì giao tòa Nội-các bàn xét rồi tâu đấng quân-thượng để phụng-chỉ thi-hành. Tòa Nội-các đã có người xứng-đáng, mà phải chịu trách-nhiệm về việc tuyển-cử, thì tất phải hết lòng công-bằng mà không dám thiên-luận. Như thế thì việc thăng-bổ và việc trừng-phạt, có lẽ được công-minh, mà cái tệ tham-quan ô-lại, cũng có thể bớt dần đi được.

Tôi nói đây có lẽ độc-giả cho là vu-khoát, chứ khi nào nhà-nước Bảo-hộ giao trả quyền xếp đặt quan-lại cho người mình được!

Nhưng xem ra cái tệ-tục trong quan-trường đến ngày nay đã cùng-cực rồi. Nay nếu nhà-nước muốn cho người nước ta tự coi lấy các việc nội-chính, muốn lợi-dụng quan-trường để làm cho trọn cái chức-vụ đối với hai chính-phủ, thì việc chỉnh-đốn quan-trường, giao-phó cho người bản-xứ, tưởng cũng chả có sự ngăn-trở gì.

3o *Cho người An-Nam được dự biết các công việc của nhà-nước làm*

Xem các nước văn-minh, phàm các việc chính-trị trong nước, hay việc ngoại-giao đối-phó với nước ngoài, quốc-dân đều được dự bàn cả. Bởi thế chính-phủ với quốc dân, tin cậy lẫn nhau mà không có ý nghi-kỵ.

Nước ta từ khi thuộc quyền bảo-hộ, những việc chính-trị quan-hệ ở trong nước, quốc-dân đều không dự biết. Cũng vì lẽ ấy, mà lòng người trong nước đối với chính-phủ vẫn có ý nghi-kỵ nhau. Thậm-chí những người không hiểu rõ cái chính-sách thực-dân, vẫn tưởng lầm rằng: nhà-nước mỗi năm thu các thứ thuế chính-ngạch và thuế ngoại-ngạch tất để lại một phần nhiều để đem về nộp vào kho-tàng ở bên Đại-Pháp, chứ có biết đâu rằng sổ chi-thu ở Đông-Pháp này, thường vẫn tùng-tiệm mà không đủ dùng.

Nay đến nhà-nước muốn cho quốc-dân ta được tin cậy lâu dài, mà cùng với chính-phủ Đại-Pháp cùng lo liệu các công việc để bảo-thủ trị-an và khuếch-trương quyền-lợi ở xứ này, thì các việc chính-trị, nên cùng với người nước ta cùng bàn định, mà cho ta được hiểu rõ cái chính-sách đối-đãi với ta thế nào; nếu như thế thì chắc rằng hai bên không còn có điều gì nghi-kỵ nhau, mà không khi nào còn xảy ra sự gì khác nữa.

NHÀ NHO

ĐẠO LÀM NGƯỜI (1)

IV

Nói về xã-hội

Cứ tuần-tự mà xét về đời người, thì sau khi nói về gia-đình phải nói đến xã-hội. Nay nói đến xã-hội, tôi cũng hơi có ý ngần-ngại. Tôi tự nghĩ trong bụng rằng : Nói đến xã-hội không thể không nói đến chính-trị, mà chuyện chính-trị là những chuyện tranh-giành, phản-trắc, ganh-ghen, lừa-dảo lẫn nhau, thói chính-trị nhiễm đến ai thì làm cho hư thân mất nết, tai-hại nguy-hiểm cho người ta, thế mà mình xưa nay chỉ biết ham những điều nghĩa-lý, những chuyện đạo-đức, nói chuyện chính-trị, nói chuyện xã-hội, phỏng có thích-hợp không và phỏng có thú-vị gì. Bàn chuyện chính-trị ngày nay là ra nơi sân khấu mà diễn-thuyết cho công-chúng nghe. Công-chúng tất cho mình cũng là một phường với bọn nguy-biện kia chỉ biết lấy lời nói khéo dùng cái thuật mị-chúng để cho được quyền-thế lợi-lộc mà thôi ; còn như chính bọn nguy-biện thì họ sợ mình ra đua tranh với họ, tất họ xui giục công-chúng cho chẳng làm tai nghe đến những lời mình. Như vậy thì bàn đến việc chính-trị, là để mình vào chỗ khó-khăn nguy-hiểm. Xét lịch-sử các dân-tộc, xem việc trước mà nghiệm việc sau, thấy lầm-lỗi thế nào thì tai-hại thế nào, việc đó vẫn là dễ ; chứ muốn hướng-đạo cho các dân-tộc vào con đường tương-lai sau này, chỉ đường cho đi mà không có thể kinh-nghiệm cho biết sẽ đi đến đâu, kết-quả thế nào, việc đó mới thật là khó vậy.

Tôi nghĩ đi như thế, tôi lại nghĩ lại thế này : — Ở đời mà cẩn-thận quá cũng là con người khiếp-nhược. Làm người thấy việc nghĩa-vụ, phải nên quả-quyết mà làm. Chính-trị là một khoa-học rất cao-thượng, rất thuần-túy, nhưng phải chuyên-tâm khảo xét về nghĩa-lý, về tôn-chỉ, chứ đừng nên can-thiệp đến những việc tranh-cạnh của các đảng-phái. Còn bọn chính-khách thì ai có ra tranh quyền cướp lợi của họ, họ mới phản-đối, chứ như mình có cái chí ấy đâu mà sợ xung-đột với người ta. Vả trong bọn chính-khách không phải là không có nhiều người lương-thiện, chỉ vì không có đủ nghị-lực chống lại, nên mới bị bọn kiêu-hãnh họ sai khiến. Những người lương-thiện ấy biết mình thành-tâm bàn xét lẽ phải, thì tất người ta đem lòng yêu-mến mình mới phải. Còn kẻ bậy-bạ thì họ bình-phẩm thế nào nữa, cũng chẳng hề chi. — Đứng cao mà nghị-luận về triết-lý vẫn thú hơn là can-thiệp vào việc chính-trị, ra đối-dãi với kẻ khác mà cãi-cọ về những sự cải-cách trong chế-độ cùng trong pháp-luật. Nghiệm việc đời xưa vẫn dễ hơn là định việc đời nay, hay là đoán việc sau này. Lại giải-thích các luật cũ vẫn dễ hơn là sắp đặt ra luật mới cho thích-hợp với đời nay. — Song nghiên-cứu cách sinh-hoạt của người đương-thời, cố xét cho ra manh-mối để tìm phương định kế, mưu-tính sự hạnh-phúc cho loài người về sau này, há chẳng phải là một việc có hứng-thú và có lợi-ích vô-cùng dư? Nhà

(1) Xem N. P. số 109, 111, 113.

sử-học xét việc đời trước để nghiệm việc đời nay, cũng là có ích thật, nhưng thời-thế đã khác, có nhiều điều xưa làm được mà nay không làm được, vậy thì phải nghĩ ra cách mới khác, chứ không có thể cứ trông gương cũ mà làm được; hoặc cũng có điều lẽ phải dẫu đời xưa đời nay cũng là thi-hành được, song cũng phải phân-biệt mà kén-chọn, lại phải châm-chước cho thích-hợp với việc đời nay. Như vậy thì dẫu lấy lịch-sử làm thầy học, cũng vẫn có một phần mới-mẻ phải tự mình phát-minh sáng-nghĩ ra. — Ta phải nên biết công cho các nhà khảo-cổ, xét cái di-tích đời nay mà khôi-phục được cảnh-tượng các văn-minh cổ lúc thịnh-thời. Khảo-cứu như thế mà khám-phá ra được cái lẽ thịnh suy của các dân các nước, thì cũng là cái bài học của đời trước để lại cho ta; nhưng có người khảo-cứu, lại phải có người kén-chọn, xét trong việc đời trước việc nào là còn có thể ích-lợi cho đời, việc nào là việc mới xuất-hiện ra bây giờ, cần phải tìm phương-kế khác để giải-quyết, tức là có người chuyên khảo về cổ-tích, lại phải có người gia công xây dựng cho cái nền văn-minh mới để làm cơ-sở cho Xã-hội sau này, tức cũng như nhà luật-học, bình-phẩm giải-thích các luật cũ, vẫn là có ích đã đành, nhưng nếu không có người khác nhận sự khuyết-điểm của luật cũ mà nghĩ đặt ra luật mới hay hơn, thì cái công khảo-cứu của nhà luật-học cũng là vô-ích vậy.

Vậy thì ở đời cũng phải mưu việc tương-lai, dẫu khó-khăn nguy-hiểm cũng không được từ.

Vẫn biết rằng bàn việc xã-hội, dẫu cẩn-thận đến đâu cũng không khỏi có điều sai lầm. Chắc thế nào cũng có người bài-bác. Ta nên nghe những lời bài-bác ấy, để mà sửa lại sự lầm-lỗi của ta, nhưng cũng đừng thấy người bẻ bác mà ta nản chí nhụt lòng. Vì trong những lời ta bàn đây, ví được một điều có ích, thì lời bàn của ta cũng không phải là câu chuyện hư-không mà ta phải nên ngại gì. Vẫn biết rằng ta nói đây không thể nói cho khắp được, nhưng mà ta có tự-phụ rằng một mình ta có tài định được phương-châm cho đời sau đâu. Sức ta làm được đến đâu, hẵng cứ làm đến đấy, nếu làm phải đường, sau tất có người kế-tiếp. Xưa quân vua La-mã đi đến đâu hay mở đường đến đấy, công mở đường ấy là công chung cả quân-đội, không phải của riêng của người nào. Nếu đã có cái chí muốn mở ra một con đường mới tốt hơn đường cũ cho người sau này, thì bắt đầu hãy cứ phác-định cái phương-hướng đi đã, chặt chông gai để cho rõ đường lối. Rồi đến sau sẽ sửa lại cho ngay thẳng, xan đất cho được bằng, rồi lại người đến sau nữa mới đổ đá lát gạch và cắm mốc bên đường.

Nói về cái sức bành-trướng của loài người

Khảo về lịch-sử của loài người và khảo về khoa-học các giống vật sinh-trưởng trên mặt địa-cầu từ trước khi có loài người, có thể biết được phép sinh-tồn phát-đạt của giống người thế nào không, và có thể suy đó biết được cái đường lối tiến-hóa về sau này không?

Xem ra thì loài người ta có cũng đã lâu, kinh-lịch đã nhiều, tưởng có thể xét việc trước mà biết được đại-khái cái đường lối tiến-hóa của giống người thế nào, hòa-hợp với cuộc tiến-hóa chung trong vũ-trụ ra làm sao, và suy đó cũng đoán được tương-lai thế nào. Cứ sự phát-minh của khoa-học thì người ta chẳng qua là một kẻ lữ-khách ở trên mặt địa-cầu. Trong các giống sinh-vật thì giống người là xuất-hiện ra sau cùng cả, về đời vỏ địa-cầu đã

dòng-đặc lại, có đủ cách cho sinh-tồn được; nhưng giống người rồi có ngày phải tiêu-diệt, hoặc nhân vì cái thiên-tai gì trong vũ-trụ, hoặc cho lâu lắm nữa thì đến ngày địa-cầu nguội lạnh đi, không đủ cách cho người ta sinh-tồn nữa.

Xem thế thì giống người không phải là giống vĩnh-viễn chi, cái thời-gian của loài người sánh với vũ-trụ thật là ngắn-ngủi lắm. Nếu người ta từ khi sinh ra đến giờ cứ tuần-tự mà sinh sản mãi ra, thì chắc là chẳng bao lâu mặt địa-cầu này đến đông chật hết cả. Người sinh ra nhiều như kiến cỏ, như châu-chấu, sẽ lan khắp hết mọi nơi không còn chỗ nào bỏ không nữa. Đất cũng không đủ sinh-sản để mà nuôi nữa, còn các mỏ ở dưới đất đã kinh-qua bao nhiêu đời tích-lũy lại cũng chẳng mấy nỗi mà khánh-kiệt hết.

Nhưng mà ông hóa-công hình như đã biết mà dự-liệu hết cả. Đã cho người ta đủ sức sinh-sản để gặp những cảnh khó-khăn thế nào cũng sinh-tồn được, lại đặt ra những cái trở-lực, những sự nguy-hiểm để đối với cái sức sinh-sản của người ta và cả các giống vật khác nữa, khiến cho không thể bành-trướng ra quá để đến nỗi không có đủ kế mưu-sinh được, tức là ông hóa-công khéo tính biết hạn-chế cái sức bành-trướng vô-cùng của các giống sinh-vật, khiến cho không có giống nào sinh-sản ra quá cái sức mưu-sinh của mình trong trường sinh-hoạt bao giờ cũng giữ được cái thế quân-bình tự-nhiên, người ta không hề phải can-thiệp đến.

Những cái trở-lực, những sự nguy-hiểm thiên-nhiên đó, chúng ta đã biết cả, nhưng cũng cần phải bày tỏ ra đây để chứng cho cái lẽ ta bàn vậy.

Như hồi loài người mới xuất-hiện ra trên mặt đất, thời bấy giờ đương là thời-kỳ nước đá, khí-hậu lạnh quá, người ta phải chui-rúc vào trong các hang-hầm mà ở, lại thêm những ác-thú chạy dông ở ngoài, thoi-thóp mà sống được cũng đã nguy-hiểm, còn sức đâu mà sinh-sản cho phồn-diễn được.

Kế đấy đến thời-kỳ các hỏa-diệm-sơn phun lửa, trên mặt đất chỗ thì đất động, chỗ thì đất sụt, có nơi cả từng đại-châu bị chìm-lỉm đi đâu mất. Trong thời-kỳ đó thì người ta cũng không thể sinh sản lên được. Những sự nguy-hiểm như động đất, như núi lửa thì ngày nay vẫn có, mà sau này rồi cũng vẫn còn, hễ còn địa-cầu thì còn có những cái hiểm-tượng đó không biết bao giờ hết và không biết hại thế nào; chúng ta đây và con cháu ta sau này vẫn còn cứ nơm-nớp sợ hãi. Đó cũng là sự trở-ngại cho cái sức sinh-sản không được tự-do bành-trướng ra được.

Ngoại-giả lại còn những khi mất mùa đói-khát, dịch-lệ lưu-hành, cũng chết hại mất nhiều. Sau nữa không những thiên-tai làm cho người ta chết bớt đi, lại còn tự loài người gây ra cái vạ chiến-tranh để giết hại lẫn nhau, lại còn người ta ăn chơi quá-độ, tự mình trác-táng mất cái sức sinh-hoạt của mình đi cũng nhiều.

Hoặc-giả nói đã hay rằng những sự tai-ương của trời đất vẫn hạn-chế cái sức bành-trướng của loài người thực, nhưng mà văn-minh mỗi ngày một tấn-tới, khoa-học mỗi ngày một mở-mang, cũng giảm được những sự tai-ương ấy đi nhiều, như thế thì cái thế quân-bình tự nhiên cũng có ngày sai lệch đi, và giống người rồi có ngày sinh-sản ra nhiều quá cái sức mưu-sinh của mình chứ không sai.

Cái đó cũng có, vì như nghề nông ngày nay dùng phương-pháp khoa-học vừa sinh-sản thóc lúa được nhiều, lại vừa vận-tải đi các nơi được mau chóng, cho nên cái tai-nạn mất mùa chết đói đã giảm bớt đi nhiều.

Lại sự chiến-tranh tuy chưa tiệt được hẳn, nhưng xem ra các dân-tộc đều có bụng muốn hòa-hợp với nhau, nghĩ những cách ngăn-ngừa cho bớt dần đi.

Còn dịch-lệ thì từ ngày ông PASTEUR phát-minh ra cái lẽ truyền-nhiễm bởi vi-trùng, thì cách phòng-bị các bệnh tất đã thấy tấn-tới lắm.

Nhưng dù người ta làm thế nào thì làm, ta thiết-tưởng rằng không thể nào phá được cái luật quân-bình của tạo-hóa đã đặt ra,

Xem ngay chứng-cớ hiển-nhiên là, ngày nay cũng như ngày xưa thường có dân-tộc trưởng-thành phát-đạt lên, lại có dân-tộc thì cứ đứng yên không thấy tấn-tới, còn có dân khác thì hình như già cỗi, càng ngày càng siêu-tà ; lụn-bại đi

Tuy-nhiên dân-tộc có điều hơn cá-nhân, là sự sinh-hoạt của dân-tộc không có kỳ-hạn nhất-định, vì họp nhiều người lại mới thành một dân, mà cái đoàn-thể đó thời có thể thay đổi đi vô-cùng. Cho nên có nhiều nhà xã-hội cho rằng nếu có một đoàn-thể dân-tộc nào, vì sinh-sản ít mà có cái cơ già-cỗi, diệt-vong, thời có thể tự mình phấn-phát tự-cường mà mưu cái kế sinh-tồn mãi mãi được. Nay lý-thuyết như thế, nhưng thực-sự có thể làm được không?

Các nhà luân-lý-học thường cho dân nọ hay dân kia sinh-sản kém là vì phong-tục phóng-túng, không biết theo những lời giáo-huấn của tôn-giáo, dạy cho người ta ở đời phải sinh con để cái để nối dõi tông-đường ; bởi thế nên các nhà thường cổ-động để khuyến-khích kẻ đồng-bào nên nhớ đến điều nghĩa-vụ.

Các nhà luân-lý đó toàn là những người đạo-đức nghiêm-khắc, đáng cho ta kính-trọng; vậy mà thường nghe thấy phàn-nàn rằng cổ-động không được mấy người nghe, không được mấy người theo. Lẽ tất-nhiên phải đến thế, vì khuyến-khích người ta làm nghĩa-vụ, tức là đi trái lại cái lòng thị-dục của mọi người, ham ăn ham chơi, ham tự-do phóng-túng, mấy ai là biết chuộng sự đạo-đức suông bao giờ ; vả lại phàm sự miễn-cưỡng về tinh-thần mà không có pháp-luật tả-đản, không có hình-phạt trừng-trị thì thường là vô-hiệu cả.

Tuy vậy các nhà luân-lý cũng vẫn phải cứ cổ-động, chẳng được nhiều thì được ít. khởi-hữu đem lòng thành-thực tin khuyên người mà lại không có người nào vui theo hay sao? Dẫu được ít cũng không phải là mất công vô-ích. Nhưng mà cách khuyến-khích của các nhà ấy chỉ là một kế trong nhiều phương-kế khác nên dùng để tăng cái sức sinh-sản ở những nước mà dân-số dương có vẻ suy-sút vậy. Các nhà cầm quyền chắc cũng đã hiểu hết lẽ đó và đã tìm những cách bổ-cứu có hiệu-quả hơn.

Như đã chú-ý về vấn-đề vệ-sinh, vấn-đề này là một việc cốt-yếu trong việc bài-trừ cái nạn dân-số giảm sút vậy. Nhưng các chính-phủ còn gọi là mới chú-ý đến mà thôi, chỉ mới giúp cho tư-nhân khởi-xướng các việc, chứ chưa thực-lực chủ-trương theo một cái trương-trình có thống-hệ vậy.

Như ở nước Pháp, cái nạn dân-số giảm-sút càng ngày càng kịch-liệt, chính-phủ hướng-lai mới dùng những phương-pháp về tài-chính để bổ-cứu lại. Như cho các nhà đông con được giảm thuế, được trợ-cấp bằng tiền bạc. Lại có khi đánh thuế nặng những người không vợ không chồng, cùng những đôi vợ chồng son không có con. Nay những phương-pháp đó dùng có kiến-hiệu gì không?

Những cách giảm thuế, cách trợ-cấp, kể cũng là chánh-đáng lắm, vì phàm việc thuế-khoá phải nên chia-bổ thế nào cho tương-đương với cái sức đóng góp của mỗi người, như thế mới là công-bằng. Sự trợ-cấp thì vốn vẫn hay, nhưng sợ có cái vẻ như lĩnh của bố-thí của nhà nước, vả cách phân-phát không khỏi có điều lưu-tệ và không được công-bằng. Nhưng dù giảm thuế, dù trợ-cấp hay là dùng cả hai cách đó, trừ khi cho thật nhiều không sợ hại đến công-khố nhà nước, còn thời giảm hay cấp thế nào cũng không thể bù được cái phí đẻ và nuôi một đứa con, và đã từng nghiệm ra không phải nhờ những cách đó mà khiến cho người dân không muốn có con chịu khó đẻ thêm được nhất định. Còn như đánh thuế nặng những người không có con thì đó chính là một sự công-bằng, vì như trên kia đã nói phàm chia bổ thuế-khoá phải tương-đương với cái sức đóng-góp của người dân. Nhưng thường các chính-phủ lại cho cách trừng-phát đó có một cái ý-nghĩa rộng quá; khiến cho thành như một sự tịch-biên cả gia-sản, hoặc là tịch-biên một phần.

Một chính-phủ đã xoay ra đường đó, thời tất không khỏi lạm-dụng, thấy càng bở lại càng đào cho kỹ. Nói rằng làm thế là giúp cho thêm số đinh trong nước; kỳ-thực chính-phủ có thiết đâu đến việc đó, và kết-quả thành ra trái hẳn cũng có.

Thí-dụ như một người không có vợ con chết đi để di-sản lại, nhà nước tịch-ký để bỏ vào công-khố, hoặc chia ba một phần, hoặc một nửa, hoặc tất cả, để có ý trừng-phạt cái người ấy sao sinh-bình không chịu khó lập thành gia-thất, thời chính-phủ làm như thế khí muộn, vì cái người ấy đã chết rồi muốn trừng-phạt người ta có ích gì. Mà bị vạ lây lại là những người có quyền kế-nghiệp người chết đó và có lẽ có gia-đình vui vẻ, con cái đầy đàn biết đâu.

Vả lại một cái luật đối với những cảnh-ngộ phiền-phức như thế thì không thể sao cho công-bằng được. Có người vì nghĩa-vụ mà không lấy vợ lấy chồng, có người vì ích-kỷ mà ở cô-độc, trong luật không thể phân-biệt cho rõ-ràng được. Có người vợ chồng tự-nguyện không đẻ con, có người muốn đẻ con mà hiếm-hoi không có, lại có người đã có con mà chẳng may hỏng hết. Những cái cảnh-ngộ như thế thì luật nào định cho rõ được.

Nói tóm lại thì những phương-pháp đó đều không có công-hiệu cả và không thể giải-quyết được cái vấn-đề dân-số giảm sút ở những nước như nước Pháp ngày nay. Vấn-đề này cái căn-nguyên nó sâu-xa, phải nên xét cho kỹ.

Như đã nói trên kia, dân-tộc cũng như cá-nhân, cũng có một cuộc đời có sinh và có tử.

Dân-tộc nào sinh ra ở một cõi đất cùng-tịch, hay là đã phá-diệt một dân văn-minh hơn mà đến cướp lấy đất ở, thời thường nghiệm ra có cái sức sinh-sản phồn-thịnh lắm. Là bởi mỗi người trong dân-tộc đó có cái lợi ngay đến mình cầu phải sinh con đẻ cái cho nhiều.

Xã-hội mới thành-lập, người dân không thể mong chính-phủ hộ-vệ cho mình, tất phải mưu tự-vệ lấy. Mỗi nhà phải cho đông người, và ít ra phải có mấy con trai để thay vai giúp đỡ cho cha và bênh-vực cho những đàn bà con gái, người già con trẻ trong nhà.

Vả lại ở giữa nơi cùng-tịch hoặc ở lẫn với dân cừu-địch của mình, nhất-thiết không thể trông cậy vào ai được để cho đạt được cái chí lớn của mình, là chiếm lấy đất, cầy cấy cho thành mùa-

màng để tích-cốc phòng-cơ và thu trữ lấy của-cải về sau. Như vậy thời chỉ có thể mong ở con cái giúp đỡ mà thôi, bởi thế nên các dân-tộc mới thành-lập thường có cái tục được lấy nhiều vợ, và vợ không có con được phép bỏ hay được phép thay.

Lại phải biết rằng những người mới đến thực-dân đó, hằng ngày sinh-hoạt ở nơi không-khoáng, làm ăn cần-cù và ăn ở tiết-độ, thường sức-lực mạnh-mẽ, vẫn sinh-sản được nhiều, xem như thế thì một là sự vệ-sinh, hai là sự lợi riêng, khiến cho người ta chăm về đường sinh-dục.

Phàm trong xã-hội, việc gì của người ta cũng là do sự lợi riêng của cá-nhân, muốn biết duyên-cớ là gì, phải biết cái lợi của cá-nhân ở đâu.

Nhưng ta hãy thuật nốt lịch-sử cái xã-hội mới thành-lập như trên. Nếu xã-hội ấy sinh-trưởng vào một xứ khí-hậu lành, điền-địa tốt, thời phát-đạt mau lắm. Bước đầu đã tấn-tới, rồi sau cứ tuần-tự mà tiến lên hoài ; nhưng được ít lâu, rồi cái tình-trạng cũng thay đổi đi dần-dần. Dân trong xứ mỗi ngày một đông; ruộng đất khai-khẩn hết không ai có quyền tự-do chiếm-lĩnh nữa. Mùa-màng tốt, trâu bò nhiều, bán được tiền, ai ai cũng có vẻ sung-túc. Bấy giờ mới nghĩ đến cách sinh-hoạt thế nào cho sung-sướng hơn. Bách-công bách-nghệ bày ra, xưởng thợ nhà buôn mở ra ; các cơ-quan về chính-trị, về xã-hội tổ-chức lên và càng ngày lại càng phiền-phức, các thành-thị dựng lên và càng ngày càng mở-mang bành-trướng; nói tóm lại tức là gây-dựng lên một cái văn-minh riêng phát-đạt đến cực-điểm mà sinh-sản ra những bậc tài-trí tuyệt-luân. Nhưng trong khi ấy thì cái sức sinh-đẻ của dân-tộc ấy có ý kém dần đi, mà lạ thay, văn-minh càng phát-đạt, người ta càng tài giỏi hơn bao nhiêu, thì dân-số lại càng sút kém đi bấy nhiêu. Nếu tìm xét cái nguyên-nhân nó thế nào thì thấy cổ-lai cũng vẫn thế. Vẫn thấy sự lợi riêng và sự vệ-sinh là hai cái nguyên-nhân cốt-yếu, nhưng ở đây nó lại hành-động trái ngược lại ở trên kia.

Xã-hội đã lập thành quốc-gia thời nhà nước gia công che-chở cho mọi người. Gia-đình không cần phải đông người mới có thể tự-vệ được, đã có đoàn-thể bảo-hộ cho; đoàn-thể càng mạnh thì sự bảo hộ lại càng vững-vàng. Bấy giờ người gia-trưởng không cần phải đẻ nhiều con để nối dõi lấy tôn-đường, để giúp đỡ mình và người nhà mình trong khi già yếu và hoạn-nạn. Kẻ nghèo-khổ, kẻ cô-độc, kẻ mồ-côi, kẻ góa-bụa, chẳng đã có nhà nước cứu-tế cho dư?

Kể thì cái nghĩa-vụ của cá-nhân không hề có thay đổi. Muốn cho đoàn-thể được đủ sức giàu mạnh, bảo-hộ được cho người ta một cách vững-vàng chắc-chắn, thời tất các gia-đình phải cho đông-đúc, và ai nấy phải chăm-chút công việc, nhưng mà lệ thường lòng duy-kỷ của cá-nhân vẫn mạnh hơn lòng nghĩa-vụ với xã-hội, mỗi người đều mong vào kẻ khác để làm việc nghĩa-vụ cho mình ; thảng-hoặc cũng có người biết vị nhà vị nước hơn là vị bản-thân mình, nhưng số đó ít lắm không đủ ngăn được cái sóng xung-đột và giữ cho dân-số khỏi sút kém đi.

Người làm ruộng, người làm thợ, người đi buôn, hết thảy những người sản-xuất ra hóa-vật, quản-lý một nghề-nghiệp gì, thời còn giữ được lâu không nhiễm phải cái đồi-phong đó; vì làm việc phải cần đến người giúp, và còn ai giúp việc cho mình tận-tâm bằng con cái trong nhà; vì đã là tay sản-xuất ra hóa-vật, thời càng nhiều người làm lại càng sản-xuất được thêm lên, đông con càng nhiều của, có ngại

gì; lại cũng vì phàm người chủ-trương một nghề-nghiệp gì là người đã có công gây dựng ra khó nhọc, muốn sau mình có kẻ thân-yêu tin-cẩn nối dõi lấy, mà kẻ thân-yêu tin-cẩn thì còn ai bằng con đẻ ra nữa.

Tuy nhiên, dân-tộc càng tiến-hóa thì những lẽ đủ khích-thích cho người ta sinh con đẻ cái như trên đó, càng kém mạnh đi. Người làm ruộng ngày nay không có ở nơi xa-xôi cùng-tịch gì nữa. Chung-quanh có láng giềng, trao đổi công-việc cho nhau dễ lắm; lại có những kẻ nghèo-ngặt, ngu-đần, không thể tự-chủ mà quản-lý công việc lấy được, phải đi làm thuê làm mướn cho người, kẻ có tiền không thiếu người làm giúp; sau nữa nhờ khoa-học chế-tạo ra máy-móc, nghề nông ngày nay dùng máy đã nhiều, không phải cần đến nhiều nhân-công như trước nữa.

Đến nhà buôn và nhà nghề thì sự-nghiệp ngày nay mở-mang ra to lắm, sức một nhà không thể làm được. Một cuộc doanh-nghiệp tổ-chức cho hoàn-bị thời bao giờ cũng có đủ tài-sản, cần đến bao nhiêu người làm người giúp cũng có thể thuê mướn ở ngoài được.

Vậy thời cách làm ăn càng tấn-tới như trên kia vừa nói, người gia-trưởng càng thấy không cần phải đẻ nhiều con mới có người giúp việc, thời cái số sinh-đẻ trong bọn nông, công, thương cũng thấy mỗi ngày một sút kém đi.

Nhưng mà số sinh-đẻ trong một dân-tộc mà giảm-sút đi, thời cái nguyên-nhân đệ nhất chính là bởi trong dân-tộc đó gây thành ra một hạng người đông, đã tự mình không sinh-sản ra được tài-hóa, lại ở trong cái tình-trạng khiến cho sự sinh con đẻ cái không những không ích-lợi gì cho mình như bọn nông công thương kia còn mong lấy kẻ chia công giúp việc, mà lại thành cái gánh vác nặng-nề, nghĩ đến mà ghê mà sợ không hứng có con làm gì nữa.

Hạng đó là những nhà học-thức, những người theo về nghề quân, những quan-lại các hạng cùng những người ăn công mà làm việc cho người. Các người đó có lương nhất-định, ba cọc ba đồng, không thể mong có ngày giàu có được, cũng không thể mong cố sức làm thêm để kiếm lợi ở ngoài; và công-việc làm của họ cũng là công-việc riêng mỗi người, gia-đình không thể giúp-dập chi được. Như vậy mà đẻ ra nhiều con thì thành cái gánh nặng-nề quá mà không có cái lợi gì bù lại. Bởi thế nên những người ấy lấy vợ lấy chồng thường không muốn đẻ con, làm cho số sinh đẻ trong nước càng ngày càng giảm sút đi. Vì rằng văn-minh càng tiến-hóa thì cái số những quan-lại làm việc cho nhà-nước, cùng những kẻ tự mình không sinh-sản được gì là những vật-chất cần dùng cho đời, chỉ bạng-thực vào kẻ khác mà sống, chính là cái chất độc làm cho xã-hội phải hủ-bại suy-đồi, số những người ấy càng ngày lại càng nhiều thêm lên. Sánh với số những người sinh-sản ra tài-hóa, thời hai bên chênh nhau, hạng người bạng-thực càng tăng lên bao nhiêu thì số sinh-đẻ trong nước càng giảm đi bấy nhiêu.

Nay ta xét đến vấn-đề vệ-sinh.

Khi một dân-tộc đã tiệm có văn-

minh thì phần nhiều người dân bỏ cái cách sinh-hoạt các dân du-mục, nghĩa là cách sinh-hoạt ở giữa nơi không-khoáng, và bỏ những công-việc làm bằng chân tay để chuyên-chủ cả về trí-não. Nay những người chuyên về khoa-học, văn-học, mĩ-thuật, những người sung các chức công, thời công-việc bắt-buộc phải tụ-họp cả ở những nơi thành-thị là chỗ đã sắp-đặt ra các cơ-quan cốt-yếu cho sự sinh hoạt về trí-thức và về chính-trị. Ngoài những bậc đó, đến các hạng người lợi-dụng, chực đem những sự phát-minh, sự chế-tạo của các nhà khoa-học mà ứng-dụng ra để kiếm lời; rồi đến những bọn lý-tài, bọn nhà buôn cũng vì cái mục-đích trục-lợi mà tranh nhau đến bày-đặt vẽ-vời ra những cách làm cho sự sinh hoạt được vui sướng và văn-vẻ thêm lên. Ở các nơi thành-thị đó vừa là cái óc sáng văn-minh, lại vừa là chốn ăn chơi xa xỉ, càng ngày càng đặt thêm ra những cách chơi-bời phóng-túng. Những kẻ ham chơi, những kẻ dần-cơ để cầu phú-quí, những kẻ hiếu hư-danh muốn lên mặt hào-hoa với đời, cùng là những kẻ tung-tích ám-muội muốn lẫn vào trong đám đông người cho thiên-hạ khỏi biết đến, các hạng đó xô nhau mà ra tỉnh-thành ở.

Nhân đó các tỉnh-thành càng ngày càng bành-trướng ra, hấp mất cả dân các miền quê. Nhà cửa chật hẹp, người ta ở chồng-chất nhau, khí trời ánh sáng không đủ, không khác gì như bị giam cầm cấm-cố vậy. Cái hoàn-cảnh ấy là một cái hoàn-cảnh đầy những trần-cấu, đầy những vi-trùng, người ta ăn ở chung-chạ, không lúc nào là không truyền-nhiễm lẫn nhau. Lại quanh mình có đủ cách dễ-dàng để thỏa những cái thị-dục xấu-xa của mình, sự ẩm-thực, sự nam-nữ, dễ thành ra quá-độ, sinh ra những bệnh-tật thương-hại đến thân-thể. Đã không có khí trời trong sạch, lại không năng vận-động thân-thể, khí-huyết suy kém đi không đủ sức mà chống với bệnh được; lại cách làm ăn vội-vàng hấp-tấp, thường phải lo lắng nghĩ ngợi luôn, các chứng về thần-kinh dễ phát-sinh ra lắm. Bởi cách sinh-hoạt như thế, cho nên người ta thường hay chết trẻ, hoặc sống lâu được thời khí-huyết suy, sức sinh đẻ cũng kém đi nhiều. Đàn bà thai-sản hay biến ra nhiều chứng nguy hiểm, đẻ con ra cũng khó lòng nuôi được và số con trẻ sài đẹn đến chết nhiều lắm.

Bởi cách vệ-sinh xấu như thế, lại bởi các lẽ thuộc về sự lợi-riêng của người ta như trên kia đã nói rõ, nên các nơi thành thị lớn là cái biểu tượng rực rỡ cho cái trình-độ văn-minh đã cao, mà lại chính là cái mồ để chôn dân-tộc đã gây ra văn-minh đó.

Nay ta đã định được rõ các điều kiện-cốt yếu của cái vấn-đề sinh-sản các nòi giống, ta thử tìm cách giải-quyết vấn-đề ấy xem thế nào.

Một dân-tộc đã đến cực-điểm văn minh, vì các lẽ như trên kia đã nói, thấy số sinh-đẻ trong nước mỗi ngày một sút kém đi, thấy cái hiểm-tượng suy-đồi đã bày ra trước mắt thì có cách gì vãn-hồi lại được không, có cách gì khôi-phục lại cái sức mạnh hồi xưa không?

Cứ lý-thuyết thì tưởng cũng có thể được. Đã biết cái hại là ở cách sinh-

hoạt đời nay mà ra, thời tưởng cứ xoay trở về cách sinh-hoạt đời xưa là tự-nhiên tiệt được cái hại ấy đi.

Nhưng cứ thực thì có cách gì giản-tiện mà làm được như thế không, và nếu có cách làm được thì người ta có đủ sức can-đảm mà làm không ?

Một dân-tộc đã đến trình-độ văn-minh cao, quyết không thể quay hẳn về lối sinh-hoạt các dân du-mục nữa, quyết không thể lại sống một cách bán-nhân bán-vật như người đời cổ xưa được, cho dẫu có thể được cũng không chịu nào, và cũng không có quyền được nhất-đán bỏ cả cái giá-trị tinh-thần của mình, bỏ cả cái hương-hỏa văn-hoa của mình, bỏ cả cái công-nghiệp khoa-học của mình, để mà hồi-cổ vậy. Tuy-nhiên cũng có thể dần dần phục cổ được, cố khôi-phục lấy cách sinh-hoạt như xưa, không thời cũng ngăn được cái sóng dồi-phong cho khỏi tràn ngập hết.

Nếu có cái chí muốn như thế, thời có mấy cái kế-hoạch như sau này có thể thi-hành được :

Một là phải ngăn-ngừa cho các thành-thị lớn khỏi quyến-dũ mất dân nhà-quê, không phải là theo lệ thường cứ cổ-động cho người ta quay về nghề nông dâu, nhưng phải làm thế nào để ngăn-trở cho dân nhà quê khỏi bị cái hấp-lực của thành-thị mà đổ xô ra tỉnh hết. Vì người nào đã bỏ nhà quê mà ra ở tỉnh, thời cái cách sinh-hoạt ở tỉnh-thành nó có lắm điều sung-sướng, đã nếm vào rồi không thể dời ra được, cho nên phải dùng cách phòng-bị là hơn.

Có một cách phòng-bị cũng dễ kết-quả được ngay, là cách giảm cái kỳ-hạn binh-dịch đi, và trong kỳ-hạn ấy các binh-lính nên để cho đóng ở giữa nhà quê, xa nơi thành-thị. Ở giữa nơi không-khoáng, về đường thể-dục, về đường đức-dục, về cách luyện-tập trong quân-đội, đều được tiện-lợi cả, và các thầy quyền, chú linh, ở chân quê ra không được đóng ở nơi thành-thị, chưa nếm biết cái mùi ăn chơi không đến nỗi sinh lòng rẻ-rúng chốn thôn-quê, mà chỉ mong bỏ làng để ra tỉnh.

Hai là phải giảm bớt các nhũng-lại việc gì yếu-cần hãy nên giữ, còn bao nhiêu những kẻ mượn tiếng làm việc nhà-nước để cưỡi gỗ ăn tiền thời thải đi hết, cho về nhà quê đi cày.

Muốn làm như thế thì trước phải sửa lại các cơ-quan hành-chính, những tòa những sở nào không cần lắm nên nhất-thiết bỏ hết, và bắt các quan-lại làm việc nhà-nước, người nào cũng phải làm cho hết bổn-phận, để giảm bớt những số nhũng-viên vô-ích.

Ba là những khi nào không vì cớ vệ-sinh hay vì lẽ nhân-đạo cần phải giảm bớt giờ làm việc ở các sở công-thương đi, thời chính-phủ không nên chiều lòng một đảng-phái nào mà nghị-định giảm giờ làm việc ở các nơi thành-thị. Làm như thế thời ngăn được cái số người làm công ở tỉnh không tăng lên nhiều quá, khỏi phải mộ thêm người nhà quê ra.

Bốn là vẫn cố giữ cho không phương-hại gì đến mĩ-thuật, nhưng phàm nghề gì hay sở nào đặt ra chỉ có cái mục-

đích xui-giục người ta ăn chơi xa-xỉ mà thôi, thời nên cấm tiệt đi.

Năm là nên tổ-chức lại cách buôn-bán những đồ cần-dùng cho sự ăn mặc để bớt những kẻ mối-lái phiền-phí.

Sáu là những kẻ thiếu-niên ăn không ngồi rồi, nên đặt phép nghiêm để trừng-trị, hoặc là đánh thuế cho thật nặng, hoặc là cưỡng-bách phải làm những việc công-sưu tạp-dịch có ích cho công-chúng.

Bẩy là nên giảm bớt cái thói nuôi mướn tôi-dòi để khuyến-khích cho người dân biết sinh-hoạt theo cách giản-dị.

Tám là các thứ rượu mạnh cùng các nước uống có chất rượu cao nên cấm tiệt. Sở nào mở ra cho công-chúng rượu chè cờ-bạc cũng cấm hết.

Chín là các cách thể-thao và cách sinh-hoạt ở nơi không-khoáng, nên tổ-chức, nên tưởng-lệ, mà tùy chỗ nào thi-hành được, nên cưỡng-bách cho bọn thanh-niên phải theo.

Mười là chính-phủ và các thị-tỉnh tự-trị nên đặt luật-lệ theo phép vệ-sinh, bắt người ta làm nhà làm cửa phải có đủ đất rộng để cho khí trời và ánh sáng vào khắp được cả mọi nơi; đặt cách phòng-bị thế nào cho các bệnh truyền không lan rộng ra được, cho con trẻ không đến nỗi chết hại nhiều, vân-vân.

Đó là mấy điều cốt-yếu phải nên chuẩn-định thi-hành.

Mấy điều đó có thể thi-hành được cả. Lại có cái hay là không phải can-thiệp đến việc vợ chồng trong gia-đình người ta, không phải đặt hình-phạt mà cưỡng-bách người ta phải sinh con đẻ cái. Vậy thời những điều đó vẫn là hết sức tôn-trọng cái quyền tự-do của cá-nhân mà gián-tiếp có thể giúp cho nhất-ban quốc-dân được đủ cách tiện-lợi mà tránh khỏi cái hoạn suy-đồi tiêu-diệt cho dân-tộc mình.

Nói thế nhưng ta chửa dám quyết rằng có dân-tộc nào có đủ sức can-đảm mà thi-hành được cả mấy điều đó, lại trước khi đem ra mà thi-hành cũng vị-tất đã có một nghị-viện nào dám cả quyết chuẩn-y cả một cái chương-trình cả thể như trên đó, chứ không phải chỉ quyết-nghị từng điều nho-nhỏ vặt-vặt mà thôi, vì Nghị-viện do công-chúng bầu ra, bàn-định điều gì trái với cái thị-dục của công-chúng, thường hay do-dự không dám làm, sợ mất lòng chúng, chúng giận khô[illegible] tái-bàu cho nữa chăng.

Xét lịch-sử từ xưa đến nay chưa thấy nước nào làm được hoàn-toàn cái chương-trình cải-cách như ta vừa lược kể trên kia.

Chẳng hay sau này có dân-tộc nào khôn-ngoan hơn, quả-cảm hơn, thấy cái hiểm-tượng đến nơi mà đủ sức vãn-hồi được, đủ sức thay đổi được cái vận-mệnh của mình không?

Có dân nào nước nào có tài «nhân-định thắng-thiên» được như thế, thì xin tỏ ra cho thế-giới biết mặt biết tên vậy.

Dân nào dám cả quyết mà làm được thời đủ chứng rằng đáng sinh-tồn ở đời và sẽ được sinh-tồn mãi mãi.

Dân nào đã cố mưu để tự-tồn mà không được, thời cũng đủ tỏ ra có sức can-đảm, và dẫu chết cũng cam-tâm.

Còn như dân-tộc nào không có sức cả quyết để mưu lấy kế tự-tồn thời tức là tỏ ra đã suy-đồi quá lắm rồi, không sao cứu-vãn được nữa, chỉ còn đợi ngày diệt-vong mà thôi,

Nhưng mà thôi, trong thiên này ta đã nói lắm những chuyện suy-đồi với chuyện diệt-vong rồi. Nay ta nên nói đến chuyện sinh-hoạt, chuyện cường-thịnh và trong thiên sau này ta nên xét xem một dân-tộc cường tráng phải nên hành-động thế nào cho hết được cái thiên-chức làm một dân trong xã-hội loài người.

(Còn nữa)

T. -C. *dịch*

PENSÉES

Tư-tưởng đẹp

L'oubli est la grande confusion.

Il est aussi la grande tristesse.

Et cela se tient. Il n'est pas de pire affliction que de perdre dans la foule ce qu'on a une fois distingué.

Oublier, c'est regarder mourir.

R. DE GOURMONT

Quên là cái cảnh lẫn-lộn cực-điểm

Quên cũng là cái cảnh buồn-bã vô-cùng

Hai cái không phải là không có quan hệ nhau. Mình đã từng nhận mặt một người nào mà rồi thấy người ấy lẫn vào trong đám đông, thì còn cái gì buồn hơn nữa!

Quên là trông thấy tiêu-diệt đi.

. ˙ .

Je songe à tout ce qui gît au fond de ma mémoire, de décoloré et de mort, mais combien de temps encore mes sens seront-ils assez vibrants et assez neufs pour en être émus, ma conscience assez rigoureuse et assez claire pour en étreindre les reflets?

LOUIS BERTRAND

Tôi nghĩ đến trong ký-ức tôi còn chứa biết bao nhiêu là những hình-ảnh phảng-phất mơ-màng, nhưng không biết giác-quan tôi được bao lâu nữa là còn đủ sức mạnh mà cảm lấy được, tinh-thần tôi được bao lâu nữa là còn đủ sang-sửa mà thu lấy những hình-ảnh đó?

. ˙ .

Le passé! ... File, file, ma quenouille! Le temps passe, le temps va! .. C'est lui qui chante au travers des voix insouciantes, les voix d'autres enfants, comme il a chanté avec notre voix... Il y a longtemps...

Ôi! ngày giờ qua! ... Guồng chỉ quay, guồng chỉ quay! Ngày tháng chạy, ngày tháng chạy! ... Thời-giờ vui-vẻ lũ nhi-đồng cất tiếng hát véo-von, tức như ta đã từng hát, ... từ thủa xưa kia vậy...

Le passé ! . . . C'est lui qui donne aux tombes, dans l'humble cimetière, cette couleur si chaude où dans la rouille des lichens, les noms gravés ne se distinguent plus.

Le passé ! . . . C'est lui qui bossue la terre des morts, verdit le buis, et sur le mur bas fait bonne l'ombre tiède du vieux tilleul !

VICTOR MARGUERITE

Ôi ! ngày giờ qua ! . . . Ngày giờ qua nên bao nhiêu mồ-mả trong mộ địa nọ, đá mốc rêu che, chữ đề không còn đọc được nữa.

Ôi, ngày giờ qua ! . . . Ngày giờ qua nên mô con mả lớn đầy trên đất, cây ngâu lá xanh rì, mà cây bồ-đề cỗ kia rủ xuống cánh tường thấp nọ, bóng lại càng thêm mát thêm râm ! . . .

* * *

Le passé n'est pas derrière nous, comme on le croit, mais devant nous; l'ombre de ce qui fut se projette devant nous ; ce qui est mort est encore là qui nous précède, comme le soir on voit, au coucher du soleil, les formes qu'on avait dépassées, envoyer leur ombre au loin sur les vallées, sur tout votre avenir, taillis, vallons, et s'en aller toucher de l'aile les montagnes.

H. BATAILLE

Người ta thường tưởng cái kỳ-vãng là ở sau lưng ta, chính ở trước mắt ta vậy. Bóng cái kỳ-vãng nó chiếu ra trước ta ; cái đã tiêu diệt đi rồi mà bóng nó vẫn còn đấy, nó sừng-sững đi trước ta ; như đi buổi chiều, lúc mặt trời lặn, những nơi mình đã qua rồi, mà bóng nó vẫn còn chiếu xa vào thung-lũng, chắn cả đường đi trước mắt, cả bụi cây, cả khe nước, cho đến tiếp với dẫy núi . . .

* * *

Il règne dans mon âme une étonnante sérénité, semblable à la douce matinée du printemps. Je suis seul et je goûte le charme de vivre dans une contrée qui fut créée pour les âmes solitaires et rêveuses, comme la mienne.

GOETHE

Trong tâm-hồn tôi bình-tĩnh vô-cùng, khác nào như cái cảnh thiều-quang buổi sớm. Tôi có một mình, tôi lấy làm khoan-khoái được sống ở một nơi tựa-hồ như Tạo-vật đã đặt ra cho những kẻ mơ-màng cô-độc như tôi.

* * *

Comme un homme sauvé du naufrage, sur un rocher, je contemple de ma solitude les orages qui frémissent sur le reste du monde; mon repos même redouble par le bruit lointain de la tempête.

BERNARDIN DE SAINT-PIERRE

Tôi ví như người gặp bão mà tránh được lên trên cái cù-lao cô-độc, đứng đấy mà ngắm cái cảnh phong-ba trên thế-thượng; gió bão ở ngoài bao nhiêu, tôi càng thấy yên-ổn bấy nhiêu.

Ảnh Hương-tích

Khách trẩy lễ đi đò Suối vào chùa

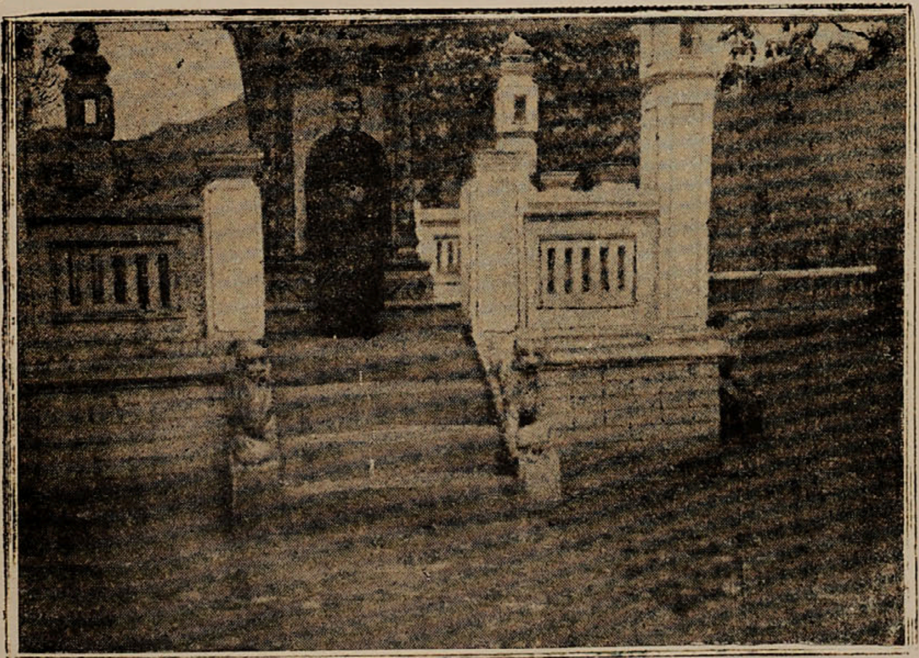

Nhà bia ở chùa ngoài.
Đứng trước là sư cụ chùa Hương

Ảnh Hương-tích

Các tháp tổ ở chùa Hương
(Mới trùng-tu)

HƯƠNG-CHÍNH TINH-NGHĨA (1)

鄉政精義

I.— Lời phủ đầu

Giải nghĩa làng với nước quan-hệ với người ta.

Người Việt-Nam ta khi nói đến làng là đem ngay tiếng nước hợp vào sau mà rằng : « làng nước », là lấy nghĩa rằng làng là cái khu-vũ sinh-hoạt của đoàn-thể nhỏ và gần, nước là cái khu-vũ sinh-hoạt của đoàn-thể lớn cực-hạn, tổng-thống cả các làng vào trong, nên nói liền với nhau như thế để tỏ ra làng không rời nước ra được. Bởi vậy lúc nói đến việc làng thì nói nhíp luôn ngay rằng : « Việc làng việc nước », để tỏ ra cái nghĩa việc của làng tức cũng là việc của nước đó.

Nhưng như thế nên người nào khi bị nguy cấp phải cầu-cứu đến đoàn-thể thì đều kêu to lên rằng : « Ối làng nước ôi ! », thì biết rằng trong khi nguy-cấp làng với nước càng tỏ ra cái tình-nghĩa phải cứu giúp nhau quan-hệ là dường nào.

Khi biết ơn thì người ta hay nói : « sống ở làng sang ở nước », là cho nghĩa rằng người ta ở đời, nội trong nước, sống ở đâu thì phải nhờ ở làng đấy, mà được vẻ-vang sang-trọng thì phải nhờ ở nước mới nên. Tỏ ra biết ơn như thế là hàm có cái ý nhận lấy nghĩa-vụ mà báo-đáp lại cho làng với nước vậy.

Ta không phải dẫn-chứng ở kinh-điển đâu xa, cứ lấy mấy câu thành-ngữ giản-dị mà có nghĩa-lý hàm-súc ở dân-gian ai ai cũng nghe đến luôn ấy, thì đủ biết cái thâm-ý của cổ-nhân dạy cho người ta hiểu những nghĩa-vụ quyền-lợi của nhân-dân, của làng và của nước tương-đối với nhau là thế nào, hiểu cái tình-nghĩa về chính-trị của làng đối với nước là thế nào.

Trên làng ấy là nước, trong nước ấy là những làng. Nước thịnh thì làng thịnh. Các làng có đều hay thì nước mới hay, ai cũng là người làng thì ai cũng là dân nước, nghĩa-vụ làm kẻ quốc-dân phải yêu nước mà giúp làng tức là một nghĩa giúp nước rất cần-thiết đó.

Nước ta ngày xưa người ta chỉ biết có làng mà đối với nước thì ơ-hờ, thế là lầm. Ngày nay cũng đã nhiều người nói đến nghĩa yêu nước mà còn ít kẻ chịu giúp cho làng, thế cũng lại là sót ; cho nên sách « Hương-chính tinh-nghĩa » này, trước khi giảng về chính-trị của làng, phải đinh-ninh đến cái nghĩa làng quan-hệ với nước là vì thế.

II — Quốc-quyền

Quốc-quyền là cái quyền của cả trong một nước, quốc-gia nào cũng phải có. Người ta ai cũng có cái chí-nguyện, song cái chí-nguyện ấy phải phục-tùng vào cái chí-nguyện chung của cả toàn-thể. Chí-nguyện của toàn-thể chi-phối được cả các chí-nguyện của mọi người mà ngăn-ngừa những cái sức chống-cự lại, thế là quốc-quyền đó.

Nay muốn thí-dụ một câu cho dễ hiểu hơn nữa, thì ví như trong một nước

(1) Lược-dịch theo sách *Tự-trị-chế luận* của Tàu.

ai cũng có bụng muốn được giàu thịnh. Song bụng muốn được giàu thịnh của tôi hoặc có khi thiệt hại đến bụng muốn được giàu thịnh của ai chăng. Về người khác đối với tôi cũng thế. Vậy cái bụng muốn được giàu thịnh riêng của từng người chúng ta, phải phục-tùng cả vào một cái bụng muốn được giàu thịnh chung của mọi người trong nước, để xử-trí cho chúng ta ai nấy đều tự lòng muốn được giàu thịnh mà không ai làm thiệt-hại cho ai. Ôi, khiến được như thế, không phải nhờ ở một cái quyền tổng-thống được hết thảy thì làm sao cho nổi, quyền tổng-thống ấy tức là quốc-quyền đó,

Cho nên phàm đã thành một quốc-gia, dù nước quân-chủ, dù nước dân-chủ, nước đã lập-hiến, nước còn chuyên-chế, chính-thể tuy có khác nhau, người cầm chủ-quyền tuy không giống nhau, mà quốc-quyền thì đâu cũng có, cũng như nhau cả, mà quốc-gia chính là cái chỗ giữ quốc-quyền để thống-ngự cả chí-nguyện của mọi người vậy.

Nay xét xem cho biết quốc-quyền có những công việc gì.

Theo thuyết ông MONTESQUIEU là nhà đại-chính-trị nước Pháp thì chia quốc-quyền ra làm ba là : quyền lập-pháp, quyền hành-chính và quyền tư-pháp giải ra sau này :

a) Quyền lập-pháp là cái quyền đặt ra pháp-luật khiến cho thần-dân trong nước phải tuân theo, ví như đặt luật rằng : « Phàm vay nợ của người ta đến hạn không trả được thì phải tịch-bồi », hay là đặt luật rằng : « Người nào không mất quyền công-dân thì mới được đi công-cử hay ứng-cử làm Hương-hội-viên, v.v. » Quyền ấy ở nước dân-chủ thì thuộc về Nghị-viện, ở nước quân-dân cộng-chủ thì thuộc về vua với Nghị-viện.

b) Quyền hành-chính là cái quyền theo pháp-luật mà tùy-nghi xếp đặt các công việc cai-trị, ví như giám-đốc các hương-hội, đốc-suất việc tuần-phòng, v. v. Quyền ấy thuộc về Chính-phủ.

c) Quyền tư-pháp là cái quyền giữ-gìn và bênh-vực lấy trật-tự của pháp-luật. Ví như tên Giáp vay nợ của người ta quá hạn không trả thì tòa-án bắt phải trả, tên Ất phạm tội vi-cảnh thì tòa-án chiều luật mà bắt tội, v. v.. Quyền tư-pháp cũng là công việc thi-hành, cũng thuộc về Chính-phủ.

Xem thế thì biết quyền lập-pháp là cao-trọng hơn cả, bởi vì quyền hành-chính, quyền tư-pháp đều còn phải tuân theo phép-luật mà làm việc.

Tuy-nhiên, quyền lập-pháp có cao-trọng thật, nhưng không phải là không có chế-hạn cả đâu. Cái sở-dĩ mà chế-hạn được quyền lập-pháp ấy là đức-nghĩa với chính-sách. — Quốc-gia cũng như một cá-nhân, phải theo phép-tắc của đức-nghĩa mà làm việc, nếu quốc-gia mà làm phá-hoại cả phép-tắc của đức-nghĩa đi, tuy không ai viện lẽ gì phạt được quốc-gia, nhưng đã có Lịch-sử làm thẩm-phán ; một nhà thi-nhân nước Đức có nói rằng : « Lịch-sử là tòa thẩm-phán của các nước trên hoàn-cầu », câu ấy có nghĩa-lý rất hay.

Còn như chính-sách của quốc-gia thì phải chuyên-chú vào cái mục-đích công việc của thời-thế một nước, thời thay thế đổi, mục-đích lại phải biến-thiên, không đâu giống đâu, không bao-giờ giống bao giờ, lấy chủ-nghĩa của một đảng-phái nào làm mục-đích của quốc-gia là lầm cả. Nói tắt lại việc cần của quốc-gia là đối với nước ngoài, đối với kẻ cá-nhân và đối với xã-hội.

III— Quốc-gia với quốc-dân

Nghĩa-vụ với quyền-lợi.

Đã biết nghĩa quốc-quyền như trên ấy thì phải biết nghĩa-vụ, quyền-lợi

của quốc-gia quốc-dân đối với nhau quan-hệ thế nào.

Phàm việc gì muốn được hưởng quyền-lợi, phải làm hết nghĩa-vụ; quốc-gia đối với quốc-dân, quốc-dân đối với quốc-gia cũng vậy, cái gì là nghĩa-vụ của quốc-dân tức là quyền-lợi của quốc-gia, mà cái gì là quyền lợi của quốc-dân thì tức là nghĩa-vụ của quốc-gia, nay ví-dụ như thế này.

Ví như đi lính và đóng thuế là nghĩa-vụ của quốc-dân thì việc gọi lính để giữ nước, thu thuế để trả lương quan-lại, để sửa-sang việc nước, là quyền-lợi của quốc-gia.

Lại ví như tên Yếu bị tên Mạnh hà-hiếp thì quốc-gia phải bênh-vực cho tên Yếu. Hay là tên Yếu bị một viên-chức nào của Nhà-nước — thế gọi là tự-thân [illegible]ia — nhân làm việc công mà xâm-phạm quyền-lợi của nó thì quốc-gia cũng phải bênh-vực cho nó, v. v..

Đó là quyền-lợi của một kẻ cá-nhân được quốc-gia bênh-vực, mà sở-dĩ đối với kẻ mạnh mà bảo-hộ cho kẻ yếu để duy-trì lấy trật-tự cho xã-hội là cái nghĩa-vụ của quốc-gia phải làm, suy ra đối với nhân-dân, với các việc giáo-dục, trị-an đều thế cả. Cho nên ở đâu mà hai cái giới-hạn nghĩa-vụ với quyền-lợi của quốc-gia quốc-dân tương-đối đều được phân-minh xứng-đáng thì gọi là « pháp-trị-quốc », pháp-trị-quốc là cái nước cứ theo đúng vào trong pháp-luật mà cai-trị, nước pháp-trị quốc kể thực ra thì đến đời nay mới có, mà lại phải tất là nước đã « lập-hiến » rồi mới có thể có được.

IV. — Nước lập-hiến

Lập-hiến là những hiến-pháp tổng-yếu để trị nước của một bên chủ-trị với một bên nhân-dân cùng thỏa-thuận lập ra mà cùng tuân theo. Hiến-pháp tùy chính-thể của từng nước mà khác nhau, có phép quân-chủ lập-hiến như nước Anh-cát-ly (*Angleterre*), nước Ý-đại-ly (*Italie*) và nước Nhật-bản, v.v.. có phép dân-chủ lập-hiến như nước Pháp (*France*), Mĩ-lị-kiên (*Etats-Unis*), v.v..

Phép quân-chủ lập-hiến thì chủ-quyền ở vua, phép dân-chủ lập-hiến thì chủ-quyền ở dân. Hiến-pháp tuy có khác nhau mà bất-ngoại là bày rõ cái công việc của chủ-quyền thế nào. định rõ cái quyền của ba quốc-quyền có chừng hạn và quan-hệ thế nào, định rõ cái quyền của nhân-dân với chủ-trị có chừng-hạn quan-hệ thế nào.

Hiến-pháp đã là phép để trị nước thì lại phải tùy quốc-thế mỗi thời mà biến-canh, trên địa-cầu không có hiến-pháp nào là vạn-thế bất-dịch bao giờ.

Tuy vậy, ngày nay một nước nào mà có được hiến-pháp và biết tuân theo được không phải là dễ, tất nhân-dân trong nước đã dồi-dào cái tư-tưởng, phát-đạt cái trí-thức về chính-trị, biết trọng cái quyền-lợi của kẻ khác, biết kính giữ cái trật-tự của quốc-gia, gây nên cái tư-cách người nghị-viên xứng-đáng thay mặt cho nhân-dân ra Nghị-viện, thì nhân-dân mới được hưởng cái hạnh-phúc tự-do thực của hiến-pháp.

Muốn cho nhân-dân được có những tư-cách như trên ấy mà không tìm đường để mở lấy tư-tưởng, luyện lấy trí-thức về chính-trị thì nhân-dân làm sao mà có được. Vậy muốn như thế phải thực-hành cái chế-độ địa-phương tự-trị thì mới kết được cái quả hay. Nước ta ngày nay Nghị-viên Bắc-kỳ đã xin Chính-phủ thi-hành chính-sách « cải-lương hương-chính » thì đã biết lưu-tâm đến cái chế-độ tự-trị rồi đó.

V. — Thế nào là địa-phương tự-trị

Địa-phương tự-trị không phải là các xứ địa-phương đều rời hẳn Nhà-nước

ra mà tự cai-trị lấy trong địa-hạt mình đâu.

Quốc-gia đặt bộ cơ-quan để cầm chủ-quyền mà thống-trị cả các địa-phương trong nước, ấy là Chính-phủ trung-ương. Quốc-gia lại phân ra một phần chính-quyền cho các xứ được tự mình kinh lý lấy những việc thuộc về địa-hạt mình và gánh vác những chức-vụ mà quốc-gia ủy-thác cho, ấy là địa-phương tự-trị hay cũng gọi là địa-phương phân-quyền.

Địa-phương có nhiều bậc, là trong một nước tùy địa-thế chia ra làm từng xứ từng khu một, cho dễ cai-trị. Vì như nước Việt-Nam ta chia ra làm ba xứ là Trung-kỳ Bắc-kỳ, và Nam-kỳ, đó là ba địa-phương to, mỗi xứ lại chia ra làm từng tỉnh là những địa-phương nhỏ, mỗi tỉnh lại chia ra làm từng huyện là những địa-phương nhỏ hơn, mỗi huyện có nhiều làng là những địa-phương bé nhất.

Các địa-phương ấy có thể thành-lập từ trước quốc-gia, ấy là các làng, như làng Phù-đổng, phố Thăng-long, từ khi chưa có quốc-gia nhà Trần, quốc-gia nhà Lý, v.v.. thì làng Phù-đổng đã thành nóc xã, phố Thăng-long đã thành hàng-phố rồi.

Có thứ địa-phương thì quốc-gia đương-thời mới canh-cải mà thiết-lập ra, đan-cử như xứ Bắc-kỳ về đời Tự-đức thì gồm cả ba tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, nay thì ba tỉnh ấy thuộc về Trung-kỳ. Lại như tỉnh Hà-đông ngày nay chỉ là một phần trấn Hà-nội ngày xưa, cho đến các huyện cũng thường thường cải đổi luôn.

Vậy hợp làng thành huyện, hợp huyện thành tỉnh, hợp tỉnh thành xứ mà hợp cả các xứ lại thì thành nước. Ví-dụ như thân-thể người, nước là cái toàn-thể sinh-hoạt, xứ là những bộ-phận lớn của toàn-thể, tỉnh là từng bộ-phận nhỏ trong một bộ-phận lớn, huyện lại nhỏ đi nữa, đến như làng thì là một cơ-thể sinh-hoạt đan-vị và yếu-tố của các bộ-phận trong thân-thể. Muốn cho toàn-thể béo-tốt khỏe-mạnh thì phải làm thế nào cho từ các cơ-thể đến các bộ-phận của toàn-thân đều nẩy-nở phát-đạt. Cái tinh-thần của chính-sách địa-phương tự-trị chính là làm cho các làng các xứ đều hưng-thịnh mà giúp nên cho quốc-gia hưng-thịnh đó.

Chính-sách ấy nhà chính-trị gọi là « trục bộ cấu-thành quốc gia 逐步構成國家 », nghĩa là kết-cấu từ từng bậc lên cho thành quốc-gia hoàn-toàn.

VI.— Thực-hành tự-trị chế có những lợi ích gì.

Một quốc-gia nào mà thực-hành được chế-độ địa-phương tự-trị thì sẽ được những ích-lợi là :

1º — Thi-hành phép tự-trị thì tất nhiên chức-vụ của Nhà-nước có thể san-sẻ cho các địa-phương gánh đỡ. Những người ở các địa-phương có cái cảm-tình trực-tiếp đến cái lợi-hại của mình được ra mà xử-trí công-việc, công-việc tất ổn-thỏa mà đỡ tổn-phí hơn những người xứ khác không có cảm-tình trực-tiếp về lợi-hại.

2º — Nhà-nước nào thịnh-vượng được mà không phải nhờ ở cái sức siêng-năng của nhân-dân giúp vào. Nếu nhà nước chỉ trông cậy ở các quan-lại làm mọi việc, nhiều khi làm cho nhân-dân với chính-phủ khe cách nhau, mà cái sức hữu-ích của dân kia thành vô-dụng, nay thi-hành phép tự-trị cho có thực-hiệu thì dân-gian được đem hết sức siêng-năng mà cung vào sự thịnh-vượng cho nhà-nước.

3o — Nhân-dân không được biết việc nước, không hiểu nhà-nước phải làm những gì, chi những gì thì phải thu những gì, nên đối với nhà-nước không chịu hết nghĩa-vụ, nhất là chỉ chực trốn sưu, mong nhẹ thuế, không biết rằng nhân-dân với chính-phủ là huyết-mạch thông nhau, thịnh-suy cùng nhau, nay phép tự-trị cho nhân-dân đều được tham-dự việc nước việc công, những người đại-biểu của dân đều là chức vinh-dự, nhà-nước nhẹ bớt cái số lương phải nuôi quan-lại mà nhân-dân cũng phấn-phát cái lòng yêu nước hết sức gánh nghĩa-vụ với nhà-nước.

4o — Phép tự-trị cốt khiến cho công việc trong xã-hội, cái gì cũng được thực-tế thực-hành, cốt khiến cho các xã thôn trừ bỏ cái thói thổ-hào chuyên-[illegible]o người ta được tương-mưu tương-[illegible]ng với nhau, bỏ những lòng riêng ấy mà theo cái ý công-chúng số nhiều, thì xã-hội bao giờ cũng giữ được hòa-bình.

5o — Ngày xưa các nước về thời chuyên-chế, chính-quyền tụ cả vào một chỗ trung-ương là Triều-đình hay Quốc-gia một cách tư-kỷ, nhân-dân chỉ biết phục-dịch cung-đốn, chả khác chi một bộ máy vô-tri, bộ máy mong được người cầm máy giỏi thì làm được việc, nếu không đắc-nhân thì máy phải hỏng ngay, phương-chi nước còn nhiều việc quan-hệ hơn máy, nghĩa là lúc được ông vua hùng-chủ thì nước thịnh, nhất-đán ông vua ấy tạ-thế đi, việc nội-ưu ngoại-hoạn dồn đến, một mình trung-ương lo-liệu, ngoài ra không ai đỡ được việc gì, thì tài nào mà quốc-gia ấy không đổ-nát. Xem như đời vua Quang-trung nước ta, trong thống-nhất toàn-quốc, ngoài mưu đòi Lưỡng-Quảng, quốc-thế hách-dịch dường nào! hay đâu công-nghiệp chưa thành thì vua mất mà cái bá-đồ của vua cũng đổ-nát theo. Các quốc-gia của các đời vua chúa hùng-kiệt trên lịch-sử thế-giới cũng như thế nhiều lắm. Nay phép tự-trị kết-cấu từ từng cơ-thể bộ-phận lên đến toàn-thể, cơ-sở của quốc-gia vững-vàng, dẫu có gặp tai-biến nội-ưu ngoại-hoạn cũng không lo gì

6o — Cái chế-độ lập-hiến phải trông vào cái trình-độ trí-thức về chính-trị của quốc-dân như chương trên đã nói, đây lại giải cho rõ thêm, bộ cơ-quan hương-chính, hay nói tòa Hội-đồng hương-chính cho dễ hiểu, chính là chỗ gây lấy tư-tưởng, luyện-tập lấy trí-thức về chính-trị cho quốc-dân, chính là chỗ gây dựng lấy nhân-vật ra Nghị-viện nơi quốc-hội, phải biết hương-chính cũng như quốc-chính, cốt phải hiểu chi những gì thì phải thu những gì, cái số dự-toán của làng với cái số dự-toán của nước tuy lớn nhỏ phiền giản có khác nhau, mà đại-để cũng là một, nên người đã tinh việc hương-chính, được cử làm nghị-viên ra Nghị-viện, tất được việc cho nước cho dân, vì có thỉnh-cầu gì cũng biết châm-chước không đến vụ hư-danh mà vô-ích cho sự thực.

VII — Tự-trị-thể — Quyền giám-đốc của quốc-gia

Đối với quốc-gia thì mỗi địa-phương là một cơ-thể mà địa-phương tự-đối thì là tự-trị-thể, trong tự-trị-thể phải có chức-quyền đủ sinh-hoạt về tinh-thần, về sự-vật, nghiễm-nhiên độc-lập như cách tổ-chức một quốc-gia, nghĩa là cũng phải đủ cả thổ-địa, nhân-dân, cơ-quan, hiến-pháp, chức-vụ của tự-thân và chức-vụ của quốc-gia ủy-nhiệm cho, bấy nhiêu điều trong tự-trị-thể được tự-do hành-động trong giới-hạn mình để cầu cho vận-mệnh được tấn-tới.

Tự-do-thể hợp từ khu-vũ nhỏ trở lên mà đặt ra làm từng bậc, như làng là một tự-trị-thể nguyên-vị nhỏ nhất, rồi hợp làng làm huyện, làm tỉnh, hợp tỉnh làm xứ, là những tự-trị-thể bậc trên.

Tự-trị-thể đã là cơ-thể sinh-hoạt của toàn-thể quốc-gia, huyết-mạch thông nhau, thịnh-suy cùng nhau, thì sự hành-động của tự-trị-thể không chịu quyền giám-đốc của quốc-gia không được, vì mỗi một tự-trị-thể chỉ biết cái lợi-hại trong địa-hạt mình mà quốc-gia thì còn phải quản-cố cả cái lợi-hại trong ngoài chung của toàn-quốc.

Quốc-gia ngày xưa là lấy địa-vị Triều-đình đối với các bộ-lạc, ngoài việc trị-an lương-thuế ra, nhất-thiết những sự hành-động kinh-tế của đoàn-thể nhân-dân về việc làng việc hội tư, quốc-gia không can-thiệp đến mà cũng không hỏi đến, cũng là vì quyền-lợi với nghĩa-vụ không rõ-ràng.

Quốc-gia ngày nay là lấy tư-cách đại-biểu quốc-quyền cho toàn-thể một nước, các cơ-quan của các tự-trị-thể là các cơ thể sinh-hoạt của quốc-gia, sự lợi-hại thịnh-suy quan-hệ với nhau, quyền-lợi nghĩa-vụ đều cân đối, cho nên không những các làng thuộc về chính-quyền, đến cả các cuộc đoàn-thể của nhân-dân như các tư-hội của người ta lấy tình-cảm riêng mà lập ra, quốc-gia đều lấy quốc-quyền can-thiệp đến, cách can-thiệp ấy là muốn cho thống-nhất và liên-hợp đó mà thôi, ấy gọi là quyền giám-đốc của quốc-gia.

Quyền giám-đốc ấy can-thiệp đến cả sự-vật về tinh-thần, sự-vật về doanh-nghiệp mà nhất là việc tài-chính là lấy nghĩa rằng vốn-liếng của nhân-dân tức là vốn liếng của quốc-gia, nên công-quĩ của các hội tư, của các làng và các địa-phương lớn khác đều thông với công-quĩ của nhà-nước.

Tuy thế nhưng mà cái quyền giám-đốc của quốc-gia ấy không phải là vô-hạn đâu, ở nước pháp-trị-quốc đều có hạn-định rõ-ràng ra ở trong pháp-luật để cho hành-chính-quan khỏi việt-quyền mà lạm-dụng cách ngăn-trở và can-thiệp quá-đáng, làm áp-ức mất cả những sự tự-do của nhân-dân, cho nên luật hương-chính Nhật-bản có hai cách, một là khi quan quận-trưởng muốn giám-đốc việc làng nào thì phải có Hội-đồng dân-biểu của hàng quận bằng lòng mới được, đến như huyện cũng thế; hai là khi nào quyền-lợi của tự-trị-thể bị lấn thì hành-chính-quan không được xét mà cho đem ra kiện ở tòa-án nào có tư-cách độc-lập. Làm như thế là để bảo-hộ sự tự-do và độc-lập của tự-trị-thể và để bảo-hộ lấy lợi-ích của toàn-thể quốc-gia vậy.

Cho nên các quốc-gia chuyên-chế ngày xưa tuy không hỏi đến việc đoàn-thể của dân, nhưng gặp việc gì muốn ngăn-trở cũng được, đến như các nước pháp-trị ngày nay đối với cá-nhân cũng như đối với đoàn-thể, ngoài những việc quốc-gia phải trông coi ra, như tín-giáo, học-thuật, doanh-nghiệp và thoát-quốc-tịch đều cho nhân-dân được tự-do cả. Quốc-gia lại còn cho nhân-dân được mấy cái tự-do về công-quyền nữa, như là tự-do lập-hội, tự-do xuất-bản và tự-do về công giáo-dục. Nhưng ba cái tự-do về công-quyền này nó có quan-hệ trực-tiếp đến quốc-gia, cho nên quốc-gia phải xem cái trình-độ của nhân-dân đã biết tôn-trọng quyền-lợi của kẻ khác, biết giữ trật-tự của nhà nước thế nào thì mới cho.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT *biên-dịch*

KHẢO VỀ PHONG-TỤC NƯỚC TÀU (1)

VI

THIÊN THỨ IV

Tự thời-đại phù-mĩ lại su về thời-đại đôn-phác

CHƯƠNG THỨ I. — XÉT VỀ ĐỜI TỐNG

1o *Khái-luận*. — Cố Đình-Lâm rằng : Cái khí-tiết trung-nghĩa của kẻ sĩ-phu, đến đời Ngũ-quí tiêu-diệt đi gần hết. Nhưng từ đời Tống mới khởi lên [illegible] có Phạm Chất, Vương Phồ cũng là trung-nghĩa, nhưng cũng chửa được khá lắm. Vua Tống-tổ mới bắt đầu bao-tưởng Hàn Thông, rồi lại tinh-biểu Vệ Dung, để tỏ cái ý-hướng khích-lệ về [illegible]ng-nghĩa. Đến đời vua Chân-tôn, Nhân-tôn, thì có Điều-Tích, Vưởng Vũ-Xưng, Phạm Trọng-Yêm, Âu Dương-Tu, [illegible]ng Giới đều là các bậc hiền-đạt, [illegible]ặc lấy trực-ngôn chính-luận mà xướng lên ở trong triều, bởi thế kẻ tấn-thân trong ngoài mới đều lấy danh-tiết làm cao, liêm-sĩ làm chuộng, bỏ hết cái thói xấu đời Ngũ-quí đi. Vậy nên đến đời Tĩnh-khang gặp biến, kẻ chí-sĩ vung tay áo khởi lên mà theo việc cần-vương, dẫu lâm đến hoạn-nạn cũng không chịu khuất, đến khi đời Tống mất nước thì biết bao nhiêu kẻ trung-tiết xuất-hiện ra đời. Than ôi ! Xem cái thói xấu đời vua Ai Bình mà có thể biến ra cái thói tốt đời Đông-Hán, cái thói suy-loạn đời Ngũ-quí mà có thể biến ra cái thói trung-nghĩa đời Triệu-Tống, như thế thì phong-tục trong nước hư-hỏng đến thế nào mà chẳng biến đi được.

2o *Ăn uống*. — *Phong-song tiểu-độc* rằng: Những công-nghệ ở chốn cựu-kinh [illegible]ng lắm cái kỳ-xảo, cho đến việc nấu nướng cỗ bàn cũng đã có tiếng, nh[illegible] thứ bánh Mai-hoa bao-tử 梅 [illegible] của nhà Vương-lâu, thứ bánh [illegible] Tào bà-bà, thứ cơm hầm [illegible] của nhà họ Tiết, thứ hầm vịt ngỗng của nhà họ Mai, thứ ăn phụ của nhà họ Tào, thứ canh bầu của nhà họ Từ, thứ bánh dán mỡ của nhà họ Trịnh, thứ bánh sữa của nhà họ Vương, thức ăn nướng của nhà họ Đoàn đều là những thức ăn ngon có tiếng ở thời ấy. Lại còn thứ canh cá ở trên hồ Nam-thiên, thứ thịt dê của nàng Tống ngũ-tẩu, thứ canh lòng huyết của nhà họ Vương, đều là những món ăn ngon của các cửa hàng, họa-hoằn mới có. Xem đó thì biết cái cách ăn uống thời ấy hiếu-thượng một cách lạ. Còn như những cách pha nấu phổ-thông, thì trong sách *Thực-trân* của Ngu Tung đã nói kỹ lắm.

3o **Áo mặc**. — Sách *Văn-hiến-thông-khảo* chép rằng : Đời vua Tống Chân-tôn trong năm Thái-trung tường-phù có lệnh cấm dân-gian không được mặc thứ áo ban-bác kết mầu thâm. Sách *Dư-phục-chí* chép rằng : Thứ áo tía xưa là thứ áo của hoàng-thân và kẻ nội-thần mặc, sau đổi ra thứ mầu xám đen, kẻ sĩ-thứ dần-dà cũng bắt-chước mặc thứ áo ấy, có người bác thứ áo ấy là thứ áo kỳ lạ. Vua Nhân-tôn mới

---

(1) Lược-dịch theo sách « *Trung-quốc phong-tục sử* » của Trương Lượng-Thái 張亮采
Xem N.-P. từ số 111. 112. 113. 114.

cấm đi. Thứ áo đơn tía vốn là của các tướng-hiệu mặc; về đời trung-hưng các sĩ-phu cũng có mặc để tiện việc binh. Đời vua Cao-tôn năm Thiệu-hưng thứ hai mươi sáu, mới cấm lúc lâm-dân không được mặc áo nhung-phục tía, từ bấy giờ áo đơn tía không ai mặc nữa. Áo đơn mặc mà cũng như kiểu áo đơn tía, gọi là áo bạch-sam 白衫. Đời vua Hiếu-tôn năm Kiền-đạo, Vương Nghiễm tâu rằng: nay những kẻ sĩ-phu đều mặc áo đạt-trị-thê, không phải là mĩ-quan, khất mình mặc áo ấy để giao-tiếp đối với các cụ, lại làm quan mà mặc thuần trắng cả, có khác gì là mặc đồ trở. Nay bệ-hạ đương phụng-sự lưỡng-cung phải nên cách-trừ thứ áo ấy đi. Nhưng vì văn võ các quan đều dùng áo ấy cả, không thể bỏ hẳn đi được, ngoài áo chầu ra cũng phải có thứ áo thường-tiện, xin cứ cho dùng thứ áo đơn tía cũng không hại gì. Vì thế lại cấm thứ áo bạch-sam đi. Thời ấy trong cung chuộng đội một thứ mũ gài lược sừng trắng, sau người ta tranh nhau bắt-chước, gọi là dáng nội-cung, buông dài đến chấm vai, có khi dài đến ba thước, lược cũng dài đến hơn một thước, có kẻ nói cách mặc thế là một lối yêu-quái. Nhân-tôn mới hạ-lệnh đàn-bà đội mũ không được cao hơn bốn thước, rộng không được hơn một thước, lược không được hơn bốn tấc, không được làm bằng sừng. Sách *Triền-dã tạp-ký* chép lối áo mặc đời nhà Tống biến đổi nhiều lần, từ khi thiên-đô sang nam-độ, nhân-tình đã chuộng về lối giản-dị, chớ không như cũ nữa.

4º *Trung-nghĩa.* — Kể về đời Tống thì những kẻ nhân-nhân chí-sĩ nối gót xuất-hiện ra nhiều lắm, mà rồi cũng theo kiếp-vận đều chết hết cả, chớ không bổ-cứu gì cho vận nước lúc nguy-vong, đọc *sử* qua những hồi ấy ai cũng phải có dư-hám. Song thử nghĩ những người thân đương quốc-biến, ngậm đắng nuốt cay, mà vẫn bách-chiết bất-hồi, bày tỏ gan trung mật nghĩa, lẫm-liệt như có sinh-khí, như là diễn ra một tấn tuồng hoạt-kịch anh-hùng, không những là người ta ai cũng sùng-bái, ai cũng ca-tụng, mà có khi làm cho người ta ai cũng hưng-khởi nức lòng, là vì những người trung-nghĩa ấy có thể làm tiêu-chuẩn cho phong-tục của xã hội quốc-gia muôn đời. Ôi! Đã đủ làm tiêu-chuẩn cho phong-tục của xã-hội quốc-gia muôn đời, thì tức có thể làm đại-biểu cho phong-tục đời ấy. Vậy nên phong-tục đời Tống ta phải trước kể những người nhân-nhân, nghĩa-sĩ lên trước để làm quan-miện.

1) *Nhạc Phi* 岳飛. (Tên tự là Bằng-cử 鵬舉).

號令風雷迅
Hiệu lệnh phong lôi tấn,
天聲動北陲。
Thiên thanh động bắc su;
長驅渡河洛。
Trường khu độ Hà Lạc,
直擣向燕幽。
Trực đảo hướng Yên U;
馬蹀閼氏血。
Mã điệp Yên-chi huyết,
旗梟克汗頭。
Cờ kiêu Khắc-hãn đầu,
歸來報明主。
Qui lai báo minh-chủ,
恢復舊神州。
Khôi-phục cựu thần-châu.

Sấm chớp dùng ra hiệu,
Oai trời động bắc-biên;
Ruổi tràn qua Hà Lạc,
Trỏ thẳng tới U Yên;

Ngựa giày qua máu giặc,
Cờ bêu bỗng đầu phiên ;
Sớm mong về báo chúa,
Khôi-phục lại trung-nguyên.

Ấy là bài thơ của Nhạc-Phi, đọc đến ai cũng phải áy-náy cuộc đời về những lúc thịnh suy hưng phế mà sinh lòng vô-cùng cảm-khái thương-viếng kẻ anh-hùng. Lại còn bài từ-điệu *Mãn-hồng-hồng* rằng :

怒 髮 衝 冠。
Nộ phát xung quan,
凭 欄 處 蕭 蕭 雨 歇。
Bằng lan xứ tiêu tiêu vũ [illegible];
擡 望 眼 仰 天 長 嘯。
Đài vọng nhãn, ngưỡng thiên trường-khiếu,
壯 懷 激 烈。
[illegible]ráng hoài khích liệt,
三 [illegible] 功 名 塵 與 土。
T[illegible] thập công-danh trần dữ thổ,
[illegible] 千 里 路 雲 和 月。
Bát thiên lý lộ vân hòa nguyệt ;
莫 等 閒 白 了 少 年 頭。空 悲 切。
Mạc đẳng nhàn, bạch liễu thiếu-niên đầu, không bi-thiết.

靖 康 恥。猶 未 雪。
Tĩnh-khang sỉ, do vị tuyết,
臣 子 恨。何 時 滅。
Thần-tử hận, hà-thì diệt.
駕 長 車。踏 破 賀 蘭 山 缺。
Giá tràng xa, đạp phá Hạ-lan sơn khuyết.
壯 志 饑 餐 胡 虜 肉。
Tráng-chí cơ sôn Hồ-lỗ nhục,
笑 談 渴 飲 匈 奴 血。
Tiếu-đàm khát ẩm Hung-nô huyết.
待 從 頭 收 拾 舊 河 山。朝 天 闕。
Đãi tùng đầu thu thập cựu hà sơn, triều thiên-khuyết.

Giận xung ngược tóc,
Tựa câu-lơn giọt mưa lác-đác.
Ngửa mắt trông, kêu trời một tiếng,
Lòng thêm bát-ngát.
Trong cuộc công-danh lần bụi trần,
Ngoài dặm đường xa mờ bóng nguyệt.
Ch[illegible] bỏ hoài tuổi trẻ đến bạc đầu,
[illegible]lần thêm bi-thiết.

S[illegible]ây, còn chửa tuyết,
Cà[illegible]g-h[illegible]ù giận, bao giờ hết !
[illegible]c-k[illegible]ài, đạp đổ Hạ-lan núi
[illegible]rời [illegible] khuyết,
[illegible]iặc hăng lên thề mổ thịt,
Chém [illegible]ợ khát đến căm uống huyết !
Làm cho được thu-phục lại non sông, chầu đế-khuyết.

Đọc những câu thơ-từ trên ấy ai là chẳng khích-động ý-khí áy-náy vô-cùng, tỉnh-thức con người ta sinh ra lòng khảng-khái muốn làm kẻ anh-hùng hào-kiệt. Xưa nay kẻ anh-hùng cũng tùy thời-thế mà thêm trọng ra, nghĩa là kẻ nhân-tài về thời-đại bình-yên dễ-dàng, vẫn không bằng những kẻ nhân-tài về thời-đại gian-nan rối-loạn. Đời Nam-Tống đương là lúc nhu-tài ngặt lắm, mà Nhạc Phi hay lấy cái sức nhà Tống tích-nhược đã lâu, chống nhau với nước Kim đương mạnh, trong hai ba tháng đánh đâu được đấy, thế như chẻ tre, đã sắp có cái hi-vọng nay mai là sang sông Hà Lạc, đạp phá U Yên cùng nhau hội-ẩm ở Hoàng-long để cho khoái-chí, tiền-đồ chửa biết chừng ra thế nào, thế mà nhà vua lại hạ ngay kim-bài xuống triệu về, không những là công-lao trong mười năm nhất-đán bỏ đi mất cả, mà Nhạc-Phi lại phải bị oan về ngục « tam-tự 三 字 » là không có chứng-cớ gì cả mà chết về tay Tần Cối, kết-cấu thành một tấn kịch rất bi-tráng ghi trong lịch-sử nước Tàu. Tuy rằng Nhạc-Phi là người an[illegible]ùng chửa

thành sự, nhưng nghìn đời sau ai cũng thương đau mà than tiếc, tiếc cho công đã sắp thành mà lại bại, cái tư-tưởng ái-quốc bài-ngoại xưa nay dễ đã có mấy người. Song công ông tuy là sắp thành mà lại bại, nhưng cái tinh-thành hiệu-khí của ông vẫn còn tràng-lưu chiếu diệu ở trong khoảng trời đất.

2) *Văn Thiên-Tường* 文天祥 (hiệu là Văn-sơn). — Văn-Thiên-Tường có soạn ra một bộ *Văn-[illegible]* hai mươi mốt quyển. Tôi n, khảo minh sự-tích của ông Thiên-Tường là ... bình-sinh có đại-tiết, chiếu-diệu cổ kim, mà về việc trước-tác cũng rất là hùng-hồn dư-dật. Bài văn-sách của ông lúc vào thi đình-đối và những thư dâng lên vua Lý-tôn, thì lời-lẽ nghị-luận rất là khải-thiết, người ta khen rằng can-đảm như sắt đá, thực không thẹn vậy. Trong tập *Nông-điền dư-thoại* của Trường-Cốc có nói rằng: « Nhà Tống từ sau khi nam-độ, văn-thể thì phá-nát, thi-thể thì thấp hèn. Chỉ có văn thơ của những ông Phạm Thạch-hồ, Lục Phóng-ông là bình-chính hơn cả. Rồi đến Văn Thiên-Tường cũng lưu ý về lối Đỗ-thi, bỏ hết những thói phàm-tục hủ-lậu đời ấy đi, xem như chép ở trong *Chỉ-nam tiền-hậu-lục* thì biết, không những là có cái khí trung-nghĩa sáng suốt một thời, mà cũng là cái gián-khí của tư-văn nó phát hiện ra vậy. Văn-sơn lại có tập Đỗ-thi bốn quyển, kể cái duyên-do quốc-gia táng-loạn, và cái cảnh lúc bình-sinh lịch-duyệt, cùng là những kẻ trung-thần nghĩa-sĩ chu-toàn lúc hoạn-nạn, đều ghi chép thực cả, diện-mạt rõ-ràng, không khác gì là thi-sử vậy. Nay xem như câu thơ: « *Hai trăm châu quận cõi bờ tan, thẹn cả non sông chính-khí tàn* 厥角稽首二百州。正氣掃地山河羞。» Và câu: « *Nào khách phong-lưu đâu đó tá, hờ-hững quân-vương bỏ giữa đường,* 幾多江左腰金客。便把君王作路人。» thì thống-thiết biết chừng nào! Lại như những câu: « *Toàn-bích không đem về nước cũ, đông nam mấy mặt ấy tài trai,* 不是謀歸全趙璧。東南那個是男兒。» *Lòng người vẫn đó non sông đó, vũ-trụ còn dài việc chửa thôi.* 江山不改人心在。宇宙方來事未休。» « *Tự cổ cõi đời ai sống mãi, niềm đan còn để sử xanh ghi.* 人生自古誰無死。留取丹心照汗青。» « Nhà tan nước mất đôi dòng lệ, đất lở trời long một tấm thân, 國破家亡雙淚[illegible]天荒地老一身輕。» Những câu thơ trên ấy thì bi-tráng biết chừng nào!

Lại còn bài từ họa khúc *Loại-giang-nguyệt* 酹江月 rằng:

廬山依舊凄涼處
Lư-sơn y cựu thê-lương xứ,
無限江南人物空
Vô hạn Giang-nam nhân-vật không.
翠晴嵐。浮汗漫。
Thúy tình lam, phù hãn-mạn,
還障天東半壁。
Hoàn chướng thiên đông bán-bích;
雁過孤峯。猿啼老嶂。
Nhạn quá cô-phong, viên đề lão-chướng,
風急波翻雪。
Phong cấp ba phiên tuyết.
乾坤未歇。
Kiền khôn vị yết.
地靈尙有人傑。
Địa linh thượng hữu nhân-kiệt,
堪嗟飄泊孤舟。
Kham ta phiêu-bạc cô-chu,
河傾斗落。
Hà khuynh đẩu lạc;
客夢催明發。
Khách mộng thôi minh phát.
南浦閒雲連草樹。
Nam-phố nhàn-vân liên thảo thụ,

回首旌旗明滅。
Hồi thủ tinh kỳ minh diệt.
三十年來，十年一過。
Tam thập niên lai, thập niên nhất quá,
空有星星髮。
Không hữu tinh tinh phát,
夜深愁聽胡笳。
Dạ thâm sầu thính hồ-già,
吹徹寒月。
Xuy chiệt hàn nguyệt.

Lạnh-lẽo non Lư này chốn cũ,
Giang-nam thử hỏi có ai không [illegible]
Non xanh biếc, xa mờ-mịt [illegible]
Che khuất trời đông bán-bích ;
Nhạn quá đầu non, vượn kêu cuối vách,
Gió dồn sóng bay tuyết,
Kiền khôn chửa hết,
[illegible] còn có nhân-kiệt.
Thương thay xiêu giạt con thuyền,
Sông nghiêng tinh lạc,
C[illegible] mộng buổi minh-phát,
M[illegible]y liền bến nam khuất cỏ cây,
Ngảnh lại bóng tinh lòe-loẹt.
Trong ba mươi năm, qua độ mười năm,
Đà thấy tóc trắng bạch,
Đêm khuya văng-vẳng tiếng kèn,
Lạnh lùng bóng nguyệt!

Lại có làm cho Vương phu-nhân một bài từ rằng ;

彩雲散。香塵滅。
Thái-vân tán, hương-trần diệt,
銅駝恨。那堪說。
Đồng-dà hận, na kham thuyết.
想男兒慷慨。嚼穿齦血。
Tưởng nam-nhi khẳng-khái, tước [xuyên ngấn-huyết,
回首昭陽離落日。
Hồi thủ Chiêu-dương li lạc nhật,
傷心銅雀迎新月。
Thương tâm Đồng-tước nghênh tân- [nguyệt,
算妾身不願似天家。金甌缺。
Toán thiếp thân bất nguyện tự thiên- [gia, kim-âu khuyết.

[illegible] mây tan, mầu hương diệt,
[illegible]n đồng-đà [1] khôn kể xiết ;
[illegible] trai khẳng-khái nghiến răng
[illegible] ra huyết,
[illegible] Chiêu-dương bóng trời
[illegible] chiều,
[illegible]ơng tâm Đồng-tước hóng tân-
nguyệt ;
Nghĩ thân thiếp chẳng muốn tựa
[nhà vua, Âu vàng khuyết.

Đọc những bài thơ từ trên này thì đầy những là cái giận vong-quốc, cái tình ái-quốc, một chữ là một giọt chứa-chan ; còn đến như bài ca *chính-khí* 正氣歌, và câu « *Thành nhân thủ nghĩa* 成仁取義 » để trong dải áo, sau khi mất rồi người Nguyên xét thấy, thì thực là tỏ ra lòng trung-nghĩa ai cũng biết cả. Than ôi! Văn Thiên-Tường lòng khổ thật, chí tráng thật, những nhà luận-sử đời sau thường lấy những ông : Trương Thế-Kiệt, Lục Tú-Phu, Lý Đình-Chi, Lý Phất, Trần Văn-Long, Đan Công-Tuyển, Triệu Dữ-Trạch, Mã Ky, Khương Tài, Triệu Hoài, Triệu Mão-Phát, Hạ Ỷ, Vương An-Tiết, Nguyễn Chính-Kỷ, Giang Vạn-Lý cùng với Văn Thiên-Tường, đều cho là bởi tại nhà Tống có công gây dựng khí-tiết cho kẻ sĩ và trăm năm mới được thực-báo như thế, và cũng bởi tại cái hiệu-quả của các Tống-nho đề-xướng học-phong nữa. Lời nói ấy rất phải. Nay nghe thấy cái phong ông Thiên-Tường, kẻ ngoan-phu cũng phải liêm, mà kẻ nọa-phu cũng phải lập-chí.

(1) Con lạc đà bằng đồng đứng ở ngoài cửa cung, khi đời Tấn mất nước thì bỏ trong bụi rậm.

3o *Trịnh Tư Tiếu* 鄭思肖. — Người xưa có nói : Đáng thương nhất không gì bằng cái tâm chết Tâm là họp cả tinh-thành ở đó, để mà dựng thiên-kinh lập nhân-cực suốt muôn đời mà không mất đi được. Vậy nên từ xưa các quốc-gia phải nhờ có nhân-tâm rồi mới có phong-tục. Di-dâ[illegible] đời Tống là Trịnh Tư-Tiếu vốn là [illegible] người nhất-tâm với nhà Tốn[illegible] ói rằng : « Nước mà sở-dĩ tự-lập [illegible] không phải nhờ về sức, là [illegible] tâm, vậy nên khéo xem xét [illegible] chỉ cốt xem nhân-tâm thì biết [illegible] nói rằng : « Người đời nay [illegible]n có [illegible] người một vạn tấm lòng, mà chỉ [illegible] một lòng vị-lợi. » Đó đều là những lời nói ghét kẻ loạn-thần tặc-tử không còn có nhân-tâm gì cả. Nay đọc xem cái tâm-sự của ông lại càng biết cái tâm ông quang-minh tuấn-vĩ, cái nguyên-khí một đời nhà Tống vẫn hãy còn. Ông có những câu thơ rằng : « *Tâm mơ màng nước cũ, thơ than vãn đời suy* 一心中國夢。萬古下泉詩。» «*Gió xuân ngày tháng dõi, cõi thế nước non đây.* 春風仍日月。世界自山河。» « *Mơ màng non nước Tống, nào biết tháng ngày nay.* 不知今日月。但夢宋山川。» « *Sao cho đáng cái chết, khỏi thẹn kiếp làm trai,* 生得男兒骨。死亦精神。» « *Lập thân việc lớn ta phải nghĩ, nếu lỡ đi rồi chết cũng sỉ.* 丈夫立身乃大事。一失此足死亦恥。» « *Đã từng khắc-cốt ghi lời thệ, đem lại thần-châu cuộc thái-bình.* 小臣有誓曾銘骨。不到神州不太平。» « *Trung-hưng cuộc ấy chưa rồi việc, hồn thác còn thiêng chửa đã thôi.* 我非辦得中興事。一點英靈死不消。» « *Thà ấp lấy hương đành chịu chết, chẳng theo gió bắc rụng bay xuôi.* 寧可枝頭抱香死。不曾吹落北風中。» « *Lôi-đình nổi trận xoay trời lại, nhật nguyệt quay vòng nổi đất lên.* 心[illegible]雷霆開世界。手提日月上山川。» « *Nước bĩ thề đem thân gỡ nạn, đời loàn ai biết kẻ nào tài, đường cùng tính đến mưu toan khó, xé nát buồng gan trời đất ơi!* 誓以四夫紓國難。艱於亂世取人才。屢曾算至難謀處。裂破肺肝天地哀。» Đọc đến những câu thơ trên này thực là một chữ một giọt lệ. Phàm ông làm ra văn thơ đều thế cả, hễ đọc hết một bài thì nhiệt-huyết lại thồn-thức lên một độ. Than ôi! Văn thơ của tiên-sinh còn ở trong trời đất này, thì tinh-[illegible] của tiên-sinh cùng với Trung-quốc [illegible] còn mãi mãi, có phải chỉ chiếm được cái giá-trị rất cao ở trong lịch-sử đời Tống mà thôi đâu.

Ngoài ra các nhà thi-nhân ái-quốc lại còn có những ông : Lục Vụ-Quan, Khương Bạch-Thạch, Phạm [illegible] Hồ. Trong sách *Khốn-học [illegible]-văn* của Vương Bá-Hậu nói rằng : Xé[illegible] như câu thơ : « *Bông liễu chớ theo c[illegible] gió lộn, hoa quì đã có mặt trời soi.* 更無柳絮隨風舞。惟有葵花向日傾。» thì khá biết cái tâm ông Tư-Mã Ôn-công. « *Cuộc đời mây biến đổi, tâm ấy nguyệt soi chung.* 浮雲世事改。孤月此心明。» thì khá biết cái tâm ông Tô Đông-pha.

5o **Liêm-sỉ.** — Diên-bình tiên-sinh bàn trị-đạo thì bảo phải cốt làm cho sáng thiên-lý chính nhân-tâm, sùng-thượng tiết-nghĩa, khích-lệ liêm-sỉ. Muốn xét nhân-tâm có liêm-sỉ hay không, thì xem ngay quan-lại là đủ biết. Quan-lại có cái trách-nhiệm duy-trì phong-hóa để làm tiêu-biểu cho dân. Đời vua Lý-tôn có ông Chân Văn-trung tâu lên vua nói rằng : Trong năm Kiền-đạo, Thuần-hi những kẻ làm quan ở triều lấy sự quĩ-tặng để xin làm môn-hạ làm xấu-hổ ; những kẻ thụ-chức ở ngoài lấy sự đút

lót được vào kinh-đô làm xấu-hổ, nhưng đến năm Thuần-hi thứ 15, Chu Văn-công dâng phong thư lên nói về cái phong-tục ở Tích-giang thậm-tệ, có khi lấy vàng ngọc châu báu làm nem chạo, lấy tờ văn-khế khoán-ước làm giấy giáp thơ văn, cái thói ấy còn chửa cách-trừ đi được, thì biết rằng cái thói quan-lại tham-ô không phải một ngày mà bỏ đi được ngay.

6o *Học-phong.* — Trần Chỉ-trai nói rằng : Từ đời Tống khởi lên, cái học-phong của kẻ sĩ-phu đã ba lần biến-đổi. Kể từ năm Kiến-long (Thái-tổ) c[illegible] đến năm Thiên-thánh, Minh-đạo ([illegible]ân-tôn), thì đã bỏ hết cái thói [illegible]ọc hủ-lậu của đời Ngũ-quí, nhưng cái thói nệ-cổ thủ-thường vẫn ch[illegible]a hóa hết. Từ khi Phạm Văn-Chính mới cùng lũ học-trò chủ-trì lấy danh-tiết chống giữ lại, [illegible] đều theo cả, tự nghĩ mình không [illegible]p được là xấu-hổ. Đến khi Âu-D[illegible]ơng-tử ra, nghị-luận văn-chương đều là thuần-túy điền-nhã vượt hơn đời Tấn Ngụy. Ít lâu lại có Châu-tử ra, văn-chương lại hoa-mĩ, song vẫn gốc ở lục-nghệ. Kinh-thuật của các học-giả gần được như đời Tam-đại, thịnh biết chừng nào ! Nhân-vật triều Tống sở-dĩ sinh ra nhiều là vì thế. Lại kể rõ về học-thuật đời Tống rất tường. Xét đời Tống từ vua Thần-tôn lập ra cái phép ba nhà túc-xá ở trong nhà Thái-học để nuôi dạy học-trò. Về sau Đặng Túc lấy là Thái-học-sinh, dám dâng thơ mười bài lên nói về việc lấy đá hoa là nhiễu dân. Trần Đông cũng lấy là Thái-học-sinh, dám dâng thư lên luận-tội kẻ đại-thần làm ngộ-quốc và điều-trần về thời-sự. Bàn về lịch-sử ai cũng cho là bởi tại cái công-hiệu hưng-học dục-tài mới có người có khí-tiết như thế. Nhưng cái học-phong đề-xướng bởi tại người trên, dân-gian mà chịu cái ảnh-hưởng ấy là ở về phần bị-động. Không bằng những đấng tiên-nho ở Liêm, Lạc, Quan, Mân tự họp lấy học-trò mà giảng học, cũng đủ làm chính được nhân-tâm, duy-trì được phong-hóa. Vậy nên cái khí trung-nghĩa ở cuối đời Tống, thực là phôi-thai ở lúc các tiên-nho giảng học. Trong bọn Thái-học-sinh trừ ngoài Đặ[illegible] Túc, Trần Đông ra, cũng còn nh[illegible] kẻ đáng chê. *Đông-hiên bút-lục* có [illegible]i rằng : Từ khi Vương Kinh-công ở [illegible]ang-thư làm ra tân-kinh-nghĩa [illegible] học-trò, cơ-hồ có đến ba nghìn [illegible] Dịch ; lại sai phân-phán trình-[illegible] của các học-sinh, chia làm [illegible] trung hạ ba xá, dân-gian truyền [illegible]ằng h[illegible] người nào đỗ lên bậc thượng-xá, thì triều-đình siêu-thăng lên ngay không cứ thứ bậc nào. Bởi thế những kẻ thư-sinh khinh-bạc, giả-cách kiểu-sức lời ăn nết ở, để cầu được tiếng khen, rồi chạy-chọt cầu-cạnh ở cửa các quan công-khanh đông như họp chợ. Xem như bài ký trùng-tu huyện-học của Đặng Chi nói rằng : Từ năm Sùng-ninh (Huy-tôn) đến bây giờ, Sái Kinh họp cả học-trò trong nước lại cho ở trong nhà học-xá, rồi thi-khảo văn-nghệ, chia làm ba phẩm, cấp cho ăn uống cũng có thứ bậc, thế ra biện-biệt nhân-tài chỉ cân-nhắc ở từng đồng từng lạng cá thịt, mà học-trò không biết xấu-hổ, còn hăm-hở tham lấy cho được. Sách *tạp-chí* của Chân Mật nói rằng: Cái thói học-trò ba nhà học-xá kiêu-hoành, thịnh lên từ năm Cảnh-thịnh, Thuần-hựu, hễ muốn đuổi ai thì dẫu quan Tể-tướng quan Đài-gián, cũng công-kích thẳng cho phải đi mới nghe, quyền-thế hầu ngang chống với vua. Những kẻ quyền-thần làm tướng về thời ấy như sử Tung-chi, Đinh Đại-Toàn cũng phải chiều chứ không dám trêu đến bọn thái-học-sinh. Đến Giả Tự-Đạo làm tướng biết cái sức mình không thể thắng được, mới lấy thuật để lung-lạc bọn học-sinh, nào là trọng

thêm ân-số, hậu thêm lương bổng, tăng thêm học-điền, cái gì cũng cho thêm hậu cả. Vì thế học-sinh mới hám lợi lại càng sợ uy, dẫu mục-kích Giả Tự-Đạo làm càn, cũng phải câm mồm không dám nói gì cả. Đến khi Giả có ý yêu-cầu vua giả-cách cáo-hưu bỏ nước về, thì bọn học-sinh lại dâng thư tán-[illegible] cố-ý mời lưu lại, nay gọi là sư-tướng, [illegible] tôn là nguyên-lão, nay gọi là Châu-công, [illegible] mai tán là Nguỵ-công, không [illegible] người nào dám chỉ-trích một tí gì cả. [illegible]-trị-[illegible] đã nói rằng: Giả Tự-Đạo, khoát minh đãi các nhà học-xá để cầu tiếng [illegible]-cố, cho nên mới phát ra những tờ các-[illegible] hiệu [illegible] ủy và tiền lụa để ban cấp cho nhà học-hiệu ở Kinh. Lúc sắp thi học-trò thì Hoàng Văn-Xương lại vừa vào làm Kinh-triệu-doãn, ban thêm cho thưởng-cách, tuy chửa tuyên-bố ra mà đã được đến vài trăm nghìn người, khắp cả học-trò bốn phương đua nhau vào ứng-thí. Lúc bấy giờ đất Tương đất Sính đã thất-thủ, tin cáo-cấp ở ngoài Giang Hoài báo về luôn luôn. Khi ấy có người vô-danh làm bài thơ yết lên chỗ trường thi rằng: « *Trống trận kinh trời động đất ran, chín châu con đỏ luống kêu than, sao không thi hỏi mưu bình giặc, phỉnh lũ nhà nho chỉ lót vàng.* 鼙鼓驚天動地來。九州赤子哭哀哀。廟堂不問平戎策。多把金錢媚秀才。» Xét xem những thuyết trên ấy thì ra lũ thái-học-sinh có thể trừ bỏ được kẻ quyền-gian, mà thành ra lại là bọn dua-nịnh kẻ quyền-gian, là vì chí-thú bọn học-sinh không được đoan-chính, bị phải kẻ quyền-gian họ lấy thuật lung-lạc được, ấy cái hiệu-quả bị-động nó thành ra như thế đấy.

7° *Hôn-thú.* — Khi ấy việc hôn-thú sớm quá, đương lúc trẻ con còn phải ôm bọc, mà đã đính-hôn với nhau, cũng có khi mới có thai mà đã trỏ bụng đính-hôn với nhau. Đến khi lớn lên, hoặc nhân đứa con hư vô-lại, hoặc vì có bệnh ác-tật, hoặc vì nhà nghèo đói khát, hoặc vì mắc tang-trở luôn luôn, hoặc vì đi làm quan phương xa, đến phải phụ-ước bội-tín không gả con cho nhau được, hay sinh ra kiện tụng lôi-thôi. Khi ấy kén thông-hôn, thì thường kén lấy về đàng thân-gia cũ để cho thân lại thêm thân, cho nên Tô Tuân lấy con gái gả cho con anh nội-huynh là Trình Tuấn. Người con gái đã có câu rằng: « Người làng gả cưới trọng họ mẹ. 鄉人嫁娶重母黨。» Vợ Lã Vinh là Trương phu-nhân là con gái quan Đãi-chế Trương Ôn, bà Đãi-chế phu-nhân lại tức là chị bà Thân-quốc phu-nhân là mẹ Vinh-công, xem thế thì ra anh em chị em đôi con dì lấy nhau. Còn như anh em con cô con cậu lúc ấy vẫn còn nghi-ngại chưa dám thông-hôn với nhau, Dung-trai đã từng bàn đến cái nghĩa ấy rồi. Việc hôn-nhân mà luận đến tiền của thì [illegible] mối-lái không chắc tin được. Người mối nói dối nhà gái thì bảo rằng: Nhà trai không có trách gì đồ hồi-môn cho nhiều đâu, có khi lại đưa tiền thêm để giúp cho nhà gái. Nói dối nhà trai thì bảo rằng: Nhà gái cho của về hồi-môn nhiều lắm, khoa-trương lên đến hàng nghìn hàng vạn. Bởi vậy có người quá tin lời người mối mà thành-hôn, về sau lại trách là bị lừa, vợ chồng sinh ra phản-mục rồi đến chê bỏ nhau. Lại có cái thói lấy vợ gọi là đi tìm vợ, tối hôm cưới vợ có dùng đàn-hát. Lại có cái thói tối hôm cưới vợ về thì chú rể lên ngồi cái ghế cao trót vót, mời uống ba chén rượu, nhà gái phải đến mời ba lần mới xuống. Còn những tục-lễ khác thì tường ở *Văn-công hôn-lễ.*

8° *Việc tang táng.* — Đời nhà Tống thì lễ tang bỏ hết cả. Kẻ sĩ-phu đương lúc cư-tang, uống rượu ăn thịt, không khác gì lúc thường; lại đua nhau đi hợp-hành yến-tiệc, trơ ra không thẹn

gì cả, mà cũng không ai lấy làm quái lạ gì. Thậm-chí những nhà bỉ-tục đương lúc sơ-tang chửa liệm, họ hàng bè bạn thường đưa cho cỗ-bàn rượu thịt để úy-lạo. Nhà chủ cũng sắp bày rượu chè cỗ bàn để mời khách ăn uống say no luôn mấy ngày. Đến hôm cất đám đi chôn rồi cũng bày cỗ bàn như thế. Thậm-chí có nhà đương lúc sơ-tang cũng bày ra âm-nhạc để làm vui cho thây chết, đến lúc cất đám lại bày âm-nhạc đi dẫn trước xe đại-dư, rồi mới theo sau khóc-lóc. Lại có kẻ đương lúc tang mà cũng cưới vợ gả chồng. Thời ấy hay tin theo sư mô quyến-[illegible] hễ có việc tang thì không nhà nào là không thỉnh sư cúng phật, làm thế là muốn giảm tội giúp phúc cho người chết, để được sinh lên thiên-đường cho được hưởng sự khoái-lạc. Nếu [illegible] làm thế thì tất phải đầy-đọa xuống địa-ngục, bị tội cắt, thiêu, xay, đâm, phải chịu nhiều điều khổ-sở. Những vọng-thuyết ấy Chu Văn-công đã từng hết sức biện-bác. Việc tang việc tế thường dùng tiền giấy để cúng quỉ-thần. Cái thói dùng tiền giấy là khởi tự đời Hán lúc mai-táng thường chôn theo tiền thật, đến đời Nam-Tề Đông-hôn-hầu mới thực dùng tiền giấy. Đời vua Huyền-tôn nhà Đường, Vương Dư làm từ-tế-sứ đi cầu-đảo cũng có đốt tiền giấy. Từ đời Ngũ-đại trở về sau, về tiết hàn-thực đi viếng mộ cũng hay dùng tiền giấy. Đến đời Tống dân-gian lại thịnh dùng tiền giấy lắm. Thiệu Khang-tiết ví tiền giấy cũng là một thứ đồ minh-khí, Tiền Nhược-Thủy thì không dùng đến tiền giấy để cúng đốt đi bao giờ. Lã Nam-công đã làm bài văn để khen Nhược-Thủy. Đỗ Chính-Hiến cũng không có đốt tiền giấy, nhưng có được mấy người như thế đâu. Cái thói hỏa-táng lúc bấy giờ rất thịnh. Đời Tống năm Thiệu-hưng thứ hai mươi bảy, quan Giám-viện đăng-văn-cổ là Phạm Đồng tâu nói rằng : « Nay dân-gian có thói hỏa-hóa là nghĩa làm sao, lúc sống thì phụng-dưỡng đủ mọi điều chỉ sợ không đủ, lúc chết thì đem đốt cháy mà vất bỏ đi thì là nghĩa gì. » Bởi vậy triều-đình mới có lệnh định rằng : Những người nghèo chết không có đất chôn thì cho chôn ở đất công. Tỉnh Hà-đông đất hẹp người nhiều, dẫu người chí thân chết cũng đem đốt bỏ đi. Năm C[illegible] (Lý-tôn) thứ hai, Hoàng-[illegible] quan úy huyện Ngô, có dâng [illegible] Dụ bãi không tu-tạo lại cái [illegible] người nữa, đại-ý nói rằng : [illegible]hiếu lệ đã lâu có cái chùa Hành-h[illegible] là nơi Thông-tế, ở về phía tây-nam ngoài thành độ một dặm, đình ấy là một cái đình không độ mười gian chỉ để thiêu người chết để lấy lợi. Thế mà những kẻ ngu-dân trong thành đều bị dụ-hoặc, hễ cha mẹ chết thì đem đến cái đình ấy bỏ vào lửa để thiêu, còn cái xương nào chưa hóa hết, thì lại đem ném xuống vực sâu. Than ôi ! loài người ta tội-tình gì mà phải chịu nỗi cực-khổ sau khi thân đã chết rồi. Trấn này lấy làm đau lòng đã lâu, nhưng vì người hèn ngôi thấp, muốn nói mà chửa dám phát-lộ ra. Nay vừa mới đêm hôm mồng sáu tháng năm, gặp cơn gió bão sấm chớp, đánh đổ cái đình thiêu người ấy đi. Ý-giả vì uế-khí xông lừng, oan-hồn kêu khóc, nên đấng hoàng-thiên mới nổi giận làm cho tuyệt cái ác-căn ấy đi chăng. Ngày hôm sau cứ theo tờ trạng của nhà sư bày tỏ mà bẩm-trình lên sứ-phủ. Thiết-nghĩ cái đình ấy đổ đi là may, thế mà không biết kẻ ác-lại nào, lại nhận lời nhà sư cầu-khẩn, sức cho bản-ti phải giám-đốc trùng-tu cái đình ấy lại. Trấn trộm nghĩ rằng cái đình lập ra là chỉ làm chỗ thiêu cha mẹ người ta. Con người mà đem thiêu cha mẹ đi, thực là đại-bất-hiếu, cái đình ấy còn nên lập lại nữa không ? » Xét sách Liệt-tử nói phía tây nước

Tần có cái nước Nghĩa-cừ, nếu người thân-thích chết, thì chất đống củi lại mà thiêu đi, khói nó bốc lên gọi là đăng-hà 登遐, có thiêu đi như thế mới là hiếu-tử. Tuân-tử nói thói dân rợ Chi-Khương nếu bắt được nó thì nó không lo trói buộc, chỉ lo rằng chết lại không được thiêu mà thôi. Vì ở Tây-khương có cái thói hỏa-táng. Còn cái vi[illegible] thiêu thây ở trung-quốc thì mới thấ[illegible] đời Xuân-thu, Vệ-hầu có đốt xa[illegible] q[illegible]sư-Đinh-tử, song kể về phong[illegible]-trị-t[illegible]g không ai cho làm phải[illegible]n, kh[illegible]t m[illegible]nh đào mồ người nước Tề và [illegible]-cố c[illegible] những người chết, làm cho người [illegible]e khích-nộ lại đánh phá nước Yên. Triệu Đà khi ở nước Việt nghe thấy người Hán đào mồ tiên-nhân mình mà đem thiêu bỏ đi, nên Triệu Đà mới có ý làm phản. Ấy cái thói đốt xác làm cho người ta kinh hãi như thế, cái thói ấy chỉ dùng gia cho những đứa ác-nghiệt cừu-thù, như Doãn Tề đời Hán khi làm quan Đô-úy Hoài-dương giết chết nhiều người, giết chết kẻ cừu-thù lại đem đốt thây đi. Đông-hải vương Việt làm loạn đời Tấn, Thạch-Lặc đem bổ quan-tài ra đốt thây đi. Lại như Dương Nguyên-Cảm làm phản, nhà Tùy cũng đem đào mả người thân-phụ mà đốt đi. Nay bên Thái-tây và nước Nhật-bản cái thói hỏa-táng cũng thịnh-hành, mà ở Hoàng-thành nước Tàu cũng còn có cái thói hỏa-táng. Hoặc-giả theo cái nghĩa Khổng phu-tử bảo rằng đã chết thì nên cho chóng nát đi là xong, hay là theo cái thuyết nhà Phật trọng linh-hồn mà khinh thể-phách chăng? Còn cái tục hậu-táng thì lại thịnh hơn nhà Đường, kẻ sĩ-phu không ai bác đi cả. Trong tập *Văn-kiến-lục* của Triệu Khái bảo rằng Yến Thù bạc-táng mà bị phải cái thảm-họa bổ vỡ quan-tài giã tán mất xương, Trương Kỳ thì vì hậu-táng mà được khỏi. Xem như nói thế thì vẫn còn chú-trọng hậu-táng lắm.

9º *Đồng-cốt.* — Đời Tống Lý Duy-Thanh làm quan úy Bồi-lăng, dân ở đấy chuộng thói dâm-tự, có bệnh thì không chữa thuốc, chỉ tin ở đồng-cốt. Duy-Thanh sai bắt kẻ lên đồng đánh đòn, dân bảo rằng làm thế thì tất mắc thánh phạt. Sau lại sai đánh cho bà đồng một trận nữa, cũng chẳng can sao cả, dân mới biết là không thiêng. Duy-Thanh mới bảo dân đi tìm thuốc mà chữa bệnh, dần dần mới biến bỏ cái thói đồng-cốt đi. Lại một chuyện Trưởng Tĩnh làm quan lệnh An-nhân, tục ở đấy mê-tin đồng-cốt lắm, đương lúc dịch-lệ lưu-hành, người nào đau ốm chỉ đi cầu cúng, chết thì chết chớ không chịu uống thuốc. Tĩnh mới sai bắt tội những kẻ đồng-cốt, và lấy những pho tượng dâm-tự d[illegible] ba trăm pho đem hủy đi vất cả xuống sông. Lại như Trần Huy-Lượng khi làm tri-huyện Hồ, thấy những kẻ đồng-cốt ở đấy cứ [illegible] thu tiền dân để làm lễ tế [illegible], gọi là lễ xuân-trai, nếu không tế-lễ thì tất có hỏa-tai. Lại nói ngoa rằng có ông lão-nhân mặc áo đỏ giữ về việc lửa, thì phải cúng mới yên. Hy-Lượng cấm hẳn đi không cho cúng mà cũng chẳng can sao cả. Lại hủy bỏ đến và trăm sở dâm-từ, và bắt nhưng kẻ đồng-cốt đến hơn bảy-mươi nhà phải cải nghề làm ruộng. Lại như Hạ Tủng khi ở Thọ-an Hồng tam-châu, ở đấy cũng có thói thượng-quỉ, nhiều kẻ đồng-cốt chỉ lừa dối dân. Tủng sai bắt đến hơn nghìn nhà đuổi về làm ruộng, và tâu nên hủy bỏ dâm-từ đi. Vua mới hạ-chiếu cấm-tuyệt những thói đồng-cốt từ Giang Tích trở về phía nam. Xét cái thói đồng-cốt là chỉ mượn quỉ-thần để kiếm ăn, mà người ta mê-tín quỉ-thần đã in sâu vào trong tâm-não, đến nỗi ốm cũng không chịu uống thuốc, chỉ đi cầu cúng, bởi vậy kẻ đồng-cốt mới thi cái thuật lừa dối được. Nay chỉ cấm đồng-cốt thì cũng chưa đủ trừ bỏ cái thói mê-tín. Nhưng cái thế-lực của kẻ đồng-cốt nó làm mê-

hoặc người ta cũng không vừa, cấm đi cũng có ích cho phong-tục lắm. Còn như dân-gian mà không chịu giảng-cầu thuốc-thang, cũng tại cái nguyên-nhân tin-mê đồng-cốt quá, trong tâm-lý nghĩ rằng thuốc-thang với đồng-cốt, đều là cầu về u-minh, cầu người chữa cho gì bằng cầu thần chữa cho, bởi thế mới coi rẻ người thầy thuốc vậy.

CHƯƠNG THỨ II

XÉT VỀ ĐỜI LIÊU, KIM, NGUYÊN.

1º *Khái-luận.* — Liêu-sử nói về thói dân bộ Khiết-đan sinh-hoạt chỉ nhờ về nghề mục-súc, lấy lông da mà dệt [illegible] áo, lấy sữa thịt mà làm th[illegible], đều yên cái thói cũ quen tập lao-khổ, không trông thấy những vật phồn-hoa gì khác mà dời theo. Vậy nên nhà giàu người đủ, việc binh-nhung chỉnh-bị. [illegible] Th[illegible]-tôn nước Kim có bảo kẻ tể-[illegible] [illegible]ng : « Trẫm thường thấy cái phong-[illegible] bộ Nữ-trực mà đến nay vẫn không quên Nay ta thấy những thói yến-ẩm và đồ âm-nhạc đều theo phong-tục dân Hán-tộc cả, bụng ta không thích thế. Ngôi Đông-cung thì không còn biết đến phong-tục Nữ-trực nữa, chỉ vì còn trẫm đây nên còn giữ được ít nhiều. Sợ đến ngày sau mà biến bỏ cái phong ấy đi, thì không phải là kế trường-cửu đâu. » Sau lại cùng với kẻ thần-hạ bàn đến những phong-thói cổ kim, có nói rằng : « Cái thói cũ bộ Nữ-trực tuy không biết chữ nghĩa, song những việc tế trời đất, kính thân-thích, tôn kỳ-lão tiếp tân-khách, tin bè bạn, lễ-ý khoản-khúc đều là tự-nhiên cả, những điều hay điều phải cũng không khác gì trong cổ-thư, lũ các ngươi phải nên nhớ lấy mới được. » Lại nói : « Cái thói cũ bộ Nữ-trực phàm khi tụ-họp rượu chè thì thường bày ra tập kỵ-xạ để làm vui Nay thì bày ra cờ-bạc đánh song-lục, phải nên cấm-chỉ ngay đi, mà cho bày ra tập kỵ-xạ ». *Kim-sử Thực-hóa-chí* nói nhà Kim khởi tự đất Đông-hải, cái tục vốn thuần-thực, không khác gì cổ-tục. Từ khi mới vào đất trung-hoa, còn chưa biến đổi đi lắm. Đến đời trung-diệp bỉ cái thói Liêu là kiệm-phác, mới bắt-chước cái thói phiền-văn của đời Tống, nên hư[illegible]g nước không được dài lâu. *Ng[illegible]ên-sử* nói nhà Nguyên khởi tự đ[illegible]óc-mạc, chỉ chuyên nghề mục-[illegible]m đó thì khá biết đại-khái cái [illegible]ục đời Liêu, Kim, Nguyên vậy.

[illegible] *trọng trung-nghĩa.* — [illegible] bài biểu của Kha-lỗ-đồ đời Nguy[illegible] tiến sách Tống-sử có nói rằng : « Từ khi Doanh-quốc về triều Cát-vương vượt bể. Nước Tề mất rồi, mà còn hỏi đến Vương Súc, là vì trọng người bày tôi tiết-nghĩa, nước Sở diệt rồi mà còn bàn đến Lỗ-công, là vì tôn cái nước biết thủ-lễ. » *Kim-sử* bài tựa truyện trung-nghĩa nói rằng : « Đời Thánh-nguyên xuống tờ chiếu sai sửa-soạn lịch-sử đời Liêu, Kim, Tống. Sử-quan tâu rằng : « Phàm lệ làm sử, những người bày-tôi đời trước mà trung về chức-sự, thì xin chép cả chớ không húy-kỵ. Triều-đình đều nghe theo cả. » Đó đều tại cái hiệu-quả tự đời Tống đến nay biết tôn-trọng những kẻ nho-học tiết-nghĩa, nhân-tâm phong-tục đời ấy vẫn còn có cái trực-đạo đời Tam-đại, không những một chúa Nguyên hiền-minh mà thôi.

3º *Sùng-thượng nho-nhã.* — Kẻ sĩ-phu cuối đời Nguyên hay ưa-chuộng việc văn-mặc, mỗi năm thường họp thi-xã, kết-họp cả kẻ danh-sĩ bốn phương, suốt ngày đêm yến-thưởng văn thơ, hễ ai được giải thơ thì hậu-tặng nhiều lắm. Quán-Thoan trai thơ-văn có tiếng, đi đến đâu là kẻ sĩ-phu theo đen như mây. Nếu ai xin được một câu văn câu thơ thì quí như bắt được ngọc bích. Họ Ngô ở Phố-giang

có kết xã Nguyệt-toàn, đón Tạ Cao-Vũ làm khảo-quan, cái bài thơ: *Xuân-nhật điền-viên tạp-hứng* 春日田園雜興, thì lấy La Công-Phúc đỗ đầu. Tùng-giang Lã Hoàng-khê thường đưa vàng lụa đi đón những người hay thơ ở bốn phương và mời Dương Thiết-Nhai làm chủ-khảo để phân bậc giáp ất, ai được thì đều có hậu-tặng; văn-nhân bấy giờ đều đua nhau đến cả, lừng tiếng Tam-Ngô. Lại nhà Cố Trọng-Anh có một nơi [illegible] thảo-đường, thì Dương Liêm-trị-[illegible] Kha Cửu-Tư, Nghê [illegible]n, khoát minh mọi người thường đến chơi [illegible]-cố [illegible] lưu-liên tràng-vịnh, đã có tiếng [illegible] Giang-biểu. Lại còn bày ra nhiều nơi danh-viên biệt-thữ, lấy những đồ cồ-thư cồ-họa cồ-ngoạn làm chuộng, thì không kể sao cho xiết được. Như là gác Thanh-bật 清閟 của Nghê Nguyên-Trấn, lầu Bất-ngại-vân 不礙雲 của Dương Trúc-tây, và những thứ hoa mộc trúc thạch, đồ thư di-dỉnh, cũng còn nhiều thứ đã có tiếng ở Giang-nam đời sau vẫn còn lấy làm khen. Lạ thay cho đời Nguyên rất là khinh văn-học, đã có câu ca-dao : Nhà Nho đứng bậc thứ chín, khất-cái (ăn-mày) đứng bậc thứ mười. Như thế thì coi khinh sự phong-nhã như rẻ rách, còn ra gì nữa. Thế mà các nhà Tấn-thân lại phong-lưu tương-thượng như thế. Là vì từ đời Nam-Tống trở lại, những kẻ di-dân cố-lão, vẫn cùng nhau ngâm-vịnh ở các nơi tịch-mịch hoang-sơ, lưu-phong dư-vận vẫn còn truyền lại, mới thành ra phong-hội, chớ không có quan hệ gì đến triều-đình hiếu-thượng cả.

4º *Tính-chất của nhân-dân.* — Khi đời Kim đời Nguyên lấy đất Trung-nguyên có phân ra hai hạng người là Hán-nhân với Nam-nhân. Nhà Kim thì lấy đất Liêu trước mà người là người Hán, rồi sau mới lấy đất Hà-nam, Sơn-đông của nhà Tống mà người là người Nam. Nhà Nguyên thì trước lấy đất của nhà Kim mà người là người Hán, rồi mới lấy Nam-Tống mà người là người Nam. Song dân-tộc khi ấy rất giàu cái tính phục-tùng. Kim-sử có chê người Yên-kinh rất là hèn-hạ, hễ người Kim đến thì theo Kim, người Tống lại thì theo Tống, người Liêu đến thì theo Liêu. Triệu Vân-Tùng đã chê người Hán ở về đời Nguyên, chỉ lấy cái tên Mông-cồ làm vinh-hạnh. Than ôi! những [illegible] khác không kể chi, nơi đất Yên từ xưa [illegible] nay vẫn có tiếng là nhiều kẻ sĩ bi-ca kh[illegible]g-khái, nào là cảm-hoài cố-quốc, thăm vi[illegible] Kinh-khanh, tiếng trúc thê-thảm, ngọn kiếm hung-hăng, non sông còn đó, nhân-vật nào đâu, từng chửa bao lâu mà nay đ[illegible] ư ? Người đất Yên bây giờ ch[illegible]g phải là một dân-tộc ở nơi thủ-phủ đấy ư ? Thế mà năm canh-tí cái trận tám nước liên-quân vào Bắc-kinh, thôi thì nhân-dân tranh nhau treo cờ thuận-dân, hiến tàn đức-chính, chịu khuất mà dua-nịnh kẻ ngoài, trăm điều thói xấu không kể hết được. Xưa kia tướng Pháp có nói với vua Lộ-dịch thứ 14 rằng : « Nước lớn hay nhỏ không có kể gì cõi đất, chỉ coi cái phẩm-cách của quốc-dân thế nào mà thôi, cái phẩm-cách của dân tức là thành vàng vách sắt không thể phá được. » Nay cái phẩm-cách người Yên-kinh như thế, thì khỏi sao người ngoài họ coi khinh được.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

ĐÀN BÀ ĐÔNG-PHƯƠNG (1)

IX

Man-nữ Yến-nhi

Phía tây đất Quế-lâm (tức Quảng-tây) có một giải man-đồng, tục đồng ấy phàm con gái mười bảy mười tám tuổi, thì cha mẹ tất dạy cho nghề ca; nghề ca ấy thuộc về lối man-ca, là nghề riêng trong các đồng; người con gái nào hát hay, thì khắp cả họ-hàng đều yêu quí mà lấy làm vẻ-vang, [illegible] cha mẹ người con gái [illegible] lấy sự đó để kiêu-căng với [illegible], chẳng khác gì chốn trung-thổ [illegible]n ra được nàng Ban ả Tạ vậy. Người Phượng-hoàng đồng-chủ có người con gái tên là Yến-[illegible] tuổi mười ba mười bốn, dân trong đ[illegible] gọi là Thánh-tiên-cô-tử. Thánh-tiên-cô-tử đó là huy-hiệu vị nữ-thần rất đẹp ở trong đồng. Người đồng-chủ mừng rằng con gái mình đẹp, mới đi cầu khắp cả những kẻ thiện-ca ở các đồng láng-giềng về, kẻ thì làm bảo-mẫu, kẻ thì làm thị-tì, hàng ngày khiến cất tiếng hát lên những khúc mới-mẻ lạ-lùng ở ven tai con gái, mong cho con gái nghe mà tập dần. Hay đâu người con gái lại không thích sự ca, chỉ thích nuôi những chim anh-vũ, chim đỗ-quyên, các giống chim lông đẹp hót hay, thường trỏ vào giống chim để chê cười những kẻ ca-giả rằng: Giống lông xanh cánh biếc này, thét hoa mắng bướm, giọng tốt hót hay, hơn lũ chúng bay nhiều lắm vậy. Những kẻ ca-giả đem lời ấy bảo với đồng-chủ. Đồng-chủ lấy lời ngọt-ngào sẽ trách mắng con gái rằng: Sinh ra con gái mà chẳng biết ca, ví như được hòn ngọc mà chẳng mài giũa; vị Thánh-tiên-cô-tử hàng ngày lại soi xét mày, thường ở tron[illegible]ám mây ghi chép sự cần sự nọa của [illegible]y, mày nếu không chịu ca, thì Th[illegible]-tiên-cô-tử sẽ giận bố mày, m[illegible]g-h[illegible] tai-nạn cho bố mày.—Song [illegible]c-k[illegible]on gái vẫn không nghe. Một người [illegible] một kẻ thị-tì hát lên bài [illegible]ng: « Chăn gấm lạnh-lùng [illegible]-lửa [illegible]ấm, — Ban ngày giấc mộng bu[illegible]i thu [illegible]âm, — Song sa bên gối uyên-ương đó, — Khôn tránh xiêm hồng để bạn xem. 同眠轉覺繡衾寒。那識秋深午夢殘。最是小窗鴛枕畔。紅衫無計避郎看。» Người con gái kinh-ngạc hỏi là khúc hát gì; bắt hát đi hát lại mãi cho nghe. Nhân hỏi kẻ khinh-bạc nào chế ra khúc não-nhân ấy? Kẻ thị-tì nói rằng nghe đâu những bậc tài-tử đất Giang-nam ngoài trung-thổ làm ra khúc hát ấy, nay thì truyền khắp cả các đồng đua nhau hát lên khúc ấy. Người con gái từ đấy cách ăn-mặc, biến đổi lối man-phục, làm ra lối Hán-trang, lên chỗ đài gương, mủm-mỉm cười, tự trông cái hình-ảnh mình ở trong gương mà nói rằng bậc nữ-lang này nếu sinh ra ở xóm giai-nhân đất Yên đất Triệu, có lẽ khiến cho Ngọc-hoàn với Phi-yến các ả phải hổ thẹn lắm đây. Mà người trong đồng thì ai nấy đều cười Yến-nhi là si, thường đem sự Yến-nhi để răn-bảo con gái mình rằng chớ bắt-chước con gái đồng-chủ làm ra bộ trang-sức quái-gở ấy, sau này chắc không có anh chàng ngốc nào muốn lấy cô nàng si ấy đâu. Đồng-chủ thì thương con gái là si, ân-cần dỗ bảo

(1) Xem Nam-Phong số 116.

mấy lần. Yến-nhi mới khóc lên mà nói rằng làm kẻ quí-nhân trong đồng-mán, thà rằng: Làm kẻ tì-bộc cho những bậc tài-tử chốn trung-nguyên còn hơn, cha nếu yêu con, cứ theo chí con thế là hơn. Người đồng-chủ không nỡ trái ý con gái, cũng nghe theo. Yến-nhi, mới gửi nhà trạm, mua sách-vở ngoài trung-châu, văn thơ nhà Hán nhà Đư[illegible]g trở xuống, không sách gì là không c[illegible]a đủ ở trong nhà. Liền đuổi cả [illegible]hữ[illegible] bọn ca-giả đi, mở ra một cái ti[illegible]ua [illegible] để đọc sách. Khi đọc sách [illegible] ch[illegible]r-trị-t[illegible] cứu một mình, trước[illegible]n, khạt m[illegible]nh sau cũng tinh-hiểu. Những [illegible]a-cố c[illegible] thanh trăng tỏ, man-hoa r[illegible] bóng, thường nghe có tiếng đồng-tiêu họa với tiếng ngâm-nga mà khởi lên. Người trong đồng hễ nghe tiếng thì lại cười mà bảo nhau rằng ấy là nhà si-nữ-lang đấy, há muốn lên chốn trung-triều làm kẻ nữ-trạng-nguyên đó chăng.

Qua một năm, chư-đồng dấy loạn kẻ kiệt-hiệt trong loạn-đảng uy-hiếp Phượng-hoàng đồng-chủ, bắt phải đem toàn-đồng hưởng-ứng. Triều-đình nhà Thanh sai họ Sầm ra lĩnh chức tổng-đốc Quảng-tây, đốc quân dẹp loạn. Được vài tháng, bắt được hết cả các tù-trưởng trong loạn-đảng. Sầm-đốc mới đi tuần-tiễu khắp các đồng, đến đồng Phượng-hoàng, thấy một sở tinh-xá, đá ngà bể ngọc, sách-vở chứa đầy, nghiễm-nhiên là một kho thư-tịch ở hải-nội. Sầm-đốc kinh-ngạc mà nói rằng: Chỗ hang mán-mọi lại có sở này dư! Liền bắt người dân trong đồng đến hỏi, thì nói rằng chỗ ấy là chỗ đọc sách của người con gái Phượng-hoàng đồng-chủ. Sầm-đốc mới tha bố người con gái ấy ở trong cùm-xích ra và hỏi-han đầu đuôi sự người con gái. Khi ấy Yến-nhi ẩn-náu ở nhà bà bảo-mẫu, người trong đồng hoặc có kẻ trông thấy Yến-nhi thì liền phỉ nhổ trách-mắng Yến-nhi rằng sinh ra cái vật bất-tường ấy, trách nào chẳng bại-sự cho nãi-ông. Kịp nghe tin Sầm-đốc có lệnh tìm con gái Phượng-hoàng đồng-chủ, người bảo-mẫu ngờ rằng có vạ lớn, mới kíp đem Yến-nhi lên chỗ quân-môn để hiến. Sầm-đốc vẫy người bảo-mẫu ra, mà gọi người con gái vào; trông thấy mái tóc cài đóa sơn-hoa, áo là nhuộm màu thạch-trúc, phong-độ yểu-điệu nhàn-nhã, con gái chốn trung-châu, tưởng ít có người kịp. Sầm-đốc mới làm lành nét mặt mà bảo rằng: Mày là Yến-nhi phải không, sao ăn-mặc khác với thổ-tục thế vậy? Yến-nhi chỉ sè-sẽ lên tiếng mà thưa rằng phải, rồi khép vạt áo chắp đôi tay xin tha [illegible] cho bố. Sầm-đốc giả-cách làm thinh không đáp, nhân hỏi rằng: Mày biết đọc sách không? Yến-nhi thưa rằng biết đọc sách. Sầm-đốc sai đọc thử xem. Yến-nhi đọc lên tiếng suốt bài văn bia Tào-hiếu-nữ, giọng điệu thê-thảm, hai hàng nước mắt lã-chã chứa-chan, vừa đọc vừa thổn-thức, [illegible] không thành tiếng. Sầm-đốc lại truyền bảo làm thơ. Yến-nhi khóc mà từ chối rằng: Cha tôi hiện đương ở trong vòng cùm-trói, tôi là con gái, gan-ruột tôi như thiêu-đốt, đại-quan tuy có mệnh, nhưng tôi không thể ứng được. Sầm-đốc tỏ ra nét mặt khởi-kính mà nói rằng: Không ngờ man-phương sinh được kẻ thục-nhân ấy; cha linh-nương dẫu có tội, ta sẽ vì lệnh-nương mà tha tội cho. Yến-nhi ba lần khép vạt áo chắp tay để tạ ơn, dung-quang sáng-sủa, cách-bộ dịu-dàng. Sầm-đốc sai đội lính đưa Yến-nhi về, rồi tha tội cho Phượng-hoàng đồng-chủ, và bảo rằng: Con gái nhà ngươi là thụy-vật ở nam-phương đấy, cứ phép ra thì kẻ bạn-nghịch phải tru-di tam-tộc, nay nhân vì con gái nhà ngươi mà tha tội cho nhà ngươi, lại cho về làm Phượng-hoàng đồng-chủ, sau này nhà ngươi phải khuyên bảo đồng-dân lập lấy qui-mô lương-hảo. Phượng-hoàng Đồng-chủ xụp xuống khấu đầu tạ ơn.

Đến ngày mai Sầm-đốc chế ra một cái bảng, đề bốn chữ rằng : « Thiên-nam văn-thụy. » Nghĩa là cái điềm quí về văn-học ở phương nam, sai một đội lính thổi kèn đánh trống, tống cái bảng ấy về thư-xá của Yến-nhi, để tặng Yến-nhi. Dân trong động ai nấy đều kinh-ngạc bảo nhau rằng vị si-nữ-lang ngày xưa, ngày nay là vị sinh bồ-tát trong động vậy ; chúng ta hối rằng chẳng cho con gái đọc sách, nếu chẳng thế, thì cái ân-quang rực-rỡ kia, há những một vào nhà Yến-nhi đó thay ? Sau Phượng-hoàng động-chủ có một ph[illegible] đem con gái lên chơi Bắc-kinh, [illegible] kẻ trông thấy Yến-nhi mà b[illegible] người con gái nhàn-nhã y[illegible], xiêm trắng áo dài, nghiễm-nh[illegible] là một người tú-mị trong khuê-các, chỉ tiếng nói là hơi khác với trung-thổ mà thôi.

[illegible]p-nữ Quyên-Quyên.

Một tòa tiểu-lâu, thấp-thoáng ở trong đám lục-dương, chốn ấy có một người đàn bà đẹp, hạt minh-châu lấp-lánh cài trên mái đầu, mủm-mỉm sẽ cười, đứng chếch tựa vào bức câu-lơn, nét thu-ba thỉnh-thoảng lại có đoái liếc, dường như có chú-ý về sự gì. Trong nhà trừ những đồ trang-phấn ra không kể, lại có một cái vật treo ở trên dá, đủ khiến người trông thấy mà lạnh dởm kinh hồn, là thanh gươm chủy-thủ dài hơn một thước, sáng lập-lòe vậy. Muốn biết thanh gươm chủy-thủ ấy do-lai thế nào, thì trước hết phải biết cái lịch-sử người đàn bà ấy thế nào sẽ hay.

Người đàn-bà đẹp ấy, người đất Kim-lăng, là con gái thứ tư ông Phùng Tử-Long, tiểu-tự là Quyên-Quyên 娟娟. Tử Long khi làm quan đất Ngạc (Hồ-bắc), Quyên-Quyên cũng theo cha cùng đi. Trong mạc-phủ Tử-Long có một người khách tên là Trương Kỳ, cũng là người đất Ngạc, tinh về nghề kiếm-thuật, hay uống rượu, hễ rượu say, thì đứng dậy cầm gươm lên múa. Khi ấy Quyên-Quyên mới lên chín tuổi, trông thấy nghề múa gươm lấy làm hâm-mộ vui-thích, hễ Trương Kỳ múa xong, thì Quyên-Quyên cũng bắt chước mà múa, sử-dụng thanh gươm cũng có bộ linh-lợi, cũng có khi lại đắ[illegible]ý-thần. Trương Kỳ mới cả mừng nó[illegible]ng : Cô bé này có thể dạy được. M[illegible] hết cả nghệ-thuật dạy cho. [illegible]Quyên cũng lĩnh hiểu được [illegible]c-kỳ [illegible] không đầy một năm, lại người [illegible]giỏi hơn thầy. Một hôm, [illegible]yên-Quyên chính đang múa gươm [illegible] trước sân. Tử-Long trông thấy mà t[illegible]an rằng: Con gái bé dùng làm gì nghề vũ-thuật, nay tuổi còn thơ, mà đã tinh-thông như vậy, tương-lai sợ rằng không phải là phúc nhà ta. Từ đấy trong khi nhàn-hạ vui đùa, thì dạy về nghề đọc sách. Quyên-Quyên trông vào chữ, qua mắt thì thuộc lòng ngay, một ngày có thể đọc được hơn một trăm hàng không đầy hai năm đã đọc hết sách Tứ-thư, trải ba năm, mà nghề học thành. Lại kiêm cả nghề làm thơ, ngâm-vịnh suốt ngày, thường tản-bộ ở dưới bóng nguyệt thôi-sao cách làm thơ. Tử-Long thường bảo người rằng : Con bé ấy là nữ-tiến-sĩ nhà tôi đấy.

Khi ấy Quyên-Quyên tuổi mới mười sáu, đất Ngạc có đảng-phỉ khởi lên, thế rất hung-tợn, quan-quân không thể đàn-áp được, quan đất Ngạc bị bãi-chức hơn hai mươi người, Tử-Long cũng dự vào đấy. Khi ấy của làm quan túi hãy còn phong, còn đủ cung-cấp. Đường đi ra phải vượt qua cõi đất Ngạc, gặp quân phỉ hơn một trăm tên, Tử-Long biết rằng không thể sao tránh khỏi, mới trước hết bảo kẻ phỉ-thủ rằng : Lũ các ngươi vì mưu y mưu thực mà khởi loạn, cũng là sự bất-đắc-dĩ của các ngươi ; ta xin đem của-nả ta, phân tặng cho các người một nửa, các ngươi nghĩ thế nào ? Kẻ phỉ-thủ trông thấy

người con gái đi theo sau, nhan-sắc vả cũng xinh-đẹp, mới bảo Tử-Long rằng: Kim-tiền thì chúng tôi phi sở-nguyện, nếu ông có thể đem cô ả kia tặng cho chúng tôi, thì chúng tôi chẳng những không làm hại gì ông, lại nên hậu-tạ ông nữa. Quyên-Quyên nghe nói cả giận, nghĩ riêng rằng kiếm-thuật của ta, chửa từng thử qua bao giờ, ngày nay đã lâm về cảnh nguy-nạn, sao chẳng đem thử một phen. Tức-khắc bảo Tử [illegible] rằng xin cha cứ đi trước, để [illegible]-trị-th[illegible] lùi lại ở sau mới được. K[illegible]n, kh[illegible]t mình đến gần, Quyên-Quyên vẫn tươ[illegible]-cố c[illegible] như hoa, má đỏ gay, lông mày dựng ngược, đứng lẳng-lặng không nói; kéo giở vạt áo ra lộ một cái túi da, thò tay vào túi lấy ra một thanh gươm, sáng quắc như giải cầu vồng, tức-khắc đối vào kẻ phỉ-thủ thẳng đâm, kẻ phỉ-thủ sợ hãi bưng đầu chạy, Quyên-Quyên đuổi theo, chém lấy được đầu. Phỉ-đảng trông thấy kẻ lĩnh-thủ đã chết, reo to lên, hợp-lực đánh lại Quyên-Quyên. Quyên-Quyên biết thế không địch nổi, mới cùng với Tử-Long bỏ cả của-nả mà trốn đi.

Dầu mưa dãi gió, đi ngày đi đêm. Khi đã đến Tân-môn, thì Tử-Long mắc bệnh, bệnh lại kịch. Quyên-Quyên đem cố chiếc thoa đi để đón thầy thuốc. Thầy thuốc nói rằng bệnh ông vì cớ ưu-phẫn lao-khổ mà thành, uống thuốc như nước dội vào đá khó mà kiến-hiệu được. Được nửa tháng mà Tử-Long tạ-thế, Quyên-Quyên khi ấy kêu trời khóc đất, không phép gì gọi được hồn về. Gia-dĩ lênh-đênh đất khách, quan-quách không biết nhờ vào đâu, Đã toan tìm đến người họ xa hoặc người bạn cũ, lạ gì thói đời, phú-quí thì lắm kẻ tấp-nập, hoạn-nạn thì nhiều kẻ thờ-ơ. Bất-đắc-dĩ viết lên một tờ giấy trắng, treo ở ngoài cửa, cáo-bạch rằng nếu có người nào thay hiếu-chủ này đủ lễ tống-táng cho gia-quân, thì hiếu-chủ này dù làm cơ-thiếp cũng không dám từ. Trong ba ngày, không có người nào đoái-hỏi, Quyên-Quyên lại càng quẫn-bách. Một hôm, giữa ban trưa, chợt có một mụ già đến bảo Quyên-Quyên rằng: Gái già này xin bỏ ra năm mươi lạng bạc, vì lịnh-nữ tống-táng cho tôn-quân, chẳng biết sau khi tống-táng xong rồi, lịnh-nữ có thể cứ nghe theo gái già này xếp-đặt đấy hay không. Quyên Quyên nghe mụ già nói, tức-khắc khấu-đầu nói rằng: Nếu được như sở-nguyện, dẫu thịt nát xương tan, cũng không đủ báo đền đức lớn, sau này mụ dạy thế nào tôi cũng xin nghe. Mụ già cả mừng, lấy năm-mươi lạng bạc ở trong gói ra, giao cho Quyên-[illegible]. Tang-sự đã xong, Quyên-Quyên tức-khắc theo mụ già đi. Khi đã vào đến nhà mụ, thì thấy trong nhà bày đặt cũng ra bề tinh-nhã, hàng chị em hơn mười người, người nào người ấy đều môi son má phấn, cười bỡn thâu ngày, suốt ngày không làm-lụng một việc gì. Quyên-quyên đã biết ngay rằng không phải là lối nhà chính-đáng, nhưng vẫn giả cách làm không biết. Một chốc, mụ-già đem đồ mặc đẹp ra, bảo Quyên-Quyên thay áo, Quyên-Quyên mới khóc bảo mụ già rằng: « Sự này không phải là Quyên-Quyên không nghe lời dạy của lão-phu-nhân, song cha chết mới được vài ngày, nếu tức-khắc mặc đồ diễm-trang, thì kẻ sống này mai sau mặt nào trông thấy tiên-nhân ở dưới đất, mà kẻ chết kia cũng sợ rằng khó nhắm mắt được yên». Mụ già tức-khắc đổi nét mặt nổi giận nói rằng: « Mày toan ăn lời đấy chăng? nay mày đến đây, mày đã không có quyền tự-chủ, nếu mày không nghe tao, thì trả tao bốn mươi lạng bạc ngày trước, rồi mày đi đâu thì đi ». Quyên-Quyên không biết làm thế nào, tức-khắc theo lời mụ già, trang-sức đẹp-dẽ, xoa phấn đánh son. Than ôi! từ nay về sau, Quyên-Quyên tức là người nhập-tịch trong làng chơi, hang

lửa muôn trượng, bể nghiệt nghìn trùng, tuy biết là xấu, nhưng cũng há là sự có thể thôi được đó thay!

Quyên-Quyên đã vào chốn thanh-lâu, thường thường lấy nước mắt mà rửa mặt, trong hai ba tháng, chửa từng có nét mặt tươi cười. Đoạn rồi chợt có nghĩ mà than rằng: ta bi-thương làm gì cho quá lắm; ta vào đến đây, là vì cớ báo-hiếu cho cha đó vậy, biết đâu trong làng chơi lại chẳng có thể được một kẻ đa-tình, để thành nghĩa quyến-thuộc đó thay. Từ đấy bỏ hẳn cái thái-độ bi-thảm đi, hàng ngày cùng với hàng chị em cười nói thâu ngày; khi [illegible] đánh kiếm ở trước [illegible] nói sự làm thơ ở dưới [illegible], một khúc thanh-ca dẫn người vào cảnh-thắng, nửa thìa trọc-tửu, khuây mình lấy cảnh sầu, Vương-tôn quí-khách trong một thời [illegible] nhau, ngựa xe đầy cửa. Mà Quyên-Quyên thì thù-tạc chu-toàn, chửa từng mất lòng người khách nào. Thế thì Quyên-Quyên quả cam-tâm làm nghề-nghiệp phùng-nghênh ấy ư? không phải thế đâu. Chừng kẻ thương-tâm trong hoài-bão riêng có khác người, thường thấy thơ Quyên-Quyên có câu rằng: « Đối nhân hoan-tiếu bối nhân sầu 對人歡笑背人愁. » Nghĩa là khi đối người thì vui là vui gượng, khi vắng người thì mình lại thương mình. Xem đó cũng khá rõ được ít nhiều.

Khách trong làng chơi có một người là Vương-sinh, cũng là người đất Kim-lăng, thơ hay vẽ khéo, vì việc riêng vào chốn kinh-đô, đường đi qua đất Tân-môn, nghe tài-danh Quyên-Quyên, muốn tương-thức lấy một lần cho thỏa ý. Song Vương-sinh lại tự nghĩ rằng mình là hạng thanh-bạch không có nhiều tiền, chỉ sợ lạc-hoa tuy hữu-ý, lưu-thủy hoặc vô-tình, chẳng bõ deo tiếng mắt trắng dãi nhau. Cho nên tuy có lòng sùng-bái, nhưng vẫn không dám đường-đột với mĩ-nhân. Rồi lại nghĩ rằng Quyên-Quyên đã là bậc tài-nhân, ta cũng không phải là loài trọc-tử, hoặc Quyên-Quyên có lòng yêu mến tài-hoa, biết đâu không nhất-kiến mà khuynh-tâm, nay ta cũng mạo-hiểm mà đến một phen. Kế đã định, mới xuyềnh-xoàng chỉnh-đốn áo-mũ mà đi. Khi đã tới chốn trang-các, Quyên-Quyên khi ấy chợt sớm [illegible] dậy soi gương bới tóc [illegible] trông thấy Vương-sinh bỡ-[illegible] người [illegible] vì ý gì lại đây. Vương-[illegible] vẫn ý ái-mộ ứng-đáp. Quyên-Quyên không nói gì, chỉ đưa mắt nhìn kỹ, dường như có nghĩ-ngợi về sự gì. Vương-sinh thấy Quyên-Quyên không tỏ ý cự-tuyệt, trong dạ mới hơi vững, bảo Quyên-Quyên rằng: Bỉ-nhân mộ tiếng thơm đã lâu, ngày nay mới được tiếp mặt chi-lan, thật hân-hạnh lắm. Vương-sinh nói chửa xong, Quyên-Quyên đã tức-khắc bảo Vương-sinh rằng ngươi chẳng phải là người đất Kim-lăng đấy ư? Vương-sinh rằng phải. Quyên-Quyên lại không nói gì, chỉ thở dài một tiếng, nước mắt tức-khắc ở trong kẽ mắt tuôn ra. Vương-sinh thấy Quyên-Quyên sa nước mắt, không biết vì cớ gì, liền lấy khăn mặt lau nước mắt cho Quyên-Quyên và hỏi-han duyên-cớ. Quyên-Quyên ngậm nước mắt nói rằng: Thiếp cũng là người Kim-lăng, phiêu-linh đất khách, đã mấy năm đến giờ, nay gặp được người cố-tri, không khỏi động lòng cố-hương vậy. Vương-sinh nghe lời thê-thảm ấy, cũng tỏ ý than-tiếc, mới lấy lời yên-ủi vài câu. Quyên-Quyên thấy Vương-sinh là kẻ thiếu-niên anh-tuấn, dung-mạo cũng khác với người thường, và lại cùng là người đất Kim-lăng lòng đây lòng đấy, không khỏi có cảm-tình về cảnh xuân-thụ mộ-vân. Vương-sinh muốn đi, thì Quyên-Quyên hai ba lần lưu lại. Vương-sinh mới xem-xét trong

trang-các, chợt thấy một tờ giấy trắng, trên có lối chữ khải-thư đề-tả, xem ra thì là hai bài thơ vịnh lạc-hoa, trong có câu rằng: « Mộng-vân mộng-vũ đành là mộng, xuân-khứ xuân-lai chẳng phải xuân. 疑雨疑烟都是幻。春來春去總全非。. . . . . » Lại câu rằng: « Ngày khác nói chi nhiều kết-quả, nay đà hồng-ph[illegible] nửa điêu-tàn. 莫羨他辰多結子[illegible]祇今紅粉半凋殘。» Vương-sinh xe[illegible]ong, than rằng: lời thơ tuy hay, [illegible] cái tâm thì khổ. Mới tán-t[illegible]r-tri-t[illegible]à nói rằng: tài-mạo nữ-s[illegible] khhạt minh [illegible] đầy đọa ở đây, không khỏi khi[illegible]a-cũ c[illegible] hạ vì kẻ bạc-mệnh thống-khố[illegible] ô-cừng. Chợt ngẩng đầu lên, thấy một cái vật t[illegible]reo ở trên dá. Vương-sinh kinh-hãi, kíp bảo Quyên-Quyên rằng: Thanh gươm chủy-thủ này, vì sao lại ở đây! Quyên-Quyên sẽ cười nói rằng: Ngươi cũng thích cái vật ấy ư! Vương-sinh nói rằng: Tôi thiếu-thời cũng thích chơi cái vật ấy, vì nghiêm-phụ tôi bắt phải chuyên-chí về đọc sách, cho nên nửa chừng lại bỏ, nay thì không nói đến cái vật ấy đã lâu rồi. Sinh mới cáo-biệt ra đi, từ đấy cứ hai ba ngày, thì lại qua đến chỗ Quyên-Quyên ở một lần. Song Vương-sinh đã không phải là con nhà giàu, mà Quyên-Quyên lại hậu-đãi Vương-sinh; Vương-sinh mới bất-dung với mụ già, mụ già coi Vương-sinh như cái đanh ở trước mắt. Vương-sinh biết ý, mới bảo Quyên-Quyên rằng: Đường lối Đào-nguyên, chàng ngư đã không có thời-kỳ hỏi bến nữa, xin từ đây ly-biệt. Quyên-Quyên hãi-ngạc nói rằng: Thiếp chửa có điều gì đắc-tội với ngươi, ngươi sao lại nói ra lời ấy! Vương-sinh tức-khắc đem ý mụ già bảo Quyên-Quyên. Quyên-Quyên nói rằng: Sự ấy có hại gì, thiếp tôi trong tráp còn có của riêng là bấy nhiêu vàng, ngươi cứ lấy đem đi, sau này giả-cách làm điều huy-hoắc ở trước mặt mụ già, mụ già thấy thế, tất không cho người là đồ-cùng. Vương-sinh nói rằng: Điều ấy không nên, của người phúc ta, quân-tử không làm, tôi với nàng dã chẳng được nhân-duyên ở kiếp này, còn có thể mong hiệu-quả về kiếp khác. Khi nói, nước mắt theo lời nói tuôn xuống chan-hòa.

Đồng-thời trong làng chơi có một người tên là Pháo-Phương, là con Pháo Tử-Cừ. Tử-Cừ nguyên là lái buôn muối khởi ra, tư-bản dã đến hơn một trăm vạn. Pháo-Phương bằng-tạ nghiệp bố, hàng ngày giong chơi, ngõ liễu lầu hoa, không mấy lúc là không có tung-[illegible] trong nhà vợ nọ vợ kia đã đến năm [illegible]guời. Thấy Quyên-Quyên đẹp, đề lò[illegible]-k[illegible]n-mộ, muốn lấy làm vợ. Mụ già mả[illegible]am, mê về hơi đồng của Pháo-Phương, vội [illegible] bận lời ngay, đem sự ấy bảo Quyên-Q[illegible]yên. Quyên-Quyên vốn khinh-bỉ Phá[illegible]hương là kẻ phẩm-hạnh rông-rài[illegible]ủy-chung không giao-tiếp với một lời nói nào. Lại vì Quyên-Quyên từ khi cùng với Vương-sinh tương-thức về sau, đã đổi hết cái thái-trạng ngày thường, hàng ngày ở trong trang-các, vô-luận chàng Trương hay hoặc chàng Lý chiêu-đãi ân-cần thế nào mặc dầu, hiện nay thì đã tỏ ý lãnh-đạm ít nói ít cười. Từ đấy mụ già đối với Vương-sinh căm-giận thấm vào đến xương, khi thì lặng-lẽ, khi thì nồng-nàn, khi thì rủa vịt mắng gà. Một hôm mụ già bảo với Pháo-Phương rằng Quyên-Quyên nó không mãn-ý với ngươi, là vì có anh đồ-cùng ở đó; ngươi nếu trừ được người ấy đi, thì cái ác-tình của Quyên-Quyên tất có thể dời sang với ngươi, ngươi liệu mà tính cho khéo. Pháo-Phương nói rằng hắn là anh Vương-sinh quần áo lam-lũ ngày trước đấy phải không, muốn trừ người ấy cũng rất dễ, chẳng khác gì thổi cái bụi tro, không phải cần đến dùng sức. Sáng ngày mai, Pháo-Phương lại đến, cười

ha-hả bảo mụ già rằng : thủ-đoạn tôi có giỏi không, Vương-sinh đã chết ở tay tôi rồi. Mụ già cả mừng, Pháo-Phương từ đấy, liền-liền đi lại với Quyên - Quyên, hết sức xu - phụng, Quyên-Quyên càng lấy làm chán ngán. Duy trong mấy ngày không thấy Vương-sinh đến, Quyên-Quyên trong bụng rất lấy làm lo-ngại hồ-nghi, thỉnh-thoảng phát ra tiếng than dài thở ngắn. Một hôm buổi sáng sớm, có đứa thị-tỳ trộm mách Quyên-Quyên rằng: Vương-sinh chết rồi, chết ở tay Pháo-mỗ, nghe đâu chính là mụ già chủ-mưu, cô nên [illegible]i-mật, nếu không [illegible] thì tính-mệnh tôi [illegible]guy đấy. Quyên-Quyên kỳ-thủy cũn[illegible]n, rồi cật-vấn đứa thị-tỳ rằn[illegible]ấy vì sao biết? thị-tì nói rằng : Người nói xao-xao, trăm miệng một lời, chỉ cô là còn ở trong giấc mộng đấy thôi. Quyên-Quyên khóc to lên nói rằng : Ta tuy chẳng giết Vương - Sinh, Vương-sinh thực bởi ta mà chết, nay cái thù này nếu không báo, thì mặt nào đối với Vương-sinh ở dưới chín suối, mà còn đáng làm người đó ư ! Đứa thị-tì kíp yên-ủi mà nói rằng : Khóc không thì ích gì, nên từ-đồ mới được. Quyên nín lặng, chợt vùng dậy nói rằng : Kế ta định rồi. Từ đấy cái sự Vương-sinh, bỏ ra ngoài ý, trong mấy ngày, cái ác-tình đối với Vương-sinh, lại dời sang đối với Pháo-Phương. Một hôm, trong nhà Pháo-Phương treo đèn kết hoa, kèn sáo linh-đình, là cái ngày Pháo-Phương cùng với Quyên-Quyên kết-hôn vậy. Quyên-Quyên người béo da nhuận, như đóa liên-hoa mọc ra ở trên nước. Tối hôm cưới, Pháo-Phương uống rượu xem hoa, mê-mẩn lăn-lóc, cơ-hồ bất-tri nhân-sự. Sau lúc canh ba tiếng người đã im lặng. Quyên-Quyên nghĩ bụng rằng: lúc này chẳng cử-sự, còn đợi lúc nào. Tức-khắc lấy thanh gươm chủy-thủ ở trong túi ra, cắt lấy đầu Pháo-Phương, rồi cắp thanh gươm chủy-thủ mà trốn đi. Sáng mai, quá trưa trong phòng còn tĩnh-tịch, người nhà còn chưa lấy làm ngờ. Kịp đến lúc xế chiều, vẫn không nghe có tiếng người đi ra, người nhà mới cả ngờ, gõ vào cửa, cũng không có người ứng; tức-khắc phá cửa đi vào, thì thấy một người nằm ở dưới đất, máu tươi chảy ra đầm-đìa, xem ra thì là Pháo-Phương, mà vợ mới thì đã liều-nhiên như con hoàng-hạc, không thấy tung-tích gì nữa. Tức-kh[illegible] [illegible] báo quan, quan phái người [illegible]-xứ đi tầm-nã, trải mấy năm mà vẫn không bắt được kẻ hung-thủ. Về sau, cũng không ai biết là Quyên-Quyên làm gì và đi đâu.

Người Tàu thuật ra truyện này đã từng có lời bàn rằng : « Hồng-nhan là lò bạc-mệnh, hoàng-thổ là kiếp văn-chương, cổ-kim cùng một sự cảm-khái. Quyên-Quyên khéo-léo nghề văn, tinh-thông nghề vũ, mà làm một ả trong thanh-lâu, há chẳng phải là cái hoa bạc-mệnh đó dư. Vương-sinh chết vì Quyên-Quyên, chết vì tri-kỷ, chết cũng thảm-khốc, chết cũng dễ-dàng, Quyên-Quyên lại tay cầm mũi nhọn, phục được thù cho Vương-sinh, Vương-sinh ở dưới chín suối mà có tri-giác, cũng có thể nhắm mắt được yên.

Tiết-phụ Từ-thị

Tiết-phụ họ Từ 徐氏, là người trong qui-tộc đất Từ-khê, con gái tước Hưng-nguyên-công. Tuổi mười bảy, gả về nhà một người đồng-ấp là Tưởng-quân, tên là Đức-Ý, gả về mới được một tháng, lứa đôi rất đẹp. Nhà Tưởng-quân dời giữ nghiệp thương, chợt cuối năm ấy, Tưởng-quân đi ra đất Hỗ (Thượng-hải) thanh-hoàn giải-kết mọi sự buôn-bán; một hôm thuê xe ra ngoài, giữa đường gặp phải con kinh-mã chạy xông vào xe mình, xe đổ mình ngã, não-bộ thụ-thương, trị thuốc

không kiến-hiệu, sớm ngày hôm sau liền chết, đem tang về nhà. Từ-thị thương-xót không muốn sống nữa, thề rằng định chết theo chồng. Người mẹ chồng khuyên-ngăn rằng: « Chồng mày đã chết, lòng ta đã thương lắm rồi, nỡ nào lại trông thấy mày chết nữa đấy ư. Huống-chi ta tuổi đã già, ví như ngọn đèn ở trước gió, nếu mày bỏ ta, ta sao có thể còn ở trên đời được lâu. Tuy còn có em chồng mày, nhưng là con trai, phải đi ra ngoài kinh - doanh thương-nghiệp, ví khiến [illegible] mà hàng ngày ở bên tả-hữu ta, nó [illegible]o cũng có thể làm được những việc đàn bà đấy ư. Phàm tề-gia cốt ở người đàn bà, ta tuổi đã già rồi, mày đừng vội chết.» Từ-thị thưa rằng xin vâng, mới trở dậy coi-sóc sự tống-táng cho chồng. Thờ mẹ chồng thì một niềm hiếu-kính, lòng thật hết lòng, lễ thật hết lễ, chốn hương-lý ai nấy đều khen. Trải sáu năm, người em chồng lấy vợ, sinh được một đứa con trai, người em chồng tên là Đức Qui, vẫn ở đất Hỗ buôn bán, người con đẻ ra thì đặt tên là Chí-Cương. Chí - Cương lên ba tuổi thôi bú, người mẹ chồng vì nhớ cháu tình-thiết lắm, bảo Đức-Qui phải đem con về nhà. Từ-thị trông thấy đứa bé ấy, mừng nói rằng đây là con ta đây. Vì lễ-chế trong gia-tộc đông-phương xưa nay, người trưởng phạp - tự, thì con người thứ được kế-tự. Từ-thị mới lập Chí-Cương làm con chồng mình, mà mình tức là mẹ, mà tự mình nuôi - nấng yêu-đương như mẹ đẻ. Từ-thị là người có biết chữ, hàng ngày ôm-ẵm Chí-Cương ở trên gối, dạy Chí-Cương học. Từ đấy việc ngưỡng-sự cho đến việc phủ-dục, trong chốn gia-đình in ra một cảnh hòa-lạc. Được vài năm, người mẹ chồng ốm, Từ-thị chăm-chỉ thuốc - thang, thức - nhắc thâu canh, nằm không cởi áo. Song vì mẹ chồng tuổi già đeo bệnh, rồi vào cõi qui-tiên, Từ-thị khóc mẹ chồng, khóc một vẻ cực-ai. Tống-táng mẹ chồng xong, lại toan chết, người em chồng, cùng người em dâu cực-lực khuyên-can, Từ - thị một niềm quả - quyết, không giải đi được. Người em dâu mới gọi đứa bé-con lại trước mặt Từ-thị mà nói rằng: Chị một chẳng nghĩ đến đứa bé này ư! Anh em họ Tưởng, chỉ mới có một mống ấy, nay nó đã làm con chị, mà chị nỡ khiến nó mất đường trông-cậy đấy ư! Vả lại chị vỗ-về nó đã có mấy năm nó cũng coi chị như mẹ, chị tức là mẹ nó, tôi tuy đẻ ra nó, song theo đạo trong gia-đình, thì tôi không dám nhận [illegible]à mẹ nó. Huống-chi tôi [illegible]hất-si[illegible]h đa bệnh, khó phần sinh-dục được [illegible]a, v[illegible]ng tôi mạnh-khỏe, tôi cũng không [illegible] nuôi con dạy con được như chị. [illegible]gười ta đối với sự sinh-tử, nên cân nhắc điề[illegible] khinh điều trọng. Chị thử nghĩ, đi the[illegible] đấng tiên-cô ở dưới đất, có ích gì cho [illegible] Tưởng, người đời xưa sở-dĩ khinh [illegible]ường tử-nạn, mà trọng về đường phủ-cô ấy, là vì sự nối-dõi tông-đường đó, Chị ôi! nghĩ kỹ xem. Khi ấy Từ-thị mới lau nước mắt tạ lỗi lại với em chồng em dâu. Tự đấy, Từ-thị bề ngoài thì quản-trị gia-chính, bề trong thì giáo-dưỡng ấu-nhi. Chí-Cương khi đã lớn, mới cho đi ra học thầy ngoài. Chí-Cương sở-dĩ được là kẻ trưởng-thành, khôn-ngoan đứng-mực, làm một tay vô-địch trong thương-giới đều là nhờ về người tiết-phụ ấy giáo-dục có phương-pháp. Trước-giả cùng với Chí-Cương kết-giao đã lâu ngày, thấy Chí-Cương là người cử-động hợp lễ, có khuôn-phép thánh-hiền, sẽ biết xưa nay những kẻ trung-thần hiếu-tử sở-đắc về mẫu-giáo phần nhiều.

Mùa hạ năm nay Chí-Cương đem cái sự thực tiết-hiếu của người bá-mẫu, thỉnh với địa-phương đại-lại, đạt lên chính-phủ, được mông ân-điển tiêu-biểu môn-đình. Chí-Cương lại đem cái

hành-trạng bá-mẫu cầu lưu-truyền ra đời với trước-giả, trước-giả từ-chối không được, mới xét trong sự-trạng mà làm ra truyện, để lưu-truyền ra đời. Song người tiết-phụ ấy, làm gái chỉ lấy một chồng, coi sự chết như sự về, muốn chết theo chồng, muốn chết theo mẹ chồng, đó cũng là cái đức thông-thường của đàn bà, kẻ phụ-nữ con nhà danh-giá đành nên như thế. Lại còn có mấy điều lỗi-lạc lớn-lao, người đời ít kẻ kịp, thì dẫu muốn không sùng-bái cũng không được đó vậy. Người tiết-phụ không những lấy hiếu-hạnh trứ-danh ở đời, mà lại hiểu-sáng nghĩa lớn, làm người khẳng-khái hay bố-thí, chốn lân-lý ai có [illegible] bần-cấp đến cầu, không sự gì chẳng ứng, năm đói-kém thì bán trâm-thoa đi để phát-chẩn, năm tật-dịch thì phát thuốc-thang để cứu người; thương yêu người cũng như thương yêu mình, không phân-biệt giới-hạn gì cả, cho nên gần xa đều cảm-ân tụng-đức, khen là hiền-mẫu. Than ôi! cái thói đời ngày nay một ngày một ác-bạc, cái danh-tiết ngày nay hồ đã tảo-địa sạch-sành-sanh, biết đâu là nhân-nghĩa nữa. Thậm-chí có lắm kẻ làm thân con gái bán mua đến mấy lần, chẳng khác gì một quả chuông nay treo ở cửa chùa này mai treo ở cửa chùa khác. Lại có lắm kẻ cưỡi lên đống tiền đống thóc mà đối với kẻ thân-thích người đồng-bang, rõ-ràng xe cái tóc không lọt. Ấy chan-chan thế cả đấy. Nay xem cái hạnh người tiết-phụ, thực đủ làm tiêu-biểu cho nữ-lưu; nên chi ông xanh-xanh báo đền cho tiết-phụ có hiền-hiếu tử-tôn vậy.

Người Tàu làm truyện đã có lời phê-bình rằng: « Một đàng sát cái thân đi để thành sự nhân, một đàng lưu cái thân lại để làm sự khó, cái hạnh tuy khác nhau, nhưng cái tâm thì như nhau. Người liệt-nữ khác đem cái tâm không nên sống mà chết, thì chết cũng như sống. Người tiết-phụ này đem cái tâm không nên chết mà sống, thì sống lại có phần quí hơn chết. Xem người ấy ngoài quản-lý gia-chính, trong giáo-dục ấu-nhi, so với những bậc hiền-mẫu ngày xưa như bà Liễu-mẫu bà Âu-cơ, cũng chẳng kém gì. Như người tiết-phụ ấy, cũng đủ làm phép cho muôn đời vậy. »

Hiệp-nữ Dương-sinh thiếp

Chàng Dương-sinh 楊 生 ở đất Sơn-âm, thua bé cùng với ký-giả đồng-học ở dưới cửa Lưu Diệp-Phong tiên-sinh. Dương-sinh tư-tính thông-mẫn, đọc sách qua mắt thuộc lòng, Lưu tiên-sinh rất lấy làm trọng, mà trong bạn đồng-học cũng không ai là chẳng kính-yêu. Thủa ký-giả tòng-học cửa Lưu tiên-sinh, thì Dương-sinh là bậc tiên-tiến, Dương-sinh đối với các bạn đồng-học, đều coi là hàng anh em, trông thấy văn-chương ký-giả, cả ý thưởng-thức, mới cùng nhau kết-giao, đi lại rất thân, khi gà gáy lúc gió mưa, không lúc nào không. Khi ấy ký-giả tuổi mới mười bốn, mà Dương-sinh tuổi đã hai mươi ba, Dương-sinh vì kinh-thế văn-chương, kiến-trọng với Lưu tiên-sinh, ký-giả vì tiểu-phẩm văn-tự, cũng kiến-trọng với Lưu tiên-sinh, đương-thời gọi là hai con tuấn-mã. Cách nay đã năm năm rồi, nhớ lại cảnh cũ tình xưa, bất-giác lòng đâu sẵn mối thương-tâm. Vì từ khi ra khỏi cửa thầy về sau, Dương-sinh thì khốn-đốn ở trong chính-giới, ký-giả thì khốn-đốn về cái nợ văn-chương, cái phẩm-cách cho đến cái sự-nghiệp hai người, Lưu tiên-sinh thủa nọ đã từng bảo trước cho hay cả rồi. Than ôi! Dương-sinh từ đời ông tổ ông phụ, đã đời đời nhiệm chức tá-chính nhà Mãn-Thanh, song đều vì cớ trung-trực bị phóng-truất. Dương-sinh tiêm-nhiễm được cái tính di-truyền ấy, từ thủa bé

công-xảo về mối sầu. Cho nên làm ra văn-chương, hoặc cảm-khái kịch-liệt, mà không thể ức-chế được, hoặc bi-sầu uất-ức, mà người xem không nỡ đọc suốt. Trong bọn sư-hữu mỗi thường khuyên can, cho là tự thủa bé công-xảo về mối sầu là cái trưng-triệu không hay. Dương-sinh thì lại cho rằng cái tính-tình bản-lai của sinh-tiểu như vậy, không sao cải-dịch được. Sư-hữu mới không khuyên can.

Dương-sinh ra khỏi cửa thầy về sau, có người phụ-chấp mỗ làm quan to ở đất Ngô-trung với Dương-sinh làm chức mỗ-khoa khoa-trưởng. Sinh lại lấy một người vợ là Vương-thị. Vương-thị với sinh tự thủa nhỏ đã có cái ước Chu Trần hai họ với nhau, từ tính-tình cho đến học-vấn, Vương-thị thật không phải là người xứng-đáng đôi lứa với sinh, lại là người hung-ác cay-nghiệt khác thường, máu ghen lại càng tợn lắm, cái sự Hà-đông sư-tử-hống, thời thường lừng tiếng ra ngoài. Sinh bấy giờ mới có cái tật quắp râu, không thể vểnh râu ra cho bà nó sợ được nữa, thường tự mình uất-uất, không biết sự gì sự vui, thành ra gia-đình Dương-sinh chuyên-chế ở tay Vương-thị. Sinh không có chốn nào phát-tiết được khối hận, chỉ hàng ngày viết thư đưa cho bè bạn thân, thư đi thư lại, thành một tập diễn-thuyết-bộ mà thôi.

Sinh khi làm chức khoa-trưởng, vả cũng trứ-danh chính-trị. Sau người phụ-chấp mỗ cải-nhiệm nơi khác, sinh phụng-lệnh thượng-quan, đi điều-tra các tỉnh thực-nghiệp, nhân được chu-du các chỗ danh-sơn đại-xuyên. Sự chu-du ấy sinh để chí đã lâu, nay chợt được như nguyện, hân-hỉ quá chừng; khi bước chân đi, bằng-hữu thân-thích đi tiễn-tống cũng là một sự cực-thịnh trong một thời. Sinh có từng bảo ký-giả rằng: chuyến đi này nên có nhật-ký, hễ được tập nào thì gửi dần về cho. Ký-giả vâng lời. Được vài tháng trở về sau, những tập nhật-ký gửi lại, quả nhiên như núi-non chồng-chất. Ký-giả chọn những bài đặc-sắc đem in thành sách, còn những bài khác quan-hệ về sự riêng, thì cần-tàng ở trong tráp, để đợi ngày khác nhặt lại làm thành sách riêng, sẽ đem ra cống-hiến xã-hội.

Cái tung-tích đi du-lịch chuyến ấy của sinh chuyên về sự kết-giao với thiên-hạ [illegible]ần hào-kiệt, và du-sơn ngoạn-th[illegible]. Cầm bút thảo ra văn-chương nhật-ký, thường thường lưu-lộ ra cái ý điếu-cổ thương-kim, cay-xót sự đời, thường không biết nước mắt tự đâu mà tuôn lại chứa-chan. Kẻ đồng-du ai nấy đều vì sinh cảm-khấp không thể thôi được, biết rằng sinh có điều bất-đắc-chí, từng khuyên-giải nhiều lần. Nhưng các người khuyên-giải, chỉ đủ tăng cái nước trào bi-cảm cho sinh, cho nên không thể sao chữa lại cho sinh được.

Khi sinh du-hành đến đất Cửu-giang, được người xứ ấy tiếp-đãi rất hậu. Có một ông túc-nho, niên đã lão nhà lại phong-phú, tính rất hào-mại, là Chu Mộc-Cổ, yêu kẻ có tài như yêu tính-mệnh, thấy người tài tất chiêu-đãi bao-dung ở nơi môn-hạ, đương-thời đã có cái danh-dự châu-lý tam-thiên (1). Chu-lão thấy sinh, lấy làm lạ mà khen rằng có người như thế, thật là bậc thiếu-niên anh-tuấn, lão-phu này chu-du thiên-hạ mấy mươi năm nay, chửa từng thấy người nào như thế. Hỏi đến quan-chức, sinh

(1) Châu-lý tam-thiên=Tước Xuân-thân quân nước Sở đời Chiến-quốc, là người hiếu-khách, ba nghìn người khách ở trong nhà đều đi giày thêu hạt châu.

nói hiện làm mỗ-khoa khoa-trưởng phụng-lệnh đi điều-tra. Chu-lão lắc đầu than-thở hai ba lần, rồi nói rằng : « Cứ tài văn-chương ngươi, nên thong-dong chủ-tịch trong chốn hàn-mặc-lâm mới phải, lại làm chức nhỏ-mọn ấy vậy ! Song văn-chương dẫu hay, nhưng đắc-thất là bởi mệnh trời, làm thế nào được mệnh trời. » Kíp lưu sinh ngủ lại ở nhà mình. Sinh vâng lời, có cảm-khích nghĩ riêng rằng ta mười năm lưu-lạc, chửa gặp kẻ tri-âm ; mà lão ấy một ân-cần với ta, ta nên lấy gì đối-đáp lại. Sinh cù[illegible] với mọi kẻ sĩ ở môn-hạ giảng bà[illegible] học-vấn, không ai kịp sinh, sinh áp-c[illegible] cả nhân-sĩ trong một thời, mà cái [illegible] sinh nhân thế gần xa đều bi[illegible]

Chu-lão có một người con gái út, vả cũng xinh đẹp, vì theo lề-thói trong nhà, có [illegible]i văn-thơ, thấy văn-chương sinh, tro[illegible] tâm khôn xiết kính-mộ. Nhưng vì giữ-gìn gia-pháp, cho nên không dám bước chân xuống ruộng dưa, để tránh sự hiềm-nghi. Một hôm Chu-lão phô văn-chương học-vấn sinh với con gái, và cho con gái ra yết-kiến sinh, lá vì quá yêu con gái, và đặc-biệt kính-trọng sinh, chứ thực không có ý gì cả. Người con gái chợt nghe lệnh cha, hân-hỉ quá chừng, ra yết-kiến sinh. Sinh trông ra thì là tuyệt-sắc vậy, không ngờ chỗ này lại có kẻ mĩ-nhân dường ấy ! Song khi ấy thì người con gái sớm đã có ý với sinh, mà sinh vẫn không biết. Về sau người con gái thỉnh-thoảng có làm thơ đưa cho sinh, sinh cũng làm thơ đáp lại, thơ-từ trang-nhã, xử một cách nửa bè-bạn nửa thầy-trò, tuyệt không lời gì xâm-phạm về ý khinh-bạc cả.

Được ít lâu, sinh vì cớ trung-trực cô-lập, không chịu a-dua, nhân sự bị giải-chức. Khi ấy muốn về cố-hương, chứ ở mãi chốn này, cũng không phải là kế-sách cửu-viễn. Chu lão biết rằng sinh đã giải-chức, thỉnh với sinh lưu lại ở nhà mình để giáo-thụ các cháu, sinh vì cớ lắng-đắng trong chính-giới, rõ thật hành-chỉ ngờ không đất, chiêu-tầm một có ngươi. Mới mừng lắm, và cảm-tạ Chu-lão có bụng ân-cần. Một hôm sinh bắt được thư của bố, trong thư có lời rằng : mày nay đã từ-chức, nên sớm về cố-hương, ta vì chứng uất-kết, thành bệnh đau phổi, trải ba ông thầy chẩn-trị, uống thuốc mấy tễ, đều chửa kiến-hiệu, vân-vân. Sinh xem thư, gục đầu khóc, không ngửa mặt lên được, nghĩ riêng rằng ta bái-biệt cha ta đã năm năm, tự ngày ấy đến giờ, ta chửa về thăm cha một lần nào, đắc tội với cha nhiều lắm, nay cha ta đau nặng, ta biết làm thế nào. Mới cùng với Chu-lão kể rõ tin bố, muốn đi về cố-hương. Chu-lão đem lời yên-ủi hai ba lần, cũng là cái thế không thể lưu lại được vậy. Sinh lại thương-thuyết với người con gái, người con gái cố ý lưu lại. Sinh cùng với người con gái, bấy lâu tuyệt không đề-nghị đến sự hôn-nhân, vì sinh đã có vợ rồi. Nay sinh kíp phải về cố-hương có cái thế không thể đợi trọn ngày được. Người con gái ở trước mặt sinh, đặc-khởi đề-nghị sự hôn-nhân, bảo sinh rằng : thiếp xin kết tóc với ngươi. Sinh dịu lời bảo rõ rằng : mỗ đã có vợ rồi. Người con gái nói rằng : vô-luận ngươi đã có vợ rồi hay chửa có vợ, thiếp phi ngươi không kết tóc với ai. Sinh gạt nước mắt mà nói rằng : Mỗ cùng với quí-nương tự lúc kết-giao văn-tự về sau, không có điều cử-động gì phi-lễ, ấy mỗ có thể đối với quí-nương mà không hổ-thẹn, quí-nương đương tuổi thanh-xuân, ngày khác kén người xạ-tước, thiếu gì kẻ anh-tài, như mỗ thì đành xin thôi, không thể sao nói sự kết tóc xe tơ được nữa. Người con gái nói rằng : Bể có thể khô, đá có thể nát, ba quân có thể cướp lấy người tướng-súy, chứ chỉ thiếp không thể di-dịch

được, Sinh biết rằng cái chí người con gái ấy không thể di-dịch được nữa, mới chịu lời, kíp nhờ một người môn-hạ-sĩ đến trước mặt Chu-lão đề-nghị sự cầu-hôn. Chu-lão vốn rất trọng sinh, vả cũng không muốn cướp chí người con gái, cũng cho. Mới ở nhà người con gái thành lễ kết-hôn, giai-nhân tài-tử, nhất-đán thành nghĩa quyến-thuộc. Song cái sự bố ốm, sinh chưa từng có một khắc nào lìa khỏi trong lòng. Sinh với người con gái mới cùng nhau cùng trở về đất Việt-trung, ước với Chu-lão rằng sau khi bố ốm khỏi, lại xin đi đến Cửu-giang bái-yết.

Người Chu-nữ yêu cái tài của Dương-sinh, tự-cam làm kẻ thứ-thất. Khi về đến đất Việt-trung, đất Việt-trung huyên-truyền sinh đã thú-thiếp, nhân-sĩ trong một thời chen vai lại xem. Người vợ sinh là Vương-thị cả giận, nồi cơn ba-đào, thóa-mạ sinh mãi, lời chẳng dứt lời. Sinh chỉ dấu-dịu nhận lỗi, cho nên trong khuê-khổn tuy có sự bất-bình, không đến nỗi đại-quyết-liệt. Khi ấy người bố bệnh đã khỏi, thấy người thiếp sinh không có vẻ tục, cũng không trách gì lắm. Sinh mới lịch-thuật cái sự-trạng khi đi xuất-du, cái lễ-ý người Chu-lão ưu-đãi, và những bài thơ-văn du-ký bấy lâu làm ra, đem trình bố. Người bố vuốt râu mừng nói rằng: « Cái lòng nguyện-vọng của ta thế là đã đủ, nhà ta mấy đời khốn-đốn về sự tràng-ốc, kịp đỗ lên một tiếng, thì tuổi đã lớn, được một chức quan nho-nhỏ, thì tuổi đã già, lại vì cớ trung-trực bị phóng-truất, con đường vận-mệnh, chửa có ai truân-kiển hơn ta. Mày nay sinh sau, lối khoa-cử đã phế, sự khốn-đốn về tràng-ốc, mày có thể khỏi được; lại ít tuổi sớm biết làm văn, ra nhiệm-sự với đời cũng xứng-đáng được chức-sự, tuy cũng vì cớ trung-trực bị đời ghét-bỏ, cũng là cái lề-thói nhà ta mà cũng là cái quí của nhà ta, có hại gì; cho nên lòng nguyện-vọng ta thế là đã đủ. » Sinh từ đấy vì cớ có cha già, lại vì được người nữ-hữu ở trong khuê-khổn, ngày trước sinh sở-tác ra thơ-văn, có cái chốn không nói với ai được, ngày nay thì tình-cảnh đã khác đi nhiều, cho nên không có cái tứ-tưởng xuất-sơn nữa. Duy người vợ sinh thì đãi người thiếp ngược lắm, thậm-chí coi người thiếp như kẻ tỳ-bộc, vẻ mày ngài khuôn nguyệt, cơ-hồ biến-thành ra hình tóc rối thân lươn. Người thiếp vẫn xử được vui-vẻ, không hề so-kể gì cả, thường nói rằng: những việc nặng nhọc trong gia-đình là cái sự trong phận kẻ làm thiếp. Khi nào rỗi, thì lại đề thơ [illegible]-chí, phát ra lời thơ, cũng không có một lời nào oán-thán. Người bố chồng khen là hiền mà cũng lấy làm quí, duy cái tính hung-nghiệt của người vợ sinh thì vẫn không thể sao hóa đi được. Tuy phận đằng-la gửi ở trước hàm sư-tử, nhưng nhà thung ở trên vẫn trông xuống, cho nên con yến không đến nỗi mưa sa gió táp mà lạc đàn.

Khi ấy đất Sơn-âm có cái nạn nhiều đạo-tặc, địa-phương-quan ăn lễ đút của đạo-tặc, dong-túng làm ngơ, đạo-tặc hoành-hành những điều phi-pháp, nào cướp-bóc tài-sản, nào thương-hại mệnh người, hàng ngày có nghe những sự ấy. Than ôi! cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan, quan cướp ngày chửa chán, lại dự cả phần cướp đêm nữa, kẻ làm dân cũng khá thương thay. Có một đêm, đảng cướp đến phá nhà Dương-sinh, toan cướp lấy của-cải, thoạt-tiên bắt được chủ-nhà là vợ sinh Vương-thị trói lại, định đem đi để lấy tiền chuộc, người nhà tẩu-tán. Người thiếp là Chu-nữ chợt trông thấy, vác gậy chạy ra, chiến-đấu với đảng cướp. Đảng cướp mới trông, cho là một người con gái yếu-ớt, cũng không để ý, trong

khoảnh-khắc, đảng cướp đã chết ở tay người con gái đến mấy người, đảng cướp biết rằng không địch nổi, mới ôm đầu tháo chạy. Khi chạy còn cố bắt lấy Vương-thị đem đi, để mong sau này lấy tiền chuộc. Người thiếp đuổi theo xát đến tận nơi, cưỡng-bách đảng cướp phải trả lại Vương-thị. Đảng cướp ứng rằng đem trăm lạng bạc ra chuộc, thì trả người cho về. Người thiếp liền xông vào đánh đảng cướp, đảng cướp kinh-hãi bỏ Vương-thị chạy. Người thiếp mới cởi trói cho Vương-thị, dắt Vương-thị về nhà. Khi ấy Vương-thị cũn[illegible] phát-hiện lương-tâm, tạ ơn người [illegible]hiếp, và bảo rằng xin tất báo - ơn. [illegible]gười thiếp nói rằng: Tôi bình-nhậ[illegible]ng dám oán chị, ngày nay tôi cũng [illegible]ông dám kể ơn với chị, ch[illegible] không phải nói nhiều. Khi ấy một nh[illegible] họ Dương nhờ một người thiếp mà [illegible]ảo-toàn được cả sinh-mệnh tài-sản k[illegible]g thiệt-hại chút gì. Người ngoài ai cũng lấy làm kinh-ngạc dị-thường, trước kia vẫn tưởng rằng: người thiếp ấy chỉ thơ hay mà thôi, không ngờ lại võ mạnh nữa, lạ thay! Vì ông Chu-lão không những là người văn-học, lại là người hào-hiệp, khách trong nhà không những nhiều khách hàn-mặc, lại thường có khách côn-quyền, cái nghệ-thuật người thiếp ấy, cũng là cái nghệ-thuật tự trong nhà luyện-tập nên. Duy người thiếp ấy không chịu lộ hình-tích, mà người ngoài vẫn không biết đấy mà thôi. Từ đấy vợ sinh là Vương-thị không những không sinh ra lòng ghen-tuông, mà lại có lòng hậu-đãi người thiếp. Hoặc có kẻ bảo người thiếp rằng: cô đã tinh-thông võ nghệ, thực là kẻ nữ-trượng-phu, người vợ cả ngược-đãi cô như thế, sao cô lại cam chịu cái ngược-đãi ấy, mà không hề so-kể thế ư? Người thiếp nói rằng: sự ấy không hại gì, là sự bổn-phận của mình, phàm người có nghệ-thuật nên dùng về sự chính-đáng, không nên dùng về sự bất-chính-đáng. Kẻ nghe lời ấy, lại càng kính-trọng.

Lời phê-bình

Nhân-vật Dương-sinh-thiếp, tưởng cũng không phải là nhân-vật phàm-thường. Con nhà văn-chương, con nhà tình-ái, con nhà vũ-sự, con nhà thánh-hiền, Dương-sinh-thiếp kiêm mà đủ cả, chớ lấy là một người lẽ-mọn mà xem thường. Dương-sinh-thê chẳng khác gì cha Cổ với em Tượng, em Tượng chỉ hàng ngày chăm một sự giết Thuấn. Dương-sinh-thiếp chẳng khác gì Đế-Thuấn, Đế-Thuấn chỉ hàng ngày chăm một sự đi cày, với trên chiều cha mẹ dưới hòa cùng em. Dương-sinh-thiếp, Dương-sinh-thiếp, kiếp trước là Đế-Thuấn đấy dư, Đế-Thuấn đấy dư! Đế-Thuấn khi phú-quí lại phong cho em Tượng, sau em Tượng lại hóa ra người yêu anh. Dương-sinh-thiếp khi hoạn-nạn lại cứu cho chị Vương, sau chị Vương cũng hóa ra người yêu vợ lẽ. Gia-đình Đế-Thuấn, thủy-chung một cảnh hiếu-thuận. Gia-đình Dương-sinh-thiếp, thủy chung một cảnh hòa vui. Ấy cái đạo-đức bên đông, thường-thường có cái đạo-đức thâm-trầm hồn-hậu như vậy, người đông-phương lại không biết quí lấy đạo-đức mình đấy dư.

Xét trong truyện, Chu-lão cũng là kẻ phi-thường, Dương-ông cũng là người chân-chính, Dương-sinh đối với gia-đình cũng không thế-lực gì, đến như Vương-thị thì vô-tức-luận, chỉ người thiếp thì thật là một người kỳ.

Dương-sinh-thiếp đối với Dương-sinh, âu cũng là một đêm quân-tử nằm kể còn hơn thằng mán vỗ-về quanh năm. Dương-sinh đối với Dương-sinh-thiếp, âu cũng là ví chăng duyên nợ ba sinh, làm chi đem thói khuynh-thành trêu ngươi. Hai cái tâm-lý ấy loát-hợp với nhau, mà thành nghĩa quyến-thuộc.

Dương-sinh-thiếp hiện ra đời, cái thân phô ra cho đời xem, tự-thủy chí-chung, có ba cái lốt. Kỳ-thủy đội lốt con yến con oanh con phỉ-thúy, trung-gian đội lốt con gian con lươn con thờn-bơn, cuối cùng đội lốt con hùng con hổ. Nhưng ba cái lốt ấy là cái lốt ở bề ngoài đấy mà thôi, chứ cái chân-thân ở bề trong, thì thực là kỳ-lân với phượng-hoàng. Phượng-hoàng là loài chim thụy, Dương-sinh-thiếp sắc đẹp văn hay, chẳng phải phượng-hoàng đó dư. Kỳ-lân là loài thú-nhân, Dương-sinh-thiếp nghề võ thần-kỳ, cái tâm nhân-hậu, chẳng phải kỳ-lân đó dư. Song phượng-hoàng phi những chốn thanh-cao không đậu, nay đậu ở sân một người nho-sĩ, làm bạn với con đố-ngư. Kỳ-lân phi những đời thái-bình không hiện, nay hiện ở vườn một kẻ văn-nhân, tựa mình với con sư-tử. Người nho-sĩ kẻ văn-nhân, không có cái hạnh-phúc nếp nhà ở rộng muôn gian, không có cái hạnh-phúc áo cừu mặc giá nghìn vàng, không có cái hạnh-phúc mâm cơm ăn vuông một trượng, mà có cái hạnh-phúc phượng-hoàng đến sân đậu, kỳ-lân lại vườn chơi. Cái cân hạnh-phúc của ông xanh-xanh, cũng thăng-bằng lắm thay !

(Còn nữa) TÙNG-VÂN

TUỒNG HÁT

NGUYỄN-CHÚA PHÙ LÊ-HOÀNG (1)

II

HỒI THỨ III

Đến Lương-ba vua Lào chứa khách thân.

Tới châu Sầm chúa Nguyễn lập vua mới.

Chương-trình

Khi đến đô Lào Lương-ba-băng, chúa Lào ra tiếp, chúa Nguyễn cùng ông Trịnh Duy-Sản vào xin chúa Lào nhượng cho châu Sầm, rồi cùng đi châu Sầm, chúa Nguyễn rước Hoàng-tử lên làm vua là Lê Trang-tôn.

BÀI TRÍ

Cảnh trào phiên và rừng núi.

CÁC VAI TRÒ

Chúa Lào — Lang mường — Chúa Nguyễn — Ông Trịnh Duy-Sản — Bà Lê-hậu — Hoàng-tử.

. • .

Chúa Lào nghe tin Việt-Nam ra bạch:

— *Hường*: Trong vòng Vạn-tượng, đời gọi vua Xà. — *Tán*: Trẫm chúa Lào đô cõi Lương-ba, với Nam-Việt vốn là phiên-phục, nay bỗng nghe vua Chiêu-nam-cốc, gặp phải khi tôi nhục vua lo, như trẫm nay vốn thuộc bản-đồ, âu trước phải thăm dò tin tức. — *Gọi*: Quân, truyền cho các Lang mường giữ yên phong-vực, sẽ thăm dò tin-tức Việt-Nam (2).

Lang Mường ra tâu báo: — Dạ, dám tâu bệ ngọc, nghe vua Chiêu-nam-cốc, vì Mạc cường rấp khúc gian-nan, có sứ-thần sang cửa Lao-quan, tới kinh-khuyết xin vào yết-kiến.

(1) Xem *Nam-Phong* số 116.

(2) Xét sách *Việt-Nam-địa-chí*, nước Ai-lao trước là đất Vạn-tượng, đời nhà Trần gọi là Tượng-quận, và tục nước Ai-lao vẫn gọi vua là ông Xà, đóng đất Lương-ba-băng. Tiếng Xiêm và Lào thường gọi vua Thiên-vương là Chiêu-nam-cốc, các tỉnh là các mường. Đây ta chúa Lào nói vốn là thuộc-quốc với Việt-Nam, nay nghe tin vua Lê bị chúa Mạc tiếm, vậy ban triều truyền giữ cương-vực, để đợi xem tình-hình Việt-Nam thế nào.

Chúa Lào ngồi nói, rồi ra tiếp sứ : — Chợt nghe tin báo, lòng được như lòng. — *Gọi* : Quân, truyền bá-quan chỉnh-đốn nghi-dong, đặng trẫm tới sân rồng tiếp sứ [1]. (ra đón chào.....)

Chúa Nguyễn cùng Trịnh Duy-Sản đều vào ngồi nói : — Dạ dám tâu bệ ngọc, tôi sứ-thần vua Chiêu-nam-cốc, chốn thiên-trào gặp khúc loạn-ly, chúng tôi gồng hoàng-tử ra đi, bước nguy-hiểm xin sang nhờ phiên-quốc (2).

Chúa Lào ngồi nói xin nhượng châu Sầm : — A sứ-thần ơi sứ-thần, trẫm với Chiêu-nam-cốc vốn [illegible]à nơi phiên-phục từ xưa, nay thiên-trào [illegible] đương lúc ngả cờ, mà hoàng-tử lại đặng có sứ-thần để phò lúc ngây thơ trẻ be[illegible] [illegible]ng... Thôi, vua Chiêu-nam-cốc có [illegible] như thế, biết là trời còn ý [illegible]ựa nương, — *Hường* : Rứa trẫm có châu Sầm là chốn biên-cương, chừ xin nhượng Chừ-hoàng làm nơi quán xá, [illegible]y tới đó tập rèn quân-mã, đặng rồi đây giúp đỡ binh-lương. —*Giồn* : nữa một mai đem lại chốn trào-đường, càng tỏ lối rộng đàng lân-quốc, nên chăng (3) ?

Chúa Nguyễn cùng ông Trịnh Duy-Sản cùng đứng từ tạ chúa Lào, rồi cùng bà Lê-hậu đem hoàng-tử tới châu Sầm : — Dạ dám tâu phiên-quân, xin phiên-quân nghĩ lại, đặng sứ-thần lui tới Sầm-châu.

(*Chúa Lào, Lang Mường hạ*)

Chúa Nguyễn đem Hoàng-tử đi Sầm-châu. — *Ngâm* : Hai vai khăng-khít áo bào, — *Thét* : tay tôi bồng (*réo*) chúa xa mau giục ngựa,

— *Vỉa nam-tầu-mã* : Bồng chúa xa mau giục ngựa, gánh tang-hồ chất nửa quan-san, trải qua một quãng hàn-san, gió rừng lọt lá trăng ngàn ngậm gương (4).

Trịnh Duy-Sản cùng đi nói tiếp : — *Thét* : Chống roi câu trỏ dặm đường trường, giồn vó ký chen hàng núi chạy.

— *Vỉa nam-tầu-mã* : Vó ký chen hàng núi chạy, trải rừng lau qua dẫy đèo non, dòng khuất-khúc dạ bồn-chồn, hoa lồng vách đá trăng luồn đỉnh mây (5).

Bà Lê-hậu cùng đi nói tiếp : — *Thét* : Ới chúa-công ơi, ới tướng-quân ơi ! — *Giồn* : Xin chúa-công và tướng-công — *Ngâm* : Đợi với tôi cùng, — *Ngâm tiếp nam-thương* :

Chớ nghiệp Lê còn giọt máu hồng,
Liễu-bồ chi dám quản vòng quan san (6).

(*Cùng đi quanh vào*)

(*Hạ*)

Chúa Nguyễn ra bạch, (đến châu Sầm truyền rước Hoàng-tử lên ngôi) ; — *Thét* : Nhác trông — *Ngâm* : Con sông Mê uốn khúc, dẫy núi mọc nhô đầu. —*Thét*

---

(1) Đây tả chúa Lào nói mình đương mong nghe tin Việt-Nam, mà bỗng có thiên-sứ lại thì được như lòng mình lắm, vậy truyền chỉnh-đốn ra tiếp thiên-sứ.

(2) Đây tả chúa Nguyễn và ông Duy-Sản nói với chúa Lào để nhờ bước nguy-hiểm, mà vẫn nói mình là sứ thiên-triều, mà Lào là phiên-quốc, thế mà chúa Lào cũng bằng lòng, vốn nhận là phiên-phục xin giúp đỡ. Thế mới là sứ không nhục mệnh.

(3) Đây tả chúa Lào nghe chúa Nguyễn và ông Duy-Sản nói, lấy làm lòng trời nương-tựa nhà Lê, vậy ước xin để châu Sầm và giúp đỡ binh nữa. Vì thiên-trào sửa một chốn trú chân và một vây cánh lớn không quản gì,

(4) Đây tả chúa Nguyễn từ kinh-đô nước Lào đem Hoàng-tử đi châu Sầm, trải bao nhiêu rừng núi gió lạnh trăng tà như vậy.

(5) Đây tả ông Duy-Sản từ kinh-đô nước Lào theo chúa Nguyễn đi châu Sầm, trải bao nhiêu rừng núi, hoa lồng trăng xế như vậy.

(6) Đây tả bà Lê-hậu từ kinh-đô nước Lào cùng chúa Nguyễn với Duy-Sản đem Hoàng-tử đi châu Sầm, nối nghiệp Lê còn Hoàng-tử đó, thì dẫu trải bao quan-san hiểm-trở, mà phận bồ-liễu cũng không quản gì cả, vì có con phải bận vì con, có chồng phải gánh giang-sơn cho chồng, là phận đàn bà như vậy.

Bốn bề quanh bọc, — *Ngâm* :

Đây thiệt cõi Sầm-châu,

Thét : Khen ai tỏ nẻo.— *Ngâm* :

Riêng một buồng non thẳm rừng sâu.

Cười nói. Há hả hả ! Đó mới thật là nơi hiểm-yếu. — *Ngâm* :

Đáng gây dựng cho vương bá công-hầu.

Gọi : Quân, rước Hoàng-tử lên ngôi, đặng ta sẽ điều-binh thảo-tặc, nên chăng (1).

(Quân dạ da. Trống rước hoàng-tử.)

(Hạ)

Lê hoàng-tử Ninh ra bạch rồi lên ngôi là vua Lê Trang-tôn.—*Hường* : Chốn hang sâu hầm thiêng đổi lốt, dỉnh non mây rồng trứng nở con ; nhớ lời ghi sông cạn đá mòn, sá quản trận sóng cồn cát lở (2). — *Tán* : Trẫm vốn Lê Hoàng-tử, bước loạn-li còn măng sữa thơ ngây ; *Hường* : Luống ẩn mình nương bóng cỏ cây, mong tới lúc gặp duyên cá nước (3). — *Tán* : Ừ, rứa may sao đặng đấng chúa Nguyễn là một bậc công-huân trào trước. — *Vĩ nam-bình* :

Một bậc công-huân trào trước,

Tán : Rứa mà ngài lại trải bao nhiêu là bước loạn-li, *Vĩa* :

Bước loạn-ly một bước một gồng vua.

Tán : Rứa như ngài thiệt là gian-quan hiểm-trở, khó-nhọc vì trẫm lắm lắm.

— *Ngâm* :

Chớ tình riêng chim Việt ngựa Hồ,
Đường dài chẳng quản dù Ngô hay Lào (4).

Tán : Rứa nay ngài còn có lòng trung như vậy, chớ như trẫm, chớ như trẫm — *Ngâm tiếp Nam-bình* :

Sá quản chi mang chiếc mãng-bào,
Tay cầm ấn ngọc tay trao gươm vàng.
Sắt son thề với can-tràng,
Nỡ dung sài hổ ngang-tàng nước non (5).

Gọi : Quân, truyền bá-quan vô trào, Đặng cho trẫm lên ngôi rồng chánh vị đã nào (6).

(Quân dạ dạ rước Hoàng-tử lên ngôi).

Chúa Nguyễn ra [illegible] tâu mừng vua mới.— Dạ dám t[illegible] Tân-hoàng, vạn tuế, vạn vạn tuế. [illegible] *Thét tán* : Trào Lê ta từ lên [illegible] vua Lê-hoàng khởi nghĩa [illegible]m, bình giặc Ngô mở cõi trời Nam, hồ Hoàn-kiếm bóng gươm còn lấp-lánh (7). — *Thét* : Nay chúa Mạc không biết ngôi tr[illegible]i đã định, dám đang đầu trái mệnh nh[illegible] vua ; dẫu nước non cây cỏ cũng thù. — *Réo* : Như tôi nay, đạo thần-tử dễ hồ không bực chi *(chém gươm xuống đất)*. — *Thét* : Rứa-tôi tâu Tân-hoàng chánh-vị, để trăm quan tướng-sĩ một lòng, đặng rồi đây toan việc quân-nhung, dù — *Réo* : nó gian-hùng *lại chém gươm thét* : chi quản-ngại ; *đứng dậy nói tiếp* : vậy dám

---

(1) Đây tả chúa Nguyễn nói đến châu Sầm, trông thấy sông núi hiểm-trở thực khá làm một chốn để anh-hùng chứa chân, đế vương dựng nghiệp, vậy ngài truyền rước Hoàng-tử lên ngôi để trước chính vị-hiệu cho vui lòng tướng-sĩ, vậy hai chữ hả-hả đó, là ý ngài trông núi sông mà vui cười.

(2) Đây tả Hoàng-tử nói vua tôi cùng lòng, không ngại gian-hiểm.

(3) Đây tả Hoàng-tử nói lai-lịch như thế.

(4) Đây tả Hoàng-tử nói chúa Nguyễn là người huân-lao trung-liệt.

(5) Đây tả Hoàng-tử nói chúa Nguyễn ngài còn có lòng trung-liệt, không ngại gian-hiểm mà gồng dắt trẫm như vậy, huống như trẫm là con dõi nhà vua, có quản gì mình mặc áo mũ mãng-bào, tay cầm kiếm ấn, đem can-tràng sắt đá thề với chúa Nguyễn, sá nỡ để hoài sài hổ nhà Mạc giầy-giẫm non sông dư,

(6) Đây tả hoàng-tử nói rồi truyền ban trào lên ngôi.

(7) Đây tả chúa Nguyễn ra chúc mừng tân-hoàng, rồi nói gốc tích vua Lê Thái-tổ khởi nghĩa bình Ngô, trả gươm hồ Hoàn-kiếm để tân-hoàng nghe biết mệnh trời có định, trào nhà Lê kiếm-khí chưa tan, thế mới rõ là bậc sư-phó dẫn tích tiền-trào để nhủ bảo vua bé.

tậu Tân-hoàng trở lại, dặng cho tôi xin dốc lòng trung. — *Ngâm nam-ầu-mã :*

Theo vua phải dốc lòng trung,
Dù sai dẹp bắc đánh đông cũng đành :
Quản chi lên thác xuống ghềnh,
Chỉ tuề nước biếc non xanh dãi lòng (1).

Vua Lê tân-hoàng Trang-tôn ngồi nói phong chúa Nguyễn làm Hưng quốc-công : — cười nói : Kha kha, đến như đấng chúa Nguyễn mới thật là người trung, trẫm phong ngài tước Hưng-quốc-công, việc tướng-sĩ việc quân-nhung, một tay ngài gồm dốc cả, đó a.
— *Ngâm Nam-bình :*

Nước non xu... ...op một nhà,
Cây cao rợp bóng ... già mọc măng.
Ấy ai góp gỗ n... rừng đẹn
Cho ta lấy đá xây ... non cao (2).

Gọi : Quân, truyền ...-quan bãi-trào.

(Hạ màn)

HỒI THỨ IV

Chàng ...inh e nóng, dâng yên ngựa gặp chúa,
Nàng Ngọc ngại rét, trùm áo hầm được chồng.

Chương-trình

Khi chúa Nguyễn ở châu Sầm Trịnh Kiểm xưa từng ăn cắp gà trộm ngựa, bấy giờ vào dâng ngựa xin làm bồi chúa Nguyễn, Ngọc-Bảo sai quân ngựa cho xem, rồi tối trời rét, Trịnh Kiểm nằm canh ở hiên, Ngọc-Bảo rút áo hồ-bào của chúa Nguyễn khoác cho, khi chúa Nguyễn dậy ra, nghĩ con hùm nằm, sau hỏi mới biết, lấy làm điềm lạ, liền gọi gả Ngọc-Bảo cho Trịnh Kiểm.

BÀI-TRÍ

Cảnh đường rừng và trại quân

CÁC VAI TRÒ

Trịnh-tử — Cậu lính — Chúa Nguyễn — Công-chúa Ngọc-Bảo — Gia-đồng.

. . .

Trịnh Kiểm ra đi châu Sầm, bạch.— Hường : Dẫy bến Hàm-rồng, đỉnh đầu núi Sóc. — *Tán :* Tôi Trịnh Kiểm vốn con nhà võ-học, vì loạn-li lặn-lọc chốn thôn-trang, trải mấy năm dạn gió dầy sương, mặt tráng-sĩ khi bết vàng e lạnh-lẽo (3). — *Cười gượng nói :* Ha-ha, tôi nói đây chớ ai cười chăng nhé. — *Thét hường :* Tôi khi bé, bởi nhà nghèo phải cắp gà nuôi mẹ, khi lớn lên, bực phận hèn mà trộm ngựa tìm vua (4).— *Tán :* Rửa trộm cắp là trộm cắp trung hiếu, ai đã biết cho mình chớ. — *Thét :* Chừ bỗng nghe đấng chúa Nguyễn ngài kiến nghĩa Sầm-châu,— *giỡn :* ấu ta thử ruổi con ngựa hồ tới đó nên chăng ? — *Tiếp nam-tầu-mã :* Khen ai tỏ nẻo đưa chừng, cho ta lặn suốt pha rừng tới đây (5). — *thét :* Nhác trông lên, — *thét hường :* Thiêng xây khói biếc, non phơi bóng vàng,

---

(1) Đoạn này tả chúa Nguyễn ra mừng tân-hoàng, rồi dẫn tích nhà Lê, kể tội họ Mạc, và tuốt gươm chém đất, to lòng trung-phẫn, cho đến khi đứng dậy, thề xin đánh đông dẹp bắc, to lòng với non sông, đều là nghĩa trung thần khang-khái, hiện ra ngoài lời nói cả.

(2) Đoạn này tả vua Lê tân-hoàng bao-phong chúa Nguyễn rồi đứng dậy nói công-đức ngài như cây cao, mà mình như măng mọc, có ngài góp gỗ nên rừng, thời mình mới lấy đá xây non được, đều qui công về chúa Nguyễn, nhưng cũng là lẽ thực như vậy.

(3) Bến Hàm-rồng, núi Sóc-sơn về đất tỉnh Thanh-hóa. Xét Trịnh Kiểm là người làng Sóc-sơn tỉnh Thanh-hóa, xưa vốn con nhà võ-biền nghèo đói lắm, xem giọng nói đó, cũng như ý ngươi Hàn Vương-tôn khi chưa gặp vua Hán-Cao có câu đề bích rằng : *Sương đề kiển trệ hề thân ký thù hương.* 霜蹄蹇滯兮身寄殊鄉。

(4) Đây tả Trịnh-tử nói lai-lịch. Nguyên Trịnh-tử trước nhà nghèo lắm, thường trộm gà hàng xóm để nuôi mẹ, sau làng bắt đi lính, lại trộm ngựa của quan Mạc trốn đi. Nay nói đó thì bởi nghèo hèn sinh trộm cắp mà thành ra hiếu trung, thế mới biết thời thế dựng anh-hùng cũng lắm cách, vậy hai chữ ha-ha đó, là ý cười chữa thẹn mà nói, mà lại là câu rửa thẹn, điệu cười này khó lắm.

(5) Đây tả Trịnh-tử nói nghe tin chúa Nguyễn rồi thẳng ruổi ngựa vào đường rừng, vừa đi vừa chạy, nên dùng cách nam-tau, rồi dừng đứng lại nói câu dưới.

— *Hỏi* : Đây dễ tới Sầm-châu rồi tá ? *(người ngoài nói, đó gần tới Sầm-châu rồi đó).*

Trịnh-tử ngâm bắc-lâu-mã : cheo leo vách đá, hang mịt-mờ động S r hoa ngăn, bát-ngát bụi trần, đàng len-lóc mây Tần gió giục (1). — *cười thét hương* : Ha ha, đây nhác như kiếm-môn Hàm-cốc, lại hệt như Vu-giáp Tiêu-tương (2)— *Giồn* : Vút roi câu ta lên dặm đường trường, — *thét* ; chợt trông thấy —*hường* : cờ bay lỏ ngọn, quân đóng chen hàng,— *giồn* : ti ền ngàn hồng động biếc nghiêm trang, — *hỏi* : hỏi có phải dinh đấng chúa Nguyễn đây chẳng chớ?

(Người ngoài nói phải đó)

Trịnh-tử cười nói: kha kha, đó mới thiệt — *ngâm nam-xuân* :

Thâm nghiêm kín cổng cao tường,
Cạn dòng lá thắm dứt đường chim xanh (3).

Đứng hỏi : Hỏi có cậu nào canh trong nớ, xin bẩm với chúa-công, tôi Trịnh Kiểm từ ngoài Bắc mới vô, có con ngựa tốt đem bán, chúa-công có dùng, tôi xin đem vô hầu, a cậu.

Cậu lính ra nói ba-lơn. — Cậu nay canh moa canh, iêng nào iêng này, xử nào xử này, chỗ này là chỗ nghiêm-đường nghiêm-mật, iêng ở mô vô nớ, mà canh canh diêu diêu, mần răng mần rứa ?

Trịnh-tử đứng nói : Dạ thưa cậu, tôi có con ngựa tốt đem bán, xin cậu bẩm với chúa-công cho.

Cậu lính nói : Ừ, đang bây chừ là lúc trâu gian bò lận, mà iêng đem bán ngựa, rứa thì ai tin, iêng muốn bán thì phải đãi cậu tiền hoa-hồng, mà muốn vô hầu, phải có tiền sở hầu, đời bây chừ chỉ có « xu » là đâu cũng lọt.

Trịnh-tử nói : Thưa cậu, tôi đi bán ngựa, có lẽ nào mà cậu lại lấy tiền hoa-hồng với tiền sở hầu a cậu ?

Cậu lính nói dịp một giọng Huế. Iêng nỉ bán ngựa, mần rứa đầu bò, việc không thầy cò, có xong cái cóc, iêng chưa đi học, không biết lẽ hay, tiền sẵn cầm tay, ai không nể mặt, ngựa iêng dù đắt, đãi cậu huê-hồng, mấy [illegible] tiền đồng, cho cậu chơi đĩ, tính cậu [illegible] lã khỉ, iêng đừng nói hươu, ng[illegible] con tườu, bồ hôi như cú, cú cú.

Trịnh-tử đưa tiền, cậu lính vào bẩm

Chúa Nguyễn ra ngồi, truyền cho Trịnh-tử vào hầu. — *Hường* : Than ôi ! ai bảo ngựa « đích-lư » gồng chủ, ngựa « xích-thố » chọn người, giống ngựa tuy xa vượt phương trời, nhưng phải cốt thuộc nơi phong-thổ. ta chừ dẫu nước ngoài xa trọ, chỉ còn mong chốn cũ ruổi-giong — *cười nói tán* : = Ha ha, rứa thì con ngựa ni không kể chi đen trắng bạch hồng, nhưng nếu ngựa ngoài Bắc đem vô, chắc là ngựa quen vùng phong-thổ, ta đương cần dùng lắm — *Gọi* : Quân, cho Trịnh-tử vào hầu.

Trịnh-tử vào đứng bẩm ; — Dạ dám bẩm chúa-công, tôi con nhà Trịnh-tử,

---

(1) Đây tả Trịnh-tử đứng trông xa thấy nọn thành, nhân hỏi thăm đường vào, lại ruổi ngựa một lúc nữa mới đến châu Sầm, mà đường đi thì thấy những hoa ngăn vách đá, gió giục bụi trần, phong-cảnh mịt-mờ bát-ngát như thế,

(2) Đây tả Trịnh-tử đến châu Sầm, nói trông thấy núi rừng hiểm-trở như cửa Kiếm-môn cửa Hàm-cốc là một chốn hùng-quan, và phong-cảnh tốt đẹp như núi Vu-giáp sông Tiêu-tương là một nơi tiên-động, thực là anh-hùng dụng-võ, nữ-tế cầu-hôn, gồm được cả, bởi thú thiên-nhiên như vậy.

(3) Đây tả Trịnh-tử khi đến Sầm-châu, giong ngựa tự đường rừng lên đường cái, chợt trông thấy cờ bay quân đóng, phủ tía lầu hồng, hỏi đích là dinh chúa Nguyễn, nhưng không có thể tin-tức mối-manh vào được, nên cười mà than như thế, thế mới biết hầu-môn như hải, đồng-toa thâm-xuân, tướng-quân tại dinh, nữ-tử tại bình, vẫn nghiêm-mật như thế.

vốn là tay giỏi ngựa Bắc-hà, bỗng nghe tin chúa-công dùng việc can-qua, vậy tôi quyết ruổi ngựa lưu-hoa đem đến; nếu chúa-công sẵn lòng yêu mến, tôi quyết lòng dâng tiến dưới yên, sá kể chi là bạc là tiền, việc chinh-chiến tôi xin đứng trước, một nữa là ơn vua vị nước, hai nữa là nương chúa lập thân, rứa tôi xin chúa-công giúp lấy tôi nghiệt-tử cô-thần, để tôi dặng liền chân nối gót, nên chăng?

Chúa Nguyễn ngồi nói (cho Trịnh-tử làm bồi ngựa chân trong): — Ừ, Trịnh-tử ơi Trịnh-tử, nay ta xem dùng ngựa cốt dùng người, vì ngựa hay dành tại chủ nuôi, mà quen nhẹn thật bởi người giong dắt, chớ ngươi dâng con ngựa ni, dã dành là tốt thật, lại sẵn lòng dìu dắt chăm coi. — *Cười nói*: Ha ha, rứa mới là được ngựa được người, ừ, thì cho Trịnh-tử hãy vào nơi nội-thị đó a.

(cùng hạ)

Công-chúa Ngọc-Bảo ra bạch rồi gọi gia-đồng hỏi. — *Hường*: Tài trai cung kiếm, phận gái trâm thoa — *Tán*: Tôi Ngọc-Bảo con nhà chúa Nguyễn. — *Ngâm*:

Khi đào tơ sen ngó,
Chốn buồng khuê khép mở ra vào.
Rắp cũng mong dặng kẻ anh-tài gặp-gỡ,
Phấn son không thẹn nước non nhà (1).

Than: Ới! bỗng đâu gặp cơn loạn-lạc, — *Thét*: Kìa vua Lê, kìa chúa Mạc, — *Réo*: Vẻ trâm lược chen vòng chông mác, *Ngâm*:

Khôn dễ đem liễu-bồ mà gánh vác non sông,
Rứa xa nơi phủ tía lầu hồng,
Theo dấng chúa qua vùng non nước biếc (2).

Thét: Kìa nhạn hót chim kêu, nọ huê cười trăng liếc, *Ngâm*:

Khách động-dào,
Khách động-đào ai biết chốn này chăng.

Ngâm nam-thương:

Véo-von nhạn núi chim rừng,

Hàn: Rứa mà tôi ở đây chỉ những chim kêu nhạn hót — *Ngâm*:

Hồi huê huê mỉm trông trăng trăng nhìn.

Hàn: Cùng huê mỉm trăng nhìn mà thôi rứa.

Ngâm tiếp nam thương:

Biết bao mà gặp người quen,

Hàn: đây chỉ những mường mọi, còn biết lấy ai làm quen dặng. *Ngâm*:

Để thơ lá thắm xe duyên chỉ hồng (3).

Tiếp nam-thương:

Xin trời giúp đỡ anh-hùng,

Hàn: Rứa tôi chỉ khấn trời làm vậy. — *Ngâm*:

Nước-non xô-dầy tới vùng Thiên-thai.
Nữa mai núi biển thề-bồi,

Hàn: Rồi mai-mốt thế nào tôi cũng gặp dặng một người bạn tốt, — *Ngâm*:

Quyết đem kim chỉ dỡ người kiếm cung (4).

Gọi: Bớ đồng, chớ nay nhà ta mới có anh bồi ngựa vô hầu chúa-công có phải không?

Gia-đồng nói: — Dạ bẩm cô, nhà ta mới có anh Trịnh-tử xin vô hầu chân trong chúa-công. Dạ bẩm cô, anh ta quản ngựa tốt lắm, nước kiệu, nước

---

(1) Đây tả công-chúa tự lai-lịch và nói chí-nguyện lúc sinh-bình vẫn mong như thế.

(2) Đây tả công-chúa nói bỗng gặp lúc loạn-lạc, bên vua Lê bên chúa Mạc, mà mình là phận gái, vẻ trâm lược gặp buổi can-qua, khó đem chất liễu bồ mà gánh vác non sông được, nên phải bỏ chốn khuê-các theo vào nơi rừng rú ở châu Sầm.

(3) Đây tả công-chúa nói từ khi vào châu Sầm chỉ thấy cảnh chim kêu nhạn hót hoa mỉm trăng nhìn, nước non xa dất như một cõi đào-nguyên, tưởng cũng không có ai là người sang trọng ở nước nhà mình tìm đến chốn đó mà làm duyên gặp-gỡ nữa.

(4) Đây tả công-chúa khi ấy trong lòng vẫn ước-ao như vậy, thường đốt hương khấn trời xô đẩy một người anh-hùng vào châu Sầm, để cho mình được kết duyên gặp-gỡ thì thỏa lòng quá.

đại và nước phi, nước nào cũng hay, thiệt là tay cưỡi ngựa giỏi quá. Dạ bẩm cô, anh ta cưỡi ngựa ngay như cưỡi người ấy, tay « pho » thật!

Ngọc-Bảo mắng nói: — Xi thằng! Rứa mi gọi anh ta ra quần thử mấy nước ngựa cho ta coi.

Gia-đồng gọi: — A anh Trịnh-tử, cô gọi anh ra quần ngựa cô đó. (*Ngọc-Bảo đánh mắng*).

Trịnh-tử ra đứng nói: — Dạ bẩm cô. tôi quần ngựa thì rất tốt, thiệt là một tay « cừ » ở Bắc-kỳ.

Ngọc-Bảo nói: — Rứa thì anh hãy quần thử mấy nước ta coi, có giỏi thiệt không?

Trịnh-tử vâng lời ra nhảy ngựa. ngâm thơ bắc-tẩu-mã: Nhất ky hồng trần phi tủ tiễu, mã đề đạp phá vạn trùng san. — *Ngả giọng nam - tẩu-mã*: Dặm hồng bụi cuốn chinh-an, chênh-chênh nguyệt đã gác ngàn non mai. — *Ngâm xong vào nói*: Dạ bẩm cô, cô coi nước ngựa tôi thế nào?

Gia-đồng nói: — Nước ngựa anh thì tốt thật, nhưng anh hay nhảy ngựa rứa, nữa rồi mệt chết, giá được cơm no bò cưỡi thì thú hơn, (*Ngọc-Bảo đánh*).

Ngọc-Bảo nói: — A Trịnh-tử, nước ngựa anh cũng hay thực, thôi cho về nghỉ mệt kẻo tối còn vô canh.

(Hạ màn)

(Bày cảnh trại canh)

Trịnh-tử ra bạch (đi canh đêm trời rét, nằm ở hiên). — *Hường*: Đầu non hôm chạy ngựa, nách trại tối nằm bò, — *Tán*: rứa như mình phận tôi tớ thực là khó-nhọc, — *Hường*: quản bao tuyết lạnh trời thu, — *Tán*: rứa mà mình vẫn phải chăm siêng, — *Hường*: sá ngại canh tàn đêm vắng, — *Nói*: ừ thì ta hãy vô hiên trại nằm canh, kẻo rồi lỡ phải quở.

Vào hiên trại cầm trống canh ngồi bạch: — *Hường*: Giọt đồng thánh-thót, tiếng trống điểm thùng, — *Tán*: rứa đêm nghe đã buồn chửa, — *Hường*: trên đầu rừng vượn hót ngàn thông, ngoài cửa động chim gù bụi trúc, — *Tán*: xà-xà, sao đêm nay trời lạnh, mình chỉ trằn-trọc nghe những chim gù vượn hót, mà không ngủ đặng rứa, âu là mình hãy nằm liều xuống đây mà ngả lưng một chút,

Nằm ngâm thơ tứ-tuyệt:

Sương thu lác-đác trống canh tàn,
Nằm gối con gươm tít đỉnh ngàn.

Ngồi sực dậy trông [illegible] m tiếp:

Bừng mắt trông [illegible] non nước cũ,
Chờ xem bóng [illegible] hạt sương tan.

Nói: Quái trời [illegible] chưa sáng, âu là mình hãy chợp [illegible] nằm ngáy ngủ).

Ngọc-Bảo ra bạch (thời rét đêm không ngủ, rồi cầm áo b[illegible] ra trùm cho Trịnh-tử): — *Hường*: [illegible]iêm bao tàn giấc thắm, hơi thu dượm má-hồng — *Tán*: rứa đêm nay lạnh quá, mình không ngủ sao đặng, — *Hường*: nương chăn luống hãy mơ-màng, tựa gối e còn chếch-mếch, — *Tán*: rứa mình thức trằn-trọc mãi.

Ngồi ngâm thơ tứ-tuyệt:

Gió thu bay-hẩy lọt màn đào,
Hiu-hắt hơi sương thoảng áo bào;
Gối sếp chăn cù khôn đặng giấc,
Mình đồng da sắt lạnh dường bao.

Trở dậy ra nói ngoài: Đêm nay trời rét như cắt, rứa như mình mấy lần chăn áo, cũng không êm giấc đặng, huống-chi như người nằm canh gác ở ngoài hiên, dẫu mình đồng da sắt chịu sao cho đặng rứa, âu là ta hãy lấy chiếc áo bào khoác ở mắc kia, sẽ trùm qua cho hắn ngủ, rứa kẻo tội nghiệp.

Vào cầm áo trùm cho Trịnh-tử rồi ngâm nam-thương:

Rứa thịt da ai cũng là người,

Hàn : Rửa tôi thấy trời rét, mà nghĩ thương hại cho anh quá, chừ e đã gần sáng rồi, mà hắn ngủ mệt rứa.— *Ngâm* :

Ngoài song thỏ đã non đoài ngậm gương.

(*Hạ*)

Chúa Nguyễn ra bạch (*sực ngủ dậy ra hiên thấy con hùm nằm*. — *Hường* : vừa êm trường hổ, chợt tỉnh giấc hùng, ngửa đầu trông trời rạng phía đông, ngảnh mặt hãy sương lồng cõi bắc. *Thét* : Tiếng trống ngàn thông lắc-rắc, e quân canh mệt giấc ngủ say, âu là ta bước tới hiên [illegible], xem quân lính canh chầy có biết,

Bước ra hiên thấy con hùm nằm chạy trở vào thét : Oa, lạ quá lạ, chợt ghê thay ghê thay, chốn trại canh quân lính ngủ quấy, đâu bỗng có con hùm nằm ở đó, thiệt coi ra hổ, lớn rỗ bằng mê, hay có lẽ thiên-tướng đến phò Lê, nếu không sao lính nằm kề mà hùm không ăn thịt.

Gọi : A tiểu-nữ, tiểu-nữ, con hãy bỏ cái áo hồ-bào cho ta mặc, và bỏ khẩu súng tay, ta xem con hùm này ra sao đặng a con.

Ngọc-Bảo ra bẩm : Dạ dám bẩm chúa-công, áo hồ-bào đêm qua ngài treo đó, con thấy trời rét quá mà tên bồi ngựa hắn nằm canh, dù da sắt mình đồng cũng không chịu đặng, rứa con chót rút lầm cái áo đó, mà khoác cho hắn kẻo tội nghiệp, rứa chừ ngài coi nghĩ con hùm nằm, hay là cái áo hồ-bào đó chăng ? để con ra xin gọi hắn dậy. — *Chạy ra đập Trịnh-tử gọi* : A Trịnh-tử Trịnh-tử, dậy dậy chúa-công đòi !

Trịnh-tử ngồi dậy nói mơ : Ới chao, *Hường* : chiều qua đi ngựa nghẽo, tối ngủ rỗ bò mê, dù cho sấm sét không hề, mặc cả đất trời chẳng biết, — *Nói* : Đặng yên cho tôi ngủ. (nói rồi lại kéo hồ-bào trùm nằm).

Ngọc-Bảo lại đập gọi : Dậy mau mau kẻo chúa-công đòi. (*nói rồi giật lấy áo*).

Trịnh-tử sực dậy rét run sợ quá, vội vào qui lạy chúa Nguyễn nói : Bẩm con mệt mã, quá giấc mê-man, xin ngài tha thứ tội.

Chúa Nguyễn ngồi hỏi : Chớ ngươi dám lấy áo hồ-bào của ta mà khoác là cớ chi ?

Trịnh-tử đứng nói : Dạ bẩm ngài, con chẳng dám khoác áo chi cả, con chỉ lấy da sắt mình đồng chống chọi với luồng gió bấc mà nằm, hay là có ai khoác cho chăng, con thiệt không biết chi chi cả.

Chúa Nguyễn nói : A ngươi canh mà ngủ mệt rứa, nếu ngộ cọp nó vô thì mần răng ?

Trịnh-tử nói. Dạ bẩm ngài, con chót ngủ mê, chớ nếu con thức mà cọp nó vô thì con quyết bắt sống mà lột da nó làm áo bào, vì con sức khỏe hơn cọp tại hôm qua quần ngựa hóa mệt.

Ngọc-Bảo nói : — Dạ dám bẩm, — *Hường* : thiệt tay này giỏi ngựa, chắc sức khỏe hơn hùm, bởi vì thương nỗi rét căm, con vội rút lầm bộ áo. —*Tán* : xin chúa-công tha thứ cho.

Chúa Nguyễn ngồi nói : — A dù đó sự lầm, rứa cũng là lòng tốt, thôi tha thứ cho cả.

(*Hạ*)

Chúa Nguyễn ngồi bạch (*lại truyền đòi Trịnh-tử vô hầu*) : — *Hường* : Gia bần tư hiền-thê, quốc loạn tư lương-tướng, — *Tán* : nay ta coi Trịnh-tử là một kẻ quan-phu đào-mạng, — *Thét* : phận tôi ngươi, bậc lính-tráng, dễ mấy người còn tơ-tưởng đến non sông, rứa mà Trịnh biết tránh mặt kẻ gian-hùng, quyết tháo cũi xổ lồng, tìm vua chúa trải mấy vòng lai-láng, — *cười, nói, tán* :

ha ha, rứa đủ biết Trịnh là một người cán-đáng, mà nước đương cầu tướng nhu tài, vả xem ra thiệt cũng điềm trời, tiểu-nữ ta vì rét thương người, bỗng khoác áo để cho Trịnh ra người hóa hổ. — *Thét* : coi tướng Trịnh anh-hoa lồ-lộ, chắc là tài văn vũ gồm hai, âu là ta sẽ đem tiểu-nữ sánh vai, mượn chỉ thắm sẽ buộc người tài-tử. — *Nói tiếp* : khiến vị nước đua tài quân-lữ, và vì ta gánh nửa non sông ; — *Ngâm nam-xuân* :

Lạ chi nhi nữ iêng-hùng,
Đố ai gỡ mối tơ hồng cho ra.

Gọi : Quân, đòi Trịnh-tử vô hầu, ta hỏi dây mơ (1).

Lính gọi.

Trịnh-tử ra nói rồi hỏi cậu lính : *Hường* : Hôm vừa quanh chạy ngựa, đêm xít nữa hóa hầm. — *Tán* : rứa như tôi, — *Hường* : nào ai buổi sớm cài trâm, — *Tán* : rứa đã có vợ con chi, — *Hường* : sực thấy canh nằm khoác áo. — *Tán* : quái trời rét mà chi trên mình rứa, để mình phải quở. — *Gọi* : A cậu hầu, chứ nay chúa-công đòi có sự chi chi đó ?

Cậu lính nói nhịp một giọng Huế đáp : Rứa iêng quần ngựa, về tối ngủ bò, hỏi sự chim cò, hóa ra beo cọp, chừ ngài bắt thóp, đà gọi iêng vô, dễ chăng đập vồ, hay chừ bỏ rọ, nằm canh gõ mõ, còn khoác áo bào, khéo cậu « chào-mào » mắc cô chim chích — *Nói* : iêng thì chết, ngài đòi iêng về cái sự khoác áo ấy đó.

Trịnh-tử nói : Cậu nói thể nào, chứ cái sự đó, ngài đã tha thứ cho tôi rồi đặng.

Cậu lính nói : chừ iêng hãy vô ngay, cái đó cũng một may một rủi, nếu may ra iêng lại khoác đặng một bộ áo da trứng gà bóc, thì thiệt là nõn quá. rứa thì iêng đãi cậu tấm áo mát, cậu làm mối cho.

Trịnh-tử nói : Iêng nói khoác, chứ cậu lính dám nói làm mối con chúa, có mà không rơi nào xuống đất — *Vào nói* : Dạ dám bẩm con Trịnh-tử vô hầu.

Chúa Nguyễn ng[...] hỏi ướm gả Ngọc-Bảo cho Trịnh-[...] : — A Trịnh-tử ơi Trịnh-tử, t[a] coi ngươi là một người cơ-lữ, m[à] đáng vẻ anh-tài, rứa chừ ta muốn đem tiểu-nữ sánh cùng ngươi, âu ngươi phải [v]ì nước đua tài gắng sức, trước nữa là [v]ì vua thảo tặc, sau nữa là vì chúa lập [c]ông, may iêng-hùng mở mặt non sông, âu son phấn cũng thỏa lòng nhi-nữ, nghe chưa ?

Trịnh-tử đứng bẩm vâng lời : — Dạ dám bẩm, nay con là một người vi-tiện mà chúa-công dạy rứa, con xiết nỗi mừng lòng, — *Ngâm nam-xuân* :

Được lời như cởi tấm lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương.
Đã lòng quân-tử đa-mang,
Bây chừ kim-mã ngọc-đường với ai (2).

Cậu lính nói ba-lơn ngoài : Chỉ vì một phút canh nằm, mà thoắng một

(1) Quan-phu là kẻ không vợ, đào-mạng là kẻ đi trốn. Đây tả chúa Nguyễn nói trước vẫn nghe tiếng Trịnh-tử là kẻ nghèo đói trốn tránh, phận tôi-ngươi lính-tráng, nếu người khác gặp cảnh ấy thì cái khó bó cái khôn, mất cả chí-khí, còn nghĩ gì đến non sông được nữa, vậy mà Trịnh biết lánh Mạc, thoát khỏi lưu-lạc, tìm vua chúa đến châu Sầm, thế đủ biết Trịnh là người giỏi, vả nay ta đương vì nước cầu tướng dùng tài, vậy thử cho Trịnh vào hầu xem có thiệt giỏi, ta sẽ đem tiểu-nữ gả cho, mượn chỉ hồng mà buộc lấy kẻ tài-tử, để cho vì nước đua tài, đỡ ta nửa việc, thì may ra kẻ anh-hùng nhi-nữ tơ chỉ xe duyên cũng nên lắm. Vậy truyền cho Trịnh-tử vô hầu.

(2) Đây tả Trịnh-tử nói, được một lời nói chúa Nguyễn, xin khắc xương ghi lòng không quên, vả nay ngài lưu-luyến yêu đương như vậy, còn dám mến gì nơi giàu sang nào hơn nữa, thế mới biết sợi chỉ hồng xe buộc, kẻ anh-hùng cũng khôn gỡ được,

cái đã được vợ, thì ai chẳng bằng lòng, sướng đó các ông nhỉ, thôi cũng thích, thôi bây giờ cậu ta kim-mã ngọc-đường còn đâu hơn nữa đó, chả có nhớ đến bạn lính mình không, mình nằm rét mà chả ma nào hỏi !

Chúa Nguyễn nói khen Trịnh-tử, rồi troàn đòi Ngọc-Bảo : — *Cười nói* : Ha ha, ta khen cho Trịnh-tử là một người gặp-gỡ kỳ-duyên, nay Trịnh vừa đương độ thanh-niên, mà tiểu-nữ cũng tới tuần tơ liễu, chốn cầu Lam khen ai trỏ nẻo, sợi chỉ hồng sao khéo xe dây, — *Ngâm nam-xuân* :

Mới hay con tạo vần xoay,
Kẻ Lào người Việt bỗng nay nên gần.

Gọi: Quân, đòi tiểu-nữ ra cho tao nhủ (1).
lính gọi :

Ngọc-Bảo ra bạch rồi vô hầu chúa Nguyễn ; — *Hường* : Ới, chăn loan chếch-mếch, gối điệp mơ-màng, — *Tán* : rứa mà tôi vì ngủ rét-mướt động lòng thương, chi biết sự vấn-vương giăng mắc. — *Vỉa nam-xuân* :

Biết sự vấn-vương giăng mắc,
Tấc lòng này vằng-vặc bóng trăng soi ;
Chứng-minh có đất có trời,
Còn nhờ lượng biển thương bài nào chăng.

Hỏi : lính hầu, chớ nay chúa-công đòi có việc chi đó ?

Cậu lính nói ba-lơn : Dạ, bẩm cô, ngài đòi cô ra, về việc khoác áo cho iêng Trịnh-tử thế nào đó.

Ngọc-Bảo nói : Chi thằng, cái việc khoác áo ngài đã tha-thứ cho cô rồi, chi mi nói làm vậy.

Cậu lính nói ba-lơn : Dạ bẩm cô, chừ ngài đòi cô ra, chừng lại khoác cô vào cho iêng ta đó ạ.

Ngọc-Bảo đánh mắng rồi vào nói : Dạ dám bẩm, con tiểu-nữ ra hầu.

Chúa Nguyễn ngồi hỏi ướm gả Ngọc-Bảo cho Trịnh-tử: — A tiểu-nữ ơi tiểu-nữ, nay ta xem Trịnh-tử, là một bậc iêng-tài, mặt công-hầu còn lẫn bóng trần-ai, phút bỗng đâu xô đẩy cơ trời, Trịnh lọt vòng tránh khỏi chông gai, — *Thét hường*: trèo đèo lận ải, lặn suốt qua vời, *Tán* : rứa mà chốn Sầm-châu nay bỗng tới nơi, con khoác áo để cho Trịnh nên tài hóa hổ, thôi gặp-gỡ cũng là duyên số, phận chỉ hồng tơ đỏ đẹp hai, âu là ta cho tiểu-nữ cùng Trịnh sánh vai, đem thoa xuyến sẽ giúp người cung kiếm, nên chăng (2).

Ngọc-Bảo đứng nói xin tùy lượng chúa Nguyễn : — Dạ dám bẩm chúa-công, — *Ngâm* : con vẽ chi một — *réo* : đóa đào-hồng, — *thét* : theo chúa-công trải mấy vòng — *Thét hường* : non xanh nước biếc, tuyết sạch gương trong, — *Giồn*: chừ chúa-công dạy rứa, — *Ngâm* : luống ngơ-ngơ ngẩn-ngẩn ngại-ngại ngùng-ngùng. — *Ngâm nam-xuân* :

Dù khi lá thắm chỉ hồng,
Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha (3)

Cậu lính nói ba-lơn ngoài : Nghe rứa là cô tôi bằng lòng rồi đó, thú đáo-để cơ, lính hầu như cậu Trịnh cũng sướng thiệt, họ chỉ ăn nhau về cái số,

---

(1) Đây tả chúa Nguyễn khen Trịnh-tử cũng là một cái duyên lạ bởi tự trời xe, chớ không thì kẻ Lào người Việt, sao gặp-gỡ được như thế, vậy ngài truyền đòi công-chúa ra bảo.

(2) Đây tả chúa Nguyễn đối với công-chúa nói Trịnh-tử là bậc anh-tài thao-lược, nhưng còn bước trần-ai chưa rõ, phút đâu xô-đẩy đến châu Sầm, xin làm nội-thị tiền-phong, cũng là trời xui ra vậy. Thác lời thế mà ướm hỏi công-chúa, chứ kỳ-thực đã hợp lòng công-chúa rồi. Thế mới biết sinh con ai nỡ sinh lòng, chưa hỏi cũng đã biết.

(2) Đây tả công-chúa bấy giờ rất là khó nói, chỉ đứng đỏ bừng nét mặt, nói từ lúc theo cha mấy lần gian-hiểm, một tiết thanh-trinh, nay chợt nghe đến sự phận đẹp duyên may, thì phận gái hạt mưa, chỉ quyền tại cha mẹ, thế mới phải thói nhà khuê-các.

rứa như tôi rõ số đào-hoa, mà không nường nào hỏi, đi lính nằm canh rét đã chết đi, mà chẳng ai khoác áo cho mình cả, rõ ê!

Chúa Nguyễn ngồi khen Ngọc-Bảo, mà gả cho Trịnh-tử, rồi trở về dinh : — Cười nói : Ha ha, ta khen cho tiểu-nữ, là một người vẹn chữ tam-tòng, trải bấy lâu non thẳm rừng hồng, vẫn còn vẻ lầu son gác tía, nay nên nghĩa chỉ thề núi bể, hẳn vì chồng ghính nhẹ non sông, *— ngâm nam-xuân* :

Mới hay ông nguyệt la-lùng,
Cầu ô rắp bắc tơ hồng đã xe (1).

Gọi : quân, đặng cho mỗ về dinh nghỉ mát đã nào.

(*Hạ*)

Trịnh-tử ra đứng bạch rồi cùng Ngọc-Bảo giao-duyên : — thét : Ới như tôi đến đây lạ thung lạ thổ, mà phận đẹp duyên may, xưa vẫn nghe nước Lào là một nơi rừng-rú cỏ cây, mà chừ xem non nước vừa xinh vừa đẹp. — *Vỉa nam-xuân* :

Non nước vừa xinh vừa đẹp,
Suối tuôn ghềnh đá sếp ngàn hoa.
Bằng nay bốn bể không nhà ;
Đào-nguyên lạc lối đâu mà đến đây.

Trịnh-tử Ngọc-Bảo đứng cùng ca giao-duyên : — Trịnh-tử ca :

Mưa lâm-dâm ướt đầm bông huê cúc, cảm thương nường iêng lặn-lọc non mây nường nường ơi, qua gởi một lời, lặn-lọc non mây.

Ngọc-Bảo ca :

Mưa lâm dâm ướt đầm bông huê sói, cảm thương chàng len lỏi rừng sâu, chàng chàng ơi, qua gởi một lời, len-lỏi rừng sâu.

Ngọc-Bảo ca : Chén lưu-li, chén lưu-li, chân quì tay em rót, ngãi đá vàng nối gót từ đây, chàng chàng ơi, qua gởi một lời, nối gót từ đây.

Cậu lính ca ba lơn : Tôi cũng quì, tôi cũng rót, còn gì hơn nhắm t[illegible] rượu tăm (*Ngọc-Bảo đánh mắng*).

Trịnh-tử ca ; Chén l[illegible]-li, chén lưu-li, chân quì tay iêng chuốc, sợ[illegible] mảnh xe buộc bao quên, nường nường [illegible] qua gửi một lời, xe buộc bao quên.

Cậu lính ca ba-lơn : Tôi cũng [illegible]ui, tôi cũng chuốc, còn gì hơn rượu thuốc [illegible]anh thang. (*Trịnh-tử đánh mắng*).

(Hạ [illegible])

(*Còn nữa*)

NGUYỄN THÚC-KHIÊM

---

(1) Đây tả chúa Nguyễn khen công-chúa theo cha trải bao gian-hiểm, mà vẫn còn vẻ phong-lưu khuê-các, nay cùng Trịnh-tử kết thân, hẳn hay vì chồng gánh vác, nhưng cũng là duyên tơ hồng nguyệt-lão như vậy, nên nói là công-chúa bằng lòng ngay, không phải nài ép gì cả.

TÙNG-ĐÀM

I

ĐÀN BÀ NƯỚC MĨ

Trạng-huống trong gia-đình — *Gia-đình người nước Mĩ cũng giống như người Anh người Đức, lấy hai vợ chồng làm bản-vị, chứ không lấy cha con làm bản-vị. Duy đã lấy vợ chồng làm bản-vị trong gia-đình, nên cái nền gia-đình thành-lập là gây ra tự ái-tình; cha mẹ mà nuôi con cái cốt dưỡng-thành cho nó cái tính-chất tự-do độc-lập, cầm lấy ý truân-tĩnh, dụ lấy lòng từ-ái, chớ không lấy cái uy tôn-nghiêm mà đối-đãi với con cháu bao giờ. Bởi vậy con cái đối với cha mẹ, chỉ biết mến về lòng nhân-từ, chứ không biết sợ cái uy nghiêm-khắc, cái bụng tin-phục tôn-kính rất là chí-thành, giá lâm-thời có việc gì thì con cái tất giúp đỡ cho cha mẹ trước, rồi mới đến người ngoài. Lời ngạn đã nói rằng: « Cha mẹ là bạn rất thân của ta ». Đó là bởi lòng yêu mến mà sinh ra hiếu-kính, chứ không phải bởi lòng sợ-hãi mà phải miễn-cưỡng phục-tùng. Con cái lúc còn nhỏ, mỗi một tinh-kỳ, mẹ tất cho lấy một ít tiền nhật-dụng đều có định-hạn, xét xem nó tiêu phí thế nào cho xa-kiệm vừa phải, và dạy bảo nó mua bán. Tuy rằng những sự chi-tiêu nhỏ mọn cũng bắt phải vào sổ, cuối tháng phải tính trục lại cho rõ ràng. Trẻ con nhân thế biết bớt những điều lãng-phí mà trọng độc-lập. Vả lại những món tiền ấy trừ nhật-dụng đi rồi còn thừa thì tích-trữ lại, gặp ngày nghỉ tết thì con cái lại dâng đồ phẩm-vật lễ-nghi cho cha mẹ, để tỏ lòng hiếu-kính. Hoặc gặp việc từ-thiện việc công-ích gì có khi cũng đem hết ra để bố-thí, ấy cũng là một cách nuôi dưỡng đức-dục cho trẻ con. Ta có quen một người Mĩ có đứa con gái lên bảy tuổi, mẹ cho mỗi tuần-lễ một hào để làm tiền nhật-dụng. Chợt một buổi ta buồn-bã có ý nhớ nhà muốn về, đứa con gái thấy ta sắp về mới đưa cho ta hai hào bạc nói xin gửi quyên vào cho giáo-hội Gia-tô. Đó là tự ý đứa trẻ nó phát-lộ ra lòng từ-thiện, chớ không phải là nghe ai bảo. Ta phải khen mà cảm-phục cái cách gia-đình giáo-dục của người Mĩ rất là hoàn-thiện.*

Học-hiệu giáo-dục. — *Con gái Nhật-bản nếu đỗ được cái văn-bằng tốt-nghiệp về Cao-đẳng học-hiệu, thì đã tán-tụng kỳ-vọng cho là bậc tài-nữ, nước Mĩ thì không thế. Con gái nước Mĩ nếu chưa lên được bậc đại-học tất-nghiệp, thì chửa có giá-trị gì đáng khen cả. Tuy rằng chưa biết con gái có kham nổi được bậc cao-đẳng giáo-dục hay không, cái đó cũng chưa dám chắc, nhưng dám nói quyết rằng về đường giáo-dục thì phát-đạt lắm. Con gái Nhật-bản vào độ mười tám mười chín tuổi thì đã về nhà chồng rồi. Con gái Nhật mười chín tuổi chỉ vào độ con gái Mĩ mười sáu mười bảy tuổi mà thôi. Nhưng con gái Mĩ đương độ mười sáu mười bảy còn phải theo mẹ dạy bảo cho cách pha nấu trông nom trong bếp nước, đến độ hai-mươi-nhăm hai-mươi-sáu tuổi mới nói đến truyện gả chồng. Giá ở nước Nhật con gái vào độ tuổi ấy thì đã con cái đầy đàn, lo lắng khó-nhọc về đường cúc-dục, như vào trạc đàn bà Mĩ bốn-mươi tuổi vậy. Nếu bảo rằng con gái Mĩ vì bận về đường cao-đẳng giáo-dục mà trễ mất kỳ hôn-giá thì không phải. Vả*

lại cách giáo-dục cũng phải nhờ về du-lịch để cho rộng kiến-văn, muốn nghiên-cứu về lịch-sử địa-lý và các mĩ-thuật, thì phải du-lãm để khảo-sát thì mới biết được đích thực, vậy nên du-lãm với học-vấn đều phải trọng cả. mà cách giáo-dục con gái cũng phải cho đi du-lãm mới thành công được. Con gái nước Mĩ có cái tính ham học không chán, có khi đến già vẫn còn ham, có người đến sáu mươi tuổi mà còn nghiên-cứu địa-dư, cái tính hăng-hái cố-gắng ấy ai cũng phải kính-phục.

Lễ giao-tế của trai gái. — *Trai gái nước Mĩ có lễ-độ cẩn-phòng rất nghiêm, nếu người nào mang tiếng phóng-đãng càn-dỡ, thì suốt đời không được kể vào bọn quốc-dân nữa, chớ không khi nào có cái cách tự-do láo-lếu bao giờ. Bọn gái đến kỳ kén rể thì cha mẹ trước vì chọn bạn cho mà chơi, cái cách chọn bạn thì đương lúc người con gái vào trạc đứng tuổi, thì cha mẹ hoặc mở tiệc rượu buổi chiều, hoặc mở cuộc khiêu-vũ, mời những người con trai thanh-niên đến dự-hội, những người đến dự-hội là có ý dự-bị kén làm chú rể sau này. Nếu người nào mà cha mẹ đã cẩn-thận kén chọn lấy, thì người con gái phải theo mệnh cha mẹ mới được cùng người con trai ấy làm bạn. Nếu trai gái mà chửa từng đính hôn với nhau, thì quyết không được đem nhau đi chơi xa một nơi khác, nếu người con gái có đi đâu thì phải có bà bảo-mẫu hoặc người hộ-vệ đi theo kèm. Phàm các người trai gái thanh-niên, thì ban ngày tuy có lúc đi chơi các nơi, nhưng tối đến thì dẫu có mắc dở việc gì cũng phải gỡ dứt ra mà đều trở về nhà mình. Nếu vạn-bất-đắc-dĩ mà phải ngủ lại, cứ lệ thường thì con gái đóng cửa lại ngủ ở nhà trong, con trai thì phải ở ngoài biệt ra một nơi thắp đèn suốt đêm chứ không được cùng ở một nhà. Còn như con gái mà một mình đi hỏi thăm bạn trai ở nhà riêng hoặc nơi nhà trọ, thì quốc-tục rất là nghiêm cấm. Phàm những điều hạn-cấm ấy những kẻ trai gái mà đã biết tự-trọng, thì đều không dám qua vượt. Nếu kẻ nào mà lỡ ra không biết tự-kiềm, thì tất bị người ta chỉ-trích, không còn mặt nào mà đứng ở đời nữa. Tuy rằng cái thói kén vợ kén chồng, trai gái vẫn được tự-do, nhưng đến cái phòng-hạn của lễ-tục, thì không kỳ là ai, không ai được làm vỡ-lở ra mà làm xâm-phạm đến được.*

Tư-tưởng về đường kinh-tế. — *Trai gái khi đã đính lương-duyên thành hôn-ước rồi, thì tất có đính ước với nhau cùng lo-toan về đường kinh-tế. trai gái phải đều tuân giữ ấy cái trách-nhiệm của mình. Những hạng con gái nhà trung-lưu, đều phải tìm lấy cái chức-nghiệp thích-nghi để làm ăn tự thực kỳ-lực, ấy là một điều cốt-tử để dưỡng-thành lấy cái tư-tưởng kinh-tế. Vả lại con gái đương lúc tuổi mới cập-kê việc hôn-nhân chửa định, cô nào chị nào cũng chăm chỉ lấy việc mưu-sinh làm cần, một ly một tí gì cũng chú-ý đến để học khôn học khéo, chứ không bỏ nhãng mất đường sinh-tồn của mình. Kể đến chức-nghiệp của đàn bà con gái thì phần nhiều hay theo về đường nghệ-thuật, hoặc đường tôn-giáo và đường giáo-dục, cầu làm việc gì có ích cho xã-hội, chứ không phải chỉ mưu lấy cơm ăn áo mặc cho một mình mà thôi. Đến sau khi đã kết-hôn rồi, thì đàn-bà chỉ ở trong gia-đình mà làm người chủ-phụ, chứ không đi làm chức nghiệp gì ở ngoài, chỉ chuyên trông nom về việc chi-thu chợ búa nấu nướng và cách nuôi nấng con cái, làm cho phát-huy thêm cái tư-tưởng về đường kinh-tế. Bởi vậy đàn bà người nào cũng tự độc-lập được, không phải nhờ đến người khác giúp đỡ mà vợ chồng đều có cái quyền độc-lập về tài-sản riêng. Con gái không những là được*

thừa-nhận cái của của cha mà lại được thừa-nhận cái của của mẹ. Nguyên trong xã-hội nước Mĩ lấy cá-nhân làm bản-vị, mà không lấy gia-tộc làm bản-vị, suy cái nguyên-nhân là bởi tại cái tư-tưởng về đường kinh-tế càng ngày càng phát-đạt, nên chỉ chú-trọng về cá-nhân.

Cái thói quen tôn-nữ tiện-nam. — *Các nước bên phương tây đều có cái khuynh-hướng trọng con gái khinh con trai. Cái thói ấy quan-hệ về đường kinh-tế độc-lập của con gái rất lớn. Khi xưa về thời-đại phong-kiến, những kẻ võ-sĩ cũng có cái thói quen giữ lễ-phép qui-trọng đối-đãi với người đàn bà. Nhưng chỉ nghĩ rằng đàn bà con gái yếu-ớt, phải nên hộ-vệ giúp cho. Ở về nước Mĩ thì không thế, nước Mĩ đương lúc mới mở-mang, những người thực-dân ở bên Âu-châu kéo sang đất Mĩ, đàn bà ít mà đàn ông nhiều, vậy nên thành ra thói tôn-trọng đàn bà quá, mãi đến ngày nay, nữ-quyền lại càng khuếch-trương mãi ra.*

Cái cách du-hí vận-động. — *Cách du-hí vận-động của đàn-bà con gái người Mĩ thì phần nhiều chơi thể-thao chơi ném cầu, hoặc chơi âm-nhạc diễn-kịch. Nhưng ngày nay vì nghề thủ-công và nghề máy-móc phát-đạt thịnh lên, nên những cách chơi ngày trước cũng hơi kém. Song đàn-bà con gái vì cái cớ cần về cách vận-động, nên người nào cũng giàu cái tính chất nhanh-nhẹn hoạt-bát, mà không có cái nết xấu lần lữa hiểm-độc, ngôn-ngữ cử-chỉ đều rắn giỏi rõ-ràng lỗi-lạc, có cái khí-phách người trượng-phu; không như con gái người Nhật chỉ là quen thói âm-nhu, nếu một lời nói không bằng lòng thì liền xụt-xùi khóc-lóc. Vả đàn-bà nước Mĩ ai cũng hiểu rõ cái lẽ công-tư, như năm nọ vào độ luyển-cử tổng-thống, các học-sinh trong trường đại-học, đều binh-vực cho người mình sùng-bái, chớ không ai chịu kém ai, đến khi bỏ phiếu bầu được tổng-thống lên rồi, thì ai ai cũng đều bỏ cái ý riêng đi, mà đều đồng-thanh hát bài quốc-ca để chúc ông tổng-thống mới. Lại như trong các lớp đồng-học, dẫu là người không cùng hòa-mục với nhau, nhưng khi thấy người ấy đỗ lên lớp cao-đẳng, cũng lấy làm vẻ-vang cho lớp mình mà đều khen-ngợi, độ-lượng rộng biết chừng nào!*

Cái thú-vị về cách phục-sức. — *Cách ăn mặc trang-sức của đàn-bà con gái nước Mĩ chỉ cốt cầu cho toàn-thể đều xứng nhau, phàm những lối phấn sáp chải-chuốt áo xiêm, đều tùy theo cái dung-mạo tai mắt nhan-sắc mầu da của từng người, mà mỗi người trang-sức ra một lối. Trước nhất chú-ý về toàn-thể làm sao cho đều-đặn xứng-đáng thì mới là đẹp, chứ không phải chỉ vuốt-ve cái xoa cái xuyến, cái mũ cái giầy làm đỏm loè-loẹt bề ngoài mà thôi.*

II

CÁI ĐẸP CỦA ĐÀN BÀ TRONG THẾ-GIỚI MỖI NƠI MỘT KHÁC

Con trai rất là ưa thích về đàn-bà con gái có cái thể-phách đẹp, không kỳ giống vàng giống trắng giống đen, giống người nào đi kén đàn-bà cũng chỉ thích chọn lấy người đẹp. Nhưng cái quan-niệm của các dân-tộc xét về cách đẹp của đàn-bà thì lấy gì làm đích? Cứ lấy cái nhãn-quang của người ta xem xét mà định được chăng? Hay là tự cái đẹp nó có cái phẩm-chất khá cân-nhắc được chăng? Tự phần khách-quan mà xét hay là tự phần chủ-quan mà xét được chăng? Cứ sự thực mà nói thì xét cái đẹp phải gồm cả khách-quan và

chủ-quan mới được. Vì phải đứng về phần chủ-quan mà xét, nên khó lấy lời nói mà hình-dung ra được.

Cứ lấy khách-quan mà xét cái đẹp về đường hình-thức tuyệt-phẩm, thì quan-niệm của loài-giống người văn-minh xét cái đẹp, người giống nào cũng đại-loại giống nhau cả. Chỉ có giống người dã-man về phần mĩ-cảm còn thấp kém lắm. Bởi vì cái nguyên-nhân chủ-quan thì cứ xét về phần trọng-yếu riêng, nên những sự-vật đẹp và những hình-thức đẹp của giống người dã-man cho làm đẹp, tự người văn-minh xem ra thì xấu như ma-mút.

Thế thì các dân-tộc xét về đàn-bà đẹp biết lấy gì làm chuẩn-đích được ? Song chẳng qua cứ theo cái dân-tộc mình công-nhận cho cái thể-phách nào là đẹp thì tức là đẹp. Nói rút lại thì người đàn bà nào mà hay đại-biểu được cái đặc-tính của dân-tộc mình, mà dân-tộc mình đều nhận cho là đẹp thì tức là đẹp. Người giống dã-man thường có cái thói hủy-tàn thân-thể đi để cầu làm đẹp, như là giống người đầu vốn dài lại lấy sức người làm cho nó dài thêm, trán vốn dẹt lại làm cho nó dẹt thêm. Lại như giống người đàn-bà Phi-châu, môi dầy, mũi thấp, xương lưỡng-quyền cao gồ, vốn là bẩm-tính trời sinh như thế, nên đàn-bà giống ấy lại lấy cái đặc-tính ấy làm đẹp, mà cũng là bậc hơn cả trong giống đàn-bà ấy. cũng như người Tàu quí những người có cái tướng mặt vuông lại lớn quyền cao mũi rộng, cái lẽ cũng như thế cả. Đàn bà nước Tàu khi xưa có cái thói bó chân. nguyên là bởi chân đàn-bà vốn nhỏ, mà những người đàn-bà con gái về bậc thượng-lưu xã-hội lại càng ưa thích chân nhỏ, nên trong xã-hội đều lấy nhỏ chân làm quí, thậm-chí đàn-bà phải tìm cách để bó buộc lại cho nhỏ, nên mới thành ra cái thói bó chân. Lại như người Tô-lạp (The Zulus) vốn là giống đen, vậy nên người giống ấy đều lấy sắc da đen làm đẹp mà ai ai cũng khen chuộng. Xem thế thì đủ biết cái đẹp là tùy mỗi giống người một khác.

Cái quan-niệm của người Nhật đối về cách đẹp, thì bởi vì phần nhiều đàn-bà Nhật hay ưa thích cái cách thân-thể nhỏ-nhắn. Giá ta mà trông thấy người con gái Nhật tất kêu là người đâu mà bé nhỏ tí-ti, nhưng cái bộ bé nhỏ ấy lại là mĩ-quan của người Nhật. Lại như cái bộ đùi vế bé nhỏ, mặt hơi tròn dẹt, mắt như họa-mi, đầu mũi hơi cong, tóc dài mà đen, lông mi nhỏ dài, đều là cái bộ đẹp của đàn-bà người Nhật cả. Nhưng nếu là một giống người đàn-bà to béo, thì lại không theo như cách đẹp của người Nhật được.

Các giống người đàn-bà có một cách đẹp phổ-thông, là cốt có cái tính-chất làm cho động lòng người thương yêu, cái tính-chất ấy thì thân-thể người đàn bà với thân-thể người đàn ông khác hẳn nhau, mà cái quan-niệm của người đàn bà xét về cách đẹp cũng khác hẳn người đàn ông, như là những bộ đùi to háng rộng, ngực cao tóc dài, da thịt bóng nhẵn, cốt-cách xinh mềm, tứ-chi phải nhỏ hơn con trai, các bộ đều phải tròn chặn, đôi vai hơi lệch-lệch, mũi tròn, mà cốt nhất là bộ nào cũng phải đều-đặn phối-hợp với nhau. cái quan-niệm của đàn bà ưa về cách đẹp như thế.

Trong thế-giới đời nay gọi là người đẹp ấy chỉ phần nhiều ưa về thể-cách nhỏ-nhắn mà gót chân ngón chân đều mảnh-khảnh xinh nhỏ. Bởi vậy con gái theo lối thời-trang đã có tiếng chê là gót chân đi cho lọt giầy, có khác gì cái thói bó chân của người Tàu khi xưa không? Đàn bà bây giờ lại còn cái cách mặc quần mặc miết nịt sát mãi vào gót chân, để cho rõ là gót chân nhỏ bé. Cái thói ấy lan mãi ra, rồi đến bộ xương đùi, bộ gót chân, đều gia thêm châu báu, để

trang-sức cho đẹp. Con gái nước Ý thì chân tay rất là nhỏ-nhắn vừa vặn, con gái nước Tây-ban-nha chân nhỏ mà hơi cong, con gái A-lạp-bá thì phong-độ hơi cao mà hơi cong như cung-hình, người đời đều cho làm đẹp cả. Con gái nước Pháp thì chân nhỏ mà gầy, cho nên khi đi kiểu giầy Paris thì cũng vững-chãi. Người Tô-cách-lan thì chân hơi dầy mà béo, người Ái-nhĩ-lan thì chân vuông bằng. Đến như người đàn-bà nước Mĩ thì lại hay khoe là chân nhỏ, nhưng không biết là bởi tại uốn-nắn mà thành ra thế chăng? Chân loài người giống đen thì phẳng dẹt mà béo dầy, đàng sau gót lại lồi ra rất là xấu, nhưng người giống ấy đến nước Mĩ lại học đi thứ giầy nhỏ cũng ra dáng bắt-chước thời-trang.

Bộ đàn-bà tóc dài, mái tóc rộng thì người đời ai cũng cho là đẹp, nhưng những nơi giao-thông phồn-thịnh lại lấy thứ tóc vàng vàng làm đẹp. Cổ cũng là thuộc về một cách đẹp, cổ người con trai thì bốn bên hơi có cạnh góc, cổ người con gái thì phần nhiều như là hình ống tròn, ấy cũng là bẩm-sinh ra như thế. Còn như vòng tai có thành-quách cùng là cổ má mép đều phải mềm-mại bóng-bẩy cũng là một cách đẹp của đàn-bà. Vai của con gái thì nên hơi lềnh-lệch, khác hẳn với vai người con trai thì nên vuông-vắn rộng-rãi. Người con gái nước Diến-điện thì lại hay thích cổ dài, lúc còn bé thì cổ thường phải đeo vòng để cho nó ngẩng lại mà dài ra, đến khi lớn tuổi cũng quen đi không biết đeo vòng là khó chịu, thường đeo mãi để cho cổ nó dài mãi ra. Xem thế thì người Âu-tây ưa cổ nhỏ cũng không khác gì người Đông-phương ưa cổ dài vậy.

Người đẹp về giống Cao-gia-sách thì thực là đẹp một cách tuyệt-trần, phàm người giống văn-minh cũng khen con gái người giống trắng là đẹp không mấy giống người đẹp bằng.

Con gái bên Âu-châu thì nhất đẹp là người Úc-địa-ly, mà người thành Duy-dã-nạp thì lại là bậc thủ-tuyển đẹp nhất, dáng dẹp nở-nang, cử-chỉ ngay ngắn, thái-độ ung-dung, bộ dáng đẹp-đẽ, đàng trước ngực thì hơi cao, cánh tay thì nhỏ nhắn, ngón đốt thì tròn chặn. Người nước Đức cũng đẹp, nhưng phải cái hơi béo. Kể đến thể-cách người đẹp nhanh-nhẹn, thì người nước Thuy-điển, Na-uy, Đan-mạch và người Ái-nhĩ-lan là hơn cả. Đàn-bà người Anh kể cái thể-thái cũng nhanh-nhẹn, nhưng lại không lấy thế làm đẹp, người Anh cứ thói thường cho làm đẹp thời cốt là cử-chỉ đoan-trang, thân thể mạnh-mẽ, dung-hoa rực-rỡ mà tóc thì phải mềm nhỏ như tơ. Cổ người đàn-bà nước Anh cũng đẹp, nhưng vì cốt-cách cứng mạnh, thể-cán cũng hơi nặng không được xinh nhỏ bằng đàn-bà Tây-ban-nha. Người con gái Tây-ban-nha thì sắc mặt hơi đen, nhưng thể-cán không cao mấy, bộ mặt béo tốt đẹp-đẽ cùng với tứ-chi tròn chặn bóng-bẩy cũng vừa đều dặn với nhau. Con gái người Pháp so với các nước cũng đẹp, nhưng cái vẻ trang-sức lại rất là khéo, thế là lấy mĩ-thuật để giúp thêm vào cách đẹp tự-nhiên, thân thể thì cũng ngắn nhỏ, chân tay cũng xinh-sắn. Đàn bà người nước Ý thì phần nhiều là mày trắng tóc vàng, mắt như sóng biếc, nhưng lại lấy tóc mượt mắt đen làm quí, bộ mặt hơi nhỏ, bộ ngực rô ra, vú thì tròn chặn, chân tay tứ thể và thân mình cũng đều dài ngắn vừa vặn.

Đùi vế của đàn-bà cũng hơi rộng hơn đàn ông, cũng là một đặc-tính phụ theo về cách đẹp, nhưng người Nhật thì lại ưa nhỏ hẹp là hơn. Bộ xương hông rộng thì cũng là đặc-tính của người giống trắng, vậy nên đẻ ra con cái bộ đầu cũng to. Xương hông đã rộng thì đùi vế cũng nở-nang. Người giống vàng thì bộ xương hông hơi hẹp nên đùi vế cũng không được nở-nang bằng người

giống trắng. Người giống đen thì cái trình-độ phát-dục kém lắm, nhưng cũng có một cái đặc-tính riêng của người giống ấy như là người Cáp-đằng-đồ (The Hottentot) người Bồ-hi-man (The Bushme) thường nghĩ cách làm cho hậu-bộ người đàn bà dầy béo hơn thân người, cơ-hồ không xứng với nhau. Người Hồ-lỗ-phu (The Woloff) và người ở Phi-châu về hậu-bộ cũng phát-đạt lạ thường, xem như người Sa-mã-lị (Steapygia) thường bày từng hàng con gái ra chọn lấy một người nào bộ xương hông rất là rộng thì lấy làm vợ, bởi vì lấy cái cách ấy làm đẹp vậy.

Cái phong-tục ấy thực là lạ-lùng, nhưng cứ xem như đàn-bà các nước văn-minh khi trước còn có cái tục mặc quần chống đàng hông đít lên cho cao, thì cái thói ấy cũng chẳng lạ gì. Cái thói chống quần ấy ba mươi năm trước hãy còn cho là lối thời-trang. Ở về thế-kỷ 16 còn có cái thói chống khung cho cao đít lên, người ta ai chẳng lấy làm lạ. Nhưng cứ xét như thời-thượng bây giờ thì cái thói chống quần cao lên dễ thường lại xuất-hiện, xem như cách mặc tân-thức của đàn-bà bây giờ thì cũng đã thấy có cái thói ấy.

Cứ cái thói bên Âu-châu cho xương hông cao làm đẹp, thì nhất là đàn-bà Tây-ban-nha, là bởi xương sống lưng hơi cong khum-khum, thì bộ xương hông mới cao lên, mà bộ xương sống thành ra mềm-mại, người Tây-ban-nha cho thế là đẹp. Không những thế, người các nước lại còn thích cái bộ đi mà xương hông đàng sau cao vồng lên, người Tây-ban-nha nhất là hay uốn-éo mà chú-ý về cách đi ấy, người Âu-châu lúc đi cũng hay làm dáng, khiến cho xương sườn uốn-éo mà xương hông cũng chuyển-động, nhất là người Ba-bố-an (The Papuan) khi con gái mới độ bảy tám tuổi, người mẹ đã dạy lấy cách đi uốn-éo.

Cái thói ưa thích hông cao mông rộng mà cho làm đẹp, cũng có quan-hệ về cái cách lấy béo làm đẹp, như là người Thổ-nhĩ-kỳ và Ai-cập thì người đẹp nào cũng tất béo, cái cách đi lạch-đạch giá ta trông thấy thực là buồn cười. Nếu người Nhật mà trông thấy tất lấy làm quái lạ lắm. Bởi vì cái thói chuộng béo mà quá độ thì cũng không tiện, và lại có ngại về sức mạnh khoẻ. Nhưng xét cái nguyên-nhân ra thì con gái vẫn béo hơn con trai, vì là cung-cấp cho ăn những thức ngon béo lại nhiều hơn con trai, cho nên thân thể cũng đẫy-đà tròn-chĩnh, ấy cũng là một cái đặc-tính của đàn bà, cho nên cứ quen thói mà lấy béo làm chuộng. Nếu người đàn bà Nhật-bản thì thân-thể vốn gầy gò, khi nào lại có cái quan-niệm thích béo nữa.

Cái cách béo đẫy vừa phải người đời ai cũng lấy làm đẹp, chỉ mong tìm được người đàn bà nào gầy béo thích-trung là đẹp. Người Nhật tuy rằng nhỏ bé, nhưng cũng ưa thích cái cách gầy béo thích-trung, vì là cái thái-độ đàn bà vốn là ôn-nhu, gân sức mạnh mẽ, nếu gia thêm luyện-tập, thì lại càng mạnh thêm mà vẫn mềm-mại, chứ không như người con trai mà béo sồ ra được.

Bộ ngực của đàn bà cũng rất là trọng-yếu, vì có quan-hệ mật-thiết đến lúc làm mẹ, còn để nuôi nấng con cái, cho nên bộ ngực phải tròn chặn mà cứng rắn.

Đàn bà người giống trắng và giống vàng cái bộ ngực đều lấy hình nửa tròn làm đẹp-đẽ. Bộ ngực loài giống đen thì dài mà nhọn, lại thường thiên lên hay là lệch xuống, cho nên hay thành ra hình tròn. Nhưng người giống đen bộ ngực cũng không phải là tròn cả. Người giống đen lại còn cái thói thích ngực phẳng, thường bó buộc khiến cho phẳng đi, cho thế làm đẹp. Đàn bà Diến-điện cũng thích như thế, cốt khiến cho toàn-thân đứng thẳng, đùi vế nở-nang ra.

Người Bắc-Mĩ lại hay thích cái vú rủ xuống, bên Âu-châu cũng có cái thói ấy. ở về thế-kỷ thứ 16-17, *người Tây-ban-nha cũng thích cái thói thời-trang làm cho ngực phẳng mà vú rủ xuống, thường đeo một miếng chì ở trước ngực để cho ngực không nở-nang ra được. Người Đức đến bây giờ vẫn còn giữ cái thói ấy, không những là không tiện về đường cho trẻ bú mà cũng có hại đến cái thai nữa.*

Cái diện-tích bộ-ngực mỗi dân-tộc ưa một cách, người Đông-dương và người dã-man thì lại ưa thích bộ ngực rộng lớn. Còn những nước văn-minh hơn thì lại ưa thích bộ ngực chắc chắn hẹp nhỏ làm đẹp. Hiện bây giờ thì đàn bà Bồ-đào-nha bộ ngực rất to, mà người Gia-ti-thê-liên (The Castilian) thì bộ ngực rất nhỏ.

Cứ xem như trên thì mỗi nơi chuộng cách đẹp mỗi khác, mà cách đẹp thuộc về khách-quân chân-chính, lại càng tỏ ra cái tình-trạng mạnh mẽ. Vậy nên các dân-tộc thuộc về mĩ-quan mà bắt chước lẫn nhau, thì thân-thể càng ngày càng mạnh-mẽ, mà tinh-thần cũng càng ngày càng khỏe mạnh. Cách mĩ-quan của đàn bà khác hẳn với mĩ-quan của đàn ông, đã kể ra như trên, thế thì lối phục-sức của đàn ông đàn bà không khi nào giống nhau được. Nếu có người đề-xướng lên cái cách mặc hợp-lý cũng là chỉ nói xuông mà thôi. Bởi vì phục-sức của đàn-bà phải theo về cái cách bộ của đàn bà, mà khen đẹp thì là người đàn ông, nên cách mặc khác hẳn với đàn ông. Sau này văn-minh tiến-bộ, cái hình-thức về cách trang-sức, một đàng thì để phân-biệt trai gái khác nhau, một đàng thì cốt cho hợp về cách tự-nhiên của thân-thể. Cách mặc có hợp cho thân-thể thì trai gái ăn mặc mới được vừa lòng, mà tùy thích thế nào là đẹp thì mặc.

ĐÔNG-CHÂU

(Dịch theo bộ *Đông-phương văn-khố*)

TÂY-THI DIỄM-SỬ (1)

西施艷史

(Lịch-sử tiểu-thuyết)

IV

CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM
Nước Việt vay thóc luyện binh

Ngô-vương Phù-Sai từ khi cùng với Tây-Thi ở loan Tiêu-hạ tránh nực làm vui, lưu-liên quên về, chỉ có thái-tể Bá-Bĩ với đại-phu Vương Tôn-Hùng theo hầu bên tả-hữu, tướng-quốc Ngũ Tử-Tư cũng chẳng được yết-kiến. Việt-vương Câu-Tiễn nghe Ngô-vương yêu-quí Tây-Thi, hàng ngày làm sự vui chơi, lại cùng với Văn-Chủng thương-nghị. Văn-Chủng tâu rằng tôi nghe nước lấy dân làm căn-bản, dân lấy ăn làm tính-mệnh, năm nay mất mùa, thóc gạo sắp-sửa đắt, đại-vương nên hỏi vay nước Ngô, để cứu dân đói, trời nếu bỏ nước Ngô, nước Ngô tất cho ta vay. Việt-vương tức-khắc sai Văn-Chủng đem hậu-lễ

(1) Xem N.-P. số 114, 115, 116.

đút-lót cho Bá-Bĩ, dẫn-kiến Ngô-vương. Khi ấy khí nắng đã lui, Ngô-vương đã cùng với Tây-Thi từ loan Tiêu-hạ về đến Cô-tô, mới ở trên đài Cô-tô, triệu Văn-Chủng vào yết-kiến. Văn-Chủng hai lạy khấu-đầu nói rằng: « Nước Việt ti-thấp, thủy-hạn chẳng điều, thóc lúa mất mùa, nhân-dân đói khốn, xin nhờ đại-vương cho vay muôn thạch thóc ở trong kho thái-thương, để cứu lấy sự nguy-cấp lúc mục-tiền, sang năm thóc chín, tức xin phụng-hoàn ». Ngô-vương nói rằng: « Nước Việt thần-phục nước Ngô, dân Việt đói tức là dân Ngô đói, ta tiếc gì thóc mà chẳng đem cứu cho. » Khi ấy Ngũ-Tử-Tư nghe sứ Việt đến, cũng theo gót đến đài Cô-tô, được yết-kiến Ngô-vương, nghe Ngô-vương cho nước Việt vay thóc lại can rằng: « Không nên, không nên! cái thế ngày nay, phi nước Ngô có nước Việt, thì nước Việt có nước ngô; tôi xem Việt-vương sai sứ sang đây, không phải là thật đói đâu, là ý họ định làm rỗng không thóc lúa nước Ngô, ta cho nước Việt vay, nước Việt cũng chẳng thêm ơn, ta không cho nước Việt vay, nước Việt cũng chửa tất đã oán, đại-vương không gì bằng từ-chối quách đi ». Ngô-vương nói rằng: « Câu-Tiễn làm tù ở nước ta, cắp roi đi dắt lùi ở trước ngựa ta, chư-hầu chẳng ai là chẳng biết, nay ta phục xã-tắc cho nước Việt, nước Việt ơn ta như ơn tái-sinh, cống-hiến bất-tuyệt, há có cái lẽ phản-bội ». Tử-Tư nói rằng: « Tôi nghe Việt-vương sớm chầu trưa nghỉ, thương dân nuôi sĩ, chí ở báo-thù Ngô, nay đại-vương lại chở thóc để giúp họ, tôi sợ rằng con mi con lộc sắp-sửa ra chơi ở trên đài Cô-tô vậy ». Ngô-vương nói rằng: « Câu-Tiễn trót đã xưng là phận bề-tôi, sao có lẽ bề-tôi mà lại đánh vua ». Tử-Tư nói rằng: « Vua Thang đuổi đánh vua Kiệt, vua Vũ-vương đánh vua Trụ, chẳng phải là bề tôi đánh vua đấy ư ». Bá-Bĩ ở bên cạnh gạt đi nói rằng: « Quan tướng-quốc nói ra là quá lắm, vua ta há lại ví với vua Kiệt vua Trụ ». Bá-Bĩ mới dâng lời tâu rằng: « Tôi nghe lời minh-thệ ở đất Qùi-kỳ sự ngăn-trở thâu-tải thóc gạo có cấm, là vì thương nước láng-diềng. Huống chi nước Việt đã là nước phải cống-hiến ta, sang năm thóc chín, trách phải như số đem trả, không tổn gì nước Ngô, mà lại có ơn với nước Việt, sợ gì sự ấy mà chẳng làm ». Ngô-vương mới cho nước Việt vay một vạn thạch thóc, đối với Văn-Chủng nói rằng: « Quả-nhân trái lời nghị của các quan, mà chở thóc cho nước Việt, năm được mùa tất đem trả, không nên thất-tín ». Văn-Chủng hai lạy nói rằng: « Đại-vương thương nước Việt mà cứu cho lúc đói kém, dám chẳng như ước ». Văn-Chủng lĩnh thóc về nước Việt, Việt-vương cả mừng, các quan đều hô vạn-tuế. Việt-vương tức-khắc đem cái thóc ấy ban cho những kẻ bần-dân trong nước, bách-tính không ai là chẳng ca-tụng ân-đức. Năm sau nước Việt cả được mùa, Việt-vương bảo Văn-Chủng rằng: « Quả-nhân chẳng đem trả thóc nước Ngô, thì sợ thất-tín; nếu đem trả thóc nước Ngô, thì lại tổn nước Việt mà lợi cho nước Ngô, làm thế nào thì phải »? Văn-Chủng nói rằng: « Nên chọn thóc tốt lấy hơi nóng chưng chín mà đem trả nước Ngô, Ngô-vương nếu yêu thóc ta, dùng để gieo giống, thì kế ta đắt vậy ». Việt-vương dùng cái kế của Văn-Chủng, quả đem thóc chín trả nước Ngô, y số một vạn thạch. Ngô-vương than rằng: Việt-vương thật là người có tín, lại thấy hạt thóc to lớn khác thường, đối với Bá-Bĩ nói rằng: « Nước Việt thổ-địa phì-nhiêu giống thóc rất tốt, nên ban ra cho dân gieo trồng lấy ». Rồi khi ấy trong nước Ngô đều dùng thóc nước Việt, tuy có gieo giống mà chẳng phát-sinh, dân nước Ngô cả đói. Ngô-vương lại cho là vì cớ thổ-địa bất-nghi, không biết rằng thóc đã chưng chín, chính là

trúng cái kế độc của Văn-Chủng. Việt-vương nghe biết rằng nước Ngô đói kém khốn-quẫn, liền toan dấy quân đánh Ngô. Văn-Chủng can rằng: «Thời-kỳ chửa đến, người trung-thần nước Ngô hãy còn». Việt-vương lại hỏi Phạm Lãi. Phạm-Lãi đáp rằng: «Thời-kỳ cũng không xa, xin đại-vương luyện-tập thêm việc chiến-trận để đợi thời-kỳ, kẻ thiện-chiến phải có tinh-binh, đội tinh-binh phải có nghệ-thuật hơn người, lớn thì thuật kiếm-kích, nhỏ thì thuật cung-nỗ, không được người minh-sư để giáo-tập, không tận-thiện được, tôi nghe đất Nam-lâm có người xử-nữ tinh nghề kiếm-kích, lại có người nước Sở là Trần Âm tinh thuật cung-nỗ, xin đại-vương đi đón về». Việt-vương nghe lời, chia sứ-giả hai đường, mang hậu-lễ đón Nam-lâm Xử-nữ về giáo - luyện đội kiếm-kích, đón Trần Âm về huấn-luyện đội cung-nỗ. xử-nữ ở nước Việt, dạy thành ba nghìn quân kiếm - kích, rồi từ-giã Việt-vương, lại về Nam-lâm. Trần Âm cũng giáo - tập được nghìn quân-sĩ, đều trao cho cái phép liên-nỗ, ba cái tên tiếp-tục bắn ra, người khác không thể phòng - ngữ được. Trải ba tháng quân-sĩ hết được cái tinh-xảo, Trần Âm mắc bệnh chết. Việt - vương hậu-lễ tống-táng, đặt tên chỗ táng gọi là Trần âm-sơn. Người đời sau có thơ vịnh về Việt-vương luyện-binh rằng:

Vì Ngô mà luyện kiếm-cung,
Nằm gai nếm đắng đôi dòng lệ khô;
Ấy ai ca-vũ đài Tô,
Biết không lân-quốc hữu-vô sự gì.

Cái sự Việt-vương luyện- binh tập-vũ giáo-huấn quân-sĩ truyền đến nước Ngô. Ngũ-Tử-Tư nghe biết, mới cầu vào yết-kiến Ngô-vương, khóc-lóc mà than rằng: « Đại-vương tin nước Việt là đã cung - thuận xưng là thần-bộc, nay nước Việt dùng Phạm Lãi huấn-luyện sĩ-tốt, nghề kiếm-kích cung-nỗ, không nghề gì là chẳng tinh-lương; nhất-đán thừa-cơ mà vào nước Ngô, nước Ngô không thể chống lại được, vua nếu chẳng tin, sao chẳng khiến người đi dò xét». Ngô-vương quả sai người đi thám-thính nước Việt, biết rằng Xử-nữ thì dạy kiếm-kích, Trần Âm thì dạy cung - nỗ, hiện đã luyện thành sáu nghìn tinh-binh kỹ-nghệ tinh-thục, gọi là Quân-tử-quân. Thám-giả đem sự ấy nhất-nhất về báo Ngô-vương. Ngô-vương hỏi Bá-Bĩ rằng: « Nước Việt đã thần-phục nay lại luyện-binh ý muốn làm gì? » Bá-Bĩ đáp rằng: « Nước Việt nhờ đại-vương cho đất, phi có binh không giữ được đất, huống-chi việc trị-binh là việc thường của kẻ giữ nước, đại-vương hà - tất để lòng nghi-ngờ. » Ngô-vương nghe xong lời Bá-Bĩ, chửa biết trong bụng có chủ-trương thế nào, sẽ xem chương dưới phân-giải.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU

Cuộc hái sen ở trên hồ

Ngô-vương nghe xong lời Bá-Bĩ, sớm đã đem cái lòng nghi-ngờ nước Việt ném ra ngoài cõi chín tầng mây; vẫn cùng với Tây-Thi lấy đài Cô-tô làm nhà, bốn mùa tùy-ý ra chơi, quản-huyền tương - tiếp, bất - phân nhật-dạ. Ngô-vương thường cùng với Tây-Thi ở trong cung Quán-khuê, chơi-bời yến-tiệc nghỉ-ngơi. Nhân Tây-Thi cử-động có vẻ phong-lưu, khi bước chân đi, áo xiêm bay phấp-phới, chẳng khác gì người tiên, mới kiến-trúc ra một cái lang, (cái nhà bốn mặt có hiên đi xung-quanh), dưới đất để rỗng, dùng các cái chum to bày, thẳng một lượt, trên chum lát ván, dày mặt ván chạm khắc nét hoa, vẽ đủ năm sắc, để Tây-Thì cùng Toàn-Ba với Di-Quang và các người cung-nữ, nối gót nhau đi ở trên ấy khi dịp giầy bước đi, có tiếng loong-coong, tựa như tiếng ngọc tiếng đồng. Ngô-vương nghe tiếng ấy, lấy làm khoái-lạc, nhân đặt tên cái lang ấy gọi là Hưởng-điệp-lang.

Nay chùa Linh-nham trước tháp Viên-chiếu hãy còn di-chỉ. Người đời sau có thơ đề vịnh Hưởng-điệp-lang rằng :

Này lang Hưởng-điệp là đây,
Vì xưa Tây-tử gót dày dạo quanh;
Thương ôi Ngũ-tướng thiệt mình!
Dấu giày quốc-lão Ngô-đình ai ghi.

Trên núi có ao, gọi là ao Ngoạn-hoa, Ngô-vương hễ gặp mùa xuân, thì cùng Tây-Thi dắt tay thưởng-hoa ở bên ao. Lại có ao gọi là ao Ngoạn-nguyệt, hễ gặp đêm thu, thì tất cùng Tây-Thi sánh vai ra ngoạn-nguyệt, bồi-hồi ở ven đó. Tây-Thi khi trang-sức, không dùng mặt gương, vì mặt gương, có cái ánh sáng phản-chiếu ; Ngô-vương mới đào ra một cái giếng, nước giếng trong biếc, để Tây-Thi soi xuống nước mà trang-sức, khiến cho sướng mát tinh-thần. Khi Tây-Thi trang-sức, thì Ngô-vương đứng ở bên cạnh thân-hành vì Tây-Thi sửa tóc cài hoa, nhân đặt tên cái giếng ấy là Ngô-vương-tỉnh. Tây-Thi rất thích gảy đàn, Ngô-vương mới ở trên đỉnh núi Linh-nham kiến-trúc lên một cái Cầm-đài để Tây-Thi gảy đàn. Khi Tây-Thi gảy đàn, tất đốt các thức hương thơm ; Ngô-vương nhân vì các thức hương người khác hái về, không thích hợp mĩ-nhân dùng, đặc-biệt sai người trồng các thức hương-liệu ở trên núi, để Tây-Thi với cung-nữ chở thuyền ở trong khe núi, thân-hành đi hái, đặt tên khe ấy là Thái-hương-kính, Ngô-vương phóng-tình làm vui, sự-sự như-ý, sự-sự khoái-tâm, thường nói quả-nhân được Tây-Thi, như cá được nước, kiếp này nguyện trọn đời trong cõi ôn-nhu. Hay đâu khoái-lạc lâu ngày, tại thấy những sự trong cuộc truy-hoan, đều là những sự cũ rích, rất là khá chán, muốn nghĩ tìm riêng một sự khoái-lạc để thỏa tâm-tình. Mới cùng với Tây-Thi kế-nghị rằng nay gặp mùa hạ, hoa sen ở trên hồ đua nở, quả-nhân với mĩ-nhân, sao chẳng đi ra du-thưởng một phen. Tây-Thi nói rằng: « đại-vương có cái hứng tốt ấy, thiếp tôi dám chẳng phụng-thừa. Song sen là thức hoa quân-tử, phẩm rất thanh-quí; đi ra du-ngoạn, chẳng qua phút chốc làm vui, ý thiếp thì không gì bằng chỉnh-bị thuyền rồng, suất-lĩnh cung-nữ, đi ra hái sen, xem cung-nữ hái hoa, ai nhiều ai ít, để định ưu-liệt.» Ngô-vương cả mừng nói rằng mĩ-nhân nói là phải, kíp sai chỉnh-bị thuyền rồng, đi ra trên hồ, bày cuộc thái-liên. Khi ấy vài mươi hiệu thuyền rồng, nhất-tề phát-động, kẻ kéo dây người cầm chèo, đều dùng mĩ-nữ, trên thuyền vô-số cung-nhân, hết thảy quần hoa xiêm vẽ, cánh buồm với mui thuyền, hết thảy là mầu cẩm-tú, ánh-sáng mặt trời, năm sắc chói-dọi. Các hiệu thuyền rồng, cắn đuôi nhau mà đi, kèn sáo thay đổi, tiếng h[illegible] véo-von. Tự mé nam-thành thẳng đến trên hồ chỉ thấy một giải buồm gấm liên-tiếp không dứt, khiến người mắt choáng thần mê. Dân ở đấy nhân thấy buồm gấm đẹp-đẽ lạ thường, mới đặt tên chỗ đi qua, gọi là Cẩm-phàm-kính. Thuyền đến trên hồ, Ngô-vương truyền bảo cung-nhân, đều chở chiếc thuyền nhỏ, đi đến chỗ đợt sen xanh tốt hái lấy hoa sen, tự mình cùng với Tây-Thi ngồi chỗ cao trên thuyền, rót rượu đoái xem. Một lời hạ-lệnh, các cung-nhân người nào người nấy chở chiếc thuyền nhỏ, tơi-bời bơi đi, chỉ thấy ống là phiêu-dương, chèo gấm lay động, bốn mặt hồ đều có tiếng hát khởi lên. Ngô-vương xem rồi, khôn xiết khoái-lạc; mới truyền đem rượu ra nói rằng: « Quả-nhân ngày nay, đối cảnh vui ấy, mắt xem người đẹp, nên cùng mĩ-nhân uống rượu một phen, thật say sẽ nghỉ.» Tây-Thi nghe nói liền, cất cao tay ngọc, nâng bổng chén quỳnh, tiến-hiến nói rằng: « Xin đại-vương uống cạn chén

này thiếp có một khúc thái-liên ca, xin vì đại-vương hát. Hát rằng :

Thu-giang dãi vẻ hồng-liên,
Một đoàn thái-nữ bơi thuyền hái hoa;
Hoa sao hoa đẹp du mà,
Đua nhau ngâm khúc Lục-ba hái về ;
Hoa sen khi cuống đã lìa,
Tơ còn dài dợ vương về tay ai ;
Bao giờ tìm bạn qui-lai,
Non xa nước thẳm khứng hồi đầu chăng.

Ngô-vương khen hay nói rằng: «Không phải cầm-tâm của mĩ-nhân không làm được bài hát ấy, không phải bài hát ấy cũng không đủ phối-hợp tú-khẩu của mĩ-nhân ; quả-nhân nên uống liền mấy chén, để thưởng ca-khúc của mĩ-nhân. Ngô-vương uống rượu chửa xong, các thuyền cung-nữ đều đã hái sen đi về, đua nhau lên thuyền rồng hiến-hoa, có người hiến giống sen Tây-phiên, có người hiến giống sen Quan-âm, có người hiến giống sen Đảo-thủy, có người hiến giống sen Ngũ-sắc, giống lạ hoa đẹp, hiến về đầy thuyền. Ngô-vương nhất-nhất thưởng-ngoạn, khôn xiết tán khen. Chỉ có Toàn-Ba với Di-Quang hai người mỗi người đều hiến một đóa Tịnh-đầu-liên, nói rằng: «Nguyện đại-vương với phu-nhân song-song tươi đẹp như cái hoa này, kính đem dâng lên, để biểu cái lòng chúc-tụng.» Ngô-vương cả mừng nói rằng : « Hai người mĩ-nhân lại có tuệ-tâm dường ấy, thật là ít có. » Ngô-vương nhân đối với Tây-Thi nói rằng : « Ngày nay hoa sen của các cung-nữ hái về, nên cho hai người là đệ-nhất, quả-nhân với mĩ-nhân nên mỗi người đều thu-nhận một đóa, không nên bỏ mất cái mĩ-ý hai người. » Nhận xong hoa sen, mới quay thuyền về cung. Trong khoảng phút-chốc, mọi thuyền đều chuyền; giọng hát cung-nhân vừa đi vừa hát, đàn sáo sênh ca, đồng-thời đều cử. Bách-tính ở ven đường nghe những tiếng ấy, ai nấy đều cau trán mà nói rằng: « Dân cùng của hết, liền năm đói kém, sao đại-vương còn chửa biết vậy!» Chưa biết việc sau thế nào, sẽ xem chương dưới phân-giải.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY

Ngô-vương giết kẻ trung-thần, tranh ngôi minh-trưởng

Ngô-vương tự khi bày cuộc thái-liên trở về, tính cực lại muốn động, ý muốn sinh-chí về binh-sự ở chốn trung-nguyên, để khoa-trương uy nước, nghe biết rằng nước Tề nước Lỗ bất-hòa, mới triệu-tập binh chín quận, đại-cử sang đánh Tề. Dự-bị sai người kiến-trúc ra một tòa biệt-quán ở đất Câu-khúc, trồng ra khắp những giống cây thu cây ngô, gọi là Ngô-cung, để Tây-Thi dời ra ở đấy tránh nắng, đợi khi thắng Tề về, ở đó tiêu-trừ khí nực mùa hạ. Tướng-quốc là Ngũ Tử-Tư can rằng: « Nước Việt ở đó là cái bệnh nguy-hiểm trong tâm-phúc ta, nước Tề, chẳng qua là cái tật ngứa-ngáy ở ngoài da, nay đại-vương dấy quân mười vạn, mang lương nghìn dặm, để tranh lấy cái sự ngứa-ngáy, mà quên mất cái đại-độc ở trong phúc-tâm, tôi sợ rằng chửa tất đã thắng được nước Tề, mà quân Việt đã đến vậy.» Ngô-vương cả giận nói rằng: « Quả-nhân đã định kỳ phát-binh, kẻ lão-tặc kia lại cố ý nói ra cái lời bất-tường làm ngăn-trở kế-sách lớn, đợi khi quả-nhân thắng Tề sau này, tất chém kẻ lão-tặc ấy.» Mới dấy quân đi đánh nước Tề, đại-thắng được quân Tề. Giản-công nước Tề sai sứ cả đem vàng lụa cống-hiến tạ-tội xin hòa. Ngô-vương tấu-tiệp đem quân về, về đến chỗ Câu-khúc tân-cung, Tây-Thi ra nghinh-tiếp bái-yết. Ngô-vương nói rằng: « Quả-nhân khiến mĩ-nhân ở đó, chính là muốn mau chóng tương-kiến, để thỏa-dãi cái lòng biệt-ly. » Tây-Thi bái-tạ, tỏ lời chúc mừng. Ngô-vương

với Tây-Thi cùng nhau lên đài uống rượu, khôn xiết vui-vẻ. Ngô-vương ở Ngô-cung ba ngày, về đến quốc-đô, bách-quan đều chúc-tụng làm lễ mừng, chỉ một Ngũ Tử-Tư không nói một lời gì cả. Ngô-vương cả giận, trách Ngũ Tử-Tư rằng: « Kẻ lão-tặc can quả-nhân không nên đánh nước Tề, nay đắc-thắng về, kẻ lão-tặc kia há chẳng xấu-hổ lắm. » Ngũ Tử-Tư cũng phát-nộ nói rằng: « Trời sắp-sửa làm mất nước người ấy, trước hẵng khiến người ấy gặp cái mừng nhỏ, rồi sau mới trao cho cái lo to, sự thắng Tề chẳng qua là cái mừng nhỏ, tôi sợ rằng cái lo to nó tức-khắc đến vậy. » Nói xong, lập tức dảo bước mà đi ra. Ngô-vương nổi giận nói rằng: « Lão-tặc là kẻ đa-trá, làm một người quái-gở nước Ngô; nếu chẳng giết đi, sao phục được dân-chúng. » Mới sai người đem cho Ngũ Tử-Tư một thanh kiếm, gọi là thanh kiếm Chúc-lâu, khiến Ngũ Tử-Tư tự-sát. Ngũ Tử-Tư tiếp nhận thanh kiếm mà than rằng: « Ta phá nước Sở đánh nước Việt, ra uy với chư-hầu, có công mà không có lỗi, ta hết lòng báo-đáp đấng tiên-quân nước Ngô, nay đã chẳng nghe lời ta, lại bắt ta chết, ta ngày nay chết, thì ngày mai quân Việt đến đào xã-tắc nước Ngô. » Mới dối với người nhà nói rằng: « Ta chết sau này, nên khoét lấy đôi mắt ta, đem treo ở mé đông-môn, để ta xem quân Việt vào Ngô. » Nói xong, cầm kiếm tự-vẫn mà chết. Sứ-giả đem thanh kiếm về báo Ngô-vương, và thuật lại cái lời Ngũ Tử-Tư lúc chết nói. Ngô-vương càng giận, sai lấy cái xác Ngũ Tử-Tư đựng vào cái đồ bằng da, đem ném xuống sông, Ngô-vương dã giết Ngũ Tử-Tư, mới tiến-chức cho Bá-Bĩ làm tướng-quốc. Từ đấy Ngô-vương lại càng kiêu-căng phóng-túng, sai thái-tử Hữu ở nhà giữ nước, tự mình suất-lĩnh các đạo kinh-binh trong nước lên phía bắc cùng với nước Tấn tranh ngôi minh-chủ. Việt-vương Câu-Tiễn nghe tin Ngũ Tử-Tư đã chết, Ngô-vương đem quân ra khỏi cõi nước. Mới cùng với Phạm Lãi kế-nghị phát quân Tập-lưu ba nghìn người, quân tuấn-sĩ bốn vạn người, đội quân-tử-quân sáu nghìn người, theo hải-đạo thông vào Tràng-giang để đánh úp nước Ngô. Tiền-đội nước Việt đã đến cõi nước Ngô, tướng Ngô là Vương-tôn Di-Dung ra tiếp-chiến, đại-bại trốn chạy. Ngày hôm sau đại-quân của Câu-Tiễn tề-tập đến nơi, thái-tử Hữu nước Ngô đem quân ra nghênh-chiến. Câu-Tiễn thân-hành đốc-quân, trận vừa mới hợp, Phạm Lãi phất trỏ tả-dực hữu-dực hai đạo quân đều tiến, thế như mưa như gió, Ngô-binh đại-bại. Thái-tử Hữu hãm ở trong trận, xung-đột không ra được, sợ bị bắt thụ-nhục, tự-vẫn mà chết. Việt-binh kéo thẳng đến dưới thành Cô-tô, Vương Tư-Địa cố giữ thành-trì, sai người đi đến chỗ Ngô-vương cáo-cấp. Khi ấy Ngô-vương hiện đương ở đất Hoàng-trì, cùng với nước Tấn tranh nhau danh-thứ trước sau chép ở trong tờ minh, găng nhau chửa bên nào chịu. Chợt nghe tin báo quân Việt vào Ngô giết thái-tử, đốt đài Cô-tô, hiện đã vây hãm thành-trì, thế rất nguy-cấp. Ngô-vương đại-kinh. Bá-Bĩ tiến nói rằng: « Đại-vương chớ tỏ ra cái trạng kinh-hoảng, nếu nước Tề nước Tấn biết có sự ấy, thì ta nguy vậy; Đại-vương ngày mai nên nổi trống ra khiêu-chiến, để người Tấn sợ, tất cầu lấy sự chủ-minh, mới giữ-gìn được không ngại. » Ngô-vương nghe theo kế ấy, sai quân dựng lên hiệu cờ ngũ-phương, kết làm trận-thế vuông, tiến lên bức-hiếp quân Tấn, Ngô-vương thân-hành đốc-suất ba quân, muôn hiệu trống đều nổi, tiếng rậy trời đất. Người Tấn cả sợ không dám tranh nữa mới nhường Ngô-vương uống máu trước, Tấn-hầu thứ hai, nước Lỗ nước Vệ cũng theo thứ-tự uống máu. Việc hội-binh xong, Ngô-vương đem quân về

nước, ở giữa đường liền-liền được tin cáo-cấp, quân-sĩ biết rằng nhà với nước đã bị phá, người nào người nấy sợ-hãi, tâm dởm đều táng; vả lại đi đường xa mỏi-mệt khó-nhọc, không ai có chí chiến-đấu cả. Ngô-vương còn thúc quân chống nhau với quân Việt, liền-thứ đại-bại. Ngô-vương kinh-sợ, sai Bá-Bĩ đến quân Việt khấu-đầu xin hòa, cầu tha tội cho nước Ngô, cái lễ khao-quân, xin lại như nước Việt hàng Ngô ngày trước. Việt-vương trong tâm bất-nhẫn, ý muốn cho. Phạm Lãi kíp ngăn lại nói rằng: Đại-vương sớm chầu trưa nghỉ, mưu đến hai mươi năm có sao gần thành mà lại bỏ. Mới không cho nước Ngô hòa. Sứ nước Ngô đi lại đến bảy thứ, Phạm Lãi với Văn Chủng cố ý không cho, đốc binh công-kích Ngô-đô, Ngô-binh không thể ứng-chiến được nữa. Phạm Lãi toan phá cửa Tư-môn tiến vào; ngay đêm hôm ấy gió-bão chợt khởi, mưa to như trút, trông thấy ở đàng xa xa trên nam-thành nước Ngô, đầu ông Ngũ Tử-Tư hiện ra, lớn bằng cái bánh xe, mắt như điện sáng, râu-ria xòa ra bốn bên, lòe sáng mười dặm. Tướng-sĩ trong quân Việt, không ai là chẳng kinh hãi, phải tạm nghỉ quân, không dám sấn lên phá thành. Phạm Lãi vô-kế khả-thi, ngồi mà chợp ngủ, chợt thấy Ngũ Tử-Tư cưỡi xe trắng ngựa trắng đi đến, đối với Phạm Lãi mà bảo rằng; « Ta tự trước đã biết rằng quân Việt tất đến, cho nên ta muốn treo cái mắt ta ở đông-môn để xem quân Việt vào Ngô, không ngờ Ngô-vương lại để cái đầu ta ở nam-môn, cái lòng ta trung với nước Ngô còn chưa tuyệt, không nỡ để chúng mày đi ở dưới đầu ta vào thành, cho nên làm ra mưa gió để ngăn lại. Song nước Việt có nước Ngô là ý trời, ta không thể trái được ý trời, chúng mày cải đường mà đi, theo đông-môn vào, ta sẽ giúp cho. » Nói xong, rồi chợt mất. Ngày hôm sau, Phạm Lãi với Văn-Chủng cùng nhau tiếp-kiến, hai người chiêm-bao đều giống nhau. Mới sai quân-sĩ mở lối, tự mé nam sang mé đông; quân Việt sắp-sửa đến chỗ Xà-môn Tượng-môn giáp nhau, nước hồ Thái-hồ hốt-nhiên phát lên đầy-dẫy chảy lại, ba-đào xung-kích, thành nước Ngô phá toang ra một chỗ huyệt lớn, quân Việt kéo thẳng mà vào. Chưa biết Ngô-vương tính-mệnh thế nào, sẽ xem chương dưới phân-giải.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁM

Quân Việt phá Ngô thành-công, Tây-Thi gieo mình xuống nước

Việt-binh thừa-thế nước hồ thẳng vào thành Ngô. Ngô-vương Phù-Sai nghe biết Việt-binh vào thành, Bá-Bĩ sớm đã trốn sang quân Việt đầu hàng. Mới cùng với Vương Tôn-Lạc và ba con chạy ra núi Dương-sơn, ngày đêm ruổi chạy, bụng đói miệng khát, đôi mắt quáng-mờ. Kẻ tả-hữu hái được mấy cụm thóc sống, xát lên thành gạo để tiến; Ngô-vương ăn gạo sống, cúi xuống đất lấy tay vốc cái nước ở trong ngòi lên mà uống, tránh vào trong chỗ hang sâu. Quân Việt một nghìn người đuổi đến, vây lại mấy tầng. Ngô-vương làm tờ thư, buộc ở đầu cái tên, bắn sang quân Việt. Phạm Lãi Văn-Chủng nhặt xem, thì trong thư nói rằng: « Thỏ khôn đã chết, thì chó săn bị mổ; địch-quốc đã diệt, thì mưu-thần tất vong. Đại-phu sao chẳng cho nước Ngô còn lại một chút, để làm cái đất giữ thân. » Văn-Chủng cũng làm tờ thư đáp lại rằng: « Nước Ngô có lỗi lớn sáu điều. Giết kẻ trung-thần là Ngũ Tử-Tư, đó là một điều lỗi lớn. Vì nói thẳng giết Công-Tôn Thánh, đó là hai điều lỗi lớn. Bá-Bĩ là kẻ sàm-nịnh tiểu-nhân, mà lại tin dùng, đó là ba điều lỗi lớn. Nước Tề nước Tấn không có tội, mà liền đi đánh người ta, đó là bốn điều lỗi lớn. Nước Ngô nước Việt là láng-giềng với nhau, mà sang xâm-

phạt nước Việt, đó là năm điều lỗi lớn. Nước Việt giết tiên-quân nước Ngô, mà không biết báo-cừu, lại buông-thả cho giặc để di-hại, đó là sáu điều lỗi lớn. Nước Ngô có sáu điều lỗi lớn ấy, muốn khỏi sự diệt-vong được chăng. Ngày trước trời đem nước Việt cho nước Ngô, nước Ngô chẳng chịu nhận lấy, ngày nay trời đem nước Ngô cho nước Việt, nước Việt há dám trái mệnh trời. » Phù-Sai được tờ thư, khóc mà nói rằng: « Quả-nhân không giết Câu-Tiễn, quên cái cừu đấng tiên-vương, là người con bất-hiếu, ấy trời sở-dĩ bỏ nước Ngô vậy ». Mới rút thanh kiếm mà tự than rằng: « Ta giết kẻ trung-thần là Ngũ Tử-Tư, nay ta tự giết ta, cũng là muộn vậy. » Bảo kẻ tả-hữu rằng: « Ta chết mà còn có tri-giác, thì mặt mũi nào trông thấy Ngũ Tử-Tư ở dưới đất, tất đem mấy bức là để che kín mặt ta đi. » Nói xong, cầm kiếm tự-vẫn mà chết. Vương Tôn-Hùng cởi áo che đắp cho thân-thể Ngô-vương, liền đem dây ấn tự thắt cổ cùng chết ở bên cạnh. Việt-vương truyền đem lễ hầu-quốc táng cho Ngô-vương, sai quân-sĩ mỗi người đội một sọt đất đắp mả Ngô-vương, khoảnh-khắc thành ra một cái mả lớn; rồi đem lưu-phối ba con Ngô-vương ở núi Long-vĩ. Người đời sau gọi tên đất đó là Ngô-sơn-lý, có thơ đề viếng rằng:

Một mình lên chốn đài hoang,
Thành xưa cỏ rậm thê-lương bốn bề;
Ấy mồ Ngô-chủ buồn ghê,
Cọp đi ngày sớm quạ về đêm thâu;
Thái-hương kính cũ còn đâu,
Nào lang Hưởng-điệp chỉ màu thử ly;
Hồn trung tướng Ngũ hồn hề,
Trăng tà mây nhạt thơ đề lòng đau,

Ngô-vương đã chết, Việt-vương vào giữ thành Cô-tô, bách-quan chúc-mừng. Khi ấy Bá-Bĩ cũng ở trong hàng bách-quan, cậy mình có cái ơn ngày trước chu-toàn cho Việt-vương, sắc mặt có ý dương-dương tự-đắc. Việt-vương đối với Bá-Bĩ nói rằng: « Ngươi là quan thái-tể nước Ngô, quả-nhân không dám bắt người phải chịu khuất ở dưới thềm quả-nhân. bây giờ Ngô-vương ở Dương-sơn đấy, ngươi sao chẳng đi theo Ngô-vương. » Bá Bĩ hổ-thẹn cúi đầu mà lui ra. Việt-vương tức-khắc sai kẻ lực-sĩ bắt lại mà giết đi. Lại giết cả nhà Bá-Bĩ nữa, nói rằng cái giống bán nước không để làm gì. Việt-vương lại đối với chúng nói rằng; « Ta giết Bá-Bĩ chính là ta sở-dĩ báo lại cái trung cho Ngũ Tử-Tư.

Khi Việt-vương đốt đài Cô-tô, Phạm Lãi biết rằng Tây-Thi ở đó, khiến người đón ra, đem giấu ở chỗ dân-gia, và yên-ủi nói rằng: « Thủa mĩ-nhân vào nước Ngô, là nhận lời chúc-thác của ta. Nay nước Ngô đã diệt, ta cũng sắp-sửa cố từ tước-lộc, đi ẩn-cư chốn Ngũ-hồ, để thỏa chí ta; nên cùng với mĩ-nhân cùng chở một chiếc thuyền trốn vào nơi mây xa nước rộng, để vui cái tuổi thừa của ta. vừa rồi vì quân-sự vội-vàng, chửa kịp thân-hành đón mĩ-nhân, mĩ-nhân thiết đừng oán-vọng ». Tây-Thi nghe nói, khép tay áo mà đáp rằng: « Thiếp vào nước Ngô, vốn là vì muốn rửa sạch quốc-sỉ, không ngờ Ngô-vương sủng-ái quá chừng, ân-tình gồm đủ. Thiếp muốn báo-ơn Ngô-vương, thì e rằng sống làm người Việt, quốc-cừu khôn lẽ không báo. Nếu thiếp làm mất nước Ngô, thì ra cái ơn của Ngô-vương yêu thiếp, hết thẩy trôi về bể đông. Vậy thiếp sớm đã mình lại lập riêng với mình một lời thề rằng sau này nước Ngô mất, cái thù của nước Việt đã báo được xong, thì thiếp chỉ xin đem một cái chết, để báo lại cái ơn sủng-ái của Ngô-vương ở dưới đất. Nay nước Ngô sắp mất, thiếp còn phơi mặt ở đời, chưa tới ngay chốn chết đó, là vì Ngô-vương chưa trở về, và mong tướng-quốc nghĩ cho Ngô-vương tuổi đã già, tha

cho Ngô-vương một cái chết, khiến thiếp cùng với Ngô-vương được gặp mặt một lần, tạ cái ơn sủng-ái của Ngô-vương, và biểu-minh cái tội-trạng của thiếp, rồi sau thiếp sẽ tới chốn chết. Tướng-quốc chớ cho Tây-Thi này là một kẻ đàn bà, mà bảo rằng không hiểu nghĩa lớn ». Sứ-giả về báo Phạm Lãi, Phạm Lãi thâm-phục lời Tây-Thi nói, chỉ sợ Tây-Thi chết, cho nên cái sự Ngô-vương đã bị bức-bách mà chết ấy, dặn bảo khắp cả mọi người không được lộ ra khiến Tây-Thi biết. Đến khi ấy, ám-sử một người chở một lá thuyền nhỏ, nói thác ra rằng: « Ngô-vương nhân nước đã bị tàn-phá, trốn chạy ra nơi Ngũ-hồ, nay tướng-quốc sai người lại đón mĩ-nhân ». Tây-Thi tin là thực, mới lên thuyền mà đi. Khi Tây-Thi đã đến nước Việt, nhận ra được đất ấy là đất Cối-kê, bất-giác đại-kinh, hỏi Ngô-vương ở đâu ? Kẻ tụng-giả không thể man-ẩn được, đem hết sự đầu đuôi bảo thực. Tây-Thi vật mình khóc nói rằng : « Thiếp này xả thân vào Ngô, là sở-dĩ để báo quốc-cừu tuyết quốc-sỉ. Nay quốc-cừu tuy đã báo, quốc-sỉ tuy đã tuyết, mà cái thân chịu hậu-ân của Ngô-vương, một chút gì chửa báo, lấy gì đối với Ngô-vương đó ư. Vả lại tòng-nhất nhi-chung, là cái nghĩa kẻ đàn-bà, tuy đội ơn tướng-quốc có lòng yêu thiếp, thiếp mặt mũi nào còn đứng ở trong thiên-địa-gian, nên truy-tùy Ngô-vương ở dưới đất, để báo lại cái ân-tình lúc sinh-tiền, khiến cho đời sau biết rằng thiếp làm mất nước Ngô, là vì tuyết cái sỉ-nhục cho quốc-gia, chứ không phải là vong-ân phụ-nghĩa. » Nói xong, giơ tay áo che mặt, gieo mình xuống dòng sông mà chết. Kẻ tụng-giả lại cứu vớt, thì đã không kịp nữa. Tụng-giả về đến Cô-tô, báo với Phạm Lãi, Phạm Lãi thương tiếc quá chừng, tâu cho Việt-vương biết. Việt-vương nghe lời tâu than rằng : « Cái công phá Ngô, Tây-Thi là đệ nhất, nay sự thành công-tựu, lại quyết-nhiên gieo mình xuống nước mà đi, thực đáng khen là kẻ có chí vậy ». Qua được mấy ngày, Việt-vương truyền mệnh đem quân về, về đến Cối-kê, sai người kiến-trúc ra một cái hạ-đài để bõ lúc bị tù ở nước Ngô ngày xưa. Đặt tiệc rượu ở trên đài cùng với bách-quan làm vui, sai kẻ nhạc-công làm ra khúc hát gọi là khúc hát Phá-Ngô đem hiệp vào quản-huyền. Bách-quan cả hoan-hỉ mà vui cười, duy Việt-vương nét mặt không có sắc mừng. Phạm Lãi tự mình than riêng rằng : « Tây-Thi chết mà không ra ơn bao-phong, nước Ngô diệt mà mặt không có sắc mừng, ấy là Việt-vương không muốn cho công-nghiệp về kẻ bề-tôi, cái lòng ngờ ghét bề-tôi đã lộ ra đó. » Ngày hôm sau, vào từ-tạ Việt-vương nói rằng ; « Tôi nghe lời rằng bề trên bị nhục thì bề-tôi nên chết. Ngày trước đại-vương bị-nhục ở Cối-kê tôi sở-dĩ không chịu chết ngay ấy, là muốn ẩn-nhẫn để thành-công vậy. Nay nước Ngô đã diệt, đại-vương nếu tha cho tôi cái tội không chịu chết ngay ở Cối-kê, xin cho tôi được đem hài-cốt, về thoái-lão ở chốn giang-hồ ». Việt-vương nói rằng : « Quả-nhân nhờ nhà ngươi mới có ngày nay, cớ sao lại bỏ quả-nhân mà đi, ở lại thì cùng nhà ngươi cùng hưởng lộc nước, đi thì giết cả vợ con ». Phạm Lãi nói rằng ; « Sự tử-sinh của vợ con tôi ở trong mệnh-lệnh đại-vương, tôi không dám đoái vậy ». Nửa đêm Phạm Lãi cỡi một chiếc thuyền nhẹ, trốn đi nơi Ngũ-hồ.

(HẾT)

TÙNG-VÂN

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CỔ

XUYẾN-NGỌC HẦU THI-VĂN TẬP (1)

1

Văn-tế trận vong tướng-sĩ (2)

(Khi vua Gia-long mới bình-định trong nước)

Than rằng : Cơ tối sớm ngẫm chóng lâu mấy chốc, người sống luống tiếc lẫn người chết, chết được vào nơi trung-nghĩa, vắng âm-dung nhưng chẳng vắng tinh-linh ; đạo tớ thầy dù đắng ngọt có nhau, khi vui nên lại nhớ khi thương, thương vì cũng phận truy-tùy, cùng ưu-hoạn lại chẳng cùng an-lạc.

Kiếp đoản-tu nghĩ những ngập-ngừng ; niềm chung-thủy kể thêm man-mác.

Cảm vui ai nấy : Dốc chí làm tôi ; đem thân cho nước.

Kẻ theo thầy trải ngàn cây dặm suối, nắm lông hồng lòng địch-khái nhơn-nhơn ; kẻ theo thầy nơi lạch giá làng mây, cầm bánh lái chí thệ-thanh sắc-sắc.

Bắc cầu mở núi, gian-khổ riêng chia ; đứng mũi chịu sào, cần-lao đỡ lắm.

Đốt tay trải bính-ngọ đinh-vị tới canh-thân tân-dậu nhâm-tuất, những tắm mưa chải gió bấy nhiêu năm ; gấp bước từ Cao-miên Xiêm-la ra Gia-định Qui-nhân Phú-xuân, những đột pháo xung tên là mấy thốc.

Cuộc chinh-chu trong ngắn ấy ruồi giong ; người trung-dũng biết bao nhiêu rời-rạc.

Ngoài phong-lãng thương những người phận rủi, gửi thịt xương cùng cát nổi bèo trôi ; dưới cung đao khen những đấng anh-hùng, trả cơm áo với tên bay đạn lạc.

Lửa chai đốt quạnh, thấp-thoáng khói hương ; gió lốc thổi khuya, ngổn-ngang phận bạc.

Nơi cố-lũy cơ man mũi sắt, buộc lưng tráng-sĩ biết đâu tìm ; chốn tha-hương rêu rủ thước rèm, dáng mặt chinh-phu khôn thể mạc.

Mây mờ cây ngất, đâu nẻo sơn-khưu ; khói tỏa sương tuôn, đấy chừng hải-giác.

Dãi danh-tính mặc trục trời ván đất, bơ-vơ ngàn dặm dấu bay hồng ; nói tuế-thời dù rượu nước đèn trăng, lạnh-lẽo muôn xưa bề khứ-hạc.

Đeo sầu hoa cỏ cũng đìu-hiu ; nuốt giận muông chim dường nhớn-nhác.

Đau-đớn nhỉ một phen sinh-hóa, giấc Hàm-đan bao quả kịp giờ kê ; xót-

(1) Tập thơ văn này là của ông Nguyễn Bá-Xuyến 阮伯釧 người làng Hạ-Thanh-oai, huyện Thanh-oai Hà-đông. Ông bồ-côi cha từ khi còn nhỏ, gặp thời buổi đa-cố, nên phải lưu-lạc giang-hồ, mãi đến năm quí-sửu, lần đường bể vào Gia-định theo đức Thế-tổ, đánh dẹp có công-lao, sau khi đại định, thăng chức Khâm-sai chưởng-cơ, làm quan án-phủ-sứ phủ Hoài-đức, phong tước Xuyến-ngọc-hầu. Ông sở-trường về văn quốc-âm nay còn truyền lại Xuyến-Ngọc-hầu thi-văn-tập.

(2) Khi vua Gia-long đã bình định trong nước rồi, mới làm lễ tế trận-vong tướng-sĩ, sai lập đàn ở xứ Đống-mối phía ngoài kinh Phú-xuân, vua khiến ông Bá-Xuyến làm văn quốc-âm này để tế.

xoa trong nửa kiếp công-danh, dòng nhị-thủy chẳng trừ cho nước bạc.

Cương-liệt kia rút lại khí non sông; gian-nan ấy thiệt riêng phần chuông vạc.

Sổ công-thưởng dệ lên nơi bắc-khuyết, khắp mặt cả bạn cũ tôi thân, kẻ trung người dũng, điểm lên ra càng thương phận so-le; tiếng khải-ca nghe lừng mái đông-lân, đau lòng chăng cha già mẹ yếu, vợ góa con côi, đón tin hỏi lại ngại tình ngơ-ngác.

Ôi! Thu-diệp rụng rơi; thần-tinh lác-đác.

Ngọn còi rúc nguyệt, thét tiếng thê-lương; dịp trống làn sương, rộn hồi tiêu-tác.

Phen chinh-chiến có khỏi oan sao được, kìa bài Phì-thủy, kià nấm Cơ-sơn; chí cung tên mà chẳng phụ thì hơn, lọ dự Vân-đài, lọ riêng Yên-các.

Đỉnh Hoành-sơn xây vãng-sự đòi lần; dòng Lư-thủy nhận ly-sầu mấy thước.

Công-lao cũ bây giờ chưa trả được, kẻ khuất cũng xem bằng người tại, tấm lòng đây đà tạc khoán-thứ riêng; tình nghĩa xưa ai nấy dễ quên đu, thân này chót thiệt đến thân sau, nghìn năm nữa lại vầy ngư-thủy khác.

Vẽ niềm khế-khoát, một bức ai tiên; rót nỗi tân-toan, ba tuần bạch-chước.

Hồn-phách dầu gần xa cũng vậy, hễ mà thấy dấu cờ, nghe hiệu trống, vị thứ đâu lại cứ thuở bình-sinh; lễ nghĩa dầu nhiều ít mà chi, gọi rằng mươi giọt nước, và lưng rau, tình kiền ấy ngõ thấu lòng thư-tước. (?)

II

Văn tế chúng-sinh (1)

Than rằng: Trời đất ký qui là mệnh cả, ai là vinh mà ai chẳng là khổ; xưa nay chắc-trở ấy lòng thường, dám rằng thiện cũng dám đâu rằng phúc.

Hầu Lục-sự lượm đôi hồn cổ-trủng, tế ở bên thành; quan Xạ-thanh rồn trăm sở dình-quan, thờ chưng góc phủ.

Dấu thơm còn để, việc cũ khá noi.

Phủ ta đây: Dân vật trăm năm, đất đai một cõi.

Dặm quan-lộ dải tràng-giang quanh bốn mặt; chốn thị-chiền nơi quán-xá khắp năm phương.

Kẻ viễn-thú, kẻ tòng-chinh, với lại kẻ hành-thương bộ-khách; người bị hình, người u-ngục, cùng là người cơ-ngã lưu-li.

Có người dầu bãi cuối sông, mắc vào thủy-ách; có kẻ ngang cầu dọc quán, gặp phải thiên-tai.

Hoặc người tấm bé lỗi giờ sinh lánh mẹ lánh cha; hoặc kẻ tác già đeo nghiệp-chướng vắng con vắng cháu.

Một là lỡ bước lạc loài, đâu làm họ-mạc; hai nữa xấu duyên kém phận, ai kẻ viếng thăm.

Thương thay mười loại chúng-sinh, bãi xương trắng để mưa tan gió sảy; trải biết mấy thu tang-hải, làn cỏ xanh mà lửa tắt hương tiêu.

Khách qua đường trông thấy cũng châu tran; người thủ-thổ lễ dâu mà chểnh-mảng.

Bản-chức: vâng triều-mệnh; vỗ phương-dân.

Nhìn xem những quoặn tấm lòng; đi lại muốn sa nước mắt.

Đã hay sinh chưa độ, có vội gì độ tử, lẽ chia khinh-trọng tự ngàn xưa; song le quỉ có yên, rồi sau mới yên người, đạo vốn u-minh là một lẽ.

---

(1) Khi ông Xuyến-Ngọc-hầu làm án-phủ-sứ phủ Hoài-đức, lập một nghĩa-chủng để cất những mồ chúng-sinh cả hàng phủ để vào đấy, mới làm bài văn này để tế.

Vậy nên: Xây nền phổ-tế; mở lối siêu-sinh.

Gọi là nổi đất tiểu sành, bốc xương cốt để chôn nơi cát-địa; sắm-sửa vàng hồ áo giấy, đốt khói hương cho thấu đến âm-hồn.

Thỉnh tăng mà đọc kệ đọc kinh, lập đàn để giải oan giải ách.

Cứ khai tờ trước sau bao nhiêu xã ấy; kể cô-hồn mới cũ có mấy trăm dư.

Hoặc còn trong chín tổng ta, vùi cỏ-sương khuất mắt khôn tìm, dân không báo hóa nên ân chẳng khắp; hoặc ở ngoài trăm dặm ấy, cách bờ cõi ngắn tay khó với, chúa có lòng nhưng nài thế biết sao.

Có khôn thiêng lại cả đàn-tiền; để tế-độ nhờ ơn phật-pháp.

Nào kẻ ở gò đống cỗi cây khi trước, nối mai sau cứ đó y-qui; nào kẻ nương đền chùa bờ bụi bấy nay, mỗi tuần tiết về đây hâm-hưởng.

Nghe lục truyền có loài địa-quỉ; nương cây cao ở chốn huyện-thành. Dấu thơm từ thế-đại nào; hồn thiêng còn tiềm-ẩn đó.

Vả công-sở ấy uy-nhan gang tấc, có đấng thượng-thần, có quan mệnh-lại, minh với u, thân với khuất, lẫn sao nên; mà lân-vu thì khí-tượng muôn nghìn, kìa người đồng-loại, kìa khách tri-âm, triêu làm vũ, mộ làm vân riêng mấy thỏa.

Nay đã dựng khu-vũ ấy để độ chúng-sinh; xin đem cả đảng-loại ra mà làm minh-chủ.

Dẫu chẳng biết ngày sinh ngày tử, cùng tính-danh quán-chỉ cũng không tường; nhưng từ rầy yên chốn yên ngôi, mà thành quách câu trì đều khỏi xót.

Nam vô cứu khổ cứu nạn, đã thoát chầm-luân; hộ-trì thử-thổ thử-dân, chớ làm yêu-lệ.

Nhất thiết chúng-sinh; đều nghe lấy nhé.

DỊCH CỔ-THI

I

詠史

Vịnh-sử

宋王安石

(Ông Vương An-Thạch đời Tống)

周公恐懼流言日。
Tránh nạn, ông Chu khi tất-tả,
王莽謙恭下士時。
Lạy người, thằng Mãng lúc xo-xo;
解使當年身便死。
Ví bằng chết quách ngay ngày ấy,
一生眞僞有誰知。
Ông thánh thằng gian ai biết cho.

Thơ này là thơ vịnh sử, vịnh về lịch-sử Chu-công và lịch-sử Vương Mãng. Chu-công là bậc đại-thánh, gây-dựng nên nhà Chu; khi bị họ Quản họ Thái gièm-pha, phải sợ hãi trốn tránh sang Đông-thổ. Vương Mãng là kẻ gian-hùng, ăn cướp ngôi nhà Hán; khi chửa đắc-thời đắc-thế, cũng giả-cách tôn-hiền lễ-sĩ.

II

暮春吟

Mộ-xuân ngâm

朱邵堯夫

(Ông Thiệu Nghiêu-Phu đời Tống)

林下常居睡起遲。
Giấc ngủ trong rừng ngủ được say,
那堪車馬近來稀。
Vắng-teo xe ngựa bấy lâu nay;
春深晝永簾垂地。
Ngày dài xuân muộn thao rèm dủ,
庭院無風花自飛。
Không gió mà hoa trước viện bay.

Thơ này là thơ tức-cảnh, thuộc về ý-tứ nhà đạo-học. Đây là tỏ ra cái cảnh cơ trời lưu-động, muôn vật đổi thay, đều là lẽ tự-nhiên. Hoa bay tức là hoa rơi.

III

暮春即事

Mộ-xuân tức-sự

宋程明道

(Ông Trình Minh-Đạo đời Tống)

雲淡風輕近午天。
Gần trưa mây-gió buổi êm trời,
傍花隨柳過前川。
Hoa liễu bên sông thử dạo chơi;
旁人不識余心樂。
Cái bụng ta vui ai đã biết,
將謂偸閒學少年。
Ngờ ai vơ-vẩn lại như ai.

Thơ này là thơ tức-sự, cũng thuộc về ý-tứ nhà đạo-học. Vui nghĩa là đối với cái cảnh phát-sinh trong vũ-trụ, mà vui với muôn vật.

IV

題敬義堂

Đề Kính nghĩa-đường

宋朱熹

(Ông Chu Hi đời Tống)

高臺巨牓意何如。
Đài cao nhà rộng ở tênh-tênh,
住此知非小丈夫。
Kẻ nhỏ-nhen nào đến đấy tranh;
浩氣擴充無內外。
Khí hiệu-nhiên ta đầy vũ-trụ,
肯誇心月夜同孤。
Trăng soi vào dạ lúc đêm thanh.

Thơ này là đề vào một cái nhà tu-thân dưỡng-tính của kẻ đạo-học. Hiệu-nhiên là cái khí mạnh-mẽ và chính-đại quang-minh của kẻ đạo-học. Người quân-tử theo khuôn đạo-nghĩa làm điều chính-đại, ví như ở nơi rộng-rãi sáng-sủa, kẻ tiểu-nhân trái đạo trái nghĩa làm sự nhỏ-nhen, ví như ở chỗ túi-múi tối-tăm.

V

春日

Ngày xuân

宋朱熹

(Ông Chu Hi đời Tống)

勝日尋芳泗水濱。
Bến Tứ chơi xuân dạo gót dần,
無邊光景一時新。
Cảnh nào là cảnh chẳng thanh-tân;
等閒識得東風面。
Gió đông đã để người xem mặt,
萬紫千紅總是春。
Muôn diềm nghìn trang một sắc xuân.

Thơ này là vịnh về cảnh xuân, cũng thuộc về ý-tứ nhà đạo-học. Một năm trong bốn cảnh, duy cảnh xuân là vui thú nhất, người đời đối với cảnh xuân duy có hai phái là mặn-mà nhất. Một là phái phong-lưu, hai là phái đạo-học. Vì phái đạo-học có cái tư-tưởng cao-siêu, phái phong-lưu có cái chủ-nghĩa phóng-đạt. Hai phái ấy thường đứng riêng ra một luồng không-khí, không chịu cái ảnh-hưởng thúc-phọc của xã-hội. Duy trong khi đối với cảnh xuân, thì hai phái ấy từ nhãn-quang cho đến mộng-tưởng, thực khác nhau xa. Ngày xuân lắm lúc đi về với xuân, và chơi xuân kẻo nữa xuân đi, đó là cái xuân của phái phong-lưu. Cùng muôn vật cùng chung một thế-giới xuân, và cùng trời đất cùng chứa một lòng xuân, đó là cái xuân của phái đạo-học.

TÙNG-VÂN

DỊCH CỔ-VĂN

Quản, Yến liệt-truyện

Quản Trọng tên tự là Di-ngô nguyên là người ở Dĩnh-thượng. Khi nhỏ thường cùng chơi với Bão-Thúc Nha, Bão-Thúc biết là người hiền. Lúc Quản Trọng còn nghèo khốn, thường dối Bão-Thúc. Bão-Thúc vẫn khéo đãi tử-tế chớ không nói gì cả. Đến sau Bão-

Thúc theo giúp đấng Công-tử nước Tề là Tiểu-Bạch, Quản Trọng thì giúp cho Công-tử Củ. Kịp đến lúc Tiểu-Bạch được lập làm vua Hoàn-công, Công-tử Củ bị giết, Quản Trọng phải bị tù. Bão-Thúc bèn tiến Quản Trọng lên vua Hoàn-công. Quản-Trọng đã đắc-dụng, cầm quyền-chính ở nước Tề, giúp vua Tề Hoàn nên nghiệp bá, củ-hợp hết các nước chư-hầu để khuông-chính lại thiên-hạ, đều là mưu-mô của Quản Trọng cả. Quản Trọng nói rằng: « Lúc ta còn nghèo khốn, thường cùng với Bão-Thúc đi buôn, chia tài-lợi lại tranh lấy phần nhiều, Bão-Thúc không cho ta là tham là biết ta nghèo vậy. Ta thường mưu giúp việc cho Bão-Thúc mà lại gặp phải cùng-khốn, Bão-Thúc cũng không cho ta là ngu, là biết ta gặp thời có lúc lợi lúc không lợi. Ta thường ba lần ra làm quan, mà ba lần bị vua đuổi, Bão-Thúc cũng không cho ta là kẻ bất-tiếu, là biết ta chưa gặp thời vậy. Ta thường ba lần ra đánh trận mà ba lần thua chạy, Bão-Thúc cũng không cho ta là nhát, là biết ta còn có mẹ già vậy. Khi Công-tử Củ bại, Thiệu Hốt chết theo, ta thì nhẫn-nhục chịu ở tù, Bão-Thúc cũng không cho ta là vô-sỉ, biết ta không thèm giữ cái tiểu-tiết ấy, chỉ xấu-hổ rằng công-danh mình chưa hiển ra được thiên-hạ mà thôi. Thế thì đẻ ta ra là cha mẹ, mà biết ta thì chỉ có Bão-Thúc ».

Bão-Thúc đã tiến Quản Trọng rồi, thì nhún mình nhường cho Quản Trọng, về sau con cháu được hưởng thế-lộc ở nước Tề, có phong-ấp được hơn mười đời, là một nhà đại-phu có danh-tiếng. Thiên-hạ không ai khen cái tài của Quản Trọng, mà chỉ khen Bão-Thúc là hay biết được người giỏi.

Quản Trọng đã cầm quyền-chính làm tướng nước Tề, lấy nước Tề là một nước khu-khu ở bến bể, nào là thông hàng-hóa, chứa của-cải, làm cho giàu nước mạnh binh, chỉ lựa theo đường yêu ghét của thói dân mà làm. Vậy nên Quản-tử có nói rằng: « Kho đụn có đầy thì dân mới biết lễ-nghĩa, áo cơm có đủ thì dân mới biết vinh-nhục. Làm người trên phục-dụng phải có tiết-độ thì sáu người thân (cha mẹ, anh em, vợ con) mới được yên phận. Nếu bốn dây mà không trương, thì nước đến diệt-vong. Hạ lệnh xuống như nguồn nước chảy, là tại mệnh lệnh thuận dân-tâm. Vậy nên nghị-luận vừa thì dễ làm, những điều gì thế-tục ưa muốn thì lựa theo mà cho, những điều gì thế-tục không ưa thì lựa mà bỏ đi. » Lúc hành-chính thì khéo nhân họa để làm phúc, chuyển bại mà làm công, cẩn-thận cân nhắc những điều khinh điều trọng. Hoàn-công thực giận nàng Thiếu-cơ, muốn kéo quân đến phía nam đánh úp nước Sái. Quản Trọng nhân thế xui Hoàn-công mượn tiếng đánh nước Sở, trách tội không cống cỏ bao-mao cho nhà Châu. Hoàn-công muốn sang phía bắc đánh rợ Sơn-nhung, Quản Trọng nhân thế xui Hoàn-công sửa-sang lại chính-sách đời ông Thiệu-công. Lần hội ở đất Kha, Hoàn-công muốn trái lời thề của Tào Mạt, Quản Trọng bảo nên thủ-tín. Vì thế các nước chư-hầu đều theo về nước Tề. Vậy có câu nói rằng hành-chính quí nhất là biết cách cho đấy mà chính là lấy lại đấy. Quản Trọng giàu ví bằng nhà vua, có dựng đài Tam-qui, đặt bàn Phản-điếm, mà người Tề không cho làm xa-xỉ. Quản Trọng mất rồi, nước Tề vẫn còn tuân theo chính-sách, thường mạnh hơn các nước chư-hầu. Sau hơn một trăm năm nữa lại có Yến-tử.

Yến Bình-trọng tên là Anh người đất Di-duy nước Lai, trải thờ ba đời vua nước Tề là Linh-công, Trang-công, Cảnh-công, lấy là người tiết-kiệm lực-hành trọng ở nước Tề. Khi làm tướng nước Tề thì ăn không trùng hai thứ

thịt, thiếp hầu không được mặc áo lụa, lúc ở trong triều vua hỏi đến thì can-ngăn nói thẳng, vua không hỏi đến thì nghiêm-khắc giữ nết cao. Khi nước có đạo thì thuận theo mệnh, khi nước vô-đạo thì cân-nhắc mệnh trời, vì thế ba đời được hiển tiếng ở các nước chư-hầu. Việt Thạch-Phủ là người hiền bị tội giam trói, Yến-tử đi ra gặp ở đường, liền cởi cỗ xe ngựa, chuộc tội cho, lại trở xe đưa về nhà mà không nhận lời tạ ơn, Thạch-Phủ vào hầu ngồi đợi ít lâu mà không được tiếp. Thạch-Phủ giận xin từ-duyệt. Yến-tử vụt đứng dậy chạy ra nắm lấy áo mà tạ rằng: « Yến Anh này tuy là người bất-nhân, gỡ cho ngươi khỏi phải tai-ách, sao ngươi vội từ-duyệt thế? » Thạch-Phủ rằng: « Không phải thế, tôi nghe rằng người quân-tử chịu khuất với người không tri-kỷ, mà được thân với người tri-kỷ. Đương khi tôi ở trong trói buộc là vì kẻ kia không biết tôi; nay tiên-sinh đã cảm-ngộ mà chuộc tội cho tôi, thế là người tri-kỷ của tôi, người tri-kỷ mà lấy vô-lễ đối với tôi, thà tôi ở trong trói buộc còn hơn! » Yến-tử nghe lời nói liền đón làm bậc thượng-khách.

Khi Yến-tử làm tướng nước Tề, ngự xe ra chơi, vợ người đánh xe lén trong cửa sổ ròm thấy chồng đương cầm cương đánh xe cho quan tướng, trên che lọng to, tay giật cương ngựa, anh chồng ta ra bộ ý-khí dương-dương tự-đắc. Sau khi anh chồng trở về rồi người vợ nói với chồng xin bỏ đi. Chồng hỏi cớ sao? Vợ nói rằng: « Tôi xem ông Yến-tử kia thân dài chẳng đầy sáu thước, mà làm tướng nước Tề, hiển-danh ra các nước chư-hầu; thế mà tôi xem khi ông ấy ngự xe ra, chí-lự kín-đáo, hình như vẫn có ý khiêm-tốn. Nay anh thân dài tám thước, lại làm đầy tớ đi đánh xe cho người, thế mà coi cái ý anh đã lấy làm tự-túc mà không biết xấu-hổ, bởi thế thiếp này mới xin đi. » Từ đấy người chồng nghe lời lại càng khiêm-tốn, Yến-tử lấy làm lạ mà hỏi, người đánh xe cứ thưa thực, Yến-tử bèn tiến lên cho làm quan Đại-phu.

Lời bàn của Lâm Tây-Trọng. — Đời vẫn đều khen Quản Trọng Yến-tử hai người, Quản-trọng thì lựa theo đường yêu ghét của thế-tục, bàn luận vừa phải mà dễ làm, vậy nên thành được nghiệp bá là vì thế, nhưng mà không hay dời thói đổi tục khiến cho vua nên được nghiệp vương cũng vì thế. Yến-tử trải thờ ba đời vua đều không được hiền như vua Hoàn-công, thế mà Yến-tử làm hết công-phu cũng hiển được danh tiếng. Còn như họ Trần cướp mất nước Tề dẫu biết rõ mà không thể chống-chế được, là vì lại không đồng-thời. Trong truyện có kể những chuyện Bão-Thúc biết người và những lời nói của Thạch-Phủ với vợ người đánh xe, đều là những việc dật-sự cả, thế mà tả được dị-dạng sinh hoạt, lời tán cũng thiết-đáng không thể đổi được.

Trương Nghi vào nước Tần làm kẻ khách-khanh

Trương Nghi là người nước Ngụy, khi xưa cùng với Tô Tần đều học Quỉ-cốc tiên-sinh cùng học về mưu-thuật. Tô Tần tự biết mình không bằng Trương Nghi. Trương Nghi đã thôi học bèn đi du-thuyết các nước chư-hầu, thường đi hầu tướng nước Sở uống rượu, tướng nước Sở đánh mất ngọc bích. Kẻ môn-hạ ngờ cho Trương Nghi, nói rằng: « Nghi là đứa nghèo mà vô-hạnh tất nó ăn trộm ngọc bích của tướng-quân. » Liền bắt Trương Nghi đánh cho mấy trăm roi, tra hỏi mãi Trương Nghi không nhận, rồi được tha. Người vợ bảo Nghi rằng: « Than ôi! Thôi anh đừng học đi du-thuyết nữa, nếu không thế thì sao phải cái nhục này! » Trương Nghi bảo vợ rằng: « Hãy xem cái lưỡi tôi còn không? » Vợ cười rằng: « Lưỡi vẫn còn đấy! » Nghi rằng: « Thế là đủ! »

Khi Tô Tần đã đến du-thuyết vua nước Triệu, vua Triệu dùng cho làm tướng, Tô Tần đi bảo các nước chư-hầu cùng hợp lại lập ước hợp-tung, nhưng lại sợ nước Tần đánh các nước chư-hầu mà làm bại mất tung-ước, nghĩ mãi chửa tìm được ai khá, khiến cho vào nước Tần. Bèn khiến người đi đến nơi dụ Trương Nghi rằng: « Nhà ngươi trước có quen với Tô Tần, nay Tô Tần đã được làm tướng nước Triệu, nhà ngươi sao không đến chơi để cầu tỏ cái ý-nguyện của mình. » Trương Nghi nghe lời đến nước Triệu vào yết-kiến Tô Tần. Tô Tần đã dặn những kẻ môn-hạ không bẩm đạt cho vào vội, lại giữ lại không cho đi đến vài ngày, rồi mới cho vào yết-kiến, phải ngồi ở dưới thềm, đãi ăn như là kẻ bộc-thiếp, rồi lại kể tội mà trách rằng: « Tài-năng như nhà ngươi mà nay phải chịu khốn-nhục đến như thế, ta đây không phải không hay nói để làm phú-quí cho nhà ngươi, nhưng nhà ngươi không đủ thu-dùng được. » Xin từ-tạ mời bác đi. Trương Nghi mà đến nước Triệu cũng nghĩ rằng lại chơi với cố-nhân để cầu giúp đỡ, không ngờ lại bị nhục, giận lắm, nghĩ các nước chư-hầu không thể giúp nước nào được, chỉ có nước Tần là hay làm hại được nước Triệu, bèn đi vào nước Tần, Tô Tần liền gọi kẻ xá-nhân bảo rằng: « Trương Nghi là kẻ hiền-sĩ trong thiên-hạ, ta không bằng được, nay ta may đã đắc-dụng trước, còn chỉ có Trương Nghi là hay đủ tài dụng được ở nước Tần, nhưng Trương Nghi nghèo quá, không bởi đâu mà tiến được. Ta chỉ sợ rằng ham lợi nhỏ mà không được toại-chí, cho nên Triệu lại dây làm nhục để cho khích giận, ngươi nên vì ta đi theo mà ngấm-ngầm giúp đỡ cho Trương Nghi. » Tô Tần bèn nói với vua Triệu phát cho vàng lụa ngựa xe, sai người ngầm đi theo Trương Nghi cùng ngủ một nhà trọ, dần dần làm quen tới đến gần rồi giúp cho ngựa xe, bỏ tiền ra để cho Trương Nghi muốn tiêu dùng bao nhiêu thì lấy, chứ không nói gì cả. Trương Nghi mới được vào yết-kiến vua nước Tần. Vua Huệ-vương nước Tần dùng cho làm kẻ khách-khanh, cùng mưu-mô để đánh các nước chư-hầu. Kẻ xá-nhân của Tô Tần mới xin từ trở về. Trương Nghi nói rằng: « Nhờ nhà ngươi được hiển-đạt, đương mong báo ơn, sao ngươi vội đi thế? » Xá-nhân nói rằng: « Tôi không phải biết ông, biết ông là ông Tô-quân kia đấy, Tô-quân chỉ lo nước Tần đánh nước Triệu làm bại mất tung-ước; nghĩ rằng trừ-phi ông ra thì không ai hay giữ được quyền-chính nước Tần, cho nên mới làm tức ông, lại sai tôi đi theo ngầm để giúp đỡ tiền của cho ông, nay đã làm xong cái mưu-kế của Tô-quân rồi, mà ông đã đắc-dụng rồi thì tôi xin về báo tin. » Trương Nghi nói rằng: « Than ôi! Ta bấy lâu vẫn ở trong mưu-mẹo ông Tô-quân mà không biết, ta thực không bằng Tô-quân. Ta nay mới đắc-dụng đã rồi đâu mưu đến nước Triệu, xin vì tôi về tạ Tô-quân rằng: « Đương đời Tô-quân còn làm tướng thì Nghi này không dám nói đến việc đánh nước Triệu, vả Tô-quân còn thì Nghi này sao địch bằng được. » Trương Nghi đã được làm tướng nước Tần, mới làm tờ hịch truyền sang bảo tướng nước Sở rằng: « Trước kia ta theo ngươi uống rượu, ta không ăn trộm ngọc bích của ngươi, mà ngươi đánh ta, ngươi khéo giữ nước ngươi đó, ta sắp sửa sang cướp lấy thành-trì của ngươi. »

Lời bàn của Lâm Tây-Trọng. — Tô Tần, Trương Nghi vốn không có cái học kinh-tế gì, chỉ học cái thuật khép mở của Quỉ-cốc, để đi dò xét ý-tứ các vua chư-hầu, rồi nghênh-hợp mà vớ lấy phú-quí, lại khéo mồm mép để giúp thêm vào. Cứ thời-thế đời Chiến-quốc bấy giờ thì vua các nước chỉ cần dùng cái kế-sách

hợp-tung hoặc liên-hoành. Nhưng lấy cái thế mạnh yếu mà so ra thì hợp-tung khó, mà liên-hoành dễ. Tô Tần đã đắc-dụng ở nước Triệu nên phải dùng cái kế hợp-tung là cái kế khó. Song sau khi tung-ước đã thành rồi thì nước Tần tất đem binh ra đánh các nước chư-hầu để phá bại cái tung-ước ấy đi, nếu không có người đồng-tâm với Tô Tần vào tọt được nước Tần mà giữ lấy quyền-chính, thì cái tung-ước mới ăn thề ở trên sông Cẳng-thủy cũng đến tan mất thôi. Trương Nghi tuy là bạn với Tô Tần, nếu hay đủ tiền tư-cấp để vào được nước Tần, làm nên khanh-tướng, thì có khi lại làm phá mất cái thuật của Tô Tần, cũng như là Bàng Quyên với Tôn Tẫn, Lý Tư với Hàn Phi, trước cũng đều cùng học một thầy mà sau lại mưu hại lẫn nhau, ấy cái phong-khí đời Chiến-quốc vẫn thế chứ không lạ gì. Tô Tần chỉ khéo tại lúc giả cách làm nhục, rồi lại ngấm-ngầm giúp đỡ, một tấm lòng khổ-trung của Tô Tần lại tự miệng kẻ xá-nhân nói ra, khiến cho Trương Nghi phải cảm ơn lại phục cái trí khôn, mà phải chịu Tô Tần. Xem như lời Trương Nghi rằng nếu Tô-quân còn thì không dám địch Thế thì biết sau khi Tô-quân mất tất là phá cái mưu của Tô-quân vậy.

Đ-C. dịch

THI CA MỚI

Tu

Tuy không đầu tóc chẳng cơm chay,
Tu được như ta mấy kẻ tầy;
Tu chỉ học-hành theo đạo chính,
Tu đường ngôn-hạnh giốc lòng ngay;
Tu noi thánh Khổng vui điều thiện,
Tu tựa thầy Tăng xét việc ngày;
Mỗi tuổi mỗi tu, tu mãi mãi,
Càng tu càng vững dạ không lay.

Ngẫu-tác

Lâm-tuyền thành-thị đến bây giờ,
Lần lữa thành Ninh chốc tám thu;
Rèn lũ con em dân nước mới,
Chăm bề đèn sách nghiệp nhà nho;
Non sông gánh nợ vai còn nặng.
Cúc dục ơn sâu dạ dám sơ;
Hai chữ quốc-gia in trí-não,
Chẳng tu như thế cũng là tu.

Gửi cho bạn

Một bức hoa tiên mở lại phong,
Nhờ ai gửi đến bạn đồng-song;
Bấy lâu tin tức sao im vắng,
Hồ-hải bao phen mảng vẫy-vùng.

Hồ-hải bao phen mảng vẫy-vùng,
Vẫy vùng nay bắc lại mai đông;
Nước non muốn tính vuông tròn cuộc,
Dò đến đầu nguồn với lạch sông.

Anh đồ

Mặc người chê kiết kẻ chê gàn,
Cũng tiếng anh đồ với thế-gian;
Gàn rõ như mình gàn đến nước,
Kiết ai bằng tớ kiết mà gan;
Giàu sang luồn cúi gàn không thiết,
Trăng gió vui chơi kiết vẫn nhàn;
Gặp hội rồng mây đành có lúc,
Mặc người chê kiết kẻ chê gàn.

Đất khách đêm xuân

Trông vời phần-tử biết đâu là,
Đất khách đêm xuân ta với ta;
Thấp-thó bông hoa, hoa cợt nguyệt,
Lờ-mờ bóng nguyệt nguyệt ròm hoa;
Sương gieo ngọn cỏ dầm-dầm ướt,
Gió lọt song-thư thoảng-thoảng qua;
Cảnh đấy người đây tình luống những,
Nghĩ đường gần lại nghĩ đường xa.

Đêm thu nhớ bạn

Trên án sách ngọn đèn le lói,
Người đã buồn cảnh lại buồn thêm.
Lào-rào gió thổi lay rèm,
Rì-rầm dế mách quanh thềm gióng nhau;
Một mình lúc đêm thâu trằn-trọc,
Càng thức lâu giờ khắc càng lâu,
Trống đâu văng-vẳng bên lầu,
Trống lầu nghe đánh mạch sầu như khêu;

Buồn giở rượu bình meo chén mốc,
Buồn ngâm thơ miệng đọc tai nghe;
Rượu thì vắng bạn tương-tri,
Lấy gì làm thú lấy gì làm vui;
Dây đàn lựa lựa thôi lại xếp,
Cuộc cờ bày bày kíp xóa luôn;
Cầm kỳ nghĩ cũng dơ tuồng,
Vì xa vắng bạn nên xuông-xã tình;
Trách con tạo đành-hanh quá thế.
Đem gánh tình bỗng xẻ làm hai;
Trông trăng lại nhớ đến người,
Nào lời non-nước nào lời sắt son;
Ước gì được giang-sơn xoay lại,
Để đấy đây ta lại xum vầy;
Vui kia bù với tẻ này.
Gió trăng cho bỗ bấy chầy nhớ-nhung,
Lòng này ai tỏ hỡi lòng.

Vịnh cái máng nước

Đường-đường mười thước tấm thân này,
Hiền-hách công-lao mấy kẻ tầy;
Gặp buổi nước nhà đương gió bụi,
Quyết đem gan ruột dãi trời mây;
Bốn phương theo thuận đầy trong cõi,
Một mối thu về tựa trở tay;
Đâu đấy đã quang vầng hóa-nhật,
Thảnh-thơi cao-ngọa chốn hiền-tây.

BÙI HỮU-YÊN

.•.

Tự-thuật

I

Tuổi đã năm mươi có lẻ rồi,
Cõi đời ngán lắm chị em ơi!
Sách tàn mấy quyển ngày khuya sớm,
Nhà rách dăm gian buổi đứng ngồi;
Lạnh-lẽo trời thu cơn gió thoảng,
Thẹn-thùng đêm vắng bóng trăng cười;
Nào người tri-kỷ ai ai đó,
Ai đó xin ai nhắn một lời.

II

Ai đó xin ai nhắn một lời,
Nào khi đèn sách khách vui chơi;
Cuộc đời mới cũ người thay đổi,
Đường lợi bon chen lối ngược xuôi;
Mây phủ lưng trời xanh lẫn trắng,
Cát duềnh mặt bể vũng nên đồi;
Trăm năm tuổi thọ đà bao tá,
Giàu khó hơn nhau một tiếng thôi.

Con mèo già

Trải mấy công lênh với chủ nhà,
Đến nay tuổi tác mới nên già;
Mắt tinh khóe tối từng xua chuột,
Miệng nhạt mùi ngon dám đuổi gà;
Đài-các tha-hồ khi nhảy-nhót,
Nắng mưa xá quản lúc vào ra;
Già già nhưng vẫn không ra cáo,
Ra cáo là phường khác giống ta.

Cốc-giang : BÙI MỘ-VŨ

.•.

Cảnh nhà nghèo hôm ba-mươi tết

Mai là mồng một tết rồi đây,
Thu xếp mau đi chú mợ mày;
Bánh-trái gói không, không gạo gói,
Áo quần may chửa, chửa tiền may;
Lương ăn vừa hết còn đương chạy,
Nợ giả chưa xong ấy mới gầy;
Túng bấn chẳng qua trong buổi nữa,
Sớm mai ta đã gật-gù say.

Tự-thuật

Ngảnh đi ngảnh lại chửa là bao,
Ngày tháng thoi đưa mới lúc nào;
Năm mới chẳng hay người có mới,
Tuổi cao chắc hẳn chí càng cao;
Công-danh một lối coi mà ngán,
Học-vấn đôi đường biết tính sao;
Thôi chẳng «nho» thì «y» cũng được,
Phong-trần quyết đánh một con dao.

BÙI HUY-VÂN

.•.

Nỗi mình

Mưỡu

Trót sanh ra phận làm trai,
Nợ đời phải trả cùng ai cho rồi;
Nỗi mình mình biết thì thôi.
Dở hay chẳng nệ lở bồi không ghê.
Tang-bồng gánh nặng,
Buổi ra đi mình dặn lấy mình;
Tấn tuồng đời nhiều lớp thấy thêm kinh,

Đừng thối-chí vả chớ sinh lòng chán ;
Ngựa ký phải đường dài mà ngán,
Chim hồng dầu hay nản sức bay ;
Sanh làm người có dở có hay,
Hay dở dở hay chưa biết chắc ;
Xúc mục bất phân giai tiếu xuân
Kiến cơ nhi tác hưu ngôn gian ;
Cũng đừng hờn lại cũng chớ nên than,
Bền chí để thi gan cùng lão Tạo ;
Miễn tâm hảo có cần gì mạng hảo,
Giữ nẻo ngay là đạo của trời,
Quyết đem thân trả nợ đời !

Cô gái kén chồng

(*Dịch thơ tây*)

Cô ả nọ lắm tự - đắc,
Tính kén chồng chọn mặt anh-tài ;
Giỏi người mà lại tốt trai,
Chẳng ghen chẳng phụ cả hai trọn lành;
Cô còn muốn cho anh chồng đó,
Chẳng tài nào chẳng có trong mình ;
Trời xanh khen cũng vị tình,
Thiếu chi khách quí rập-rình cầu duyên;
Cô tự-đắc thầm riêng không xứng,
Rằng ta đây dầu khứng bọn này ;
Hồ thay giở chuyện bài-bây,
Hay là sắp ấy có ngây-ngốc gì ;
Chê đủ chuyện không chi làm đẹp,
Anh kia ngu, anh hẹp tài-ba.
Chú này lỗ mũi xấu-xa,
Cả trong một đám chẳng ra cóc gì ;
Bậc khách quí không bì cô ả,
Đám trung-lưu vội-vả đưa vào ;
Cô ta ngảnh mặt cười dài,
Mình tiên đâu khứng những loài vậy sao?
Thà ở lỡ không trao duyên bậy,
Chịu lạnh-lùng đành vậy cũng ưng ;
Nghe rồi ai chẳng dửng-dưng,
Từ đây cô ả lưng chưng dữ à . . .
Thì tiết đổi hết xuân sang hạ,
Ôi ! cô ta buồn-bã xiết bao ;
Lần thâu héo liễu phai đào,
Nết nào còn thắm vẻ nào còn ưa ;
Ai đâu dám đong-đưa đến nói,
Sợ cô còn quen thói chê-bai ;
Để cho ngày lụn tháng ngày,
Hình-dung tiều-tụy mặt mày xấu-xa ;
Nhà hư nát người ta còn chữa,
Mặt cô nhăn biết sửa sao rày ;
Soi gương gương những tỏ bày,
Này mau cô phải kiếm ngay anh chồng ;
Xót-xa bấy tơ lòng bận-bịu,
Đến nước này còn liệu sao đây ;
Thôi thôi cô phải làm trây,
Đánh liều rước phất chú ngây làm chồng.
It lời nhắn khách má-hồng ! . . .

Cô gái góa chồng

(*Dịch thơ tây*)

Cô gái lịch giữa chừng chồng thác,
Thương thân cô chếch-mác một mình ;
Ngày đêm ra dáng sầu-tình,
Than than kể kể vóc hình ốm o ;
« Ôi ! trách bấy con dò tạo-hóa,
Ghét ghen chi làm rã đôi duyên ;
Muốn theo xuống chốn cửu-tuyền,
Đặng cho khỏi phụ lời nguyền khi xưa. »
Cha cô mới sớm trưa khuyên giải,
Rằng : « Thôi con, con hãy bớt sầu ;
Dẫu cho có khóc còn đâu,
Hơi nào con kể những câu bi-tình ;
Hay gì đó mà mình sầu-thảm,
Nghe lời cha con giảm cơn phiền ;
Còn xuân con hãy còn duyên,
Rồi đây con há nằm riêng đặng à ! ?
Này con trẻ cha già hứa chắc,
Để rồi cha chọn mặt trai tơ ;
Kết duyên với trẻ còn thơ,
Làm khuây con chớ sầu vơ mệt lòng ».
Nàng nghe nói nhỏ ròng giọt lụy :
« Con thương chồng quyết chí ở vầy ;
Biết sao giảm mối sầu tây,
Chàng ơi, chàng biết lòng đây chăng chàng ! »
Lần tay tính xuân sang hạ lại,
Cô góa kia đâu phải như xưa ;
Áo quần kiềng chuỗi đong-đưa,
Mê tơi trận giỡn, say sưa trận cười ;
Nghĩ mình chẳng mấy mươi dư tuổi,
Khật gì mà bỏ buổi đào non ;
Ngày đêm hằng hỏi ren đon,
« Này cha, cha hứa với con những gì ?
Trai tơ nay lại đâu, đi . . . ? »

HÀNG-THUẬN-ĐẶNG

(*Nam-kỳ*)

DỊCH VĂN TÂY

La mort

...Ici commence la pleine mer. Ici commence l'admirable aventure, la seule qui soit égale à la curiosité humaine, la seule qui s'élève aussi haut que son plus haut désir. Accoutumons-nous à considérer la mort comme une forme de vie que nous ne comprenons pas encore, apprenons à la voir du même œil que la naissance, et l'attente bienheureuse qui salue celle-ci suivra bientôt notre pensée pour s'asseoir avec elle sur les marches du tombeau. Supposez que l'enfant, dans le sein de sa mère, soit doué de quelque conscience ; que des jumeaux, par exemple, y puissent d'une façon obscure, échanger leurs impressions et se communiquer leurs craintes et leurs espérances. N'ayant jamais connu que les tièdes ombres maternelles, ils ne s'y sentiraient pas à l'étroit ni malheureux. Ils n'auraient probablement d'autre idée que de prolonger le plus longtemps possible cette vie d'abondance sans soucis et de sommeil sans surprises. Mais si, comme nous savons que nous devons mourir, ils n'ignoraient pas qu'ils doivent naître, c'est-à-dire quitter brusquement l'abri de ces douces ténèbres, abandonner sans retour cette existence captive mais paisible, pour être précipités dans un monde absolument différent, inimaginable et sans bornes, quelles ne seraient point leur inquiétude et leur épouvante ! Il n'y a cependant aucune raison pour que nos inquiétudes et nos épouvantes soient plus justifiées et moins ridicules. Le caractère, l'esprit, les intentions, la bienveillance ou l'indifférence de l'inconnu auquel nous sommes soumis, ne se transforment point de notre naissance à notre mort. Nous demeurons toujours dans le même infini, dans le même Univers. Il est tout à fait raisonnable et légitime de se persuader que la tombe n'est pas plus redoutable que le berceau. il serait même légitime et raisonnable de n'accepter le berceau qu'en faveur de la

Sự chết

...Đến cõi chết là bước chân vào chốn bể khơi. Đây mới bắt đầu cuộc phiêu-lưu kỳ-ngộ, thật là thỏa-thích cho cái tính hiếu-kỳ của loài người, bấy lâu ước-ao mong-mỏi. Ta nên tập quen coi sự chết như một cái trạng-thái của sự sống mà loài người còn chưa hiểu ; ta nên tập đem con mắt quan-sát sự sinh mà quan-sát sự tử, thời sẽ thấy sự sinh ngóng trông mong-mỏi thế nào, rồi sự tử ta cũng sẵn lòng chờ đợi thế ấy. Nay giả-thiết đứa con đỏ từ khi ở trong bụng mẹ, đã có ý-thức rồi ; giả-thiết có hai đứa sắp sinh đôi, còn ở trong bụng mà đã có một cách u-ẩn thông tỏ cho nhau biết nỗi lòng lo-sợ ngóng-trông thế nào. Bấy nay chỉ biết cái hoàn-cảnh ấm-áp mà tối-tăm, là nơi bụng mẹ đó, chắc không lấy làm chật-hẹp khốn-khổ gì. Có lẽ chỉ có cái tư-tưởng cứ muốn được ở như thế mãi, ngủ kỹ ăn no, vô lo vô lự. Nhưng nếu hai đứa trong thai đó nó biết rằng nó phải sinh ra đời, cũng như ta biết rằng ta phải chết, nghĩa là ví nó biết rằng roi nhất-đán nó phải dời cái cõi tối-tăm ấm-áp đó, bỏ hẳn nơi sinh hoạt chật-hẹp và yên-ổn đó, không bao giờ lại trở về nữa để xô-đẩy vào một cái thế-giới khác hẳn, không thể tư-lường, không có giới-hạn, thời nó kinh-hoảng sợ-hãi biết dường nào ! Nay ta đối với sự chết mà cũng kinh-hoảng sợ-hãi, thời có khác gì đứa con đỏ trong thai đó, thiệt cũng vô-lý và nực cười thay ! Cái mang-nhiên nó bao-bọc ta, tính-cách nó, tâm-trí nó, ý-hướng nó, nó khoan-nhân hay nó vô-tình thế nào, thời khi ta sinh ra với khi ta chết đi cũng vẫn thế, nào có thay đổi. Trước sau ta vẫn ở trong một khoáng vô-cực, trong một vòng vũ-trụ đó. Ta có thể cho là sự tử cũng không đáng ghê sợ gì hơn sự sinh, tưởng cũng có lý và chánh-đáng lắm. Không những thế, ta lại nên chỉ vì sự tử mà

tombe. Si, avant que de naître, il nous était permis de choisir entre le grand repos du néant et une vie que ne terminerait point l'heure magnifique de la mort, qui de nous, sachant ce qu'il devrait savoir, admettrait l'inquiétant inconnu d'une existence qui n'aboutirait pas au rassurant mystère de sa fin ? Qui de nous souhaiterait descendre en un monde qui ne lui apprendra que peu de chose, s'il ne savait qu'il est nécessaire d'y entrer pour être à même d'en sortir et d'en apprendre davantage ? Le meilleur de la vie, c'est qu'elle est l'unique chemin qui nous mène à l'issue féérique et dans cet incomparable mystère où malheurs et souffrances ne seront plus possibles, puisque nous aurons perdu l'organe qui les élaborait, où le pire qui nous puisse advenir c'est le sommeil sans rêves que nous comptons au nombre des plus grands bienfaits de la terre, où enfin il est presque inimaginable qu'une pensée ne survive pour se mêler à la substance de l'Univers ; c'est-à-dire à l'infini qui, s'il n'est pas une mer d'indifférence, ne saurait être qu'un Océan de joie.

MAURICE MAETERLINCK

nhận sự sinh, cũng là có lý và chánh-đáng nữa. Nếu trước khi sinh ra đời, ta được quyền kén chọn, một là được vĩnh-viễn nghỉ-ngơi trong cõi nát-bàn, hai là cứ sống mãi không có ngày nào chết thời thử hỏi ai là người đã biết cái nông-nỗi ở đời là thế thế, mà lại cam-tâm chịu đeo-đẳng mãi trên đời, không có ngày được tiêu-diệt giải-thoát ư ? Trò đời có gì là hứng-thú, giá ta không biết rằng cần phải qua cái kiếp người rồi mới siêu-thoát được cõi đời mà biết sự đời hơn, thời ai là người muốn sinh hạ xuống trần-gian này làm gì ? Đời người chỉ có một cái hay, là dự-bị cho ta đến cái thời-kỳ đó, vì là con đường độc-nhất cho ta tới cõi nát-bàn, tới cái cõi mầu-nhiệm kia là nơi không có sướng, không có khổ gì nữa, vì cái máy để gây ra sự sướng sự khổ đã tiêu đi mất rồi, vào cõi đó thời cho dẫu khổ nhất là đến thiếp đi như giấc ngủ không chiêm-bao, cái khổ ấy ở đời này cũng còn cho là một cái sướng đệ-nhất vậy: vả vào đấy, không có lẽ tịch-diệt đi hết cả mà không còn lại một chút tư-tưởng gì, để hỗn-hợp với cái bản-thể của Vũ-trụ, tức là cõi vô-cực kia, nếu không phải là bể vô-tình, tất phải là miền cực-lạc vậy.

HỒNG-NHÂN *dịch*

Lời bàn thêm. — Người đời hay sợ chết, là vì chửa xét cho đến cùng lẽ. Chết có chi mà đáng sợ ? Phàm giống sinh-vật hễ được chỗ nào ăn no ngủ kỹ thì cho là hoàng-kim-thế-giới rồi, phải rời đi chỗ khác lấy làm khốn-nạn lắm. Nhưng người ta là giống vật có tư-tưởng, vậy thử nghĩ xem. Đứa con đỏ còn trong bụng mẹ, nếu nó đã có ý-thức rồi, tất nó cho nơi bụng mẹ nó là hoàng-kim-thế-giới rồi đó, nó nghĩ đến ngày phải chui trong bụng ra, nó lo-lắng sợ-hãi không biết dường nào, không biết rằng ở bụng mẹ ra là vào một thế-giới khác rộng-rãi sáng-sủa hơn. Chúng ta cũng vậy ; chúng ta ở trong cái khổ-hải là cõi đời này, tức cũng như con đỏ ở trong thai mẹ ; chết đi là thoát cõi đời này mà vào một cõi đời khác có lẽ thảnh-thơi sáng-sủa hơn, thế mà ta lại sợ cái chết thì có khác gì đứa con đỏ sợ ra đời không ? — Người đời đã hay sợ chết, giá ông Tạo-Vật muốn chơi khăm đừng cho chết nữa, cứ để lăn-lộn mãi trong cái bể khổ này, xem có van lạy mà chết không !

Ôi ! sống cũng nhọc thay !

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới. — *Âu-châu gần đây chỉ thấy băn-khoăn cầu sự hòa-bình, các nhà chính-trị lúc nào cũng chỉ thấy dụng-công ngăn-ngừa cho khỏi sinh ra việc chiến-tranh,xem đó thì biết cái nguy hiểm chiến-tranh vẫn còn là sự nguy-hiểm hàng ngày cho các nước Âu-Tây vậy. Cũng may mà mấy năm nay chưa có nước nào đến quyết-liệt với nhau một lần nữa, nhưng mà những duyên-cớ thành ra việc chiến-tranh được không phải có thiếu gì, chỉ nhờ các nhà ngoại-giao khéo điều-đình, cho nên chưa đến vỡ lở ra được. Cứ xem cuộc thảo-luận ở hội-nghị dự bàn về vấn-đề tài-giảm binh-bị, thì đủ biết cái trách-nhiệm bảo-hòa của hội Vạn-quốc nặng-nề khó-khăn biết dường nào — Nay ở Âu-châu, thời việc xung-đột nước* Italie *với nước* Yougo-Slavie *cũng đủ tỏ ra cái vấn-đề hải-cảng ở biển* Adriatique *và vấn-đề dân-tộc ở bán-đảo* Balkans *thật là gian-nan phiền-phức vô-cùng. Lại nước* Hollande *không chịu ký thương-ước với nước* Belgique, *cũng là một câu chuyện có can-hệ to đến thời-cục cả miền trung-bộ Âu-châu. — Sau nữa Á-Đông có việc nước Tàu, vì đảng cách-mệnh công-nhiên kết-liên với Nga để phản-đối lại Anh, nên không phải là việc nội-loạn một nước nữa, mà thành một vấn-đề quốc-tế, cũng khó lòng mà giải-quyết ngay cho êm xuôi được.*

Nói về Hội Vạn-quốc. — *Hội-nghị Hội Vạn-quốc họp hội-đồng tháng ba ở* Genève *phải giải-quyết hai việc như sau này : việc địa-hạt sông Sarre và việc trường học ở đất* Haute-Silésie. — *Việc địa-hạt sông Sarre là nước Đức xin cho rút quân Pháp đóng ở đấy về, định cách tuần-phòng các đường xe lửa, và nhân thể giải-quyết sự phân-tranh của các ủy-viên trong hội-đồng cai-trị hạt ấy với chánh-ủy-viên đầu hội-đồng.*

Hội-nghị Hội Vạn-quốc quyết-định rằng quân Pháp sẽ dời địa-hạt ra đóng ở địa-giới, để lâm-thời có cần phải can-thiệp vào mà giữ trật-tự hay giữ trị-an ở trong hạt, thì sẽ có sẵn-sàng ngay đó ; còn việc tuần-phòng các đường xe lửa thì sẽ giao cho một đội quốc-tế cảnh-binh tám trăm người trông nom. Đến việc hội đồng cai-trị, thì chánh-ủy-viên đứng đầu hội-đồng trước đã có đơn xin từ-chức, nay thuận rút đơn về và lại chủ-trương việc hội-đồng như cũ. — Việc các trường ở Haute-Silésie *thời quan-trọng hơn, vì đất này trước của Đức nay sáp-nhập về* Pologne, *hiện người Đức và người* Pologne *vẫn ở tạp đấy với nhau. Cứ theo điều-ước sáp-nhập thì đã nói rõ rằng những con em người dân Đức ở đấy sẽ đặt trường riêng cho mà học không phải cưỡng-bách học trường nhà-nước và học tiếng* Polonais. *Nay ở hạt* Haute Silésie *phần nhiều các công-nghệ lớn đều ở trong tay người Đức cả, các chủ công-nghệ xui giục những thợ có con đi học, bất-cứ là người Đức người* Pologne, *nên cho con theo học trường Đức hết. Cách giáo-dục ở các trường Đức ấy chỉ chủ cổ-động cho nước Đức, không hề dạy gì đến quốc-sử của* Pologne, *có ý khiến cho bọn con trẻ* Pologne *ấy quên nước mình mà theo nước Đức. Chính-phủ* Pologne *thấy thế cho điều-tra sát-hạch kỹ lại thì thấy trong tám nghìn năm trăm đứa trẻ cho biên tên vào trường Đức thời năm nghìn đứa chính là con người*

Polonais, *bèn hạ-lệnh bắt về học trường nhà nước không được học trường Đức. Đức không chịu, làm giấy kháng-nghị, thành ra sự xung-đột hai nước, xưa nay vốn vẫn đã không hòa-thuận với nhau. Hội Vạn-quốc xử việc này không cho hẳn bên nào thua bên nào được, nhưng cũng công-nhận là các chủ xưởng Đức có ép những thợ-thuyền trong xưởng mình cho con vào học trường Đức; hội Vạn-quốc có ủy cho một hội-đồng độc-lập để xét cho kỹ những trẻ nào thật là cha mẹ Đức thì mới được học trường Đức. — Trong khi hội Vạn-quốc họp thì ngoại-trưởng Đức* Stresemann *với ngoại-trưởng Ba-lan* Zaleski, *hai người có tiếp chuyện riêng với nhau định rằng cuộc thương-thuyết của hai nước về kinh-tế trước đã bị đình-hoãn lại thì nay lại sẽ tiếp-tục cho đến kết-quả. Như vậy tức cũng là đã phá tan được một đám mây mưa đương u-ám một góc trời trong cõi Đông-Âu vậy. Nói tóm lại thì tuy đảng quốc-gia ở các nước cứ báng-bổ Hội Vạn-quốc, nhưng Hội Vạn-quốc cũng từng làm được việc chứ không phải vô-ích gì. Trong bấy nhiêu việc đều có quan-hệ đến nước Đức, thì ngoại-trưởng Đức* Stresemann *trước sau vẫn giữ được đúng cái «tinh-thần* Locarno» *và phàm thương-thuyết điều gì đều được chính-phủ và Nghị-viện nước mình duyệt-y cả, cho nên mọi mối phân-tranh với các nước đều đã giải-quyết được yên-ổn cả.*

Xong kỳ hội-nghị thường của Hội Vạn-quốc thì họp đến kỳ hội-nghị dự bàn về vấn-đề tài-giảm binh-bị. Đại-biểu nước Anh là ông Robert Cecil *thì bày tỏ ý-kiến của chính-phủ Anh về vấn-đề đó như sau này: Việc giảm binh-bị là phải giảm cả số lục-quân thường-bị, cả số lục-quân trừ-bị (lời bàn này là có ý đối lại với cái luật-án về quân trừ-bị mà đại-đa-số trong Nghị-viện Pháp vừa quyết-nghị mới rồi); — đại-biểu Anh lại bàn rằng trong việc giảm binh-bị này là chỉ nói về lục-quân mà thôi, chứ không kể đến hải-quân cùng những đội tàu bay thuộc về hải-quân. Đại-biểu Pháp là ông* Paul-Boncour *thì bày giải cái thuyết của chính-phủ Pháp có ý khác hẳn. Thuyết này bàn chỉ nên tài-giảm cái số quân-bị thường-trực mà thôi, và trong việc giảm binh-bị này là kể cả lục-quân hải-quân, không-trung-quân, chứ không phải riêng một hạng nào. Cứ như dư-luận nước Pháp thì chính-phủ Pháp sẵn lòng định giảm số quân thường-bị, là quân xung-đột, nhất-đán có thể gọi, để ra áp-chiến được ngay, quân ấy mới thật là nguy-hiểm cho sự hòa-bình, mà Pháp chịu như thế cũng đã là nhượng-bộ cho cái chủ-nghĩa hòa-bình lắm rồi; còn đến quân trừ-bị là quân dự đặt sẵn để đến khi nào xảy ra việc chiến-tranh rồi mới gọi đến để ra chông giữ cho nước nhà, thì quân này là chánh-đáng lắm, không có phương-hại gì cho cái chủ-nghĩa hòa-bình cả. Pháp không khi nào chịu để cho hạn-chế đến hạng quân đó. Pháp lại yêu-cầu rằng đã định giảm-binh thì bất-phân là lục-quân hải-quân, máy bay hay tầu lặn nhất-thiết đều phải thuộc vào lệ tài-giảm cả, vì rằng nói riêng về máy bay thì trong các khí-giới ngày nay không có thứ gì mạnh bằng, một đội tàu bay có thể triệt-hạ một xứ chỉ trong khoảng vài tuần-lễ, nguy-hiểm cho sự hòa-bình biết bao nhiêu. Pháp lại muốn xin phân-biệt quân bản-bộ với quân thuộc-địa, quân bản-bộ là quân ở mẫu-quốc thì mới thuộc lệ tài-giảm như trên kia, còn những quân dùng để giữ trị-an trật-tự ở các thuộc-địa thì phải để ngoài lệ đó. Xem như thế thì hai cái thuyết của Anh và của Pháp thật là trái nhau hẳn, đàng nào cũng có cái dã-tâm cả. Pháp thì không có cái chí chinh-phục gì nữa, chỉ cốt giữ lấy các thuộc-*

địa cho yên-ổn, nên mới yêu-cầu đừng đả-động đến quân thuộc-địa ; Anh thì cái mệnh-mạch trong nước là hải-quân, cho nên muốn gác bỏ hải-quân ra ngoài lệ giảm. Vả cái chính-sách của Anh gần đây đã bày ra rõ lắm, là hết sức xui-giục vận-động cho các nước có lục-quân mạnh, thứ nhất là nước Pháp, phải tài-giảm bớt cả đi, còn hải-quân thì không để cho đả-động đến, mà hải-quân chính là phần sở-trường của mình, như thế thì Anh thật là vô-địch mà thế-giới rồi cũng được hòa-bình, nhưng được hòa-bình ở dưới bá-quyền của Anh đế-quốc. Mưu đó Pháp cũng đã rõ rồi, nhưng hai bên cùng găng nhau cả, chưa bên nào chịu bên nào. Cho nên mấy kỳ hội-nghị trước bàn cũng chưa xong, kỳ này cũng không xong, và có lẽ bao nhiêu kỳ sau nữa cũng vị-tất đã giải-quyết xong cái vấn-đề tài-giảm binh-bị. Liệt-cường nước nào cũng nói rằng hiếu hòa-bình, nhưng thả ra đến thực-sự thì nước nào cũng chỉ nghĩ đến cái thế-lực riêng của mình mà thôi.

Trong khi ở Genève *Hội Vạn-quốc cử hội-đồng để xét về việc tài-giảm lục-quân, mà hội-đồng bàn không xong chuyện gì như trên kia đã nói, thì Giám-quốc Mĩ cũng đạt giấy mời năm cường-quốc có hải-quân mạnh cùng họp thành hội-nghị để bàn tài-giảm về hải-quân. Kỳ trước đã nói qua về việc này mà dự-đoán rằng việc không thể thành được, vì Pháp với Ý không chịu tham-dự hội-nghị. Tuy-nhiên, Giám-quốc Mĩ lại định rằng nếu không họp được cả năm nước, thì họp ba nước Anh, Mĩ và Nhật vậy, và Pháp với Ý đã quyết không tham-dự một cách chính-thức, thì xin cứ phái người đến bàng-thính cũng được. Điều sau đó nghe đâu Pháp với Ý cũng không thuận. Cái dã-tâm của Mĩ xướng lên cuộc hội-nghị này thì lại thò-lộ lắm nữa. Mĩ cũng là một bác nhân-nghĩa giả, mượn tên chủ-nghĩa hòa-bình để mà mưu cái bá-đồ riêng của mình. Như kỳ trước đã nói, kỳ hội-nghị Hoa-thịnh-đốn năm 1920, Mĩ đã bắt chẹt được Nhật phải giảm số đại-chiến-hạm cho kém hẳn số của mình, theo cái tỉ-lệ 5 với 3, bấy giờ tưởng đã là đắc-sách lắm rồi, không ngờ sau nghiệm ra mới biết rằng trong cuộc hải-chiến ngày nay những đại-chiến-hạm có lẽ không đắc-dụng lắm bằng khinh-chiến-hạm, mà hạng này thì hội-nghị Hoa-thịnh-đốn không hạn-chế, Nhật có quyền tự-do muốn chế ra bao nhiêu cũng được, Mĩ mới lấy làm lo, rắp mưu họp một hội-nghị thứ hai để thông-mưu với Anh, định bắt chẹt Nhật một lần nữa, nghĩa là định hạn-chế cả khinh-chiến-hạm nữa. Lại muốn mời cả Pháp và Ý để đến chứng-kiến cho cái biến-cục đó ; nhưng Nhật chắc cũng khôn, không làm ra mặt chối, biết rằng họ định thịt mình, mà vẫn cứ nhận tham-dự hội-đồng, nhưng nhận một cách lãnh-đạm mà thôi, và có yêu-cầu xin hoãn lại ít lâu đã. Nhật tất cũng đã có mưu của Nhật.*

Nói về việc Ý-đại-lợi và việc bán-đảo Balkans. – *Ngày 28 tháng 12 năm 1920, Pháp, Anh, Nhật và Ý ký một cái hòa-ước công-nhận cho nước* Roumanie *được kiêm-tính sáp-nhập đất* Bessarabie *của Nga. Điều-ước ký rồi, nhưng mỗi nước phải trình Nghị-viện bản-quốc duyệt y cả rồi mới thi-hành, trong bốn nước thì ba nước đều duyệt-y ngay, duy có nước Ý thì ký rồi mà cứ dùng-dằng mãi không chịu thừa-nhận. Nguyên là Ý đối với* Roumanie *vốn có nhiều nỗi tư-hiềm, cho nên mãi đến năm nay mới thấy tuyên-bố hoàn toàn thừa-nhận điều-ước. Hiện đầu tháng 3 đã thông tin cho các Liệt-cường biết cả. Thế là một vấn-đề tối-hệ-trọng cho nước* Roumanie, *bấy lâu làm cho nước này chỉ những nơm-nớp sợ, nay thật đã giải-quyết xong rồi. Nhưng bề ngoài thì thế, còn cái ám-mạc ở trong thế nào ?*

Ý có phải ưa gì Roumanie *mà thừa-nhận cho* Roumanie *đâu ; xem chừng ra thì Ý với Anh gần đây có ý thông lưng với nhau, mà Ý đối với Nga thì cũng chẳng ưa chi mà cũng chẳng ghét chi. Mới đây Anh có xô-xát với Nga, hai bên đến tuyệt-giao với nhau. Có người nói Ý là một nước có lợi-hại to ở bán-đảo* Balkans, *thường vẫn muốn nhất-nhất can-thiệp vào mọi việc các nước trong bán-đảo ấy, để mãi đến nay mới chịu thừa-nhận cho* Roumanie *được sáp-nhập đất* Bessarabie *của Nga, quyết không phải là có vị gì* Roumanie *đâu, chính là vị bạn là nước Anh mà muốn chọc tức Nga chơi vậy. Dù thế nào mặc lòng, Nga được tin Ý đã duyệt-y điều-ước và thừa-nhận cho* Roumanie *rồi, thì tức giận lắm, liền gửi quốc-thư kháng-nghị chính-phủ Ý, nhưng xem chừng cũng vô-bổ vậy.*

Nước Ý tương-lai vẫn không bỏ một dịp nào mà không can-thiệp đến các nước trong bán-đảo Balkans. *Xem ngay việc điều-ước* Irana *thì đủ biết. Lại xem việc bộ ngoại-giao Ý hết sức vận-động ở* Londres, *ở* Berlin, *ở* Paris *để tố-cáo rằng nước* Yougo-Slavie *mưu xâm-chiếm nước* Albanie, *và định gây cách-mệnh để hại đến quyền-lợi của nước Ý ở đấy, thế cũng đủ biết Ý thật là dụng-tâm lắm. Nước* Yougo-Slavie *đã tuyên-bố rằng vốn không có ý gây việc chiến-tranh, duy xứ* Albanie *là xứ người dân hỗn-tạp, sự bạo-động có thể xẩy ra lúc nào không biết, cho nên bất-cứ nước nào có quyền-lợi ở đấy, phải phòng-bị ít nhiều. Tin nước Ý tố-cáo ra đã làm kích-thích cả các bộ ngoại giao Âu-châu, sau xét ra mới biết là nước Ý đã vu-cáo cho to việc ra, có ít suýt ra nhiều, theo thói thường của nước ấy xưa nay. Tuy-nhiên Ý với* Yougo-Slavie *hai bên vẫn có điều xung-đột, phải giải-quyết cho xong. Cái thế-lực địa-vị của nước Ý ở biển* Adriatique *chắc mỗi ngày một vững-vàng thêm lên. Thủ-tướng Ý* Mussolini *và thủ-tướng* Hongrie *là bá-tước* Bethlen *hai người sắp thương-thuyết với nhau định mở cho nước* Hongrie *một con đường giao-thông ra bể, nếu việc này xong thì thế-lực Ý đối với* Hongrie *lại càng mạnh thêm lên. Đất* Balkans *xưa nay vẫn là cái núi lửa chính-trị của Âu-châu. Bề ngoài vẫn là bình-tĩnh đó, mà chưa biết phun lửa ra lúc nào. Những người còn nhớ cái án* Serajevo, *hễ thấy ở* Balkans *hơi xẩy ra việc gì, là lấy làm lo-lắng lắm, cho nên việc xung-đột của nước Ý và nước* Yougo-Slavie, *Liệt-cường hết sức điều-đình cho xong. Trước đã nói đem ra Hội Vạn-quốc, nhưng sau thì hai nước thuận trực-tiếp điều-đình với nhau. Thế là tránh được một cái hiểm-tượng chiến-tranh ở vùng* Balkans *vậy.*

Nói về việc Hòa-lan. — *Năm* 1925 *nước Hòa-lan và nước Tỉ có ký một cái thương-ước để định việc giao-dịch hai nước với nhau ở miền sông* Escaut *và miền sông* Rhin. *Thương-ước ấy nay nước Hòa-lan nhất-định không duyệt y. Tuy việc không có quan-hệ gì về đường quân-sự, nhưng cũng là việc hệ-trọng, vì sự giao-thông buôn bán hai nước với nhau bị đình-đốn hết cả.*

Việc nước Tàu. — Tình-hình Á-đông vẫn bối-rối. Nay thuật lại rõ những việc xẩy ra ở nước Tàu trong khoảng tháng ba tây. Kể từ tháng hai đã thấy nguy-hiểm, cứ nơm-nớp chưa biết quyết-liệt thế nào. Trong tháng ba thì có việc quân Nam-phương lấy Thượng-hải, và việc biến xẩy ra ở Nam-kinh. Nhân đây nên nói qua một câu về các tin điện-báo của các báo tây in về việc Tàu. Phần nhiều các tin ấy là của các sở điện-báo nước Anh phát ra, thường có ý thiên-vị nước Anh, hay gây ra những cái phong-trào dư-luận tốt cho nước Anh, và ngăn-trở những dư luận không lợi cho Anh. Thành ra tin-tức

nhiều khi sai lầm thiên-lệch và có khi lại trái hẳn với sự thực. Xem những tin-tức ấy thì hình như cái chủ-ý của các báo Anh là chỉ muốn thúc giục cho chính-phủ Anh mau mau can-thiệp vào việc nước Tầu, và lại muốn cổ-động cho các liệt-cường khác, nhất là Pháp, Mĩ, Nhật cũng cùng với Anh mà hiệp-lực can-thiệp vào cho mạnh thế. Các báo Pháp nhiều khi không biết phân-biệt, tin truyền ra thế nào cứ thế mà in vào bài, thành ra vô-tình mà cũng giúp gây ra một cái không-khí khủng-hoảng về việc Tàu, thật là trái với sự thực. — Việc Nam-quân lấy Thượng-hải thì cũng không thiệt-hại gì cho người Âu-châu. Những việc rối loạn xẩy ra là người Tàu đối với nhau ở trong thành-phố Tàu mà thôi, chứ bên tô-giới của các nước vẫn yên-ổn cả, cả tô-giới Pháp, cả tô-giới Vạn-quốc, quân Tàu không hề xâm-phạm sang bao giờ, Liệt-cường đã đặt lục-quân hải-quân nhiều, để phòng-bị rất cẩn-mật. — Duy ở Nam-kinh thời tuyệt-nhiên không có phòng-bị gì. Nước Pháp ở đấy cũng không có một viên lĩnh-sự để đại-biểu nữa. Bởi thế nên quân Nam tiến vào xẩy ra nhiều sự tai-hại lắm ; mấy người kiều-dân ngoại-quốc bị đánh đập đau, hai ông cố JÉSUITES bị giết, lãnh-sự Anh bị thương rồi sau chết ; các tòa lãnh-sự của Anh, của Nhật, của Mĩ đều bị tàn-phá hết ; sau các tầu chiến của Liệt-cường đóng ở trong Dương-tử-giang bắn vào thành Nam-kinh, bấy giờ trong thành mới yên. Những kiều-dân ngoại-quốc khó lòng mới trốn được thoát thân. Quân Nam-phương chối rằng những sự tàn-phá đó không phải quân Nam-phương tự mình gây ra, nhưng nếu không phải quân Nam-phương làm bậy thì cũng là dung-thứ cho bọn quá-khích làm bậy. Chính ngay ở Thượng-hải, bọn cộng-sản cũng chỉ chực tác-ác. Tuy-nhiên chưa xẩy ra chuyện gì tai-hại cả.— Trong khi ấy thời chính-phủ Nam-phương tức là chính-phủ của Trần Hữu-Nhân dời tỉnh-thành Quảng-đông lên đóng ở Hán-khẩu ; Trần hứa với Liệt-cường sẽ ra sức bảo-hộ sinh-mệnh tài-sản của người ngoại-quốc. Lời hứa ấy tới nay vẫn giữ được.

Cuối tháng ba tây thì cái tình-hình bên Tàu đại-khái như sau này : phía bắc thì Trương Tác-Lâm cũng chưa biết mạnh-yếu thực hư thế nào, sắp phải ra chống với quân Nam-phương về mặt Bắc-kinh ; hiện nay ở Thiên-tân tình-thế người ngoại-quốc cũng đương bấp-bông lắm, ở miền Dương-tử-giang và Hán-khẩu thì Trần Hữu-Nhân chủ-trương mọi việc, nhưng ngay tự tháng ba Trần Hữu-Nhân và Tưởng Giới-Thạch coi quân ở Thượng-hải và Nam-kinh hai người đã có ý bất-bình nhau, chắc không khỏi đến xung-đột được. Tưởng Giới-Thạch muốn giữ lấy Thượng-hải một mình, vì Thượng-hải là chỗ trọng-yếu đệ-nhất ; bởi thế nên định đoạn-tuyệt quan-hệ với phe cộng-sản ở Quảng-đông và tự-do hành-động một mình. Hồi đầu Trần Hữu-Nhân cũng muốn lên Thượng-hải, nhưng Tưởng thông tin cho biết rằng không cần phải lên ; hai người bất-bình nhau từ đấy. Ở phía Nam thì hầu hết cả các tỉnh là thuộc quyền chính-phủ Quảng-đông cả. — Về mặt Liệt-cường thì nước Anh vẫn cho đem quân sang Hương-cảng, Thượng-hải và miền Dương-tử-giang ; Mĩ và Nhật cũng cho đem sang ít nhiều quân và tầu chiến, nhưng mà không thấm vào đâu với Anh. Người Anh đã có một hồi muốn dụng binh, mong có người Mĩ hiệp-lực với để đánh Nam-kinh, rồi nhân đó xuống đánh Quảng-đông, là nơi trung-tâm của đảng cách-mệnh Tàu. Dùng cách đó có lẽ cũng có ảnh-hưởng một đôi chút ; nhưng mà sợ kết-quả đến lại làm cho tăng cái lòng ác-cảm của dân-chúng Tàu

đối với người ngoại-quốc, mà số người ngoại-quốc ở rải-rác khắp nước Tàu ngày nay cũng còn nhiều lắm. Bởi vậy nên nước Anh thôi không định dụng-binh nữa. Nhưng mà Anh mấy tháng nay vẫn cứ gửi quân sang Tàu luôn. Cái thâm-ý của người Anh là thế nào? Vẫn biết rằng lợi-quyền của Anh ở Tàu to lắm cần phải có binh-lực mạnh mới bảo-hộ được. Nhưng đoán ra thời cái ý của Anh là muốn dùng võ-lực để giải-quyết việc Tàu, còn do-dự là chỉ vì chưa chắc Liệt-cường có theo mình không. Anh biết rằng việc Tàu ngày nay phần nhiều là gây ra tự đảng Cộng-sản Nga, đảng này chủ-ý nhất là hại Anh, cho nên chỗ nào Anh có quyền-lợi là đảng này cũng vận-động cho người bản-dân nổi lên phản-đối, ở Ấn-độ cũng vậy, Tàu cũng vậy. Bởi thế Anh quyết-chí trị cho bọn Cộng-sản một phen, và trị bọn Cộng-sản Tàu tức là trị bọn Cộng-sản Nga vậy. Nhưng nước Tàu là một nước 400.000.000 người, không phải cả nước theo Cộng-sản, nay gây chiến-tranh với Tàu, tức là gây chiến-tranh với cả 400.000.000 người, dẫu đánh được nữa, nhưng cái lòng công-phẫn của cả một dân-tộc lớn như thế cũng đáng ghê và đáng sợ vậy. Vả lại Anh làm việc đó muốn kèm cả các nước vào với mình cho mạnh thế hơn, nhưng các nước thời phân-vân, mỗi nước có một ý riêng, không nước nào hợp với nước nào; về phần nước Mĩ thì đã công-nhiên tuyên-bố rằng không can-thiệp vào việc Tàu và không muốn kết-liên với nước nào cả. Bởi thế nên Anh hiện nay quân-lực ở Tàu đã nhiều lắm mà vẫn không thấy động gì cả.

Sau này thuật việc Tầu gần đây theo các tin-tức trong báo Tàu và các điện-tín hàng ngày.

Nước Tàu từ khi Nam-phương chia ra làm hai chính-phủ, phái quá-khích chiếm giữ Hán-khẩu, thì Bắc-quân có ý đến tranh. Nhưng có tin rằng trong ngày 21 tháng 5 Nam-quân lại tranh giữ được Hán-khẩu.

Đảng cộng-sản ở Hán-khẩu thì có Từ Khiêm, Đặng Diễn-Đạt làm đầu, mà lại có người Nga là BORODINE làm cố-vấn rất là có thế-lực.

Ít lâu nay chính-phủ Vũ-Hán đối với sự hành-động của đảng cộng-sản đã nghiêm ra hạn-chế. Hiện về nền tài-chính của chính-phủ ấy rất là khốn-nạn, nếu không ước-thúc bớt cái thủ-đoạn quá-khích, thì khó lòng mong vãn-cứu được cái lòng tín-dụng đã mất.

Gần đây vì ba tỉnh là Hồ-bắc, Hồ-nam, Giang-tây đang bị đảng cộng-sản quấy rối, nên Tưởng Giới-Thạch đã tuyên-ngôn quyết thủ-tiêu chính-phủ Vũ-Hán, phân phát các đạo quân Hồ-nam, Tứ-xuyên, Quảng-tây và Quảng-đông đều tiến lên đánh đảng cộng-sản.

Có tin rằng chính-phủ Hán-khẩu đã bãi chức cao-đẳng cố-vấn của BORODINE và đuổi ra khỏi địa-hạt Tưởng Giới-Thạch lại nghiêm lệnh cho các sở quân-cảnh các nơi phải ra sức nã-tróc bọn Tôn Khoa, Đặng Diễn-Đạt, Trần Độc-Tú, Từ Khiêm và BORODINE. Tưởng nói bọn ấy làm nguy hại chính-phủ và quấy rối hậu-phương, mới rồi lại giao cả tô-giới cho người ngoại-quốc.

Chính-phủ Nam-kinh lại mới cử Phùng Ngọc-Tường làm tổng-tư-lệnh các quân cộng-sản. Nên người ta nói rằng đó là cái tang-chứng đảng quá-khích với đảng ôn-hòa vẫn liên-lạc với nhau. Vả lại không khi nào thấy quân Hán-khẩu xung-đột với quân Nam-kinh, thì hình như đôi bên vẫn dề-huề với nhau cả. Gần đây chính-phủ Vũ-Hán đã tình-nguyện xin đuổi hẳn BORODINE và tất cả các cố-vấn người Nga mà một lòng cùng Tưởng hợp-tác.

Tưởng với Phùng đã liên-lạc với nhau, mới đây Tưởng đã đến Hồ-châu hội-kiến với Phùng. Phùng đã tiến đóng đại-dinh ở Khai-phong-phủ (Hà-nam), đã ứng tiếp được với quân của Nam-kinh hiện đóng ở Từ-châu phủ.

Tàn-quân của Ngô Bội-Phu ở Lạc-dương đã bị vỡ, chạy về miền núi Tây-bộ Hà-nam.

Tàn-quân của Tôn Truyền-Phương đã bị vỡ lui về mặt bể dọc đường hỏa-xa Lũng-hữu.

Quân-đội của Trương Tôn-Xương thì lui về phía Tế-nam-phủ. Thế thì Bắc-quân của Trương Tác-Lâm đã mất hết cả đường hỏa-xa Lũng-hải. Trương Học-Lương chỉ-huy hữu-dực Bắc-quân ở trên đường hỏa-xa Bắc-kinh Hán-khẩu, cũng bị đốc-quân Sơn-tây là Diêm Tích-Sơn ngăn-trở phải lui. Vì Diêm Tích-Sơn chưa định theo bên nào.

Kế-hoạch bắc-phạt kỳ thứ tư của Nam-quân đã định cho đạo thứ nhất sẽ từ Hải-châu đến Thanh-đảo ; đạo thứ hai từ Túc-thiên đến Từ-châu; đạo thứ ba từ Từ-châu đến Tế-nam. Tưởng Giới-Thạch sẽ lên tọa-trấn tại Từ-châu để đốc-chiến.

Bắc-kinh hiện bị ba mặt quân đánh đến nơi: quân Hán-khẩu do Đặng Diễn-Đạt, Quân Thiểm-tây do Phùng Ngọc-Tường, và quân Nam-kinh do Tưởng Giới-Thạch chỉ huy.

Cuộc tổng công-kích của quân Phụng-thiên thua to, đã chạy lui về Hứa-xương, Phùng đã chiếm được Lư-giang và Lạc-dương.

Đốc-quân Sơn-tây là Diêm Tích-Sơn chợt đổi hẳn thái-độ, đem binh đến Nương-tử-quan. Trương Tác-Lâm đã phải bỏ Hà-nam mà hạ-lệnh kéo quân lui qua sông Hoàng-hà, để giữ mé Bắc-ngạn.

Trận-tuyến Bắc-kinh, Từ-châu, Trịnh-châu của quân Phụng đã bị phá tán.

Bắc-quân ở hai đường Tân-phố và Kinh-hán đều bị thất-lợi hết cả, nên đã quyết dời đại-bản-doanh đến Thiên-tân.

Trương Tôn-Xương bị thua đã kéo quân về đóng ở Duyện-châu, định hết sức giữ lấy trận-tuyến Tế-nam, Hoàng-hà, nếu thất-bại nữa thì phải kéo ra Sơn-hải-quan.

Tuy có người khuyên Trương nên lui quân ra hẳn ngoài Vạn-lý trường-thành, nhưng Trương định quyết giữ lấy Thiên-tân và Bắc-kinh, thiên đại-bản-dinh của quân Hà-nam đến Bảo-định-phủ.

Đường hỏa-xa Tân-phố do quân Tôn Truyền-Phương giữ cũng bị thua, Bắc-quân phải lui về Bắc-kinh, theo dọc hai con đường hỏa-xa Kinh-hán và Tân-phố.

Đạo quân quốc-dân do hai tướng Lý Tôn-Nhân và Mẫn Trọng-Khiêm đốc-suất đã đánh lấy được thành Tế-ninh vào khoảng giữa tỉnh Sơn-đông.

An-quốc-quân có triệu-tập các quân quan cao-cấp, cử Ngô Tuấn-Thăng làm toàn-quân tổng-tư-lệnh để quyết-chiến một trận sau cùng.

Diêm Tích-Sơn có sai đại-biểu là Lý Khánh-Phương tỏ ý rằng Diêm đã công-nhận chủ-nghĩa « Tam-dân » của Tôn Trung-sơn là cái phương-pháp rất khẩn-yếu để giải-quyết thời-cục, khuyên-giải Phụng-thiên nên phục-tòng. Tướng-tá Phụng-thiên là bọn Dương Vũ-Đình, Trương Học-Lương, Hàn Tân-Xuân đều tỏ ý tán-thành.

Trương Tác-Lâm được tin Diêm Tích-Sơn đã nhận chức Bắc-lộ cách-mệnh-quân tổng-tư-lệnh của chính-phủ Quốc-dân sẽ chia quân làm hai

đạo tiến vào đánh Bắc-kinh, Trương lấy làm sợ hãi, vội cử đại-biểu đến Sơn-tây để cầu giảng-hòa, nếu cuộc hòa không thành, Trương sẽ quyết bỏ Bắc-kinh đem toàn-quân ra Sơn-hải-quan. Vì Bắc-quân bị thua luôn, nên ở Bắc-kinh nhân-tâm đã lo sợ nháo nhác. Trương đã hạ lệnh lấy bốn sư-đoàn và hai lữ-đoàn ở hai tỉnh Cát-lâm và Hắc-long-giang lập-tức vào cửa quan để trợ-chiến.

Cái tình-tệ Bắc-quân sở-dĩ thua là vì quan cao-cấp cứ khấu bớt quân lương để làm giàu; còn các quân-quan hạ-cấp và quân lính chỉ chuyên việc cướp bóc của dân để kiếm lợi, kẻ trên người dưới đều muốn thoát-ly quân-linh, không ai có chí chiến-đấu cả.

Cả hai bộ quân của Trương Tôn-Xương và Tôn Truyền-Phương còn độ hai ba vạn người nữa thôi.

Chẳng mấy ngày nữa Nam-quân sẽ tiến đến Nam-ngạn sông Hoàng-hà, cùng quân Diêm Tích-Sơn và quân Phùng Ngọc-Tường cùng họp.

Đội tiên-phong của Nam-quân đã vượt qua Lâm-thành, chia ba đường tiến đánh Sơn-đông, Tế-nam, Thanh-đảo đã náo-động. Trương Tôn-Xương sắp rút quân lui về Thiên-tân. Tưởng Giới Thạch sẽ đến Từ-châu chỉ-huy quân-sự.

Nam-quân đánh vào Sơn-đông và đã định kỳ vào Bắc-kinh. Nhưng phái Vũ-Hán là bọn Uông Tinh Vệ, Tôn Khoa, Đàm Diên-Khải, đều đến Trịnh-châu cùng Đường Sinh-Trí, Phùng Ngọc-Tường mở cuộc hội-nghị, bàn định kế-hoạch Bắc-phạt và quyết rằng chỉ trong hai tháng sẽ vào lấy Bắc-kinh trước Tưởng Giới-Thạch.

Có tin rằng nội-tình An-quốc-quân nghe chiều muốn biến-động. Bọn Dương Vũ-Đình, Ngô Tuấn-Thăng, Trương-Tác-Tướng, Thang Ngọc-Lân sẽ cùng nhau điện cho Trương cưỡng-bách phải lập-tức giao trả binh-quyền từ chức về nghỉ.

Trương Tác-Lâm có phái viên tham-mưu là Cát Mậu-Như đến Giang-ninh yết-kiến Tưởng Giới-Thạch, thuật ý-kiến của phái Phụng-thiên nghĩ định liên-hợp cả ba phái Phụng-thiên, Sơn-tây và Nam-kinh cùng nhau đánh đảng cộng-sản, thì Trương thôi không nói gì đến chính-trị nữa.

Trương Tác-Lâm tự cử mình làm chức tổng tư-lệnh lục-quân và thủy-quân, sau khi đã nhận chức thì Trương sẽ lập một tòa Nội-các trung-thành với Trương. Trương lại có tiếp ngoại-giao-đoàn, bày tỏ mọi lẽ làm sao Trương phải lập một tòa nội-các do Trương kiểm-soát, và do Phan Phục giữ chức tổng-lý, và mọi lẽ cần phải thống-nhất binh-quyền và thống-nhất việc chính-trị.

Trương muốn thêm « dân-đức » nữa cho thành *Tứ-dân chủ-nghĩa*, mà đem chủ-nghĩa ấy để trị Trung-hoa.

Có một tờ báo Nhật bình-phẩm rằng: « Cái sinh-mệnh về chính-trị của Trương Tác-Lâm đã hãm vào cái nguy-cảnh rồi. Quách Sùng-Linh thứ hai sẽ là Dương Vũ-Đình, nhưng Dương không theo lối phản Trương như Quách Sùng-Linh đâu, có lẽ Dương sẽ dùng cái phương-pháp rất khôn khéo mà đánh đổ Trương. »

Chính-phủ Nhật-bản thấy Nam-quân đã đánh đến Sơn-đông, Bắc-quân đã nguy-cấp, nên người Nhật đã quyết-định lần thứ nhất sẽ đem 2000 quân đến Thanh-đảo và Tế-nam, lần thứ hai đem 1000 quân đến Bắc-kinh và Thiên-tân. Các giới ở Thượng-hải thấy vậy đều nổi lên phản-đối rất kịch-liệt. Ngũ Triều-Khu là ngoại-giao-bộ-trưởng chính-phủ Nam-kinh nói rằng nước

Nhật đem binh sang chỉ lại thêm gợi cái lòng ác-cảm của quốc-dân Trung-hoa đối với ngoài, đã hay là vì bảo-hộ kiều-dân, nhưng kết-quả thì lại trái hẳn, nên phải kháng-nghị về việc ấy.

Dương Vũ-Đình có đến hỏi công-sứ Nhật là Phương-trạch về việc Nhật-bản xuất binh là mục-đích thế nào.

Người các giới Trung-hoa có họp đại-hội phản-đối về việc người Nhật đem quân đến Sơn-đông, có quyết-nghị mấy điều: Điều thứ nhất quốc-dân tuyệt-giao về đường kinh-tế ; điều thứ hai sẽ đình-chỉ việc hợp-tác với Nhật-bản, phong-tỏa các cửa bể, không cho hàng-hóa Nhật được đem vào ; xin Chính-phủ quốc-dân tuyệt-giao với nước Nhật, và gửi điện cảnh-cáo Chính-phủ Nhật và trung-cáo dân-chúng nước Nhật.

Nước Mĩ cũng đem một đại-đội thủy-binh sang Tàu hiện đóng ở Thanh-đảo, lại có một vạn bảy nghìn thủy-binh Mĩ hiện ở Phi-luật-tân cũng dự-bị đến đóng ở Trung-hoa để hiệp-lực phòng-thủ.

Các nước có tô-giới ở Tàu vì muốn phòng-thủ sinh-mệnh và tài-sản cho kiều-dân trong khi ở Bắc-kinh có sự chiến-tranh, thì đã quyết định tăng binh phòng-thủ ở các tô-giới, và cấm người Trung-hoa không được vào ở đó để phòng chỗ cho đủ dung các kiều-dân.

Tin Vân-nam — Vân-nam từ khi Đường Kế-Nghiêu mất, thì thời-cục có thay đổi, đã lập ra chính-phủ ủy-viên-hội, Hồ Nhược-Ngu đứng đầu. Ngày 14 tháng 6 mới rồi có sẩy ra một cuộc chính-biến là tướng Hồ Nhược-Ngu đem quân đánh úp tướng Long-Vân. Long đã bị bắt và bị bách phải thoái-chức. Tướng Hồ và các quan ủy-viên-hội có bá-cáo cho nhân-dân biết rằng theo như lệnh bí-mật của đảng quốc-dân thì đã đánh tướng Long-Vân là cừu-địch của công cuộc cách-mệnh, nay đã yên rồi. Tướng Long-Vân hiện còn bị giữ ở dinh ủy-viên. Vì còn mấy liên-đội trước về quyền tướng Long-Vân, mà hiện nay còn đóng ở các nơi chung quanh Vân-nam-phủ và dọc đường hỏa xa, chưa quyết-định ra làm sao. Liên đội thứ 15 đóng ở Á-mi-châu cũng chưa đầu hàng. Một liên-đội nữa đóng ở Lục-phong cách Vân-nam hai ngày đường cũng chưa quyết định ra sao. Lại còn một liên-đội do tướng Mông chỉ-huy cũng lui vào rừng chưa chịu ra hàng. Nếu các liên-đội ấy kết hợp với nhau, và lại liên-thông với các toán cướp ở các nơi, thì tình-thế chính-phủ ủy-viên cũng có phần nguy-cấp. Vì vậy chính-phủ ủy-viên phải lưu tướng Long-Vân tại Vân-nam-phủ chưa cho thoát khỏi ra ngoài. Xem thế thì Vân-nam chưa chắc đã yên tĩnh được.

Việc Anh và Nga. — *Như trên kia đã nói thì Anh cũng mắc bận về việc Tàu lắm. Việc Tàu đối với nước Anh tức cũng là một tấn trong cuộc cạnh-tranh Anh với Nga đã bao lâu nay. Vì nước Nga cách-mệnh ngày nay vẫn giữ cái chánh-sách ngoại-giao như nước Nga quân-chủ khi xưa. Về mặt bể* Baltique *thì Nga vẫn hết sức vận-động cho các châu-quận ở bờ bể ấy phân lìa với nước Ba-lan, tức là vẫn theo cái chính-sách cổ-lai của các Nga-hoàng tự thế-kỷ thứ* 17 *đến giờ, hồi xưa cũng là chống với nước Ba-lan và cả nước Thụy-điển nữa* (Suède)*; về mặt tây-nam thì Nga mất đất* Bessarabie *sáp-nhập vào đất* Roumanie *cũng lấy làm đau lắm ; ở Á-châu thì Nga vẫn giữ cái chính-sách xâm-lược thi-hành tự thế-kỷ thứ* 19 *đến giờ, chỉ thay hình đổi dạng đi cho hợp với cơ-hội mới ngày nay mà thôi. Đối với cái chính-sách của Nga đó thời tự xưa đến nay nước Anh vẫn hết sức chống lại. Hoặc-giả nói rằng những chủ-nghĩa cộng-sản, chủ-nghĩa quá-khích, chẳng qua là những truyện bề ngoài cả, thực ra là một cuộc đánh vật nhau của hai dân-tộc Anh và Nga,*

mà cuộc này bắt đầu đã từ trăm năm nay rồi, chứ không phải mới từ bây giờ. Tuy-nhiên cái độc cộng-sản của Nga truyền-bá sang cũng ví như một bệnh dịch đáng ghê, những dân-tộc nào trình-độ học-thức còn kém thì hay dễ mắc lắm. Hiện nay Anh với Nga đã công-nhiên tuyệt-giao rồi chưa biết sau này quyết-liệt ra thế nào.

Việc nước Pháp. — *Nghị-viện Pháp mới quyết-nghị về đại-luật về sự động-binh toàn-quốc trong khi chiến-tranh. Nghị-viện lại chuẩn-y cho chính-phủ trừ một khoản 10.000,000 bạc (dollars) trả nước Mĩ về tiền nợ chiến-tranh; việc này có thảo-luận lâu, tưởng rằng không xong, nhưng sau Nghị-viện cũng bỏ vé tín-dụng, nghĩa là cho phép chính-phủ cứ việc mà làm. Về đường ngoại-giao thì ở Âu-châu cũng như ở Á-châu, chính-phủ Pháp vẫn giữ một cái thái-độ rất thận-trọng, không hề khinh-suất việc gì. Nói tóm lại thì tình-hình trong nước tốt cả, không phải rằng các đảng đã bằng lòng cả đâu, và đảng nào cũng ưng cái chính-sách của chính-phủ đâu. Nhưng mà trong dân-gian ai ai cũng hiểu rằng chính-sách đó là cần. Vả lại Nghị-viện Pháp ngày nay chỉ chăm nhất có một điều, là vấn-đề sửa đổi lại cách bầu-cử, các ông nghị chỉ băn-khoăn xem sửa đổi ra thế nào cho biết kỳ tổng-tuyển-cử sang năm mình có lẽ được tái-bầu hay không. Đại-để quốc-dân Pháp vẫn có lòng tin ông Thủ-tướng* POINCARÉ *lắm. Ông đã chỉnh-đốn tài-chính trong nước cho khỏi cái bước nguy mấy tháng trước, ông thật có công to lắm. cho nên quốc-dân cũng biết công và biết ơn ông lắm.*

Việc trong nước

Tình-hình chính-trị — *Quan Toàn-quyền* VARENNE *vẫn còn ở Hà-nội, chừng đến cuối tháng bảy tây mới về Sài-gòn và nghe đâu hội-đồng chính-phủ năm nay sẽ họp vào cuối tháng tám hay đầu tháng chín ở Sài-gòn — Quan phó Toàn-quyền* MONGUILLOT *mới ở Tây sang lại vẫn giữ chức cũ. Ông* LAVIT *quyền-lĩnh chức phó Toàn-quyền trong khi ông* MONGUILLOT *về Tây thì nay lại về làm chức chánh sở Tài-chính như cũ; còn ông* THOLANCE *quyền chức chánh Tài-chính thì đổi đi Công-sứ Thanh-hóa.*

Kỳ trước có nói bên bộ có phái quan sáu CLAUDEL *là thanh-tra các quân thuộc-địa và ông* GOURDON *là nguyên học-chánh tổng-trưởng ở bên này sang đây để tra xét về việc binh và việc học. — Ông* GOURDON *hiện đương khảo-sát về cách sắp đặt trường học bên này, hỏi-han ý-kiến mọi người để thảo một cái chương-trình cải-cách đệ-trình về bộ. Theo ý ông thời cái cách giáo-dục hiện nay là sai lầm, khiến cho người An-Nam mất cả cái bản-lĩnh cũ mà chưa chắc đã hiểu được cái văn hóa mới cho đến nơi, thành ra một hạng người dở-dang, người hay thì không trổ được hết cái tài hay ra, mà người dở là số nhiều thì chỉ đủ dùng cái học mập-mờ đó mà làm xằng làm bậy mà thôi. Lời phán-đoán ấy cũng có ý nghiêm-khắc, nhưng tưởng không sai với sự thực mấy. Ý-kiến ông* GOURDON *cũng giống với ý-kiến nhiều người An-Nam ta thường lo nghĩ đến cách giáo-dục của con em trong nước. — Quan sáu* CLAUDEL *thì đang đi khám xét các trại lính và miền biên thùy Bắc-kỳ. Nhân quan sáu sang đây quan Toàn-quyền có họp hội-đồng quân-phòng* (conseil de défense) *để bàn định các cách phòng-bị bên này. Hội-đồng toàn là các quan võ cả, họp suốt một ngày mới giải-tán.*

Ở Bắc-kỳ thì cụ Lương Văn-Can mới mất ngày 12 tháng sáu tây, thọ ngoại 80

tuổi. Cụ cử Can là một nhà chí-sĩ, quốc-dân cũng biết tiếng. Cụ là người chủ-trương ra hội Đông-kinh nghĩa-thục năm xưa, vì Chính-phủ cho là can quốc-sự nên bắt cụ đi biệt-xứ ở Cao-miên, mãi mấy năm nay mới được về. Cụ có ba người con trai cũng chết về quốc-sự cả. Từ khi cụ ở Cao-miên về, tuy tuổi đã già, sức đã yếu, mà tinh-thần hãy còn minh-mẫn lắm, vẫn thường đọc sách, làm sách luôn, không lúc nào nghỉ. Cụ rất nhiệt-thành về sự dùng chữ quốc-ngữ để dạy học. Ngay khi mới về, cụ đã viết thư biểu đồng-tình với bản-chí về việc cổ-động xin chính-phủ cho dạy chữ quốc-ngữ ở các trường tiểu-học. Nay cụ mất đi thật là mất một bậc lão-thành, một người giàu lòng ái-quốc và đã từng tiêu biểu cho cái tư-tưởng quốc-gia trong khoảng hai ba mươi năm nay vậy.

Nhân cụ mất có một phái muốn tụ-họp đông để làm lễ truy-điệu cụ. Chính-phủ cho là có can-thiệp về chính-trị, hạ lệnh cấm tụ-tập trong thành-phố, nhưng ngày chủ-nhật 19 *tháng* 6 *thiên-hạ kéo xuống nghĩa-địa Hội Hợp thiện là chỗ chôn cụ đông lắm, lính canh không cho vào, sau hai bên có xô-xát nhau một chút, bị thương mất mấy người, bị bắt cũng mất mấy người, những người bị bắt đều phải án nặng cả. — Nghe đâu ở Nam-kỳ cũng muốn hưởng-ứng ngoài này mà làm lễ truy-điệu ngày chủ-nhật* 26 *tháng* 6, *nhưng chính-phủ trong ấy cũng có lệnh cấm, và mấy ông chủ-trương toàn là người Bắc và người Trung-kỳ vào viết báo ở trong ấy, đều phải bị phát-hồi về bản-xứ.*

Ở Nam-kỳ thời mấy ông cổ-động họp « mê-tinh » mấy lần trước đã bị cấm và bị bắt, gần đây lại muốn họp nữa, nhưng có lệnh cấm lại phải thôi.

Ở Trung-kỳ bình-tĩnh lắm, không có chuyện gì cả.

Giới-thiệu sách mới

— 1°/ Bouault. — *Géographie de l'Indochine.* — 1re *fascicule : Le Tonkin, par J. Bouault et C. Lataste. En vente à l'I. D. E. O. Prix du fascicule* 0p.75.

— 2°/ Kinh Địa-tạng *của ông Thanh-quán thượng-nhân dịch ra quốc-ngữ. In và bán tại Đông-kinh-ấn-quán, giá* 0 p.25 *một quyển, gửi đi xa thêm* 0p.16 *tiền cước.*

— 3°/ Lục-Vân-Tiên. *Poème annamite de Nguyễn Đình-Chiểu traduit en français par Nghiêm Liễn. — Sách này là bản dịch truyện Lục-Vân-Tiên ra tiếng Pháp, một bên quốc-ngữ, một bên chữ tây, đối-chiếu nhau, lại có so-sánh với các bản dịch trước và chú-dẫn nhiều. Sách giấy* 320 *trang. In và bán ở hiệu Lê Văn-Tân, giá mỗi quyển* 1p,50.

Nam-Phong Tùng-thư

Nam-Phong Tùng-Thư *đã xuất-bản quyển thứ nhất đề là* Văn-minh-luận *khảo-xét về tính-cách văn-minh đời nay. Quyển thứ nhì* : Ba tháng ở Paris, *sắp xuất-bản.*

Phần đặc-sắc của bộ Nam-Phong Tùng-Thư *này là cuối mỗi quyển có mấy chục trang Tự-vựng bằng quốc-ngữ, chữ Pháp, chữ nho, thích nghĩa rõ về các danh-từ mới. — Ngài nào mua từ quyển đầu, sau này họp các phần « tự-vựng » lại, sẽ thành một quyển « Hán-Pháp-Việt tự-điển » có giá-trị.*

Mỗi quyển giá 0p.40 *bán ở Đông-kinh-ấn-quán Hà-nội.*

Tiền cước gửi về các nơi xa : một quyển 0p.16, 2 *quyển* 0p.22, *và sau cứ thêm mỗi quyển là* 0p,06. *Bán buôn có trừ hoa-hồng.*